

TRẦN HÀ ANH

LỐI VỀ QUÊ MẸ

Hồi ký



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

TRẦN HÀ ANH *

LỖI VỀ QUÊ MẸ

Hồi ký

* Kỹ sư Trường Polytechnique (X59), TsKH Vật lý (Đại học Paris XI - 1969); Nguyên Viện trưởng Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt; Đại biểu Quốc hội Khoá IX và Khoá X; Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường (QH Khoá X).

MỤC LỤC

Lời Giới thiệu	4
Lời Mở đầu	5
Chương I – Thời niên thiếu	7
Chương II – Thời du học	28
Chương III – Chuẩn bị vào đời	73
Chương IV – Lập gia đình	99
Chương V – Làm việc ở Pháp	125
Chương VI – Trở về Quê hương	145
Chương VII – Làm việc trong lĩnh vực Nghiên cứu Hạt nhân	174
Chương VIII – Làm Đại biểu nhân dân	209
Chương IX – Thời gian sau nghỉ hưu	240
Lời Kết	276
Lời Cảm ơn	298

Kính tặng
Hương hồn Song thân

Mến tặng
Các Thân hữu,
Các Đồng nghiệp,
Bà con họ hàng, Anh chị em, Con cháu



Hình chụp năm 2012 do Nghệ sĩ nhiếp ảnh Nguyễn Á

Lời giới thiệu

TSKH Trần Hà Anh – Nhà khoa học, chuyên gia về an toàn hạt nhân, Đại biểu Quốc hội, nhiệt huyết, khiêm nhường và kín tiếng. Nhận tập Hồi ký “Lối về quê mẹ” của ông, tôi rất ngạc nhiên bởi “tảng băng chìm” mới lộ, hấp dẫn về thân thế, sự nghiệp của ông. Càng đọc, càng thích thú bởi lối kể chuyện dung dị, hấp dẫn, giàu chất thơ về cuộc đời ông, cuốn hút người xem từ đầu đến cuối.

Ông chia sẻ: “Quyển sách được viết để làm quà cho con cháu và anh em, bạn hữu, là những độc giả đa dạng. Vì vậy, tôi cố gắng trình bày mọi việc một cách dễ hiểu nhất có thể”. Là người cẩn trọng, ông đã dành nhiều năm để chuẩn bị và viết cuốn Hồi ký này. Tự viết và trình bày bản thảo, ông nhờ một số người thân, đồng nghiệp đọc, góp ý, rồi tự mình hoàn thiện. Hồi ký gồm 9 chương, 63 ảnh chọn lọc, phản ánh các sự kiện quan trọng nhất của đời ông. Đọc “Lối về quê mẹ” chúng ta có cái nhìn toàn diện hơn về ông, một trí thức Việt kiều, luôn vượt khó vươn lên, giàu lòng yêu quê hương đất nước, nghĩa tình, trung thực, dám hy sinh quyền lợi riêng tư vì sự phồn vinh của dân tộc. Ông là tấm gương sáng, là niềm tự hào của gia đình, người thân và bạn hữu. Ở tuổi 84, lẽ ra ông có thể nghỉ ngơi vui thú điền viên cùng con cháu, nhưng ông vẫn cần mẫn, đam mê sưu tầm, nghiên cứu khoa học để hợp tác với các nhà khoa học trong và ngoài nước và gửi đến các Cơ quan thẩm quyền, mong tiếp tục giúp ích cho đời...

TSKH Trần Hà Anh, cựu Viện trưởng Viện Nghiên cứu Hạt nhân Đà Lạt, cựu Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội là thế! Hồi ký “Lối về quê mẹ” là cuốn sách tổng kết cuộc đời ông. Xin trân trọng giới thiệu tập Hồi ký, do Nhà xuất bản Hội Nhà văn ấn hành, với quý vị trong và ngoài nước!

Đà Lạt, ngày 22/2/2022

Nhà báo Hà Hữu Nết

*Chủ tịch Hội Văn học Nghệ thuật Lâm Đồng
Phó Tổng Biên tập Phụ trách Tạp chí Lang Bian*

Lời Mở đầu

Khi viết quyển sách này, tôi muốn ghi lại một số thông tin về cuộc đời mình để làm quà lưu niệm cho con cháu, anh em, bè bạn.

Tôi lấy quyết tâm và bắt tay vào việc khi tuổi đã gần 80. Ở tuổi này, tôi chỉ còn khả năng nhớ được những sự kiện lớn mà mình đã trải qua và quên nhiều về các chi tiết cụ thể. Vì vậy tuy muốn viết một quyển sách với những mẫu chuyện sinh động như một Truyện Ký để thuận lợi cho người đọc, nhưng tôi không thể làm như vậy được nữa. Tên quyển sách tôi chọn là “Lối về Quê mẹ”: thực ra đó là quyển hồi ký kể về cuộc đời của tôi.

Quyển sách được bố trí như sau: ngoài Lời Mở đầu và Lời Kết, sách gồm 9 chương, từ I đến IX, mỗi chương mang một chủ đề với khởi điểm thời gian riêng và được sắp xếp theo thứ tự của thời gian khởi điểm. Sau Lời Mở đầu, lần lượt là các chương: Thời niên thiếu, Thời du học, Chuẩn bị vào đời, Lập gia đình, Làm việc ở Pháp, Trở về Quê hương, Làm việc trong lĩnh vực Nghiên cứu Hạt nhân, Làm Đại biểu nhân dân và Thời kỳ sau nghỉ hưu. Với kết cấu như vậy, tôi hy vọng nội dung tổng quát của quyển hồi ký sẽ phản ánh được các sự kiện quan trọng nhất của đời tôi.

Quyển sách được viết để làm quà cho con cháu và anh em, bạn hữu, là những đối tượng đa dạng. Vì vậy, để phù hợp với mọi người, tôi phải cố gắng trình bày các nội dung một cách dễ hiểu nhất có thể. Tuy nhiên, đối với một số công việc mà tôi đã trải qua, tôi không thể không nhắc đến những kiến thức mang tính học thuật. Vì vậy tôi phải đưa thêm một vài *chú thích* để làm rõ hơn các khái niệm chuyên môn đó. Với cách làm này, tôi hy vọng người đọc có thể hiểu được đầy đủ hơn nội dung của các chương.

Qua việc thực hiện quyển hồi ký này, tôi có vài suy nghĩ xin được chia sẻ cùng bạn đọc. Sau khi bản thảo của quyển sách được tạm xem là viết xong, tôi đã nhờ một số anh em, bạn hữu đọc và góp ý

kiến giúp. Tuy bản thảo đầu tiên đó còn nhiều khuyết điểm về nội dung cũng như hình thức, nhưng nó vẫn được các bạn đọc hoan nghênh và khuyên tôi nên cho phát hành rộng rãi hơn thông qua một nhà xuất bản, vì quyển sách còn có thể ích lợi cho nhiều người khác. Những ý kiến mà tôi nhận được là một nguồn động viên khích lệ, nhưng cũng là những đòi hỏi tinh thần buộc tôi phải cố gắng để cải thiện bản thảo và làm cho quyển sách xứng đáng hơn với niềm tin yêu của bạn đọc.

Trước khi kết thúc Lời Mở đầu, tôi có vài lời “tâm sự” với bạn đọc như sau: Do tôi không phải là một nhà văn chuyên nghiệp mà chỉ là một người làm nghiên cứu khoa học, quen viết những bài báo khoa học hơn là những tác phẩm văn học dài hơi, cho nên quyển hồi ký của tôi có những hạn chế quan trọng. Tôi đã để ra một thời gian khoảng 5 năm để chuẩn bị và viết quyển sách, và trong quá trình làm công việc này, không phải lúc nào tôi cũng làm chủ được “ngòi bút” của mình. Tôi không rõ các nhà văn chuyên nghiệp có bao giờ rơi vào hoàn cảnh của tôi hay không, vì nhiều lúc tôi có cảm tưởng như chính “ngòi bút” bắt mình phải viết theo nó. Và nó dẫn mình đến những nơi mà nó muốn, hơn là mình bắt nó phải theo mạch tư duy của mình. Vì vậy, tôi thiết tha xin lỗi các bạn hữu, anh em, con cháu về những thiếu sót của quyển sách. Ví dụ, đáng lẽ cần phải nhắc đến một người hay một sự kiện thì không nhắc; đáng lẽ cần phải nhắc đậm hơn nhưng chỉ nhắc đến thế... Tôi chỉ biết tự trách mình, và trách ngòi bút của mình sao đã quá thờ ơ như vậy!

Mấy “Lời Mở đầu” quyển sách trên đây là để có sự thông cảm của bạn đọc. Bây giờ xin nhường chỗ cho nội dung của các chương.

Chương I

Thời niên thiếu (1938 – 1955)

“Thời niên thiếu” bắt đầu từ lúc tôi ra đời (1938) và kết thúc lúc tôi rời gia đình đi du học ở tuổi 17 (1955).

Đó là thời kỳ diễn ra cuộc chiến tranh thế giới thứ 2, một sự kiện lịch sử vô cùng quan trọng. Ở Đông Dương, phát xít Nhật tiến vào gây mâu thuẫn với thực dân Pháp và cuối cùng thực hiện đảo chính giành chính quyền từ tay thực dân Pháp. Ở Việt Nam, cuộc Cách mạng tháng 8 do Đảng Cộng sản lãnh đạo đã chấm dứt chế độ quân chủ, thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Sau khi chiến tranh thế giới kết thúc, thực dân Pháp với sự hỗ trợ của quân đồng minh đã trở lại xâm chiếm Việt Nam. Chính quyền cách mạng, mặc dù đã cố gắng thương lượng với Pháp để duy trì hòa bình và củng cố nền cộng hòa non trẻ của mình, nhưng cuối cùng phải phát lệnh toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Năm 1954, quân Pháp thua đau trong cuộc chiến một mất một còn ở trận Điện Biên Phủ. Hiệp định Genève tạm thời chia cắt đất nước thành hai miền, với sự cam kết của các bên sẽ tổ chức tổng tuyển cử sau hai năm để thống nhất lại đất nước.

Tôi đã được sinh ra và lớn lên trong bối cảnh lịch sử đó.

Quê hương và những năm tháng đầu đời

Quê nội tôi thuộc làng Thuận Bài, xã Quảng Thuận, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình. Thuận Bài nằm ở bờ Bắc sông Gianh, gần bến Phà Gianh. Theo quyền gia phả của dòng họ Trần ở Thuận Bài, người sáng lập nên dòng họ là Trần Đạt, cháu 5 đời của Trần Hưng Đạo, và là ông Tổ 16 đời của tôi. Sở dĩ có một nhánh của dòng họ Trần đến sinh cơ lập nghiệp ở Thuận Bài là vì khi triều

Trần mất ngôi vào tay Hồ Quý Ly, các hoàng thân quốc thích nhà Trần không thể tiếp tục sống yên ổn ở vùng đất của Ông Cha tại làng Tức Mặc, phủ Thiên Trường, tỉnh Nam Định. Vì vậy, Trần Đạt đã đưa gia đình về ẩn náu tại làng An Bài (nay là Thuận Bài), tỉnh Quảng Bình và tìm cách làm ăn sinh sống trên quê hương mới. Sau này con cháu phát triển lên tạo thành nhánh họ Trần ở Thuận Bài.

Ông nội tôi tên Trần Mạnh Đoàn, biệt hiệu Lịch Viên. Ông tôi sinh năm 1882, đỗ Cử nhân, làm Tri Huyện dưới thời nhà Nguyễn ở nhiều địa phương khác nhau và kết thúc sự nghiệp với chức vụ Tri Phủ. Ông nổi tiếng là một vị quan thanh liêm, sống nhờ vào tiền lương ít ỏi, không đủ nuôi các con ăn học như sở nguyện. Ông thường viết văn, làm thơ và để lại một di sản thơ văn đáng kể. Ông nội tôi qua đời năm 1950 trong vùng chiến khu kháng Pháp ở Tuyên Hóa, Quảng Bình. Năm 2012, Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Hới quyết định lấy tên ông đặt cho một con đường ở Đồng Hới.

Bà nội tôi tên Nguyễn Thị Ái là vợ của ông. Bà sinh được 5 người con, gồm 3 trai và 2 gái. Trong thời kỳ đất nước chia cắt làm hai miền, người con trai cả là Trần Mạnh Tiễn, Kỹ sư Công chính, cùng vợ là Võ Thị Mỹ sống ở miền Bắc. Bác Tiễn công tác trong ngành Giao thông, đồng thời là Đại biểu Quốc hội hai Khóa II và III. Người con thứ hai là Trần Thị Bích Đào, cùng chồng là Lưu Trọng Lai, thi sĩ với bút danh Lưu Kỳ Linh, sống ở miền Nam. Người con thứ ba là Cha tôi, Trần Trọng Diên cùng Mẹ tôi, Hà Thị Tường Vy sống ở miền Nam. Người con thứ tư là Trần Thị Bích Hồng, cùng chồng là Đinh Loan Quyên sống ở miền Bắc. Người con thứ năm là Trần Thúc Thiềm, chiến sĩ bộ đội Nam tiến, bị giặc Pháp bắt và giết chết năm 1946 tại Biên Hòa. Lúc còn bé, chú Thiềm sống cùng Cha Mẹ tôi, được nuôi nấng chăm sóc chu đáo, cho nên gia đình Cha Mẹ tôi được công nhận là gia đình liệt sĩ.

Ông ngoại tôi là Hà Xuân Hải, quê ở làng La Chũ, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên (nay là Thừa Thiên – Huế). Ông làm quan cho

Triều đình nhà Nguyễn đến chức Thượng thư Bộ Lại (tương đương với Bộ Nội vụ ngày nay). Ông có hai người vợ. Bà ngoại lớn sinh được 3 người con là các Cậu Hà Xuân Tế, Hà Xuân Tư và Dì Hà Thị Hường. Dì Hường qua đời không lâu sau khi sinh con thứ hai với Dương Nguyễn Giật. Các cậu tôi đều được học hành tử tế ở trình độ đại học, tốt nghiệp bằng cấp chuyên môn và có địa vị xã hội cao. Trong thời kỳ đất nước chia làm hai miền, Cậu Mợ Tế và gia đình sống ở miền Nam, Cậu Mợ Tư và các con cũng như Dương Giật và hai con sống ở miền Bắc.

Bà ngoại tôi là Bùi Thị Lý, vợ sau của Ông ngoại và do Bà ngoại lớn tổ chức cưới cho ông. Quê bà ở làng Phù Ổ, cạnh làng La Chũr quê ông. Ngoài Mẹ tôi là con gái đầu lòng, bằng tuổi với Dì Hường, Bà ngoại tôi còn sinh được một người con trai là Hà Xuân Thâm. Cậu Thâm sống với vợ con ở miền Nam, hoạt động cách mạng và qua đời không lâu sau ngày đất nước thống nhất.

Cha tôi sinh năm 1914 tại Thuận Bài; lúc nhỏ ở nhà được Ông nội tôi dạy chữ Hán là những bài học vỡ lòng. Từ 7 đến 13 tuổi, Cha tôi học tiểu học tại Đồng Hới; từ 13 đến 18 tuổi, học Trung học Đệ nhất cấp (tương đương với Trung học Cơ sở ngày nay) tại Vinh, Huế và Hà Nội. Từ 18 đến 20 tuổi, học Trung học Đệ nhị cấp (tương đương với Trung học Phổ thông) tại Hà Nội. Sau khi tốt nghiệp Trung học với bằng Tú tài Triết học, vì điều kiện kinh tế của Ông Bà nội, Cha tôi không tiếp tục học đại học mà đi tìm việc làm và lập gia đình cùng Mẹ tôi. Từ 23 đến 25 tuổi, Cha tôi làm việc tại Bộ Tư pháp ở Huế. Sau đó vài năm, Cha tôi chuyển vào làm việc ở Phnom Pênh (Campuchia) tại Sở Thương chính (tương đương Sở Hải quan ngày nay).

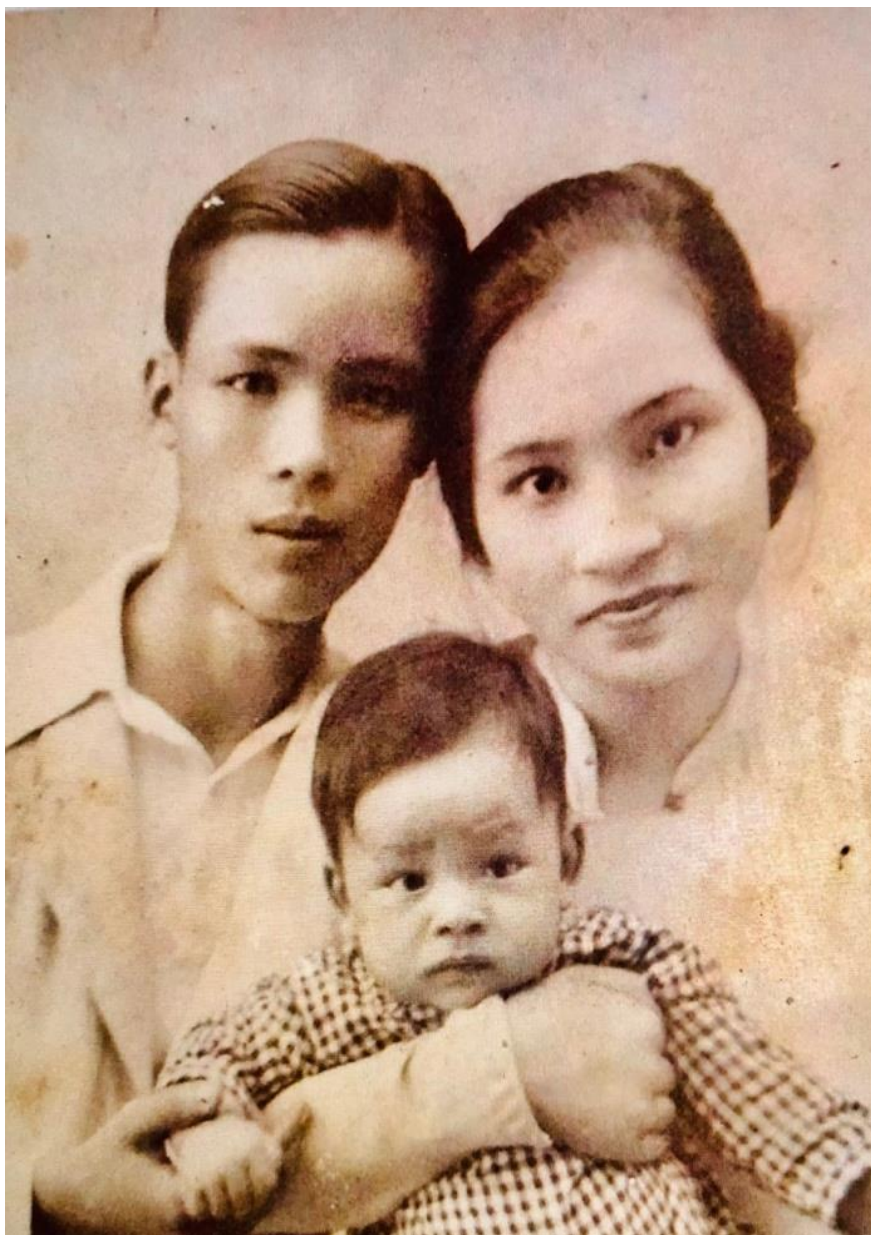
Mẹ tôi, tuy là con quan, nhưng chỉ được học hết bậc tiểu học. Năm 1938 tôi ra đời tại Huế, và là con đầu lòng của Cha Mẹ. Hai năm sau, em gái tôi Trần Thị Giáng Châu cũng ra đời tại Huế.



Cha Mẹ tôi (1976)

Tôi không giữ lại được nhiều ký ức về thời còn nhỏ ở với cha mẹ. Tôi chỉ còn lưu giữ kỷ niệm về những chuyến đi đò từ Huế về La Chữ và ngược lại. Lúc ấy tôi chỉ vào khoảng vài ba tuổi. Tôi không biết đò có đưa chúng tôi về đến tận làng hay không, nhưng ngày nay khi xem bản đồ Thừa Thiên – Huế thì mới rõ là có thể đi từ Huế đến La Chữ bằng đường sông, theo Sông Hương rồi Sông Bồ (còn có tên khác là Sông Sịa).

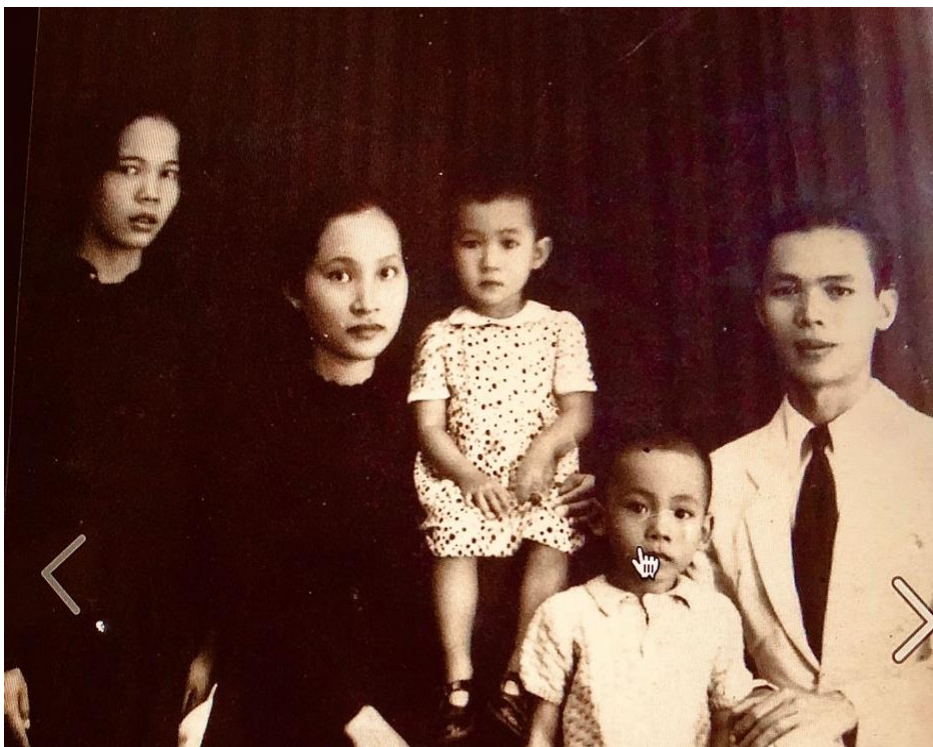
Về thời kỳ Cha tôi làm việc ở Phnôm Pênh thì ký ức của tôi có phần rõ hơn. Đi từ Huế đến Sài Gòn bằng tàu hỏa, từ Sài Gòn đến Phnôm Pênh bằng xe khách (còn gọi là “xe đò”). Đầu tiên, chúng tôi đến sinh sống trong một căn buồng tại lầu 1 của một dãy phố ở ven sông Tonlé-Sap, không xa Chợ Kandal và cũng không xa cung điện nhà Vua. Với một tấm bản đồ Phnôm Pênh ngày nay, có thể định vị dãy phố này nằm ở nơi tiếp giáp của hai con đường Sisowath Quay và Sothearos. Từ đầu hồi của lầu 1 dãy phố, có thể nhìn thấy Chợ Kandal. Tôi thường ngồi chơi ở đấy, đếm ô-tô qua lại trên con đường trước chợ. Từ buồng ở, tôi có thể nhìn thấy khu vực giao tiếp



Cha, Mẹ và tôi (1939)

giữa hai dòng sông Tonlé-Sap và Mê-kông, và ghe thuyền qua lại trên hai dòng sông ấy.

Ít lâu sau, chúng tôi chuyển đến ở tại một căn phố trệt đường Oknha-Ket, một con đường nhỏ tiếp giáp với đại lộ Norodom. Tôi đi học lần đầu tại “trường mẫu giáo” của Cô giáo Đạo. Cô mở lớp võ lòng tại nhà riêng, phía bên kia đường Oknha-Ket, chệch nhà chúng tôi khoảng trên mười mét về phía đại lộ Norodom. Phía trước căn nhà chúng tôi có một khoảnh đất, là nơi Cha tôi đã đào một cái hầm để tránh bom trong thời kỳ chiến tranh thế giới thứ 2. Nhà bắt đầu với một hàng hiên, rất thuận lợi cho trẻ con chơi. Bên trong nhà có phòng khách, phòng ngủ, nhà bếp, phòng ăn và phòng vệ sinh. Đây là một căn phố nhỏ, phù hợp với những cặp vợ chồng trẻ chưa có nhiều con.



Cha, Mẹ, em Giáng Châu và tôi chụp cùng chị Lê Thị Gái (1941)

Cha Mẹ tôi lúc ấy có hai con, tôi và em Giáng Châu. Một thời gian sau, nhân chuyến về thăm quê, Mẹ tôi gửi em gái tôi lại cho Ông Bà ngoại nuôi. Cuối năm 1942, Mẹ tôi sinh em trai, đặt tên Miên để ghi nhớ quãng thời gian sinh sống ở đất nước Campuchia (còn gọi là Cao Miên) này. Trước đó, Cha Mẹ tôi đã nhận nuôi chị Lê Thị Gái, cháu của Mẹ tôi từ La Chũr vào để giúp Mẹ tôi làm công việc nhà và chăm sóc anh em tôi.

Vào đầu năm 2002, trong một chuyến đi công tác cho Quốc Hội, tôi có dịp thăm lại đất nước Campuchia và làm việc tại Phnôm Pênh trong vài hôm. Tôi đã tranh thủ thời gian một buổi tối rảnh rỗi để cùng với anh Lê Hồng, một thành viên của đoàn, đi tìm lại con đường Oknha-Ket và căn phố mà ngày xưa gia đình chúng tôi đã từng trú ngụ. Tuy không còn nhớ chính xác địa chỉ căn phố, nhưng tôi đã may mắn nhận ra nó, vẫn giống như hình ảnh ngày xưa mà tôi đã giữ lại trong trí nhớ. Đó là những giây phút xúc động, giúp tôi hồi tưởng lại một quãng thời gian tuổi thơ của mình, và bồi hồi tưởng nhớ đến Cha Mẹ tôi đã cùng anh em tôi sống tại nơi ấy.

Sang một năm học mới, tôi chuyển đến học tại Trường tiểu học Mê-kông, gần Chợ Kandal. Vào học được mấy hôm, tôi đã bị Thầy giáo phạt vì không nghe Thầy giảng bài mà lại ngồi vẽ chân dung của Thầy. Thầy bắt tôi lên đứng trên bục giảng và quàng vào cổ tôi một tấm biển ghi lời hứa “tôi không đùa cợt trong giờ học”.

Tôi không còn nhớ chính xác quãng thời gian học tại Trường Mê-Kông, nhưng có lẽ thời gian ấy không lâu hơn vài tháng. Tình hình ở Phnôm Pênh lúc bấy giờ cho thấy những chuyển biến theo chiều hướng ngày càng phức tạp hơn. Vì còn quá nhỏ tuổi, nhiều việc diễn ra trước mắt nhưng tôi chưa thể hiểu hết được. Tuy vậy tôi cũng đã nghe nói về cuộc chiến tranh thế giới, đã mục kích sự có mặt của quân đội Nhật ở Phnôm Pênh, và đã thấy cảnh từng đoàn người ăn mặc rách rưới, thậm chí chỉ che thân bằng một tấm bố rách, lang thang trên đường phố của Phnôm Pênh để xin cơm ăn áo mặc. Tôi

đã nghe nói đến trận đói khủng khiếp giết chết 2 triệu người ở miền Bắc, do những hành vi tàn ác của quân phát xít Nhật. Tôi cũng nghe nói về mối đe dọa an ninh của những người Việt đang sinh sống ở Phnôm Pênh do những phần tử cực đoan người Khơ-Me gây nên.

Những ngày tháng tản cư

Một thời gian sau đó, Cha Mẹ tôi quyết định rời Phnôm Pênh theo đường sông để về nước. Điểm dừng đầu tiên của chúng tôi là Thành phố Cần Thơ. Chúng tôi tạm tá túc tại nhà gia đình O Dượng San là bà con bên nội tôi. Dượng tên Nguyễn Ngọc San, là cán bộ phụ trách cơ quan bưu điện Cần Thơ. O Dượng có ba người con, một trai là anh Nguyễn Ngọc Lộ bằng tuổi tôi, và hai gái hơn chúng tôi vài ba tuổi, là chị Hóa và chị Yến. Chúng tôi ở nhờ nhà O Dượng không lâu. O Dượng và các anh chị là một gia đình công giáo nhiệt thành, và đây là dịp đầu tiên tôi được anh Lộ, chị Hóa và chị Yến thuyết giảng về đạo thiên chúa. Sau vài tuần, chúng tôi tiếp tục đi sâu vào một vùng quê thuộc tỉnh Cần Thơ giáp ranh với tỉnh Rạch Giá. Từ ngày đó, chúng tôi không gặp lại O Dượng lần nào nữa. Về sau này tôi được biết gia đình O Dượng đã sang định cư tại Hoa Kỳ và anh Lộ đã thành linh mục.

Tôi nhớ nhất là thời gian gia đình chúng tôi trú ngụ tại thị trấn Long Mỹ (nay thuộc huyện Long Mỹ, Tỉnh Hậu Giang), vào cuối năm 1945. Phong trào cách mạng đang sôi sục, cờ xí đỏ rực khắp nơi. Cha tôi hằng hái tham gia hoạt động trong phong trào Thanh niên Tiền phong. Không khí xã hội rất là nhộn nhịp.

Sau vài tháng, gia đình chúng tôi tiếp tục tản cư vào xã Long Trị, một miền quê ở sâu hơn trong vùng giải phóng. Đó là một miền nông thôn có cây trái sum sê, có hàng dừa soi mình bên bến nước, có con sông tươi mát chảy qua trước nhà, rồi uốn lượn và quặt lại phía sau nhà ở khoảng cách vài trăm mét. Cuộc sống ở đây thật là

nhàn nhã và thơ mộng nhưng vẫn đơn giản hơn nhiều so với đời sống ở các đô thị.

Tuy nhiên, thỉnh thoảng chúng tôi cũng trải qua những giờ phút căng thẳng vì đã bắt đầu có những chuyến đi lòng của giặc Pháp, những vụ bố ráp và những chuyến tuần tra trên sông của tàu quân sự Pháp. Mỗi lần như vậy, Mẹ tôi lại dẫn hai anh em tôi vào ẩn nấp trong các lùm bụi. Anh em tôi cảm thấy hết sức gò bó vì phải giữ im lặng tuyệt đối và phải ẩn nấp trong những khoảng không gian hết sức chật chội, so với không gian của những lúc tự do chạy nhảy vui đùa ở nông thôn. Mẹ tôi có thai gần kỳ sinh nở, gia đình lại chưa tìm được cách nào để duy trì phương tiện sinh sống ở miền quê, vì tiền bạc dành dụm được từ đồng lương trước đây của Cha tôi đang hao mòn một cách nguy hiểm. Cha Mẹ tôi quyết định quay lại Cần Thơ, lúc bấy giờ đã bị thực dân Pháp chiếm đóng.

Về đến Cần Thơ, Cha tôi thuê một chiếc thuyền nhỏ có mái che. Cả gia đình xuống sống chen chúc trong chiếc thuyền, neo ở một bến đậu mà tôi không nhớ tên, nhưng có lẽ là bến Ninh Kiều. Ít lâu sau Mẹ tôi sinh em Nam tại một nhà bảo sanh không xa nơi đậu thuyền. Không lâu sau khi sinh nở, Mẹ tôi lại phải nhập viện cấp cứu vì viêm ruột thừa, may mà cuối cùng không phải mổ. Chờ cho Mẹ tôi khỏe lại và em Nam đủ cứng cáp, gia đình chúng tôi lên “xe đò” đi Sài-Gòn.

Nơi tá túc đầu tiên của chúng tôi tại Sài-Gòn là nhà một người anh họ của Mẹ tôi tên Lê Văn Thu, ở Hòa Hưng. Cậu Thu lúc ấy có một ngôi nhà gỗ rộng rãi ở gần đường xe lửa và Cậu Mợ cho gia đình chúng tôi tạm ở nhờ. Không may, trước đó Cậu đã trang trọng kê lên bức tường chính trong phòng khách một khẩu hiệu yêu nước, nên cả Cậu và Cha tôi bị bắt nhốt vào khám Catinat, bị đánh đập tàn nhẫn mỗi ngày trong suốt một tuần. Sau khi được thả về nhà, cả hai bị nhiều vết bầm tím và ghẻ lở khắp người do bị tra khảo và tình trạng mất vệ sinh trong các phòng giam. Tôi không thể hiểu nổi tại

sao Cha và Cậu tôi lại bị bắt, bị đánh đập, chỉ vì một khẩu hiệu yêu nước! Một lần nữa, tôi đã bức xúc vì một sự kiện mà sau này tôi mới hiểu, góp phần giúp tôi - một đứa trẻ mới lên 8, dần thấy được bản chất của chính quyền đang ngự trị ở Sài Gòn năm 1946!

Sau khi Cha tôi ra khỏi khám, Cha Mẹ tôi tìm được một lô đất nhỏ cũng ở Hòa Hưng để xây tạm căn nhà lá vách đất, cả gia đình chúng tôi rời nhà Cậu Thu về nơi ở mới. Mẹ tôi phải vất vả kiếm việc làm để phụ giúp Cha tôi nuôi sống gia đình. Mẹ tôi bắt tay vào làm nhiều công việc, như “chằm” nón lá, làm bánh su sê (còn gọi là bánh “phu thê”), làm mạch nha, và bán chuối sạp ở chợ Bến Thành. Cha tôi khẩn trương đi tìm việc, cuối cùng chọn được nghề thầu khoán xây dựng, hễ trúng thầu công trình ở đâu thì Cha tôi đến đấy mỗi ngày để theo dõi công việc. Tôi nhớ thời ấy Cha tôi thường xuyên đi Dĩ An, nhờ đã trúng thầu một công trình trong ngành đường sắt ở đấy. Cha tôi đi và về bằng tàu lửa, khi đoàn tàu qua ga Hòa Hưng thì chạy chậm lại nên người đi quen có thể lên xuống tàu mà không gặp nguy hiểm.

Cha Mẹ tôi phải rất vất vả để nuôi sống gia đình. Cũng nhờ làm nghề thầu khoán nên Cha tôi dành dụm được một khoản tiền để Mẹ tôi làm vốn mở một cửa hiệu buôn bán xe đạp, xe máy và phụ tùng mang tên là “Vạn Lý”. Cha tôi giúp Mẹ tôi quản lý cửa hiệu, trong các khâu sổ sách và đặc biệt trong giao dịch với các doanh nghiệp nước ngoài để nhập hàng về bán lại. Khi công việc ở cửa hiệu đã ổn định, Cha tôi chỉ còn phải giúp Mẹ tôi trong khâu giao dịch, còn việc quản lý sổ sách thì Mẹ tôi có thể tự lo. Kinh tế gia đình đã trở nên tốt hơn so với thời mới tản cư về Sài Gòn. Cha tôi được một người bạn mời làm Hiệu trưởng một Trường tiểu học tư thục ở gần Ngã Bảy, Sài Gòn.

Ông cũng hoạt động xã hội cho Hội Đồng hương Thuận Bài: xây dựng Hội quán của Hội Thuận Bài tương tế, xây dựng Nghĩa trang

Thuận Bài (ở Thới An, Quận 12) là nơi an nghỉ cuối cùng của khoảng trên một nghìn người làng Thuận Bài và thân quyến của họ.

Học Tiểu học, Trung học tại Sài Gòn

Lúc gia đình mới về sống ở Sài Gòn, tôi chưa đi học ngay mà phải chờ được chấp nhận cho vào học ở Trường tiểu học Hòa Hưng. Trong khi chờ đợi, Cha tôi dạy tôi học ở nhà.

Cha tôi lúc nào cũng quan tâm dạy dỗ chúng tôi, không để chúng tôi thất học. Mỗi ngày Cha chuẩn bị cho tôi học một đoạn văn tiếng Pháp khoảng mười dòng, chú thích các từ khó và giải thích ý nghĩa của đoạn văn. Cha tôi còn tìm được một quyển địa lý cũ bằng tiếng Pháp, trong đó có nhiều bản đồ in màu giới thiệu các châu lục, đại dương và các quốc gia. Quyển sách này tạo cho tôi sự ham muốn tìm hiểu các nơi trên thế giới. Tôi mơ ước một ngày nào khi lớn lên sẽ được đi du học ở nước ngoài, sẽ sắm ô-tô rồi tự lái về quê hương, và dọc theo đường về được thăm viếng nhiều nước trên thế giới.

Ở Hòa Hưng được khoảng một năm, gia đình chúng tôi chuyển về sống trong khu trung tâm thành phố Sài Gòn, tại một căn phố đường Đỗ Hữu Vị (nay là đường Huỳnh Thúc Kháng) không xa chợ Sài Gòn. Tôi chuyển đến học ở Trường tiểu học tư thực Hồng Bàng và mỗi ngày đi học cùng em Miên. Hai anh em nắm tay nhau đi bộ từ nhà hướng về chợ Bến Thành, đi nửa vòng quanh chợ, khi gặp đường Roland Garros (nay là đường Thủ Khoa Huân) thì chỉ đi thêm vài chục mét là đến Trường. Miên rất ngoan ngoãn đi cùng tôi, không bao giờ quậy phá, nên tôi rất thoải mái cùng em đi học.

Tôi vào học lớp nhì (nay là lớp bốn) với Thầy Hà; năm sau lên lớp nhất (nay là lớp năm), tôi học với Thầy Sơn. Trong thời gian học tại Trường, ấn tượng sâu sắc nhất của tôi là được Thầy cho học bài thơ “Ly rượu thọ”. Tôi thấy bài thơ rất có ý nghĩa giáo dục vì có tác dụng khơi dậy tinh thần yêu nước của học sinh. Bài thơ nói về Mã Chiếm Sơn, một danh tướng của Mãn Châu, sau khi thất trận

trước quân Nhật đã rút về sông ần dật, không còn nghĩ gì đến đất nước đang rên siết dưới gót giày xâm lược. Một lần, khi dâng Mẹ ly rượu thọ, Mã Chiếm Sơn đã được Mẹ dạy cho một bài học thấm thía về tình yêu nước và động viên ông trở lại chiến trường để đánh đuổi quân xâm lược, giải phóng quê hương. Bài học về tình yêu nước, về ý thức bảo vệ đất nước chống kẻ thù xâm lược, về sự cần thiết phải hy sinh sự bình yên của mình để làm nhiệm vụ đối với Tổ quốc mà Mã Chiếm Sơn đã học từ bà Mẹ đáng kính đã giúp tôi hiểu được những điều cao quý đó.

Mẹ tôi sinh em Việt (Sáu) năm 1948 và em Hòa (Tám) năm 1950. Ở miền Trung, các gia đình thường đặt tên con với các chữ lót lần lượt là Mạnh, Trọng, Thúc, con út mang chữ lót là Quý. Gia đình Cha Mẹ tôi “phá cách”, thay vì sử dụng các chữ lót theo thứ tự nói trên, đã dùng họ Mẹ (Hà) làm chữ lót cho cả bốn anh em trai, từ tôi đến em Việt. Hòa là em trai đầu tiên không được lấy họ Hà làm chữ lót, mà lại lấy chữ lót là Quý. Có thể hiểu là đến Hòa, con trai thứ năm, Cha Mẹ tôi muốn em là con út. Nhưng Hòa chưa phải út mà còn 2 em nữa là Trung Thuận và Bách. Thuận là em gái, và Bách là em trai út. Bách cũng mang chữ lót là Quý và ở nhà gọi em là Zút.

Vào khoảng năm 1949 - 1950, em Giáng Châu trở về đoàn tụ với gia đình sau nhiều năm sống ở Huế với Ông Bà ngoại. Cha Mẹ tôi đã không ngờ cuộc chia ly với em kéo dài đến thế. Khoảng năm 1941-1942, Mẹ tôi gởi em cho Bà ngoại nuôi. Như vậy, em đã sống với Ông Bà ngoại một thời gian dài, khoảng 7-8 năm mới được trở về đoàn tụ với gia đình. Cha Mẹ tôi cam lòng chịu cảnh xa cách con gái trong nhiều năm, cũng như sau này chịu sự xa cách với tôi, con trai đầu lòng, khi tôi đi du học 21 năm mới trở về thăm nhà lần đầu, tất cả cũng chỉ vì không đủ điều kiện kinh tế để vượt qua những khó khăn của cuộc sống ở thời buổi bấy giờ.

Cha Mẹ tôi lại chuyển nhà từ đường Đỗ Hữu Vị đến đường Paul Blanchy (nay là đường Hai Bà Trưng), gần chợ Tân Định. Tôi đi

học tại Trường trung học tư thục Việt Nam Học Đường, cũng ở Tân Định. Tôi bắt đầu vào trung học đệ nhất cấp, lần lượt theo học các năm thứ nhất, thứ hai rồi thứ ba (première, deuxième, troisième année). Các thầy ở Việt Nam Học Đường phần lớn là những thầy giỏi, nhiệt tình và có khí phách. Tôi đã giữ được nhiều kỷ niệm tốt đẹp về các thầy. Hiệu trưởng là Thầy Phan Hiếu Kinh, Kiến trúc sư, cũng là người sáng lập Trường. Thầy có mấy người con đều học ở Trường, sau này thỉnh thoảng tôi cũng còn được gặp lại. Tôi học Toán với Thầy Trần Văn Chiêu; học Vật lý và Vạn vật với Thầy Nguyễn Khoa Chi; học Văn với Thầy Phạm Đan; ngoài ra tôi cũng có học với các Thầy Nguyễn Trường Cửu, Trần Thượng Thủ. Giờ đây khi tôi viết những dòng này, tôi được biết ngoài Thầy Thủ định cư ở Hoa Kỳ, các Thầy giáo khác của tôi ở Việt Nam Học Đường đều đã thành người thiên cổ.

Tôi kể lại sau đây một vài kỷ niệm đã được ghi sâu trong tôi khi còn học ở Việt Nam Học đường. Buổi học đầu tiên năm thứ nhất, Thầy Phạm Đan đã giới thiệu cho chúng tôi một bài văn về thân phận của người Thầy: dạy một lớp học sinh trong năm học tương tự như chèo một chuyến đò đưa khách qua sông. Kết thúc năm học cũng như chèo xong chuyến đò, đưa học sinh của mình vượt qua dòng sông tri thức, và năm học sau, thầy lại nhận một lớp học sinh mới. Tôi thấy hình ảnh so sánh thân phận của người Thầy rất hay, và cũng rất thương Thầy, sau này biết có còn gặp lại học sinh của mình không nữa. Thầy Đan sống với gia đình ở đường Calmette (nay là đường Đinh Công Tráng, gần chợ Tân Định). Thầy rất thương tôi, thường bảo tôi đến nhà để Thầy cho mượn sách tiếng Pháp đọc thêm. Nhờ vậy, tôi đã được đọc một số tác phẩm của những tác giả Pháp nổi tiếng như Lamartine, Chateaubriand, Musset, Vigny, Hugo, v.v.

Khi bắt đầu vào trung học đệ nhất cấp, tôi thực sự chưa biết nên học như thế nào. Một lần Thầy Nguyễn Khoa Chi gặp Cha tôi (Thầy và Cha tôi quen biết nhau từ trước, lúc cả hai còn học ở Hà Nội) và

phản ánh rằng tôi học hành chưa nghiêm túc lắm. Tôi bị Cha tôi phê bình, nhưng thực tế vấn đề của tôi không phải do lười học hay ham chơi, mà vì tôi chưa biết cách học. Thời bấy giờ, mỗi môn học đều có một, hai quyển sách, nếu gia đình có điều kiện, học sinh mua về để tham khảo. Thầy cũng dựa trên các quyển sách ấy để soạn giáo án, khi đến lớp Thầy ghi nội dung đã chuẩn bị lên bảng để học sinh chép về học. Trò nào chăm chỉ thì học kỹ giáo án của Thầy, khi kiểm tra thì ghi lại hầu như nguyên văn bài đã học, và tất nhiên được Thầy cho điểm số tối đa. Biết thế, nhất là sau khi bị Thầy chê, do tự ái tôi đã không học theo giáo án của Thầy, mà học theo sách. Vì vậy Thầy phải cho tôi điểm tối đa và những bạn đã học theo giáo án của Thầy mặc dù chăm chỉ nhưng đều bị tụt xuống một điểm! Đó là một trò đùa của tôi, mà tôi cũng không ngờ nó càng thể hiện sự nhận xét của Thầy về tôi là chính xác.

Tôi đã may mắn gặp lại Thầy Đàn và Thầy Chi sau khi hồi hương. Tôi cũng được gặp lại những bạn học cũ, trong đó số lớn đang sống ở nước ngoài và một số nhỏ đã hồi hương. Tôi đã cùng hai người bạn học cũ là anh Phạm Văn Thơm và anh Ngô Văn Đồng đến thăm các thầy Chi và Đàn, thầy - trò gặp lại nhau sau gần 40 năm! Lúc ấy tuy các thầy đã già yếu nhưng vẫn còn nhớ học trò cũ của mình. Chúng tôi nhắc lại kỷ niệm những năm là học sinh Việt Nam Học Đường, Thầy và trò đều xúc động. Khi các Thầy qua đời, anh Đồng và tôi đã đến viếng và tiễn đưa các Thầy về nơi an nghỉ cuối cùng.

Lên tới năm thứ ba, tôi bắt đầu thể hiện rõ hơn năng lực của mình trong môn toán và các môn khoa học khác. Nói chung, tôi thích học và chịu khó hơn trước, nên ngoài chương trình của năm học, tôi còn “nghiên cứu” nội dung chương trình của năm thứ tư, chủ yếu về các môn nói trên. Tôi có người bạn thân, anh Hoàng Mạnh Để, lúc ấy đang học năm thứ tư, thường đến nhà tôi cùng học. Cũng nhờ không khí học tập đó và sự giúp đỡ của anh Để, tôi mới đạt được những kết quả thi cử ở cuối cấp là đậu cả hai bằng Diplôme (Thành Chung)

và Brevet ở mức Bình Thứ (Mention Assez-Bien) mặc dù chỉ mới học được ba năm trên bốn của chương trình trung học đệ nhất cấp.

Năm ấy tôi được 15 tuổi. Có thể nói, đó là khoảng thời gian tôi sung sức nhất trong việc học. Tôi học toán có kết quả tốt, các bài toán cần giải tôi đều giải được rất nhanh, và chẳng bao giờ xảy ra trường hợp bị “bí” toán cả. Khi đi thi, thành tích giải các bài thi toán mà tôi nhắm đến không phải là làm được mấy câu, mà là làm trọn bài một cách nhanh nhất. Nộp bài và ra khỏi phòng thi sớm nhất là mục tiêu của tôi. Thời kỳ thi Diplôme và Brevet có những lúc xảy ra “xung đột” về thời gian giữa hai kỳ thi vì có những bài thi toán của hai bên diễn ra trong cùng một buổi nhưng lệch giờ và ở hai địa điểm khác nhau. Thế mà tôi vẫn làm bài được ở cả hai kỳ thi nhờ nộp bài bên này đủ sớm để kịp “chạy” sang thi bên kia.

Tuy vậy, sau này nhìn lại, tôi thấy thi nhảy lớp là một điều không nên làm. Khi nói tôi đã “nghiên cứu” thêm nội dung chương trình của năm thứ tư, thì đó chỉ là một cách nói, nhưng có những môn tôi hoàn toàn chưa “đụng” tới, như các môn lịch sử và địa lý. Tôi chỉ học các môn ấy trong một đêm không ngủ, để chiều hôm sau thi vấn đáp. Có thể thấy rằng dành trọn một đêm để học chương trình lịch sử và địa lý thì không thể học kỹ và nhớ hết được, mà lại ảnh hưởng đến sức khỏe của mình. Tôi đã phải trả giá về sự ngông cuồng đó trong những năm học sau này. Nhưng vì đây là lần đầu thi nhảy lớp, tôi chưa nhận thức được tác hại của việc ấy.

Sau khi được trúng tuyển vào lớp SM3 (Seconde Moderne 3, tương đương lớp 10) Trường Petrus Ký, nói chung tôi vẫn tiếp tục học tốt, nhưng lần đầu đã xảy ra trường hợp bị “bí” toán vì không giải được một bài trong kỳ kiểm tra toán của lớp. Sau này, càng tiếp tục học lên cao hơn thì hiện tượng bí toán xảy ra càng thường hơn. Có thể rằng hiện tượng này vẫn xảy ra đối với mọi người, chỉ là sớm hay muộn, nhưng đối với tôi nó đã giúp cho thấy rõ hơn khả năng và giới hạn của mình. Cuối năm học SM3, kết quả mà tôi đạt

được là khả quan, tôi được nhiều thầy cô quý mến và tin tưởng. Năm học đó, tôi đăng ký thi Tú tài 1, lại thi sớm một năm, và cũng đậu với mức Bình Thử.

Năm học tiếp theo, tôi chuyển sang học lớp Toán Sơ cấp (Mathématiques Élémentaires - Math Elem) tại Trường trung học Chasseloup Laubat (sau này lần lượt đổi tên là Jean-Jacques Rousseau, rồi Lê Quý Đôn). Sang Trường “Tây” này, tôi cảm thấy không thoải mái như ở các lớp dưới, có lẽ ít nhiều do bị “hụt hơi” và “hổng giờ”, ảnh hưởng của 2 lần nhảy lớp, và cũng có thể do ảnh hưởng của tuổi thanh niên (tuổi “teen”). Dù sao, vào cuối năm học, ở tuổi 17, tôi đã thi đỗ Tú tài Toàn phần Khoa Toán, ở mức Bình Thử như khi thi Tú tài 1.

Thế là tôi đã kết thúc những năm trung học đệ nhất và đệ nhị cấp và bắt đầu chuẩn bị làm thủ tục để đi du học ở Pháp. Trên thực tế, thời gian học trung học (1950-1955) của tôi được thu ngắn hai năm nhờ thi nhảy lớp, đã đem lại cho tôi một ít tự tin về khả năng học của mình, nhưng cũng đã bắt tôi phải trả giá về mặt sức khỏe, về cơ sở hiểu biết và về sự chín chắn khi bước vào đại học. Quá tập trung vào việc học, tôi đã không còn nhiều thì giờ để giải trí, tiêu khiển, rèn luyện thân thể, là những việc hết sức cần thiết cho một thanh niên bước vào tuổi trưởng thành.

Nhận thức của tôi về tình hình đất nước, về nhiệm vụ của thanh niên phải làm gì để đất nước sớm thoát khỏi ách thống trị của thực dân, để đồng bào được sống hạnh phúc trong một chế độ dân chủ hơn, công bằng hơn, văn minh hơn đều còn rất mơ hồ.

Những người bạn thời tuổi trẻ

Vào những năm học tại Việt Nam Học Đường, tôi có bốn người bạn thân, là các anh Hoàng Mạnh Đễ, Nguyễn Thành Doãn (sau đổi thành Nguyễn Thành Danh), Nguyễn Huy San và Lê Hoàng Sang.

Các bạn ấy thường đến nhà tôi, cùng học và cùng chơi với tôi. Sau đây tôi phác họa vài nét về các bạn thân thời tuổi trẻ đó.

Anh Hoàng Mạnh Đề là một trong những người bạn xưa nhất của tôi. Chúng tôi gặp nhau lần đầu và quen nhau trong những năm còn học tiểu học, không lâu sau khi Cha Mẹ tôi từ Cần Thơ về Sài Gòn lập nghiệp. Anh hơn tôi một tuổi và học trên tôi một lớp cho đến năm đầu cấp trung học phổ thông – lớp 10 ngày nay, thì tôi học ngang lớp với anh. Chúng tôi thường rủ nhau học chung ở nhà tôi, và vì trong thời gian dài, anh học lớp trên nên đã giúp tôi rất nhiều, nhất là trong việc chuẩn bị thi nhảy lớp ở cuối cấp trung học cơ sở. Tôi thân thiết với anh đến mức mà, vào cuối năm trung học phổ thông ở Trường Chasseloup Laubat, khi anh bị đuổi học vì phạm một khuyết điểm (tôi không nhớ vì lỗi gì!) trong buổi học thể dục, để thể hiện sự đoàn kết với anh thì tôi cũng bỏ học luôn! Cũng may, điều này xảy ra ở thời gian cuối năm học, nên đã không có hậu quả gì nghiêm trọng đối với tôi. Năm, sáu năm sau khi tôi đang học ở Pháp, anh đi tu nghiệp tại Paris và chúng tôi lại được gặp nhau trong khu Đại học xá Paris. Khi tôi trở về Việt Nam, thỉnh thoảng chúng tôi cũng lại gặp nhau, đặc biệt trong thời gian anh còn dạy ở Khoa Hóa, Trường Đại học Khoa học TP.HCM. Sau khi anh nghỉ hưu, tôi có đến thăm anh một vài lần ở nơi gia đình anh sống, không xa Hòa Hưng là nơi chúng tôi gặp nhau lần đầu lúc cả hai còn nhỏ. Anh Hoàng Mạnh Đề qua đời vào ngày 19-8-2021 ở TP.HCM vì dịch Covid-19, để lại sự thương tiếc của gia đình, anh em và bè bạn.

Anh Nguyễn Thành Doãn một thời trọ tại nhà tôi ở Tân Định. Quê anh ở Châu Đốc, Cha đã qua đời, chỉ còn Mẹ sống ở quê. Trước khi tôi đi Pháp, Doãn đã dẫn tôi về Châu Đốc thăm Mẹ và các em của anh, rồi cùng tôi thực hiện một chuyến du lịch thú vị ở miền Tây Nam bộ. Chuyến đi đã cho phép tôi ngắm nhìn tận mắt những phong cảnh vô cùng tươi đẹp của đất nước. Chuyến đi rất phù hợp với những người sắp xa quê hương mà chưa biết bao giờ mới được trở về. Trong thời gian du học rồi làm việc ở Pháp, thỉnh thoảng tôi

có nhận được tin về anh qua bạn bè chung hoặc qua gia đình tôi, nhưng chúng tôi không liên lạc trực tiếp được với nhau. Khi vợ chồng tôi hồi hương thì gia đình anh đã sang định cư ở Canada. Trong một dịp Tết anh cùng vợ là chị Lê Thị Toàn về thăm nhà, chúng tôi rất vui mừng được gặp lại nhau. Lúc ấy anh không được khỏe vì mắc bệnh tim khá nặng, và đã qua đời không lâu sau khi anh trở lại Canada.

Anh Nguyễn Huy San, sau mấy năm học chung với tôi ở Việt Nam Học Đường, đã rời Sài Gòn ra chiến khu và sau đó ra miền Bắc. Tôi cảm nhận anh là một thanh niên bất thiệp, vui vẻ, nhưng có một nét đặc biệt, là kín đáo và thận trọng trong sinh hoạt. Một hôm, anh cho tôi biết là sắp rời Thành phố để ra chiến khu, và tôi cảm thấy cuộc ra đi đó cũng rất hấp dẫn đối với mình. Nhưng tôi đã làm gì đâu mà có thể ra chiến khu như anh được. Tôi chỉ có thể tiễn anh trên một đoạn đường để chia tay một người bạn mà tôi quý mến. Từ đó, tôi không nhận được tin tức gì của San. Sau khi hồi hương, tôi được biết trong thời gian chúng tôi xa nhau, anh đã tập kết ra miền Bắc, rồi được đi học đại học ở một nước Đông Âu. Sau 1975, anh trở về giảng dạy tại Khoa Điện, Đại học Bách Khoa TP.HCM. Khi đến tuổi hưu trí, anh được mời thỉnh giảng tại trường Đại học ở một số tỉnh phía Nam. Vì làm việc ở Đà Lạt nên tôi ít có điều kiện gặp lại anh. Tôi đến tìm San tại nhà anh vài ba bận ở khu Vườn Chuối TP.HCM, nhưng chỉ được gặp anh một lần.

Anh Lê Hoàng Sang học chung với tôi trong thời gian ba năm ở Việt Nam Học Đường. Sau khi tôi chuyển lên cấp trung học phổ thông, không còn học chung với anh nữa, nhưng tôi vẫn được biết là anh đã rất vất vả vì phải trốn quân dịch, thậm chí đã gia nhập đạo Cao Đài để khỏi bị “bắt lính”. Tuy vậy, thỉnh thoảng anh vẫn đến nhà tôi chơi, nhiều lần đã rủ tôi đi bơi ở đường Catinat (đường Đồng Khởi ngày nay) và chuyên cần dạy bơi cho tôi. Thầy giáo chăm chỉ, nhưng tiếc thay học trò quá kém và lại sợ nước nữa, nên kết quả không được khả quan lắm! Sau khi tôi đi du học ở Pháp, thỉnh

thoảng anh vẫn đến thăm gia đình tôi ở Sài Gòn nhờ vậy tôi vẫn biết thông tin về anh, nhưng dần dần tin tức ngày càng thưa, nên ngày nay tôi không biết người bạn thân cũ của mình đã đi đâu về đâu!

Trong số các bạn học của tôi ở Trường Petrus Ký, một người đã giữ vị trí đặc biệt đối với tôi là anh Nguyễn Văn Tuyên. Quê ở Long An, Tuyên sống cùng các anh chị em ruột tại Đa Kao gần nhà tôi. Năm tôi sang Pháp, Tuyên cũng đi học ngành dầu khí ở thành phố Toulouse, nằm bên sông Garonne, phía thượng nguồn của Bordeaux. Trong kỳ nghỉ hè đầu tiên của chúng tôi ở Pháp, tôi đi Toulouse thăm Tuyên và nhân dịp đó, Tuyên đã để cho tôi tập lái xe với chiếc Citroen 11 CV của anh. Nhờ vậy nên sau này, tôi chỉ cần học tại trường dạy lái xe trong vài giờ là thi đậu bằng lái! Sau



Tôi đi chơi vùng Toulouse cùng các anh Nguyễn Văn Tuyên và Lê Trung Trực với chiếc Citroen 11CV của Tuyên (1956)

khi đất nước hòa bình thống nhất, Tuyên thường trở về Việt Nam để đóng góp chuyên môn và tài chính cho đất nước; riêng đối với quê hương Long An của mình, anh đã xây tặng một ngôi trường trung học. Nhưng không may, Tuyên bị bệnh tim, phải mổ 2 lần, trong lần mổ thứ hai tại Pháp anh đã qua đời trên bàn mổ!

Ngoài các bạn kể trên, tôi còn một số bạn học khác, đặc biệt trong thời gian học ở các trường Petrus Ký, Chasseloup Laubat. Một số bạn cùng học và cùng chơi với tôi khá lâu, sau này tôi không có cơ hội gặp lại. Một số khác học cùng lớp nhưng hồi đó ít chơi với tôi, thì sau này lại liên lạc với nhau nhiều hơn. Phải chăng trong mối quan hệ bạn bè, ngoài những lý do phù hợp về tính tình và tương hợp về quyền lợi, thì còn có những lý do không giải thích được, gắn với điều mà Phật giáo thường nhắc đến, đó là “nhân duyên”?

Cùng học với nhau ở Việt Nam Học Đường, hiện nay tôi vẫn còn liên lạc với các anh Phạm Văn Thơm và Ngô Văn Đồng. Anh Thơm ở Hoa Kỳ nhưng đầu tư vào một công ty ở Việt Nam, thỉnh thoảng về nước thăm gia đình và coi sóc công ty. Anh Đồng một thời gian sống ở Pháp, hiện nay đã về nước định cư. Tuy nhiên thỉnh thoảng anh vẫn đi Pháp thăm con cháu và thực hiện một số thủ tục định kỳ để tiếp tục được hưởng Bảo hiểm Xã hội của Pháp. Mỗi lần anh Thơm về nước, ba chúng tôi lại hẹn gặp nhau, chén tạc chén thù, thăm hỏi sức khỏe của nhau và thông tin cho nhau biết tin tức về các bạn bè cũ.

Để tóm lại, tôi được sinh ra trong hoàn cảnh đất nước còn nằm trong chế độ phong kiến, dưới ách thống trị của thực dân Pháp rồi phát xít Nhật, và may mắn lớn lên trong những ngày tháng trọng đại của lịch sử khi đất nước được giải phóng khỏi chế độ thuộc địa, kết thúc chế độ quân chủ và mở ra một thời kỳ mới với chế độ dân chủ cộng hòa trong đó chính quyền thuộc về nhân dân.

Tôi trải qua những ngày tản cư đến một vùng quê miền Tây Nam bộ, trong khi thực dân Pháp trở lại chiếm đóng thuộc địa cũ. Cảnh ruộng bỏ, bắt bỏ những người cách mạng làm cho tôi sớm nhận thức nỗi khổ nhục của người dân mất nước. Tuy nhiên, áp lực của cuộc sống buộc gia đình chúng tôi trở về Sài Gòn để có điều kiện sinh sống thuận lợi hơn. Khi chúng tôi về đến Sài Gòn năm 1946, cơ nghiệp của Cha Mẹ tôi khởi đầu hầu như từ đôi bàn tay trắng.

Tôi học cấp tiểu học và các cấp trung học tại Sài Gòn. Ở các cấp trung học, tôi đã dần thể hiện năng lực học tập của mình, đặc biệt trong các môn khoa học, thuận lợi cho việc học đại học sau này.

Về mặt chính trị, tôi chưa hiểu biết nhiều về tình hình đất nước, về bản chất của những diễn biến lịch sử đang xảy ra, tuy nhiên tôi đã hoàn toàn ủng hộ lập trường yêu nước, đánh Tây, đuổi Nhật, giành lại chủ quyền về tay nhân dân.

Chương II

Thời du học (1955 – 1969)

Thời du học của tôi cũng là thời gian mà đất nước tạm thời chia cắt thành hai miền. Chính quyền Pháp kết thúc chế độ thuộc địa đối với nước ta theo Hiệp định Genève 1954. Chính quyền Mỹ can thiệp rồi đưa hơn nửa triệu quân vào Miền Nam, và tiến hành cuộc chiến bằng không quân đối với Miền Bắc. Ở miền Nam nhân dân ta đã đứng lên hầu như từ tay không để tiến hành một cuộc chiến đấu tự vệ không cân sức, nhưng ngày càng vững mạnh hơn và giành được thắng lợi vẻ vang hơn. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy vào mùa Xuân năm Mậu Thân 1968 đã đem lại một nhận thức mới, là với chiến tranh nhân dân, Việt Nam có thể từng bước đẩy lùi cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, và cuối cùng, có thể thắng Mỹ.

Tôi rời gia đình đi du học tại Pháp sau khi đậu bằng Tú Tài Toán năm 1955. Dựa trên các kết quả học tập và thi cử của tôi ở bậc trung học, Trường Henri IV nhận cho tôi học lớp chuẩn bị thi vào Trường Lớn. Sau bốn năm học hành vất vả, tôi thi đậu vào Trường Polytechnique năm 1959 và tốt nghiệp Kỹ sư năm 1961.

Tiếp đó, tôi đã tìm được việc làm tại Trung tâm Nghiên cứu Hạt nhân Saclay, vừa làm việc trong lĩnh vực nghiên cứu vật lý hạt cơ bản, vừa tiếp tục học để hoàn thành học vị Tiến sĩ Khoa học. Đến năm 1965, tôi bắt đầu tiến hành công trình nghiên cứu cho luận án Tiến sĩ Khoa học. Ngày 9/6/1969, tôi bảo vệ thành công luận án.

Tuy không nghĩ rằng mình đã kết thúc việc học hành, nhưng tôi cũng phải chọn một mốc thời gian để chấm dứt giai đoạn du học và để khởi đầu một giai đoạn mới của cuộc đời. Năm 1969 là năm tôi đã chọn cho cái mốc ấy.

Học Trường Henri IV - Luyện thi vào Trường Lớn

Tôi đậu Tú tài năm 1955 và vào mùa thu năm đó được Cha Mẹ cho sang Pháp du học. Đến giữa tháng 9/1955, mọi thủ tục đã hoàn thành, tôi chỉ còn việc lên máy bay để ra đi. Ở tuổi 17, tôi thường thể hiện là một đứa con ngoan, không hay quậy phá, làm việc gì cũng biết cân nhắc, tính toán. Tôi cố giấu những nỗi lo của mình vì từ đây sẽ sống xa nhà, xa Cha Mẹ, các em và những người thân thuộc khác. Về phần Cha Mẹ tôi, chắc cũng có những nỗi lo không kém vì sắp để cho đứa con đầu lòng ra đi đến một nơi xa xôi, chưa biết bao giờ gặp lại. Với tâm lý của bậc song thân, Mẹ tôi chắc phải hết sức lo lắng, vì con đến tuổi nào, Mẹ vẫn xem là đứa con bé bỏng, khờ dại của mình. Một đêm khi đang ngủ, tôi có cảm giác Mẹ đang hôn lên trán tôi. Và cứ như thế trong mấy đêm liền, trong khi tôi không nhớ trước đó đã được Mẹ tôi hôn một lần nào từ khi lưu giữ được những kỷ niệm đáng ghi nhớ của mình!

Cuộc chia tay ở sân bay Tân Sơn Nhứt với Cha Mẹ tôi và người thân trong gia đình, rồi những bức thư đầu tiên của Cha tôi, mang theo tình cảm ấm áp của Cha Mẹ và các em, làm cho tôi nhận thức sâu sắc hơn tầm quan trọng của chuyến đi. Đây không phải là một chuyến đi du lịch vài tháng rồi về, nhưng là một chuyến đi nhiều năm với nhiệm vụ nặng nề mà tôi phải hoàn thành bằng mọi giá, và nhiệm vụ đó chỉ có thể được xem như hoàn thành khi tôi đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với gia đình và đất nước.

Lúc còn ở cấp trung học, tôi thường có kết quả tốt ở môn toán và các môn khoa học khác, cho nên con đường phát triển hợp lý của tôi sau khi đậu Tú tài Toán là chuẩn bị thi vào “Trường Lớn” (*), là những Trường đào tạo kỹ sư trình độ cao của Pháp trong các ngành khoa học kỹ thuật.

(*) Trường Lớn và các khả năng vào Đại học ở thời du học

- Một là đăng ký vào học các Trường Đại học Khoa học không qua thi tuyển. Khi đạt đủ các chứng chỉ theo quy định thì được công nhận là Cử nhân Khoa học.

- Hai là chuẩn bị thi tuyển vào các Trường kỹ sư, trong đó có các “Trường Lớn”, gồm Trường Đại học Sư phạm (ENS), Trường Polytechnique, các Trường Lớn khác [Centrale, Mines (Paris), Ponts et Chaussées, Télécom, Sup Elec, Sup Aéro, Génie Maritime...], và các Trường Kỹ sư khác.

Đại học Sư Phạm ENS có nhiều trường, trong đó trường ENS - Ulm (Paris 5) là được ưa chuộng nhất. Kết thúc ENS, các sinh viên thi tuyển lấy bằng Thạc sĩ.

Trường Centrale là một trường kỹ sư đa ngành, cũng như Trường Polytechnique nhưng có khuynh hướng nặng hơn về kỹ thuật. Cả hai Trường này đều được ưa chuộng như là những trường kỹ sư đa ngành cao cấp. Các Trường Lớn khác là những trường kỹ thuật chuyên ngành cao cấp, sinh viên có thể được nhận vào qua thi tuyển trực tiếp hoặc sau khi tốt nghiệp Trường Polytechnique theo ưu tiên thứ hạng tốt nghiệp và được gọi là sinh viên “khối nhóm” (Élève du Corps), để phân biệt với sinh viên thi tuyển trực tiếp gọi là sinh viên “chính diện” (Élève titulaire).

Tôi gửi Hồ sơ đăng ký và được Trường Henri IV nhận vào lớp Toán Cao cấp (Math Sup) niên khóa 1955-1956. Tuy nhiên, do việc xin cấp hộ chiếu và visa mất nhiều thời gian hơn dự kiến nên tôi sang Pháp muộn khoảng nửa tháng so với ngày tựu trường. Vì thế, tôi đã không được vào nội trú cũng như bán trú ở Trường mà phải ở ngoại trú.

Tôi được anh Huỳnh Văn Trí, một người bạn học cũ ở cấp trung học cơ sở, cho tôi cùng chia một căn phòng nhỏ tại Paris 20, cách Trường khoảng nửa giờ tàu điện ngầm (métro). Trừ những ngày

cuối tuần, cuộc sống của tôi hằng ngày đại thể như sau: Buổi sáng đến lớp nghe giảng bài, buổi trưa ăn tại quán sinh viên, buổi chiều vào Trường tiếp tục nghe giảng bài hoặc vào học ở thư viện, tối lại đi ăn tại quán sinh viên rồi đi métro về nhà. Do áp lực của chương trình học tập, ngoại trừ lúc đi métro, để đến lớp kịp giờ tôi thường phải vừa đi vừa chạy, như thế mà vẫn nhiều lần không tránh khỏi đến muộn. Tôi trải qua một mùa thu se lạnh rồi một mùa đông giá rét. Nhiều lúc tuyết rơi, ở ngoài đường tôi cảm thấy cái lạnh thấm sâu vào cơ thể, đúng như người ta nói “lạnh thấu xương”! Sau đó khi vào lớp hoặc thư viện thì lại thấy quá nóng do các nơi ấy thường được sưởi trên mức cần thiết.

Tôi phải học rất nhiều để đuổi cho kịp chương trình. Một vấn đề quan trọng mà tôi gặp phải, là do không biết mình bị viễn thị, tôi không đeo kính khi làm việc, nên những khi phải học nhiều, tôi cảm thấy đầu óc căng thẳng, mệt mỏi quá sức chịu đựng. Cuối cùng tôi phải nghỉ học ở nhà và không dự được đợt kiểm tra cuối quý 3 của năm học, với hậu quả là không được lên lớp Toán Đặc biệt (Math Spé). Cũng may, nhờ kết quả học tập tốt trong phần đầu năm học, và có lý do chính đáng để không dự đợt kiểm tra quý 3 nên tôi được Trường chấp nhận cho học lại lớp Math Sup, niên khóa 1956-1957.

Thế là tôi đã lãng phí một năm học! Tôi cảm thấy xót xa, trước hết vì thất bại trong năm du học đầu tiên; hơn nữa, tôi đang phải sống bằng tiền của Cha Mẹ vì không có học bổng. Vào thời ấy, một gia đình gửi con đi du học tự túc ở Pháp phải hy sinh rất nhiều cho con, vì phí tổn cho sinh hoạt tại đây cao hơn nhiều so với tại Việt Nam. Lý do thứ hai làm tôi thấy xót xa là vì tôi chưa quen thất bại, chưa quen phải ở lại lớp. Trong thời gian học hai cấp trung học, tôi chỉ mới biết nhảy lớp chứ chưa hề phải học lại lớp. Cho nên lòng tự trọng của tôi đã bị tổn thương, và sự tự tin của tôi cũng bị giảm sút đáng kể. Suy nghĩ về thất bại ấy, tôi mơ hồ thấy có thể đó là do tôi đã hai lần nhảy lớp. Tôi dần hiểu rằng các lần thi nhảy lớp đã làm cho tôi “hụt hơi” vì sức khỏe bị phung phí quá nhiều, và “hông giò”

vì kiến thức căn bản bị suy kém. Ngoài ra, tôi phải chịu áp lực để thích nghi với môi trường khí hậu ôn đới; tôi cũng có nhiều thiếu sót trong kiến thức về bảo vệ sức khỏe và trong kinh nghiệm sống xa gia đình. Đó cũng là những yếu tố bất lợi đối với tôi.

Năm học sau, tôi được nhận vào nội trú ở Trường Henri IV. Khác với năm trước, trong năm học này hầu như lúc nào tôi cũng mang kính viễn thị. Việc này giúp tôi không còn bị mệt mỏi quá sức. Mặt khác, được ở nội trú cũng giúp tôi đỡ căng thẳng vì có thêm thì giờ học tập và nghỉ ngơi, và thoát được tình trạng ngày nào cũng phải vừa đi vừa chạy vì sợ muộn giờ đến lớp. Thay vì mất ít nhất một giờ mỗi ngày để di chuyển từ nhà đến trường và ngược lại, tôi chỉ mất chưa đầy 5 phút để đi lại giữa phòng ngủ, phòng học của sinh viên nội trú và lớp học. Ngoài ra, tôi cũng may mắn được kết thân với một số bạn người Việt Nam, tạo thành một nhóm bạn đồng hương cùng học tập, nâng đỡ nhau học tập, cùng nghỉ ngơi, giải trí. Và một yếu tố quan trọng bậc nhất, là tôi được học lại chương trình Math Sup đã học năm trước, nên mức độ hiểu biết về nội dung đào tạo và khả năng áp dụng các kiến thức đã học là tốt hơn rất nhiều. Với những yếu tố thuận lợi đó, tôi kết thúc năm học một cách tốt đẹp và được lên lớp Math Spé trong năm học tiếp theo.

Học Math Spé đòi hỏi các sinh viên phải liên tục cố gắng trên nền tảng kiến thức của lớp Math Sup. Muốn đạt được yêu cầu đó, các sinh viên phải học hành chăm chỉ và phải có đủ sức khỏe để chịu đựng một chế độ làm việc rất căng thẳng, không chỉ trong năm học, mà còn trong giai đoạn thi cử kéo dài từ vài tuần đến cả tháng. Nếu không có đủ sức khỏe, sinh viên sẽ không chịu đựng nổi một chế độ làm việc như vậy trong năm học, và sẽ cảm thấy mình dần bị hụt hơi và bị các bạn bỏ lại phía sau. Còn vào cuối năm khi thi tuyển, thì phải thấy đây là một cuộc “chạy đua” giữa những người đã cố gắng trong suốt năm học, đã được trang bị kiến thức, được huấn luyện để làm rất nhiều bài tập. Lúc đó, hơn thua nhau chủ yếu là ở phong độ, một khái niệm mà giới vận động viên rất quen thuộc,

là tính toán “điểm rơi” như thế nào để thời gian có phong độ tốt nhất trùng hợp với thời gian thi đấu mang tính quyết định nhất. Nếu phung phí quá nhiều sức khỏe trong thời gian chuẩn bị thì đến lúc thi cử sinh viên sẽ không còn phong độ tối ưu nữa. Ngược lại, nếu sinh viên không cố gắng đúng mức trong năm học, thì đến mùa thi cử, kiến thức sẽ không được nắm vững và khả năng sử dụng các kiến thức ấy sẽ không được thuần thục.

Nói tóm lại, bản lĩnh của một sinh viên bao gồm nhiều yếu tố, trong đó phải kể đến năng lực, sức khỏe và phương pháp làm việc, đặc biệt là phân phối sự cố gắng một cách khoa học để có đầy đủ điều kiện phát huy tối đa năng lực của mình lúc dự thi. Thiếu một trong các yếu tố đó, sinh viên sẽ không đạt được kết quả như mong muốn, và đành phải chấp nhận vào học ở một trường có cấp bậc thấp hơn, hoặc phải học lại để tham gia thi tuyển ở cuối niên khóa sau vào một trong những trường mong muốn.

Năm tôi học Math Spé niên khóa 1957-1958, tôi đã có những cố gắng cần thiết để đạt những kết quả đáng phấn khởi trong thời gian học tập. Tôi thường nhận điểm cao trong các buổi “colle”, được tổ chức hằng tuần để kiểm tra mức độ tiếp thu các bài học, khả năng áp dụng kiến thức đã học trong việc giải các bài tập, và để rèn luyện khả năng vấn đáp của các sinh viên. Tôi cũng được các giáo sư phụ trách những môn học chính đánh giá tốt. Trên cơ sở kết quả học tập trong năm đó, tôi đã cân nhắc và đăng ký thi vào các trường có đẳng cấp cao, đặc biệt là không dành một chọn lựa nào cho những trường có đẳng cấp thấp hơn. Với cách đăng ký này, nếu không đậu vào một trong những trường đã chọn thì tôi phải học lại thêm một năm nữa! Tôi tin rằng với sức học năm ấy, tôi không thể nào trượt hết các trường đã đăng ký, và tự nhủ cùng lắm nếu mà trượt hết, phải học lại một năm nữa thì cũng có thể coi như tôi hoàn trả lại các năm nhảy lớp ở cấp trung học, như vậy chưa thể coi là thất bại.

Thế nhưng, sau khi đậu ở kỳ thi viết của ENS, tôi không thành công trong kỳ thi vấn đáp và cuối cùng đã không đậu vào trường đó. Tệ hơn nữa, tôi cũng không thành công trong kỳ thi viết vào Trường Polytechnique! Lý do là vì phong độ của tôi quá kém trong thời gian các kỳ thi tuyển! Tôi đã chọn không đúng điểm rơi phong độ cho các kỳ thi. Sau một năm học quá cố gắng, tôi không còn đủ sức khỏe để chịu đựng cuộc “chạy đua” vào những Trường Lớn mà tôi mong muốn. Phần lớn mấy người bạn học của tôi đều thi đậu, kể cả những bạn có học lực kém tôi rất rõ trong năm học. Tôi rơi vào một trạng thái tâm lý cô đơn, nhiều mặc cảm, ít nhiều ân hận vì đã không đăng ký vào dù chỉ một trường kỹ sư có đẳng cấp khiêm tốn hơn. Thực ra, một trường kỹ sư ở tỉnh lẻ đã gửi thư thông báo cho tôi rằng họ sẵn sàng nhận tôi vào học, vì tôi đã thành công trong kỳ thi viết vào Trường ENS Paris. Tôi đã từ chối lời mời đó và quyết học thêm một năm nữa để thi lại. Tôi vẫn lý lợm tiếp tục thực hiện con đường mà tôi đã tự vạch ra trước đó: nếu không đậu vào một trong những trường mong muốn thì tôi sẽ học lại một năm nữa!

Lần này, trong niên khóa 1958-1959, tôi học lớp Math Spé với một thầy toán cực giỏi là Thầy Riche, và với nhiều bạn sinh viên rất giỏi, một tình trạng hiếm xảy ra đối với Trường Henri IV thời bấy giờ. Tôi tiếp thu các bài giảng một cách dễ dàng hơn, làm các bài tập cũng không gặp khó khăn gì nhiều. So với năm trước, năm nay tuy vẫn học hành chăm chỉ, nhưng tôi không quá căng thẳng trong công việc. Tôi xác định là mình phải thường xuyên cố gắng, nhưng không làm việc quá mức để giữ sức khỏe cho kỳ thi, nếu đậu được vào trường mà mình ưa thích thì tốt, nhưng nếu không thì cũng không sao, vì trong các trường đăng ký thi lần này, có một trường ở đẳng cấp không cao để tính đến tình huống xấu nhất.

Cuối cùng, trong các kỳ thi tuyển diễn ra vào mùa hè năm 1959, tôi đã thi đậu vào Trường Polytechnique.

Học Trường Polytechnique

Đây là một trường kỹ sư có uy tín vì từ lúc thành lập, một đội ngũ đông đảo các kỹ sư và nhà khoa học lỗi lạc đã được đào tạo tại đây, làm nền tảng cho sự phát triển của nước Pháp. Trường không ngừng đổi mới, được quốc tế hóa mạnh mẽ để theo kịp trào lưu của thế giới đương đại, và ngày nay vẫn đang có kế hoạch tiếp tục đổi mới. Trường Polytechnique là một trường mà nhiều thanh niên Pháp mơ ước được vào học vì nó đã và đang đào tạo ra những con người ưu tú cho xã hội Pháp.

Thế nhưng khi biết mình thi đậu, tôi chỉ thấy vui và nhẹ nhõm một chút, nhưng cảm xúc cơ bản là thanh thản, vì mình đã bỏ ra quá nhiều thời gian và công sức, nên cuối cùng thi đậu vào Trường cũng không có gì đáng ngạc nhiên. Với bao nhiêu cố gắng từ lúc sang Pháp đến nay và với năng lực học tập của bản thân, tôi tự thấy xứng đáng có một chỗ ngồi tại giảng đường của trường này. Vả chăng, đây mới là khởi đầu cho một sự nghiệp học tập và rèn luyện. Tôi còn phải học nhiều, vất vả nhiều trong một thời gian dài nữa mới mong có thể trở thành một con người hữu ích. Tôi cảm thấy câu thơ của Nguyễn Du trong Truyện Kiều “Đường xa nghĩ nổi sau này mà kinh!” rất phù hợp với tâm trạng của tôi lúc bấy giờ.

Trường Polytechnique đào tạo sinh viên theo từng khóa, mỗi khóa được gán một tên bằng cách kết hợp chữ X với hai số cuối của năm vào trường. Khóa của chúng tôi theo đó được mang tên là X59. Thời gian đào tạo ở Trường là hai năm, như vậy chúng tôi sẽ tốt nghiệp, được cấp bằng Kỹ sư và ra trường vào mùa hè năm 1961. Khóa X59 có 300 sinh viên Pháp và 7 sinh viên ngoại quốc. Thí sinh ngoại quốc phải thi viết ở mọi môn trừ môn ngoại ngữ không bắt buộc, nếu đạt thì thi tiếp vấn đáp như sinh viên Pháp, và được nhận vào Trường nếu có điểm số trung bình không kém hơn sinh viên Pháp đậu cuối bảng.

Về những người Việt Nam đã được đào tạo từ đầu đến nay ở Trường Polytechnique, tổng số đã lên đến trên 200 người, trong đó hơn một nửa theo kênh EV2 khi Trường áp dụng chính sách tuyển chọn mới dành cho sinh viên quốc tế. Số kỹ sư Polytechnique người Việt trong nửa đầu thế kỷ XX nếu còn sống thì tuổi cũng đã rất cao. Khi tôi viết những dòng này, người tốt nghiệp khóa xưa nhất còn sống mà tôi được biết hiện nay (2022) là Bùi Hữu Lân (X55) mà tôi gọi bằng Cậu vì quan hệ anh em họ với Mẹ tôi. Trong các khóa tiếp theo đến năm 1959, X56 còn đủ 3 người, X57 còn một người trên 3, X58 còn 2 người trên 4 và X59 còn đủ hai người (số liệu năm 2020). Các khóa tiếp theo có lẽ chưa bị hao hụt nhiều.

Trong số các kỹ sư Polytechnique người Việt Nam được biết đến nhiều nhất, có thể kể Hoàng Xuân Hãn (X30), Nguyễn Ngọc Bích (X31), Bùi Huy Đường (X57) và Nguyễn Trọng Anh (X57), trong số này hiện chỉ có anh Nguyễn Trọng Anh là còn sống. Nhiều bạn khác cũng có địa vị xứng đáng trong nghề nghiệp mà họ đã theo đuổi sau khi tốt nghiệp ra Trường. Nhiều bạn được tuyển chọn theo kênh EV2 cũng đã thể hiện rất tốt năng lực của mình, nhưng các em đó cần thêm thời gian để xây dựng vững chắc sự nghiệp của mình.

Ngay sau khi nhập học, sinh viên khóa mới bị sinh viên khóa cũ “quậy phá” trong một trò chơi truyền thống nổi tiếng ở Trường gọi là “bizutage”, theo tinh thần “ma cũ bắt nạt ma mới”. Tôi không biết rõ ý nghĩa của trò “quậy phá” này, nhưng những người bảo vệ trò đùa cho rằng nó có thể bắt nguồn từ nhận xét là các sinh viên mới được trúng tuyển vào Trường sau những năm ôn luyện vất vả, đã thành công qua một cuộc thi hết sức khó khăn, thì có khuynh hướng tự tôn tự phụ, coi thường người khác, có thái độ thiếu khiêm tốn trong giao tiếp với mọi người. Những sinh viên như thế đáng được nhận một bài học để quay trở lại trạng thái bình thường như trước. Những người chống đối cho rằng trò bizutage là một trò chơi bất cân đối, tuy vui nhộn cho sinh viên khóa cũ, nhưng lại làm nhục các sinh viên khóa mới. Tuy nhiên, vì đây là một trò chơi truyền



Cổng ra vào Trường Polytechnique thời tôi là sinh viên (5 đường Descartes, Paris 5). Hiện nay Trường đã dời về địa chỉ mới ở Palaiseau



Tôi mặc bộ lễ phục của Trường Polytechnique sau ngày khai giảng (1959)

thống, cho nên sinh viên khóa cũ tha hồ sử dụng quyền bất nạt, còn sinh viên khóa mới phải kiên nhẫn chịu đựng sự bất nạt đó.

Sau trò bizutage, Khóa học khởi đầu bằng một đợt huấn luyện quân sự kéo dài một tháng ở căn cứ Mourmelon thuộc tỉnh Marne, ở vùng Đông Bắc nước Pháp. Trong thời gian này, nước Pháp mới chuyển sang chế độ đệ ngũ cộng hòa (1958) và đang tiến hành cuộc “chiến tranh Algérie”. Huấn luyện viên quân sự của Khóa X59 là những sĩ quan trẻ tốt nghiệp xuất sắc tại Trường Võ bị Saint Cyr, với nhiều triển vọng sau này trở thành lực lượng nòng cốt trong quân đội Pháp. Trường Polytechnique tuy cũng trực thuộc Bộ Quốc phòng, nhưng tính chất cơ bản vẫn là một trường đào tạo khoa học kỹ thuật cao cấp, còn đào tạo quân sự chỉ là một khía cạnh thứ yếu. Sau khi tốt nghiệp ở Trường, những sinh viên có nguyện vọng theo đuổi binh nghiệp phải tiếp tục theo học tại các trường chuyên ngành thích hợp, nhưng số đó không chiếm một tỷ lệ cao trong số sinh viên ra Trường.

Với tư cách là sinh viên nước ngoài, tôi chỉ phải theo học một đợt huấn luyện quân sự duy nhất, ở Mourmelon. Các bạn Pháp còn phải thực hiện thêm một khóa thực tập quân sự ngay trên chiến trường Algérie vào mùa hè năm 1960. Trong chuyến thực tập hè năm ấy, một số sĩ quan Saint Cyr, từng là huấn luyện viên ở Mourmelon, đã thiệt mạng trên chiến trường. Tuy Khóa X59 không ai bị thương vong, nhưng đến năm 1961 ngay sau khi tốt nghiệp, một bạn học của chúng tôi cũng đã bỏ mạng trên chiến trường nghiệt ngã này.

Cuộc chiến tranh Algérie của nước Pháp không nhận được sự nhất trí của đông đảo người Pháp, vì bản chất của nó là để chống lại cuộc đấu tranh giành độc lập và giải phóng dân tộc ở Algérie, nối tiếp con đường cách mạng của nhân dân Việt Nam. Nhiều người dân Pháp cũng đã ngăn ngấm chiến tranh sau bài học Việt Nam. Tuy nhiên, nước Pháp có nhiều quyền lợi và nhiều người dân đang

định cư ở Algérie (được gọi là “Pieds Noirs” – “những người Chân Đen”), vì vậy Pháp tìm cách duy trì các quyền lợi đó cũng như cố tìm một giải pháp phù hợp cho kiều dân của họ. Ngay trong nội bộ sinh viên 2 khóa của Trường cũng có ý kiến đối lập nhau về thái độ đối với cuộc chiến Algérie của nước Pháp. Mâu thuẫn đó đã dẫn tới áp lực của Ban lãnh đạo nhà trường đối với những sinh viên chống đối lại đường lối của Chính phủ Pháp. Các sinh viên đó bị Ban lãnh đạo Trường hăm dọa đuổi học nếu tiếp tục có thái độ chống đối. Trường Polytechnique đã trải qua một số ngày sóng gió căng thẳng, nhưng sau đó đâu lại vào đấy.

Cuối cùng, cuộc chiến tranh kết thúc, những người kháng chiến Algérie cùng với chính quyền Pháp đã ký kết một thỏa ước hòa bình ở Evian vào tháng 3/1962. Pháp công nhận nền độc lập của Algérie, hai bên thống nhất giải pháp đối với những người “Chân Đen”: họ có thể hồi hương về Pháp, hoặc ở lại Algérie như những người ngoại quốc, hoặc đổi quốc tịch để trở thành người Algérie.

Sau đợt huấn luyện quân sự ở Mourmelon, Khóa X59 bắt đầu năm học, với những bài giảng trong các môn khoa học (toán học, vật lý học, hóa học, cơ học), kinh tế, kiến trúc do những chuyên gia đầu ngành của Pháp làm Giáo sư (Professeur). Các giáo trình in offset được chuẩn bị sẵn và phân phát trước khi Thầy lên lớp giảng bài, để sinh viên nghiên cứu trước hoặc theo dõi bài giảng mà không cần phải cặm cụi ghi chép. Các bài giảng chung cho toàn Khóa được tổ chức tại giảng đường. Sinh viên còn được phân thành những nhóm nhỏ, để dự các buổi học gọi là “petites classes” (lớp học nhỏ) do những Giảng sư (Maitre de Conférence) phụ trách, tại đó kiến thức trình bày trong giảng đường được đem ra mổ xẻ và áp dụng trong thực tiễn. Sinh viên được học ngoại ngữ trong các “lớp học nhỏ” và trong các labo ngoại ngữ. Trong các “lớp học nhỏ”, sinh viên được phân công trình bày những vấn đề thời sự bằng tiếng nước ngoài đã chọn. Trong các labo ngoại ngữ sinh viên được khai thác các thiết bị chuyên dụng để giúp nghe và nói chuẩn xác hơn.

Sinh viên còn được học hội họa, vẽ các tĩnh vật, các bức tượng điêu khắc và các nhân vật người mẫu.

Các Giáo sư của Khóa X59 gồm những nhân vật nổi tiếng trong giới khoa học đương thời, như Laurent Schwartz (1915-2002), Giáo sư toán, Giải thưởng Fields (1950); Louis Leprince-Ringuet (1901-2000), Giáo sư vật lý, Viện sĩ Viện Hàn Lâm Khoa học Pháp; Bernard Grégory (1919-1977), Giáo sư vật lý, Tổng Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Hạt nhân châu Âu (CERN); Jean Mandel (1907-1982), Giáo sư Cơ học, ...

Chế độ học và thi cử ở Trường, đối với các môn học chính bao gồm tham dự các bài giảng của Giáo sư trên giảng đường, nghiên cứu giáo trình để quán triệt nội dung các bài học, tham gia “lớp học nhỏ” để đào sâu các vấn đề và giải các bài tập dưới sự hướng dẫn của Giảng sư, cuối cùng là tham gia các kỳ thi. Ở Trường Polytechnique thời bấy giờ, có một cách làm đặc biệt là khi thi, các sinh viên được mang theo giáo trình và có thể tham khảo thoải mái các nội dung đã được giảng dạy. Sau mỗi kỳ thi, kết quả của môn thi và kết quả tổng hợp các môn đã thi từ đầu Khóa học được niêm yết. Nhờ vậy, mọi sinh viên có thể biết mình đang ở thứ hạng nào để có những cố gắng cần thiết trong thời gian còn lại của Khóa học.

Qua kết quả học tập, có thể thấy thứ hạng các sinh viên trong Khóa nói chung là khá ổn định, những người có tổng điểm số cao nhất khi thi tuyển vào Trường thường gặp lại nhau trong bảng tổng sắp ở mọi thời điểm trong năm, cuối năm và cuối Khóa. Điều này chứng tỏ bản lĩnh của sinh viên là yếu tố quyết định kết quả học tập, mà bản lĩnh là sự tổng hợp của năng lực, sức khỏe và sự cố gắng của mỗi người. Nếu tách ra từng môn thi, kết quả có những biến thiên nhất định, nhưng khi gộp các môn thi lại thì sẽ thấy tính ổn định tương đối của thứ hạng. Về phần tôi, kết quả đạt được đã đưa tôi vào tốp giữa của Khóa X59. Tôi đã đạt được những thành tích khá tốt trong những môn thi đầu tiên, nhưng với thời gian, kết quả

dẫn trở nên ổn định và đưa tôi đến khu vực trung bình trong bảng tổng sắp. Phải nói rằng, với năng lực, sức khỏe và mức độ cố gắng của tôi, việc được sắp trong top giữa là thỏa đáng.

Một trong những điểm thuận lợi của tôi khi vào học tại Trường Polytechnique là được học cùng với những bạn sinh viên xuất sắc của nước Pháp. Những người giỏi nhất Khóa đều là những sinh viên có năng lực rất cao, vào giảng đường họ dường như chỉ lơ đãng ngồi nghe, vào phòng học cũng không có vẻ gì là tập trung học hành, thế nhưng khi được hỏi thì câu nào cũng trả lời vanh vách, như đã suy nghĩ trước về vấn đề được hỏi. Những sinh viên khác phần lớn đều thông minh, chăm chỉ và có những năng khiếu đặc biệt.

Tôi không thật xuất sắc ở môn nào, nhưng cũng không có môn nào thật kém, nhờ học hành chăm chỉ. Trong thời gian học ở Trường, nếu cố tìm một môn học mà tôi luôn có kết quả tốt, thì có thể đây là môn hội họa! Thầy dạy hội họa của Khóa X59 là Lucien Fontanarosa (1912-1975), một họa sĩ nổi tiếng ở Pháp. Ở các buổi học về hội họa, mỗi lần vẽ xong mang bức vẽ lên cho Thầy chấm điểm, tôi đều được điểm D (mức cao nhất). Mãi rồi quen, thầy cho điểm mà không nhìn bức tranh của tôi nữa. Tôi có một anh bạn học rất thân tên Jean Salençon học cùng tôi từ Trường Henri IV, sau này là Giáo sư môn cơ học ở Trường Polytechnique, Viện sĩ các Viện Hàn lâm Khoa học Pháp và Châu Âu. Tuy có thành tích chuyên môn xuất sắc như vậy, nhưng thời còn học ở Trường anh hoàn toàn không có năng khiếu về hội họa, mỗi lần đưa “tác phẩm” của mình lên cho Thầy, anh đều nhận được điểm A (mức kém nhất). Biết thế, một lần tôi đánh cược với Salençon, cầm bức vẽ của bạn ấy lên cho Thầy chấm điểm, và mang về tặng cho bạn ấy một điểm D!

Giữa năm 1961, tôi kết thúc 2 năm học ở Trường. Tôi gói ghém cẩn thận các giáo trình được đóng bìa cứng, gáy da, chữ mạ vàng và mang chúng theo để sử dụng sau này. Nhưng tôi đã để lại bộ lễ phục trải dài trên giường ngủ cùng với chiếc mũ 2 sừng (bicorné)

và thanh kiếm, như một cử chỉ chia tay long trọng với thời kỳ học tập đáng ghi nhớ này của tôi tại Trường Polytechnique, do Hoàng đế Napoléon Đệ nhất sáng lập năm 1794 và đặt dưới trách nhiệm của Bộ Quốc phòng Pháp. Việc tốt nghiệp Kỹ sư Trường Polytechnique là một cái mốc quan trọng trong cuộc đời sinh viên của tôi và sẽ tạo cho tôi một cánh cửa rộng mở để vào đời.

Học vật lý hạt nhân chuyên sâu - Chuẩn bị luận án Tiến sĩ Vật lý

Sau khi tốt nghiệp Kỹ sư, tôi được nhận vào làm việc ở Trung tâm Nghiên cứu Hạt nhân Saclay trong một Nhóm nghiên cứu Vật lý Hạt nhân năng lượng cao mang tên GAP (Groupe d'Analyse de Photos – Nhóm Phân tích Ảnh). Tôi vừa làm việc vừa tiếp tục học và thi các chứng chỉ cuối cùng của bằng Cử nhân Toán tại Đại học Paris VI. Thực ra tôi chỉ mua các giáo trình rồi tự học ở nhà để dự các kỳ thi do Đại học Paris VI tổ chức. Việc tự học và thi các chứng chỉ này không khó khăn đối với tôi, vì phần lớn nội dung của chương trình Cử nhân Toán đã được học ở Trường Polytechnique. Tôi học Cử nhân Toán với mục đích hỗ trợ cho công việc nghiên cứu vật lý thực nghiệm, vì trong chương trình đó có 2 chứng chỉ TMP (Techniques Mathématiques de la Physique – Kỹ thuật Toán của Vật lý) và MMP (Méthodes Mathématiques de la Physique – Phương pháp Toán của Vật lý). Sau khi kết thúc công việc này, tôi đăng ký học lớp Vật lý hạt nhân chuyên sâu tại Đại học Paris XI (Orsay), do Bà Giáo sư Benoist-Gueutal đảm nhiệm. Bà Benoist-Gueutal (1923-2003) giảng bài rất rõ ràng và đề cập đến nhiều vấn đề chuyên sâu của vật lý hạt nhân mà tôi chưa được học, cho nên tôi đã chăm chỉ đến lớp để nghe giảng mặc dù rất bận rộn với công việc ở Nhóm GAP.

Năm 1965, tôi bắt đầu tiến hành các thí nghiệm sử dụng buồng bọt (**) để nghiên cứu tương tác giữa chùm hạt proton do máy gia

() Chú thích: Buồng bọt và phân tích ảnh buồng bọt**

Buồng bọt là một công cụ vật lý quan trọng trong thực nghiệm Vật lý hạt cơ bản để tạo ra và ghi nhận hình ảnh các phản ứng tương tác giữa chùm hạt tới từ máy gia tốc với các hạt nhân trong buồng bọt. Đây là một thiết bị được chế tạo dựa trên một công trình vật lý phát minh năm 1952 bởi Donald A. Glaser mà nhờ đó tác giả đã được nhận giải Nobel Vật lý năm 1960.

Chất lỏng trong suốt chứa trong buồng bọt phải ở trạng thái nung nóng đến sát điểm sôi của nó. Khi chùm hạt mang điện tích xâm nhập vào buồng bọt, một pít-tông được kích động làm giảm áp suất của chất lỏng, tạo nên một trạng thái đặc biệt gọi là “giả bền quá nhiệt” (superheated metastable phase). Khi các hạt mang điện tích vượt qua buồng bọt tạo thành những quỹ đạo ion hóa, dọc theo các quỹ đạo đó chất lỏng sẽ bốc hơi tạo nên những hạt bọt nhỏ mà mật độ tỷ lệ với sự mất năng lượng của hạt trong quá trình vượt qua buồng bọt. Sự mất năng lượng của hạt mang điện tích sẽ cung cấp điều kiện thuận lợi để tạo bọt trong chất lỏng đang trong trạng thái giả bền quá nhiệt, sự mất năng lượng càng nhiều thì điều kiện tạo bọt càng thuận lợi.

Sự ghi nhận hình ảnh từ hai máy chụp từ những vị trí khác nhau ngoài buồng bọt được tiến hành nhờ một chiếc đèn flash lóe sáng khi việc tạo bọt đạt tới điểm tối ưu. Nhờ vị trí xác định của hai máy ảnh và những dấu khắc chữ thập làm chuẩn định vị trên các vách thủy tinh của buồng bọt, quỹ đạo các hạt được mô tả chính xác về phương diện hình học 3 chiều. Ngay sau đó, pít-tông thực hiện chế độ nén, và xóa dấu vết của các quỹ đạo đã được ghi hình, mọi việc trở lại trạng thái ban đầu chờ lần chụp sau.

Ngoài tính chất cơ bản của buồng bọt vừa được mô tả, một từ trường đồng nhất được tạo ra trong toàn khối của buồng bọt cho phép quỹ đạo các hạt mang điện tích được uốn cong ở mức độ phụ thuộc vào động năng hạt. Nhờ vậy, người có kinh nghiệm khảo sát ảnh có thể nhìn và đoán biết được quỹ đạo nào là do hạt mang điện tích gì, và động năng của hạt ấy cỡ bao nhiêu.

tốc Synchrotron của CERN (Genève, Thụy sĩ) sản xuất với các hạt nhân trong buồng bọt hydro 2m, và đặc biệt để nghiên cứu tương tác $p + p \rightarrow p + p + \pi^+ + \pi^-$, với proton tới ở xung lượng 8 GeV/c. Công việc của tôi là theo dõi việc chụp ảnh trong buồng bọt, chọn lựa các bức ảnh liên quan đến loại tương tác cần nghiên cứu, tiến hành đo xung lượng các hạt sản phẩm của tương tác, thống kê các kết quả và nghiên cứu chúng để hiểu rõ lực chi phối trong tương tác. Sau khi khai thác các kết quả thu nhận được với chùm proton 8 GeV/c, tôi tiến hành dự thảo bản luận án và chỉnh sửa nhiều lần cho đến khi đạt được mức độ chặt chẽ mong muốn về khoa học. Tôi cũng chuyển bản dự thảo đến Gs. Jean Crussard, để được góp ý kiến. Sau đó tôi tổ chức báo cáo thử trước các đồng nghiệp trong nhóm GAP. Jean Crussard là thầy hướng dẫn của tôi, cũng là người thành lập và phụ trách Nhóm GAP. Ông tốt nghiệp Kỹ sư Trường Polytechnique Khóa X30 (cùng Khóa với bác Hoàng Xuân Hãn), và cũng từng là thành viên nhóm nghiên cứu vật lý ở Trường Polytechnique do Giáo sư Louis Leprince-Ringuet lãnh đạo.

Hội đồng chấm Luận án Tiến sĩ của tôi gồm 3 thành viên: Gs. Berthelot, Gs. Laberrigue và Gs. Crussard. Vào ngày 9/6/1969, tôi bảo vệ thành công Luận án Tiến sĩ Nhà nước về Vật lý, chuyên ngành Vật lý hạt cơ bản, tại Đại học Paris XI (Orsay), và được Hội đồng đánh giá là “Rất Vinh dự” (mention “Très Honorable”). Ở tuổi 31, giai đoạn học hành của tôi về cơ bản có thể được xem là kết thúc, mặc dù theo tinh thần “học tập suốt đời”, tôi vẫn quan tâm học thêm nhiều vấn đề toán và vật lý để bổ sung, cập nhật và hệ thống hóa kiến thức chuyên môn của mình.

Những nơi đã trú ngụ và những bạn hữu trong thời gian du học

Căn phòng của Huỳnh Văn Trí ở Paris 20

Sau khi đến Paris, tôi ở ngoại trú để đi học Trường Henri IV. Nơi

tôi đến ở là một căn phòng nằm tại lầu 1 đường Ramus, Paris 20, do một người bạn học cũ ở Việt Nam Học Đường là Huỳnh Văn Trí, cho tôi trú ngụ. Ngay dưới căn phòng của Trí, là căn hộ của chị Huỳnh Ngọc Phước (“chị Ba” của Trí), cùng chồng là Bác sĩ Nguyễn Hữu Hiệu và hai con trai, Pierre và Pascal. Thỉnh thoảng Trí và tôi đi học về sớm, ghé qua căn hộ của anh chị Ba thăm anh chị và chơi với các cháu, còn được anh chị cho ăn cơm tối. Nhờ ở chung với Trí, nên tôi cũng được “ăn theo” Trí cái không khí gia đình mà không phải người sinh viên du học nào cũng may mắn có được. Sau này khi lâm bệnh vào cuối năm học, tôi đã được Trí và gia đình anh chị Ba nâng đỡ tinh thần, giúp tôi vượt qua một giai đoạn khó khăn để tiếp tục học hành trong năm học tiếp theo. Tôi vô cùng biết ơn Trí và gia đình anh chị Ba về sự giúp đỡ chân tình trong những tháng ngày tôi mới sang Pháp du học. Sau này, tuy không còn ở chung với nhau nữa, nhưng giữa Trí và tôi vẫn giữ được một tình bạn sâu sắc.

Ở Pháp, lúc bấy giờ Trí còn có hai người anh, là Huỳnh Văn Thiện (anh Hai) và Huỳnh Văn Tùng (anh Năm); và một người em trai là Huỳnh Văn Tấn. Anh Hai Thiện theo học Kỹ sư Xây dựng tại Trường Công chính (École des Travaux Publics). Tốt nghiệp xong, anh về miền Nam và từ đó tôi không được tin tức gì của anh nữa. Anh Năm Tùng tốt nghiệp Kỹ sư Trường Centrale (Paris) và làm việc ở Công ty St Gobain, Paris. Thỉnh thoảng tôi có gặp anh trên sân vận động Đại học xá Paris, trong các quãng thời gian tôi còn là sinh viên hoặc mới đi làm việc. Sau khi đi làm không lâu, tôi có đến thăm anh tại nhà riêng để tham khảo anh về kinh nghiệm làm việc tại Công ty St Gobain nổi tiếng.

Sau hai năm sang Pháp, Trí tốt nghiệp cấp Trung học với bằng Tú tài Toán và được nhận vào học tại Trường trung học Jules Ferry để chuẩn bị thi vào Trường Lớn. Trí học tốt và rất tự tin vào khả năng của mình. Đúng là anh có những khả năng đặc biệt, ví dụ như tự nghiên cứu để làm những chiếc máy vô tuyến ngay từ khi còn



Tôi và anh Huỳnh Văn Trí (1956)

học cấp Trung học cơ sở ở Việt Nam. Ai có máy thu thanh hồng nhờ Trí sửa, chắc chắn sẽ được hài lòng. Nhưng Trí thi vào Trường Lớn mấy lần đều không có kết quả như mong đợi, và vì thế anh trở thành một người thất chí khi thấy bạn bè đều thành công, mình học chẳng thua kém ai nhưng mãi vẫn còn tay trắng. Đầu những năm bảy mươi, anh kết bạn với một cô sinh viên người Campuchia, hai người sống với nhau trong một căn hộ ở vùng ngoại ô Bắc Paris.

Khi xảy ra những sự cố đau thương ở Campuchia gây ra bởi tập đoàn Khơ-Me Đỏ với Lon-Non, Khiêu Săm Phăn và Sirik-Matak, cô bạn gái chia tay Trí và bỏ nhà ra đi, chỉ để lại cho anh con chó béc-giê của cô ấy. Từ đó, anh sống với con chó cùng nỗi cô đơn của mình.

Sau khi về nước, trong một thời gian rất lâu tôi không liên lạc được với Trí. Một lần có dịp sang Pháp, tôi đã cùng một người bạn cũ của Trí và tôi, anh Nguyễn Văn Tuyên, rủ nhau đi tìm Trí. Chúng tôi tìm đến nhà cũ của Trí ở đường Ramus, với hy vọng tìm được Trí ở đây. Chúng tôi gõ cửa, gặp một người đàn ông Pháp tuổi trung niên, người này cho biết đã ở đây hằng chục năm nhưng không hề biết có người Việt nào sống ở nơi này. Chúng tôi đành ra bưu điện của quận Paris 20 và sử dụng danh bạ điện tử Minitel đang thịnh hành ở Pháp thời đó, xem có ai tên Huỳnh Văn Trí sống ở Paris hoặc vùng ngoại ô không, và nếu có thì tại địa chỉ nào, số điện thoại ra sao? Thật là khó như mò kim đáy biển! Tìm hết các quận nội thành Paris chẳng thấy ai tên Huỳnh Văn Trí, chúng tôi quay sang tìm trong các vùng ngoại ô. Cuối cùng, sau hơn một giờ tìm kiếm, chúng tôi vui mừng vì đã tìm được các thông tin về người muốn tìm. Gọi điện thoại, ở đầu dây có người trả lời bằng tiếng Pháp nhưng đúng là Trí. Chúng tôi nói tiếng Việt, Trí trả lời bằng tiếng Pháp, vì lâu quá không giao thiệp với người Việt Nam nên Trí đã mất thói quen nói tiếng Việt!

Chúng tôi hẹn gặp và đã gặp được Trí, đi chơi với Trí suốt một buổi tối. Sau này Tuyên qua đời, tôi phải nhờ một người bạn khác là Đinh Tường Long cũng quen biết Trí, thỉnh thoảng gọi điện thoại cho Trí để hỏi thăm, nhưng Trí không còn muốn giao thiệp với bất kỳ ai. Tuy nhiên, qua anh Năm Tùng, tôi được biết sức khỏe của Trí ngày càng suy sụp và cuối cùng Trí đã qua đời, không vợ con bè bạn. Trong số anh chị em ruột của Trí mà tôi đã từng quen biết, cũng chỉ còn lại một người sống ở vùng Paris là anh Năm Tùng.

Ký túc xá Trường Henri IV

Tôi được nhận vào ở nội trú tại Ký túc xá Trường Henri IV trong niên khóa 1956-1957 để học lại lớp Math Sup. Ký túc xá nằm ở lầu 1 trong một khối nhà lớn được xây dựng tại khuôn viên Trường, rất thuận tiện cho việc ăn ở, đi lại của sinh viên từ phòng ngủ, phòng ăn đến các lớp học. Các giường ngủ được sắp xếp thành hai dãy, tủ áo quần đặt ở phía đầu giường, sát vách. Ở giữa các dãy giường là một lối đi rộng. Cuối phòng ngủ có một ô cửa rộng dẫn vào phòng rửa mặt và phòng vệ sinh.

Ở tầng trệt, ngay dưới phòng ngủ là phòng ăn, nơi các sinh viên nội trú đến ăn mỗi ngày ba bữa vào giờ quy định. Việc ăn uống ở Trường theo đúng chế độ của các trường Trung học ở Pháp. Thời tôi học ở Trường, người ta còn nhắc đến cuộc tranh luận về việc nên cho học sinh uống nước hay uống sữa trong các bữa ăn, và chế độ uống sữa đã được quyết định bởi Thủ tướng Pierre Mendès-France từ năm 1954. Ở Pháp, các ngày thứ sáu được dành cho món cá, điều mà nhiều sinh viên không ưa thích lắm.

Kỷ luật nhà trường đặt ra trong chế độ nội trú khá chặt chẽ. Buổi sáng vào giờ quy định, một hồi chuông reo vang đánh thức mọi người dậy, nếu không dậy nổi thì cũng được người giám thị “giúp đỡ” để kịp giờ ăn sáng. Sau buổi ăn tối sinh viên có thể xuống phòng học trong thời gian một hai tiếng, nhưng đến giờ ngủ quy định, mọi người phải lên phòng ngủ để chuẩn bị đi nằm. Sau đó, đèn trong phòng ngủ được tắt, và nếu có ai chưa buồn ngủ, thì cũng cứ phải vào giường. Những ai muốn đọc sách thêm thì phải dùng đèn pin để lén đọc dưới tấm chăn.

Áo quần bẩn có túi vải để nhồi nhét vào, đến ngày quy định sinh viên đặt túi ấy lên giường ngủ trước khi xuống lớp, nhân viên vệ sinh đến lấy để mang đi giặt. Vài hôm sau, áo quần giặt sạch, là phẳng được trả lại cho sinh viên, để mọi người mặc vào sau khi tắm rửa. Sinh viên nội trú được đi tắm một tuần hai lần tại trường.



Trường Henri IV (sau cột tháp của Trường là Điện Panthéon). Ký túc xá cũng như Phòng ăn nằm trong khối nhà đầu tiên bên trái.



Nhóm bạn Việt Nam ở nội trú chụp tại sân Trường Henri IV năm 1958. Từ trái sang phải: Lê Xuân Thảo (đỗ vào Ponts & Chaussées), Trần Văn Khải (Télécom), Nguyễn Quang Tiến (Mines Paris), Trần Túc Vị (X58), Nguyễn Văn Đoàn (X58), và tôi.

Sinh viên nội trú phần nhiều là người nước ngoài: một số là người Việt Nam, còn lại là người các nước Châu Phi, vùng Trung Cận Đông và Đông Nam Á. Ngoài ra, có một ít sinh viên Pháp đến từ các địa phương ngoài Paris. Trong số sinh viên Việt Nam của Trường Henri IV vào thời gian tôi học ở đấy, nhiều người là bạn thân của tôi, phần đông đều thi đậu vào Trường Lớn và một số sau này đã có thành tích nổi bật trong lĩnh vực chuyên môn.

Nổi bật nhất là Bùi Huy Đường, học cùng tôi lớp Math Sup, Trường Henri IV, niên khóa 1955-1956. Anh thi đậu vào Trường X năm 1957. Sau khi tốt nghiệp, anh học tiếp Trường Quốc gia Cầu

Đường (Ponts & Chaussées) rồi vào làm Kỹ sư nghiên cứu tại Công ty Điện lực Pháp (EDF). Anh đã công bố những công trình nghiên cứu đặc sắc về Cơ học chất rắn. Cuối cùng EDF gửi anh đến làm việc dài hạn ở Phòng thí nghiệm Cơ học chất rắn của Trường Polytechnique. Anh nhanh chóng trở thành một cán bộ đầu đàn của Phòng thí nghiệm này. Anh được bầu vào làm Viện sĩ Viện hàn lâm Khoa học Pháp và Viện Hàn lâm Khoa học châu Âu.

Sau năm 2010, khi Việt Nam có quyết định xây dựng Nhà máy điện hạt nhân, anh đã viết một số bài về những vấn đề cơ học chất rắn cần lưu ý khi xem xét khía cạnh an toàn. Anh đã liên hệ với tôi để nhờ chữa giúp bản tiếng Việt dịch từ tiếng Pháp của những bài anh viết. Ngoài ra anh đã gửi tặng tôi một bản danh sách để giới thiệu với trong nước những người gốc Việt đang làm việc ở Pháp và có chuyên môn phù hợp.

Sau đó anh có dịp về thăm quê nhà, để nhận một giải thưởng vinh danh sự nghiệp khoa học của anh. Đó là một cơ hội gặp nhau sau nhiều năm xa cách. Vợ chồng tôi đã mời anh cùng vợ chồng anh Đặng Văn Kỳ ăn tối ở Quán Phở Hà Nội, gần Siêu thị Coop-Mart đường Nguyễn Đình Chiểu, một quán bình dân sử dụng một ngõ cụt giữa hai căn phố, nhưng được trang trí lịch sự và rất dễ thương theo chủ đề “đường phố Hà Nội”. Quán phục vụ các món ăn Hà Nội, trước hết là phở, ngoài ra cũng còn một số món đặc sản khác của Hà Nội như xôi xéo mà chúng tôi rất ưa thích. Các món ăn ở đây đều rất ngon, nhờ vậy anh Đường được an ủi phần nào vì đã không đủ thì giờ ra Hà Nội trong chuyến về này.

Tôi cũng đã cùng anh đến Củ Chi, thăm cơ sở du lịch “Một thoáng Việt Nam” nổi tiếng. Đây là một dịp để chúng tôi được chị Tuyết Nga, người sáng lập “Một thoáng Việt Nam”, nhắc lại những nét đặc sắc về lịch sử, văn hóa của đất nước ta. Anh Đường và tôi được chị Tuyết Nga mời cơm trưa và hôm ấy, chúng tôi đã có một buổi đàm đạo thú vị.

Trong thời gian về thăm quê hương lần đó, anh đã gặp khó khăn khi phát biểu, dường như đang có vấn đề gì vướng mắc ở thanh quản. Trở lại Pháp, vấn đề sức khỏe đó trở nên trầm trọng và năm 2013 anh đã qua đời, để lại một sự nghiệp khoa học đồ sộ và nỗi tiếc thương của nhiều bạn bè và đồng nghiệp.

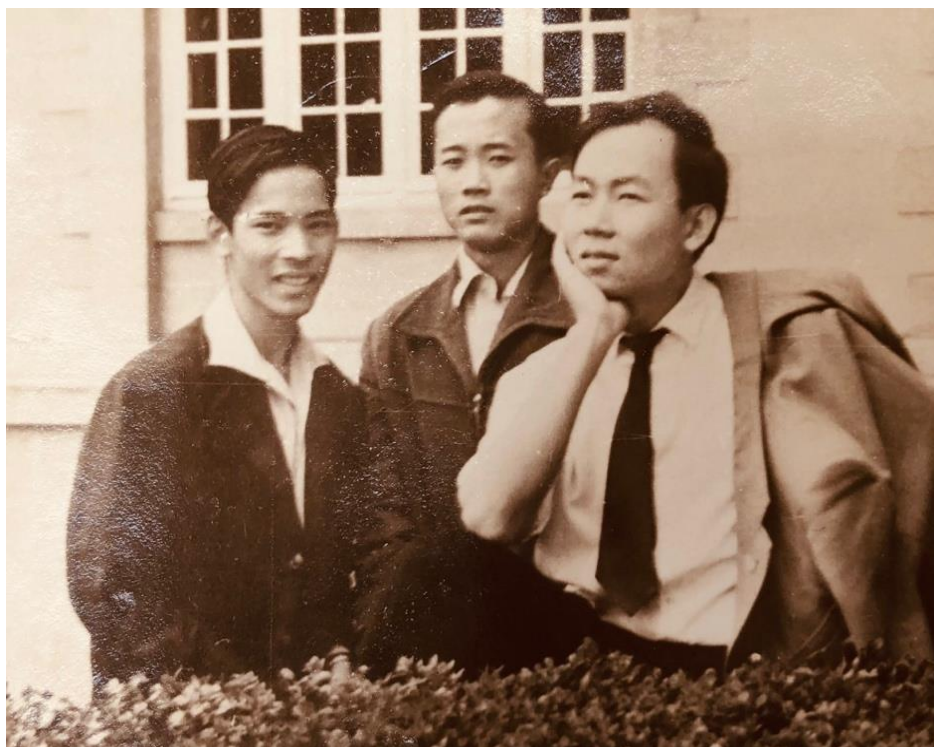
Một người bạn khác cùng lớp Math Spé 1958-1959 với tôi là anh Nghiêm Xuân Hải, người có thành tích xuất sắc trong các kỳ thi tuyển cuối năm học đó. Anh thi đậu xuất sắc vào các Trường Polytechnique và Normale Supérieure (ENS-Ulm) và đã chọn vào học Normale Sup, theo đuổi con đường sư phạm và nghiên cứu khoa học. Sau khi đỗ bằng Thạc sĩ toán, anh chuẩn bị và bảo vệ luận án Tiến sĩ Khoa học trong lĩnh vực vật lý lý thuyết tại Đại học Paris XI (Orsay).

Một người bạn khác nữa là anh Dương Vĩnh Hùng học chung với tôi ở lớp Math Spé Trường Henri IV niên khóa 1958-1959 và đậu vào Trường Polytechnique trong năm học sau (1959-1960). Hùng là một người bạn hiền lành và lúc nào tôi cũng thấy anh đang học hành chăm chỉ trong phòng học của sinh viên nội trú.

Trong số các bạn học khác của tôi ở Henri IV, còn có các anh Nguyễn Quang Tiến và Trần Văn Khải là bạn cùng lớp Math Spé với tôi niên khóa 1957-1958. Các anh đều đỗ vào một Trường Lớn ở kỳ thi năm 1958: Tiến đỗ vào Trường Mines (Paris) và Khải vào Trường Télécom. Sau khi hồi hương, tôi vẫn giữ được mối quan hệ mật thiết với Tiến, nhưng chỉ gặp lại Khải một lần khi sang Pháp công tác năm 1979, sau đó trong nhiều năm tôi không được tin tức gì về anh nữa. Trong thời gian học chung, tôi có mối quan hệ thân thiết với Khải, và sau khi về nước một thời gian, gia đình tôi sống ở đường Đặng Tất không xa nhà Ông cụ thân sinh của Khải. Ông cụ rất chăm rèn luyện sức khỏe, lúc đó Ông đã trên 80 tuổi mà mỗi buổi sáng vẫn đi bộ đều đặn qua nhà tôi, và mỗi khi gặp Ông cụ, tôi lại nhớ về người bạn cũ của mình!



Tôi và anh Nguyễn Quang Tiến (1957)



Tôi và các anh Trần Văn Khải, Huỳnh Văn Tùng (Năm Tùng) (1958)

Ký túc xá Trường Polytechnique

Trường Polytechnique chỉ có một chế độ cho mọi sinh viên, là chế độ nội trú. Sinh viên được bố trí theo từng nhóm từ 4 đến 8 người, mỗi nhóm có chung một phòng ngủ và một phòng học được đánh cùng số ở cửa. Nhóm được mang tên “Casert” kèm theo số phòng. Mỗi sinh viên có giường và tủ áo quần riêng trong phòng ngủ; có bàn làm việc, tủ sách riêng trong phòng học.

Mỗi Casert có một Trưởng Casert, được gọi là “Crotale”, thường là người có thứ hạng cao nhất so với các bạn khác, trong kỳ thi tuyển. Sang năm thứ 2, thành phần trong các Casert thay đổi, Crotale trong mỗi Casert là người có thứ hạng cao nhất trong bảng xếp hạng cuối cùng của năm thứ nhất. Việc xếp sinh viên vào các Casert căn cứ vào môn thể thao mà sinh viên lựa chọn ban đầu. Sinh

viên được cấp phát một bộ áo quần thể thao (survet, viết tắt của từ survêtement) và một áo mai-ô mang màu của Khóa (sinh viên Khóa nhập trường năm lẻ có áo màu vàng, năm chẵn có áo màu đỏ: cũng vì vậy mà Tạp chí Hội Ái hữu Sinh viên và Cựu sinh viên (AX) của Trường được đặt tên là “La Jaune et la Rouge” – “Vàng và Đỏ”).

Mỗi sinh viên được cấp 2 bộ đồng phục để mặc trong trường, một bộ đồng phục để ra ngoài gọi là “gabardine”, và một bộ lễ phục gọi là “Grand U”, U là chữ viết tắt của từ Uniforme (đồng phục). Lễ phục chỉ sử dụng trong những ngày lễ lớn, như ngày quốc lễ 14/7, hoặc ngày đầu năm Dương lịch. Ngoài bộ áo quần rất đẹp, Grand U còn kèm theo một đôi giày, một chiếc mũ hai sừng (“bicorne”), và một thanh kiếm.

Thời chúng tôi là sinh viên, Trường Polytechnique còn đặt tại



Tôi làm việc trong phòng học của Casert (1960)

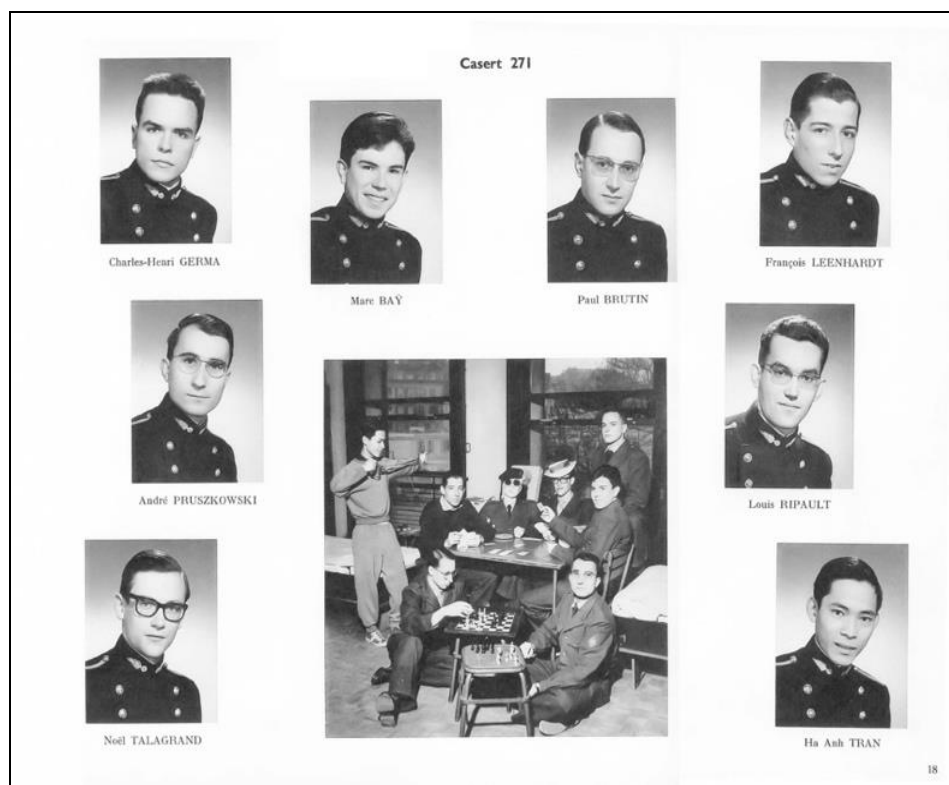
đường Descartes, Paris 5. Điều kiện sinh hoạt ở đây khá hạn hẹp. Trường chỉ có hai giảng đường lớn mang tên hai vị Tướng nổi danh của nước Pháp là Joffre và Foch, một số phòng dành cho các “lớp học nhỏ”, khu ở và làm việc của sinh viên và một sân chơi lớn, ngoài ra còn có khu hành chính của Trường. Do điều kiện hạn hẹp như vậy, cho nên về thể dục thể thao, Trường chỉ có hai sân quần vợt, một phòng tập thể hình và một bể bơi nhỏ có chiều dài 25m, nhưng không có chỗ cho các hoạt động khác trong khuôn viên Trường. Vì vậy vào các giờ thể dục thể thao, sinh viên được chở bằng xe chuyên dụng đến các sân vận động và các cơ sở thể dục thể thao khác tại Paris hoặc ngoại ô Paris để tập luyện. Mỗi tuần chúng tôi được dành hai buổi để tập những môn thể thao ưa thích mà mình đã đăng ký, nhưng ngoài ra còn có một số môn bắt buộc, như bơi lội và điền kinh. Chúng tôi cũng được học lái xe, kể cả lái xe rơ-moóc, không kể được học bắn súng và bắn tên lửa trong đợt huấn luyện quân sự ban đầu.

Nhờ tập luyện đều đặn, sức khỏe của tôi được cải thiện một cách đáng kể. Tôi vào nhóm điền kinh và tập luyện đặc biệt các môn chạy cự ly ngắn: 100m, 200m. Tôi cũng được học về kỹ thuật các môn điền kinh khác như nhảy cao, nhảy sào, nhảy dài, nhảy ba bước, chạy vượt rào, ném tạ, ném lao... nhưng do thể lực hạn chế nên tôi không hy vọng phát triển thành tích trong các môn ấy. Ngoài ra, nhờ nhỏ người cân nhẹ so với các bạn Pháp nên tôi được nhóm bơi thuyền mời sang tham gia, làm “thuyền trưởng” tức là người ngồi ở cuối thuyền và hô nhịp, để các bạn chèo theo sự điều khiển của tôi. Trong các hoạt động thể thao, tôi còn là vô địch môn bóng bàn trong hai năm liền ở Trường.

Nhập học chưa được bao lâu thì một hôm, tôi có việc riêng bằng mọi giá phải ra ngoài ngay trong giờ học. Không kịp xin phép, tôi phải trốn ra bằng một trong những lối thoát mà mọi sinh viên đều biết để sử dụng khi cần (hành vi này tiếng Pháp gọi là “faire le mur”, chuyển sang tiếng Việt là “trèo tường”). Tôi ra ngoài để đi tiễn

người cậu là Bùi Hữu Lân lên máy bay về nước. Cậu Bùi Hữu Lân, người tôi đã nói đến ở mấy trang trước, là Kỹ sư Trường Polytechnique Khóa X55; sau khi ra trường năm 1957, Cậu học tiếp các năm thứ hai và thứ ba của Trường Quốc gia Cầu Đường (Ecole Nationale des Ponts et Chaussées) và ra trường vào mùa hè năm 1959. Tốt nghiệp xong, Cậu tôi quyết định trở về miền Nam làm việc. Tôi trèo tường ra ngoài để chia tay Cậu, nhưng khi quay trở lại bằng lối cũ, tôi bị bắt quả tang và phải vào phòng giam mấy hôm. Đó là lần duy nhất tôi bị giam trong suốt hai năm học ở Trường.

Trong hai năm sống theo chế độ nội trú, ngoài các bạn Pháp mà gần gũi nhất là các bạn cùng Casert, tôi có dịp tiếp xúc với nhiều bạn Việt Nam. Ở Khóa X58, có các anh Võ Khắc Khoan, Nguyễn Xuân Phúc, Nguyễn Văn Đoàn và Trần Túc Vị. Võ Khắc Khoan quê ở Quảng Bình, sau khi tốt nghiệp kỹ sư, đã đi sâu vào ngành toán học và trở thành Giáo sư Đại học toán, nay đã qua đời. Anh Nguyễn Xuân Phúc sau khi tốt nghiệp X, đã làm việc trong ngành năng lượng, đặc biệt trong lĩnh vực năng lượng mặt trời. Thỉnh thoảng anh Phúc vẫn liên lạc với tôi qua mạng in-tơ-net. Tôi sẽ nói về các anh Nguyễn Văn Đoàn và Trần Túc Vị trong một chương sau. Ở Khóa X59, sau khi tốt nghiệp X, anh Nguyễn Văn Giai đi sâu vào lĩnh vực nghiên cứu vật lý hạt nhân lý thuyết tại Trung tâm Nghiên cứu Khoa học Quốc gia (CNRS). Anh đã nghỉ hưu sau một thời gian giữ chức vụ Giám đốc Nghiên cứu. Anh vẫn giữ liên lạc với tôi, mỗi lần tôi sang Pháp hoặc anh về Việt Nam, chúng tôi đều thu xếp để gặp nhau. Anh đã đào tạo được một số nghiên cứu sinh từ nhiều nước, trong đó có những người từ Việt Nam. Anh thường về nước tổ chức những Hội nghị chuyên ngành vật lý lý thuyết mặc dù ngày nay tuổi tác đã cao. Ở Khóa X60, có anh Dương Vĩnh Hùng. Sau khi anh tốt nghiệp kỹ sư, tôi ít được biết tin tức về anh. Tôi chỉ nghe nói lại là anh làm việc trong lĩnh vực ngân hàng, sau đó chuyển sang làm Giáo sư toán tại một Trường Đại học ở miền trung nước Pháp. Hiện nay anh cũng đã nghỉ hưu.



Tôi và các bạn trong Casert 271, Khóa X59 (1960)

Đôi với các bạn Pháp, tôi chỉ giữ liên lạc được với một số ít người. Gần đây, nhân một chuyến sang Pháp của tôi năm 2015, anh Charles-Henri Germa, Crotale Casert 271 của tôi trong năm học thứ hai, đã mời các bạn cũ của Casert dự buổi gặp mặt với tôi. Anh tổ chức cho tôi và các bạn đi thăm lâu đài Versailles và sau đó đến nhà anh dự tiệc đứng. Phần lớn các bạn đều có mặt. Cuộc gặp mặt của tôi với các bạn cũ thật là cảm động, vì chúng tôi xa nhau ở tuổi 21-23 sau khi tốt nghiệp và gặp lại nhau khi mọi người đều đã trên 75 tuổi. Các bạn tôi tuy chưa đến nỗi lồm khộm nhưng không còn nhanh nhẹn như ở tuổi thanh niên, lúc còn sống chung với nhau ở Trường. Chúng tôi hỏi thăm nhau về tình hình sức khỏe, về các công việc đã làm từ khi tốt nghiệp đến nay. Chúng tôi chia sẻ các hình ảnh đã chụp được hôm đó để tạo nên một quyển an-bom làm kỷ

niệm, và khi chia tay mọi người đều mong ước sẽ còn có dịp gặp lại nhau sau này. Từ cuộc gặp mặt đó đến nay, 6 năm đã trôi qua. Trong số bạn của Casert 271 mà tôi đã được gặp năm 2015 đó, có hai bạn, François Leenhardt và Louis Ripault, đã vĩnh viễn ra đi năm 2021.

Vào tháng 9 năm 2019, Khóa X59 đã tổ chức một sự kiện kỷ niệm “Sinh nhật 60 năm của Khóa”. Nhớ lại, tháng 9/1959 là tháng mà tất cả sinh viên trúng tuyển đã tụ họp tại Trường để dự ngày Khai giảng, cho nên có thể xem là thời điểm ra đời của Khóa. Sau khi tốt nghiệp năm 1961, các bạn bè cùng khóa đã chuyển sang một giai đoạn khác của cuộc đời và ít có dịp gặp lại nhau, ngoại trừ trong các sự kiện sinh nhật mà Khóa tổ chức 10 năm một lần. Sự kiện kỷ niệm 60 năm của Khóa X59 có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng không chỉ vì đó là dịp các bạn cũ lâu ngày mới gặp lại nhau, mà còn vì những người ở tuổi trên dưới 80 thì ít hy vọng gặp lại nhau trong một sự kiện khác, nếu còn tổ chức được sau 10 năm nữa. Riêng tôi, chưa dự lễ sinh nhật Khóa lần nào, cho nên tôi nghĩ mình phải cố gắng thu xếp để đến dự lần này, cũng là để gặp lại nhiều bạn một thời sinh hoạt, học tập cùng nhau.

Ban tổ chức sự kiện cho biết Khóa X59 hiện đã hao hụt khoảng 60 bạn (đã qua đời), và có khoảng 60 bạn vì già yếu không còn đủ sức khỏe để tham dự kỳ họp mặt này. Một số bạn khác cho rằng cuộc gặp mặt quá dài, lại phải di chuyển xa nên không tham dự. Số còn lại khoảng 120 bạn, cộng với những người đồng hành cũng đủ để sử dụng hầu hết các phòng của một con tàu du lịch đường sông.

Sự kiện được tổ chức trong 5 ngày kể cả các ngày đi và về, trên con tàu “Cyrano de Bergerac”, xuất phát từ Thành phố Bordeaux, di chuyển trong khu vực hạ lưu các con sông Garonne, Dordogne và cửa biển Gironde. Đây là một vùng trồng nho nổi tiếng của nước Pháp, có sản phẩm mang tên chung là rượu Bordeaux. Nhưng xem kỹ trong đó thì có nhiều vùng trồng nho và sản phẩm rượu của mỗi vùng đều có đặc điểm và chỉ dẫn địa lý riêng. Chúng tôi đã ghé lại



*Chụp trên tàu Cyrano de Bergerac với Jean Didier Blanchet, bạn học cũ ở
Henri IV và X59 (2019)*



Hình trên: Tôi và các bạn trên chiếc tàu Cyrano de Bergerac, kỷ niệm 60 năm Khóa X59. Hình dưới: Các “phu nhân” (2019)

các vùng Medoc và Saint-Emilion, mà rượu sản xuất mang cùng tên, là những thương hiệu nổi tiếng của nước Pháp.

Trên tàu Cyrano, có khoảng trên 100 phòng chất lượng tốt, các bạn phân đông đi cùng vợ, cũng có một số bạn đã góa vợ nên đi một mình hoặc với một người bạn đồng hành, ngoài ra vợ một số bạn đã qua đời cũng đã một mình tham gia sự kiện. Tàu Cyrano đã được Ban tổ chức thuê riêng cho sự kiện, hầu như các phòng trên tàu đều được sử dụng. Mỗi ngày tàu di chuyển khoảng 3-4 tiếng đồng hồ, trong thời gian trời đẹp nếu được thuận tiện cho mọi người thưởng ngoạn phong cảnh. Nhưng Ban tổ chức cũng sắp xếp để các bạn có thì giờ sinh hoạt trong những lĩnh vực khác nhau, nghe những bài thuyết trình về các vấn đề khoa học, văn hóa, lịch sử và những vấn đề khác, do các bạn trong Khóa tự biên tự diễn. Những buổi sinh hoạt đó được tổ chức trong khuôn khổ của những “Lớp học nhỏ” để gợi nhớ một hình thức sinh hoạt chuyên môn của chúng tôi khi còn ngồi ở ghế nhà trường.

Trước ngày kết thúc sự kiện, Ban tổ chức đã thu xếp một buổi ăn tối chia tay, và yêu cầu mọi người mặc y phục toàn trắng (diner en blanc). Bắt đầu trên boong tàu, mọi người cùng nhau chụp ảnh từng nhóm hoặc chụp chung: tất cả mọi người, các bạn X59, các phu nhân. Sau đó, chúng tôi ngắm xem mặt trời lặn rồi xuống phòng ăn tối. Buổi tiệc có những món ăn đặc biệt hơn những bữa ăn thường ngày, và những chai rượu ngon hơn các ngày khác. Sáng hôm sau mọi người chia tay nhau, kết thúc một lần gặp mặt mà mọi người vừa hy vọng không phải là lần cuối, nhưng cũng vừa lo là sẽ không thực hiện được.

Ngoài các sự kiện lớn mà tôi vừa nhắc lại, sau khi hồi hương tôi cũng được gặp một số bạn cũ nhân những chuyến thăm Việt Nam của các cựu sinh viên X59 - Ponts, theo những đoàn du lịch lữ hành, hai lần do anh Nguyễn Thành Long tổ chức, và lần thứ ba do anh Đặng Văn Kỳ hướng dẫn. Long và Kỳ đều là Kỹ sư Trường Quốc gia Cầu Đường (Ponts & Chaussées), và đều đã có nhiều đóng góp chuyên môn cho Việt Nam. Long là một người bạn thân thiết của tôi; mỗi lần về Việt Nam, Long đều liên lạc với tôi và nhiều lần giúp tôi kết nối với một số bạn học cũ như Michel Henri, Jean-Didier Blanchet, Marcel Rat (cả ba đều là X59-Ponts 64), và một số chuyên gia trong ngành xây dựng cầu đường và giao thông ở Pháp. Rất tiếc, Nguyễn Thành Long đã qua đời năm 2013, để lại nỗi thương tiếc của rất nhiều anh em bè bạn trong và ngoài nước.

Anh Đặng Văn Kỳ chiếm một vị trí đặc biệt trong số bạn cũ của tôi. Anh là con của hai bác Hồ Thị Mộng Chi và Đặng Văn Hồ, là những trí thức nổi tiếng trong những năm 40 của thế kỷ XX. Kỳ trẻ hơn tôi vài tuổi, và lần đầu quen biết với tôi khi anh học Math Sup Trường Henri IV trong năm học 1958 – 1959. Anh cũng ở nội trú mặc dù Bác Mộng Chi sống ở Paris. Tôi đã từng đến thăm Bác tại nhà riêng vài lần ở Paris 14. Sau này, Bác Mộng Chi dù tuổi cao, cũng đã tham gia trong Ban Chủ tịch Hội người Việt Nam tại Pháp cho đến khi Bác qua đời.

Kỳ với tôi luôn giữ một mối quan hệ bạn bè thân thiết với nhau. Kỳ thi đỗ vào Trường Ponts & Chaussées; sau khi tốt nghiệp Kỹ sư và bảo vệ xong Luận án Tiến sĩ, anh vào làm việc tại Phòng Thí nghiệm Cơ học chất rắn của Trường Polytechnique. Trong lĩnh vực nghiên cứu của mình, Kỳ đã có những phát minh xuất sắc, được nhận giải thưởng khoa học danh giá và được các doanh nghiệp cơ khí mua lại bản quyền để áp dụng trong sản xuất. Kỳ được phong Giáo sư Cơ học ở Trường Mines (Paris), đào tạo được nhiều sinh viên xuất sắc trong đó có một người gốc châu Phi sau này được phong Giáo sư Cơ học của Trường Polytechnique. Tuy không học trường này, nhưng sự nghiệp của Đặng Văn Kỳ lại gắn với Phòng



Chụp cùng anh Đặng Văn Kỳ và chị Françoise ở Paris (2017)

Thí nghiệm Cơ học chất rắn của Trường, và những thành tích nghiên cứu của Kỳ tại đây rất là nổi bật.

Ngoài số bạn X-Ponts, tôi cũng đã liên lạc được với một số bạn học cũ mà đáng kể nhất là Roland Seneor (X58), Giám đốc về quan hệ quốc tế ở Trường Polytechnique. Seneor học chung với tôi ở các lớp Math Sup (1956-1957) và Math Spé (1957-1958) tại Trường Henri IV. Anh rất kiên nhẫn nhóm bạn Việt Nam cùng lớp, đặc biệt về năng lực giải toán của chúng tôi. Trong cương vị của mình ở Trường Polytechnique, Seneor đã ủng hộ Việt Nam rất nhiệt tình, cấp học bổng cho hàng trăm sinh viên Việt Nam vào học theo kênh EV2, với sự cộng tác của hai chuyên gia người Việt Nam, anh Trương Nguyễn Trân và anh Nguyễn Quốc Sơn. Các anh Trân và Sơn đã lần lượt cùng Seneor về Việt Nam hằng năm, trong nhiều năm, nhằm tuyển chọn một số sinh viên giỏi để nhận cho vào học ở Trường. Tuy các sinh viên ấy phần đông không sẵn biết tiếng Pháp, mà chỉ theo học những khóa tiếng Pháp tập trung trước khi nhập học ở Trường, nhưng mọi người cũng đã vượt qua khó khăn về ngoại ngữ để hoàn thành nhiệm vụ học tập, thậm chí có những em còn hoàn thành xuất sắc quá trình học và tốt nghiệp trong những thứ hạng đầu của toàn khóa.

Trong một lần đi công tác ở Pháp, tôi được anh Trân dẫn đến thăm Roland Seneor tại phòng làm việc của anh ở Trường. Chúng tôi nói chuyện với nhau về công việc tuyển chọn và đào tạo sinh viên cho Việt Nam, về sự hợp tác rất hiệu quả của các chuyên gia Việt Nam ở Trường. Tôi thực sự biết ơn người bạn cũ đã quan tâm giúp đỡ Việt Nam, thăm nghĩ biết đâu tình cảm thân mật đối với những người bạn cũ người Việt ở Henri IV ngày xưa đã có một ảnh hưởng tích cực nào đó tới sự nhiệt tình của anh đối với đất nước Việt Nam ngày nay? Lần cuối cùng tôi ghé thăm Seneor là trong thời gian anh đã nghỉ hưu, nhưng vẫn được giữ lại phòng làm việc cũ tại Trường. Hỏi thăm về sức khỏe của anh, tôi được biết anh có

vài vấn đề do tuổi cao, nhưng không ngờ lần ấy gặp anh là lần cuối, vì sau đó anh đã vĩnh viễn ra đi.

Anh Trương Nguyễn Trân là một người trí thức đáng kính phục. Anh tốt nghiệp đại học và làm việc ở Mỹ một thời gian, và đã trở thành một chuyên gia có tên tuổi trong ngành vật lý lý thuyết ở Mỹ. Trong thời gian chính quyền Mỹ tiến hành chiến tranh Việt Nam, để phản đối hành động này anh Trân đã cùng gia đình rời nước Mỹ để đến định cư ở Pháp. Anh được Viện Nghiên cứu Cao cấp (IHE – Institut des Hautes Études) mời vào làm việc với tư cách là Giám đốc Nghiên cứu. Anh tích cực cộng tác với Trường Polytechnique để mở rộng mối quan hệ của Trường với Việt Nam. Sau này anh chuyển sang làm việc tại Trường ở Palaiseau. Anh Trân có mối quan hệ rất thân tình với tôi. Mỗi lần tôi sang Pháp cũng như mỗi lần anh về Việt Nam, chúng tôi đều liên lạc với nhau để gặp gỡ và hàn huyên tâm sự.

Anh Nguyễn Quốc Sơn được trao nhiệm vụ tuyển chọn sinh viên Việt Nam vào học Trường Polytechnique thay cho anh Trân nghỉ hưu. Tôi đã vài lần gặp anh Sơn, lần đầu tiên tại Nhà Đông Dương trong Đại học xá Paris khi anh mới sang Pháp du học cũng như vài lần sau này ở Trường và một lần ở Việt Nam khi anh còn công tác tại Trường. Trong lần gặp gỡ ở TP.HCM, anh Sơn có nhắc tới thời mới sang Pháp còn nhiều bỡ ngỡ, anh đã đến tham gia “Lớp học” ở Nhà Đông Dương do tôi cùng một số bạn tổ chức. Việc ôn lại những ký ức của thời xa xưa ấy làm tôi rất cảm động, vì những việc tôi làm lúc vừa tốt nghiệp ra Trường không ngờ đã để lại dấu ấn đối với một người thành đạt như anh Nguyễn Quốc Sơn. Tôi cũng rất biết ơn anh Sơn đã nhận đào tạo cho con trai tôi ở Trường Polytechnique trong năm đầu tiên cháu sang du học tại Pháp. Rất tiếc, sau khi nghỉ hưu được vài năm, anh Nguyễn Quốc Sơn lâm bệnh và đã qua đời năm 2021.

Tôi còn nhớ một lần đến thăm Trường tại Palaiseau, vẫn do anh Trương Nguyễn Trân mời, tôi được gặp hầu hết các chuyên gia người Việt Nam, phần lớn là bạn bè cũ, ở các Phòng Thí nghiệm của Trường. Đó là các anh Nguyễn Khắc Ứng ở Phòng Thí nghiệm Vật lý, Bùi Huy Đường, Nguyễn Quốc Sơn, Đặng Văn Kỳ, Lương Minh Phong ở Phòng Thí nghiệm Cơ học Chất rắn. Tôi cũng đã gặp lại Jean Salençon, bạn cũ từ thời học Henri IV, lúc ấy đang là Giáo



*Anh Trương Nguyễn Trân chụp tại nhà riêng (nhân sinh nhật 80 tuổi),
La Hacquinière, Pháp (2015)*

sư Cơ học của Trường. Được gặp lại các bạn cũ là một niềm vui khó tả, nhất là sau nhiều năm xa nhau.

Bùi Huy Đường và Jean Salençon đã trở thành hai nhân vật nổi tiếng trong giới khoa học của nước Pháp. Cả hai đều là Viện sĩ các Viện Hàn lâm Khoa học của Pháp và của Châu Âu. Nhưng tình bạn ngày xưa của chúng tôi chưa hề phai nhạt qua năm tháng. Bao nhiêu kỷ niệm lại trở về với chúng tôi, và phải nói là chúng tôi có rất nhiều kỷ niệm chung trong quá trình học tập ở Trường Henri IV cũng như ở Trường Polytechnique, với bao lần căng trí não để thi nhau giải những bài toán khó ở trên ghế nhà trường.

Tôi thấy cần phân tích nguyên nhân dẫn đến sự nghiệp khoa học lừng lẫy của các bạn ấy, để rút ra được một vài kinh nghiệm bổ ích cho con cháu và các bạn trẻ đang dần thân vào con đường nghiên cứu khoa học. Ở các bạn của tôi, họ là những người rất thông minh và cực kỳ tập trung khi làm việc. Họ biết bám vào công việc cho đến khi hoàn thành. Họ kiên trì theo đuổi mục đích đã chọn, và dành thì giờ để làm trọn vẹn mọi việc cần thiết cho mục đích đó. Những kết quả mà họ đạt được làm cho uy tín nghề nghiệp của họ ngày càng thêm vững chắc. Họ cũng quan tâm đến việc không ngừng xây dựng đội ngũ những người cộng sự, nâng cao trình độ các cộng tác viên để lực lượng cán bộ trong lĩnh vực chuyên môn của họ ngày càng thêm vững mạnh. Theo tôi, đó là những yếu tố cơ bản giải thích sự thành công của hai người bạn này của tôi.

Ngày nay mối liên lạc giữa các sinh viên và cựu sinh viên Việt Nam của Trường Polytechnique được thực hiện qua một số tổ chức như X-Vietnam, nhóm Đồng Hành, v.v. Tôi cũng giữ được mối quan hệ thân mật với các thành viên trong Ban liên lạc của X-Vietnam, như các anh Trần Bằng, Vũ Ngọc Anh, Trần Quốc Anh, Nguyễn Trần Thuật, v.v. và thỉnh thoảng được Ban liên lạc tham khảo ý kiến về những vấn đề liên quan đến mối quan hệ giữa Trường với Việt Nam.

Trong thời đương nhiệm, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã thực hiện một chuyến thăm chính thức nước Pháp và đến viếng Trường Polytechnique, gặp gỡ Lãnh đạo Trường ở Palaiseau. Mối quan hệ giữa Trường Polytechnique và một cơ sở hợp tác đào tạo quan trọng ở Việt Nam được hai bên đặt ra, và ngày nay đã trở thành hiện thực.

Nhà Đông Dương, trong Khu Đại học xá Paris

Lần đầu tôi trú ngụ tại Nhà Đông Dương - Khu Đại học xá Paris là sau khi lâm bệnh trong Quý 3 năm học đầu tiên của tôi ở Pháp. Lần đó, tôi chuyển từ nhà Huỳnh Văn Trí ở Paris 20 về đây để có điều kiện tĩnh dưỡng tốt hơn. Tôi nghỉ học sau khi thấy mình bị bệnh, đi khám bác sĩ để hiểu nguyên nhân của cơn bệnh là do viễn thị mà không mang kính, sau đó mua và sử dụng liên tục kính viễn để xác nhận vì không mang kính mà tôi đã mệt mỏi quá sức chịu đựng như vừa qua.

Tôi thuê một phòng trọ tại Nhà Đông Dương. Thời bấy giờ, ký túc xá này chủ yếu dành cho các sinh viên Việt Nam, Campuchia, Lào và một số sinh viên Pháp đến từ các địa phương ngoài Paris. Được ở Đại học xá là một cơ hội tuyệt vời đối với tôi để tĩnh dưỡng, sau những tháng mùa đông vất vả vì phải thích nghi với khí hậu của xứ lạnh. Mùa xuân đã đến, cây cối đâm chồi nảy lộc, các cơ sở vật chất của Đại học xá như sân vận động điển kinh, phòng tập bóng bàn... và nhất là cảnh quan tươi đẹp, nhiều màu sắc của Đại học xá Paris đã tạo nên những điều kiện thuận lợi để tôi sớm phục hồi sức khỏe. Hết hè, tôi đi học trở lại và được nhận vào ở nội trú tại Trường Henri IV, kết thúc thời gian trú ngụ lần đầu ở Nhà Đông Dương, kéo dài khoảng 5 tháng.

Vào mùa hè năm 1961, tôi trở lại trú ngụ tại Nhà Đông Dương sau khi tốt nghiệp Trường Polytechnique. Năm ấy Nhà Campuchia đã xây dựng xong, phần lớn những người trú ngụ tại Nhà Đông Dương chỉ còn là những sinh viên Việt Nam, sinh viên Lào và một



Nhà Đông Dương, Khu Đại học xá Paris

số sinh viên người Pháp. Tôi bắt đầu làm việc tại Trung tâm Nghiên cứu Hạt nhân Saclay là một trong những Trung tâm nghiên cứu lớn nhất của nước Pháp thời bấy giờ. Cán bộ nhân viên được chuyên chở đi làm việc bằng xe ca. Từ Đại học xá Paris tôi có thể lên xe ở Porte d'Orléans, một cửa ra – vào quan trọng ở phía Nam Thành phố Paris. Các xe khởi hành buổi sáng vào giờ quy định và cuối buổi chiều trả mọi người về nơi xuất phát. Từ Porte d'Orléans đến

Saclay với khoảng cách 30km, xe chạy mất 45 phút. Những người có xe riêng thường thích tự lái từ nhà đến sở vì họ muốn tiết kiệm thời gian và quan trọng nhất là chủ động hơn, đặc biệt trong những ngày có chương trình họp hành ở một địa điểm khác.

Công việc nghiên cứu khoa học buộc tôi phải tham gia vào những ca làm đêm, nên không thể đi – về theo xe chở cán bộ nhân viên của Trung tâm được. Do vậy, tôi phải mua xe riêng để đi làm việc. Chiếc xe đầu tiên của tôi hiệu Dauphine-Renault là một trong những loại xe rẻ tiền nhất trên thị trường ở Pháp thời bấy giờ. Ngoài những lý do đã nêu, việc dùng xe riêng còn cho phép tôi theo học các lớp chuyên sâu về Vật lý hạt nhân ở Đại học Paris XI (Orsay) và về Vật lý lý thuyết ở Đại học Paris VI (Paris). Sau khi nghe các bài giảng, tôi có thể quay về làm việc ở Saclay, điều không thể thực hiện được nếu tôi dùng xe công cộng. Tuy nhiên, tiền mua xe và phí tổn nhiên liệu không được thanh toán nên tôi phải tự chi, nhưng đó là cái giá phải trả để tôi có thể làm thêm được nhiều việc và cũng để có cảm giác mình được tự do, khỏi bị ràng buộc bởi giờ làm việc hành chính.

Lần này tôi cư ngụ tại Nhà Đông Dương trong một thời gian khá dài, để vừa học vừa làm và chuẩn bị vào đời. Đặc biệt, tôi đã lợi dụng điều kiện thuận lợi tại Đại học xá Paris để hoạt động thể dục thể thao, gặp gỡ và kết thân với nhiều bạn mới và phát triển tổ chức “Lớp học”.

Tôi không thể kết thúc Chương này mà không nói đến một người bạn rất thân thiết của tôi là Đinh Tường Long. Tôi quen Long lần đầu khi đang cư ngụ ở Đại học xá Paris. Long tốt nghiệp kỹ sư Trường Ponts & Chaussées và bắt đầu có việc làm và có chỗ ở, nhưng vẫn hay đến Nhà Đông Dương để gặp gỡ bạn bè và chơi thể thao. Long có hai người anh ở Pháp cũng là kỹ sư, anh lớn là Đinh Mạnh Toàn (X53, Ponts 1957).

Long có một điểm đặc biệt là quen biết rộng rãi với nhiều bạn bè, Pháp cũng như Việt, được mọi người cảm mến vì sẵn sàng giúp đỡ những ai cần đến anh một cách vô tư. Tôi đã được Long mời làm nhân chứng cho đám cưới của anh và chị Fabienne. Long không tham gia nhiều vào các hoạt động của Hội Liên hiệp Việt kiều, nhưng lại rất gần gũi với Đại sứ quán và không bao giờ tiếc công sức để đóng góp, giúp đỡ cho trong nước.

Sau này, mỗi lần có dịp sang Pháp, chúng tôi đều được Long mời về nhà chơi và “chiêu đãi” những bữa ăn rất ngon do anh tự nấu. Tiếc rằng chị Fabienne và anh lần lượt qua đời vì bệnh ung thư, để lại hai người con thành đạt trong xã hội Pháp và niềm thương tiếc của đông đảo bè bạn xa gần.

Tôi rời gia đình đi du học, với mục đích “học thành tài để trở về phụng sự quê hương”, và với “quyết tâm thực hiện một nhiệm vụ nặng nề, bằng mọi giá phải hoàn thành”.

Tôi đã phấn đấu rất nhiều để học các lớp chuẩn bị thi vào Trường Lớn, và cuối cùng đã đỗ vào Trường Polytechnique. Sau khi tốt nghiệp Trường Kỹ sư, tôi đi làm việc đồng thời tiến hành việc chuẩn bị và bảo vệ Luận án Tiến sĩ Khoa học trong ngành Vật lý. Thời gian chuẩn bị Luận án cũng là thời gian tôi vừa học vừa làm.

Có thể nói, giai đoạn vất vả nhất, chính là quãng thời gian học các lớp chuẩn bị thi vào Trường Lớn. Những lúc gặp khó khăn, tôi đã phải tự nhắc nhở, tự động viên để kiên trì với nhiệm vụ đã tự đặt cho mình trước khi đi du học.

Trong quá trình học tập, tôi cũng đã tạo cho mình một mối quan hệ rộng rãi trong giới sinh viên, trí thức và đồng nghiệp. Tôi hy vọng mối quan hệ này sẽ cần thiết cho sự phát triển công việc của tôi sau này, dù làm nghề gì và ở nơi nào trong nước.

Chương III

Chuẩn bị vào đời

Chương này đề cập đến một vấn đề được xem là hết sức quan trọng đối với cuộc đời của một con người. Vấn đề chuẩn bị vào đời không hẳn được thực hiện gọn trong một quãng thời gian xác định, mà trải dài theo những năm tháng của cuộc đời, từ lúc được sinh ra cho đến khi trở nên một thành viên độc lập của xã hội.

Vào đời là một sự kiện hết sức quan trọng đối với mỗi người, vì lúc đó ta rời khỏi sự chăm sóc đùm bọc của gia đình để chuyển sang một giai đoạn mới của cuộc sống. Ta không còn lệ thuộc vào cha mẹ, mà chuyển qua một cuộc sống độc lập, tự chủ, tự chịu trách nhiệm không những đối với bản thân mà còn đối với gia đình riêng của mình. Là người trưởng thành, ta cũng còn phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình đối với xã hội, đất nước, khu vực và cả thế giới nữa.

Vì vào đời là một sự chuyển tiếp quan trọng, nên chúng ta phải dày công chuẩn bị. Ta bắt đầu chuẩn bị ngay từ khi còn nhỏ, nhờ sự dạy dỗ của cha mẹ, ông bà, sự giáo dục của nhà trường và xã hội. Bên cạnh việc học để có được những hiểu biết cơ bản, ta còn học văn hóa, học chuyên môn rồi học giao tiếp trong xã hội. Phạm vi giao tiếp ngày càng mở rộng, và sau này khi đã dần sâu vào đời ta vẫn phải tiếp tục học thêm rất nhiều để có khả năng giao tiếp với mọi người trong một thế giới mà mức độ toàn cầu hóa mỗi ngày một tăng.

Tôi đã chuẩn bị vào đời như thế nào?

Kiểm điểm lại những gì đã chuẩn bị được để vào đời, tôi thấy hành trang của mình còn rất nhiều thiếu sót, và nói một cách thẳng

thần thì dù cố gắng đến mức nào cũng không bao giờ đủ cả. Không phải vì mình không có ý thức chuẩn bị, cũng không phải vì những người thân trong gia đình và những thiết chế xã hội đã không giúp mình chuẩn bị có hiệu quả. Mà vì cuộc sống giống như một cuộc đuổi bắt không ngừng, mình vươn tới nó, nhưng nó đã dời đến một vị trí khác.

Học hành

Cha Mẹ tôi đã hy sinh rất nhiều, đã làm việc cật lực để nuôi dưỡng và dạy dỗ anh em tôi trong điều kiện kinh tế và văn hóa của gia đình còn khá hạn chế. Tôi không bao giờ quên được thời gian chúng tôi về định cư tại Sài Gòn sau những ngày tháng tản cư. Vì chưa đăng ký được cho tôi nhập học, Cha tôi phải khó nhọc sưu tầm những đoạn văn tiếng Pháp để dạy tôi học. Công việc thầm lặng này cho thấy Cha tôi đã quan tâm nhiều như thế nào đối với việc học hành của tôi.

Sau khi tốt nghiệp phổ thông ở tuổi 17, tôi được Cha Mẹ cho đi du học theo chế độ tự túc và điều này thể hiện sự hy sinh lớn lao của gia đình, vì số tiền tôi nhận được hằng tháng từ Cha Mẹ để sinh sống ở Pháp chiếm một khoản tương đương với số tiền dùng để nuôi sống cả gia đình còn lại gồm Cha Mẹ và các em tôi.

Ý nghĩ của tôi khi rời gia đình đi du học là phải cố gắng “học thành tài để về giúp nước”. Nhưng học gì và học như thế nào lại là những điều tôi chưa nhận thức được rõ. Tôi suy nghĩ đơn giản là mình sẽ cố gắng thi vào một trường tốt nhất có thể, và sau đó chăm chỉ học những gì người ta dạy ở trường. Nhưng trong phần lớn các trường kỹ sư ở Pháp thời bấy giờ, người ta dạy một phần về kiến thức cơ bản, một phần về kiến thức chuyên sâu theo nhiệm vụ đào tạo của trường. Kiến thức cơ bản là cần thiết để chuẩn bị cho việc tiếp nhận kiến thức chuyên sâu. Nhưng còn nhiều, rất nhiều kiến thức cần thiết cho mọi người mà trường không dạy, ví dụ như kỹ

thuật giao tiếp, vấn đề tâm sinh lý của con người, vấn đề ăn uống và sinh hoạt để bảo vệ sức khỏe, và biết bao vấn đề khác cần thiết cho sự vào đời. Do vậy người sinh viên tốt nghiệp một trường kỹ sư dù với thứ hạng tốt vẫn chưa có đủ kiến thức để làm việc chuyên môn ở trình độ cao và chưa có đủ khả năng để giao tiếp hiệu quả khi làm việc. Nếu chỉ bằng lòng với những gì đã học ở trường, thì người kỹ sư ấy sẽ còn gặp rất nhiều trở ngại trên bước đường tiến thân của mình.

Sau khi ra trường, bạn bè của tôi phần đông nhận thức được sự thiếu sót kiến thức qua công tác đào tạo mà mình đã thụ hưởng. Trong thời gian chúng tôi được theo học ở các Trường Lớn, người ta chưa quan tâm đến việc trang bị cho sinh viên những “kỹ năng mềm” cần thiết không kém những kiến thức cơ bản và chuyên sâu để thành công trong nghề nghiệp. Đối với các trường kỹ sư thời ấy, một số nội dung quan trọng nhưng ít được dạy cho sinh viên là các kiến thức về quản lý vĩ mô và quản lý xí nghiệp; về chọn phương án tối ưu khi xây dựng dự án, về quy hoạch và kế hoạch. Cũng vì vậy, sau khi ra trường, nhiều bạn của tôi đã đăng ký học thêm về các nội dung nói trên. Các “kỹ năng mềm” được nhắc đến rất nhiều ngày nay thì thời ấy chưa ai nói đến cả. Các trường tổ chức dạy ngoại ngữ một cách nghiêm chỉnh, kể cả trang bị các labo sinh ngữ, và mời các thầy người bản địa sang dạy ngoại ngữ ấy. Tuy thế, trong xã hội Pháp lúc bấy giờ phần đông mọi người chưa nhận thức đúng mức sự cần thiết, thậm chí còn xem thường việc học ngoại ngữ. Tâm lý xã hội như thế không thể không ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng học ngoại ngữ của sinh viên.

Tôi bắt đầu đi làm việc, bắt đầu nhận lương để tự nuôi sống. Tuy nhiên, tôi vẫn phải vừa làm vừa học, đặc biệt để chuẩn bị cho Luận án Tiến sĩ Vật lý. Nhằm thực hiện mục tiêu này, tôi phải bổ sung thêm kiến thức chuyên sâu về vật lý hạt nhân lý thuyết và thực nghiệm; các phương pháp toán học và thống kê học để phục vụ cho nghiên cứu vật lý thực nghiệm, và các ngôn ngữ tin học cần thiết.

Thời bấy giờ ở Trung tâm Nghiên cứu Hạt nhân Saclay có một “Trung tâm tính toán” lớn với hai máy tính điện tử có kích thước đồ sộ (một máy IBM 360 và một máy CDC 6600), mỗi phòng đặt máy chiếm diện tích hằng trăm m². Các chương trình tính toán dùng trong nghiên cứu khoa học thường được viết bằng ngôn ngữ FORTRAN và các số liệu thực nghiệm được đưa vào máy tính dưới dạng bìa đục lỗ. Các đơn vị chuyên môn của Trung tâm Saclay đều dựa vào những máy tính này để chạy các chương trình tính toán, nên mọi người phải “xếp hàng” để sử dụng dịch vụ chung đó. Thậm chí, để tranh thủ thời gian, chúng tôi làm việc ngoài giờ hành chính và tự mình khai thác các máy tính đó. Tất cả những công việc nói trên, một kỹ sư mới ra trường phải tự học trên thực địa hoặc theo học các chứng chỉ chuyên môn bổ sung để có thể tự mình thực hiện.

Tóm lại, hành trang chuyên môn của người kỹ sư vừa tốt nghiệp chưa bảo đảm sự thành công khi vào đời và cũng không hẳn là yếu tố quyết định nhất cho sự thành công đó. Hành trang chuyên môn tốt là một yếu tố thuận lợi, tuy nhiên đó chỉ là một yếu tố cần nhưng chưa đủ. Còn phải bổ sung những kiến thức chưa được trường giảng dạy, và bằng cách nào đó, bổ sung những “kỹ năng mềm” rất lợi hại để giúp có thêm cơ hội thành công. Điều này giải thích tại sao một số người khi ngồi trên ghế nhà trường là những sinh viên giỏi, nhưng khi ra đời thì lại không vượt lên được. Ngoài những kiến thức được trang bị ở Trường, tôi cũng như các Kỹ sư mới tốt nghiệp nói chung cần bổ sung thêm kiến thức và những “kỹ năng mềm”, để phát huy tốt hơn giá trị của mình qua công việc thực tế.

Hoạt động thể dục thể thao

Đây là những hoạt động giúp duy trì và cải thiện sức khỏe, một điều mà tôi rất quan tâm, ngay từ những năm đầu cấp trung học. Tôi vốn là một người không có sức khỏe tốt khi còn nhỏ. Mẹ tôi đã rất vất vả khó khăn để sinh ra tôi và phải mất hàng chục giờ từ lúc

chuyên dạ đến khi tôi chào đời. Có thể vì lý do đó mà trí nhớ của tôi rất xoàng, sau này để khắc phục nhược điểm ấy, tôi phải ghi chép nhiều để khỏi quên những gì mà tôi cần phải nhớ.

Lúc bắt đầu quan tâm đến thể dục thể thao, vào khoảng 7 – 8 tuổi, tôi tập chạy và đi xe đạp, nhưng qua việc tập luyện trong các môn thể thao ấy, tôi phát hiện ra là mình rất kém sức bền. Bác sĩ cho rằng tôi bị yếu tim và khuyên tôi tìm một môn thể thao ít tốn sức lực hơn. Lúc đó, tôi quay sang chơi bóng bàn ở quán Cây Diệp, tại góc đường Paul Bert và Paul Blanchy (nay là góc đường Trần Quang Khải và Hai Bà Trưng), Phường Tân Định. Quán bóng bàn Cây Diệp là một trong những nơi hội tụ những cây vợt hàng đầu ở Sài Gòn thời bấy giờ, như Mai Văn Hòa, Mai Văn Chất, Trần Văn Đức, Vũ Đình Nhạc,... Các cây vợt đó đến quán để tập với nhau và tập cho lứa đàn em như Lê Văn Tiết. Lúc bấy giờ tôi mới lên 10-11 tuổi, lại mới bắt đầu tập bóng bàn, nên chưa thể là học trò của những cây vợt nói trên, tuy nhiên một lần tôi đang tập thì Mai Văn Hòa đến xem, và nói với tôi: cháu đánh tốt, có muốn học với chú không? Có lẽ đó là “thành tích” cao nhất về bóng bàn của tôi, là được Mai Văn Hòa khen “đánh tốt” và sẵn sàng nhận tôi là học trò!

Với sự động viên đó, sau này ở Pháp tôi tiếp tục chơi bóng bàn, nhưng cũng chỉ tập với bạn bè trong giới sinh viên. Chúng tôi chủ yếu chơi trong những buổi nghỉ học vào giữa và cuối tuần, tập với nhau và thỉnh thoảng với các bạn Pháp và ngoại quốc trong Đại học xá Paris. Bóng bàn là một môn thể thao cần kỹ thuật cao và phản xạ nhanh. Hai yêu cầu này đòi hỏi tập các động tác cơ bản với những tay vợt có trình độ cao, điều mà chúng tôi không mấy khi có được. Tuy nhiên, chúng tôi trước sau cũng chỉ có một mục đích khiêm tốn là đồ mồ hôi nhằm duy trì sức khỏe, nên tập như vậy cũng đã đủ để đạt được yêu cầu.

Dù sao, tôi cũng đạt được một số thành tích trong “sự nghiệp” bóng bàn thời sinh viên của tôi. Thú vị nhất đối với tôi là giải vô



Chơi bóng bàn (1962)



*Cùng anh Võ Khắc Khoan (X58),
tôi tập chạy ở sân vận động
Đại học xá Paris (1962)*

địch bóng bàn tại Đại học xá Paris vào năm học 1961-1962. Sau khi đoạt giải vô địch ở Trường Polytechnique hai năm liền, lần này tôi chăm tập luyện để hướng tới một thành tích ở giải vô địch bóng bàn của Đại học xá Paris, tuy không dám nuôi quá nhiều hy vọng. Giải đấu bắt đầu ở các vòng loại, các đấu thủ được thông tin về kết quả bốc thăm vào bảng đấu và mỗi người tự liên hệ với đối thủ của mình để hẹn ngày giờ thi đấu. Và người thắng tiếp tục vào vòng sau, đến bán kết còn 4 đấu thủ, hai người thắng vào chung kết trong một buổi đấu do Đại học xá Paris tổ chức để đông đảo mọi người đến xem. Tôi rất ngạc nhiên, không hiểu vì nguyên nhân nào khiến tôi được vào chung kết mà không gặp phải nhiều trở ngại, và người vào chung kết để đấu với tôi cũng là một sinh viên Việt Nam. Rốt cuộc tôi là người thắng giải không quá khó khăn, dù biết chắc rằng thời bấy giờ mình không phải là người chơi giỏi nhất ở Đại học xá Paris.

Trong phòng ở của tôi tại Nhà Đông Dương, tôi tự hào trưng bày các chiếc cúp đã giành được trong “sự nghiệp” bóng bàn của mình.

Dù không phải là một đấu thủ có đẳng cấp cao, nhưng tôi cũng đã giành được một vài giải bóng bàn khác khi ở Pháp cũng như sau khi trở về Việt Nam. Điểm yếu của tôi là không sở hữu được nhiều cú đánh khó, như tấn công bằng rơ-ve không chắc tay lắm, nhưng ngược lại tôi có cú đánh tốt là tấn công và phản công bằng cú bạt phải. Chiến thuật giúp tôi giành thắng lợi trong nhiều trận đấu, là triệt để lợi dụng thế mạnh và che giấu thế yếu của mình. Một ưu điểm khác của tôi, là khi vào trận đấu tôi rất tập trung, ít dễ thua những quả vô lý.

Ngoài môn bóng bàn, còn một môn thể thao khác mà tôi rất ưa thích đó là môn chạy bộ. Cuối các buổi chiều sau khi làm việc về, tôi xuống sân tập của Đại học xá Paris, không xa Nhà Đông Dương. Tôi cố gắng giữ thói quen rèn luyện sức khỏe, xuống sân vận động là để tập thể dục, tập chạy ở những cự ly ngắn như tôi vẫn làm khi còn ở Trường Polytechnique. Nhờ kiên trì tập luyện, tôi đã đạt được những tiến bộ nhất định, đặc biệt trong những cự ly ngắn.

Ở những cự ly này, tôi vẫn giữ được phong độ như thời còn học ở Trường Polytechnique. Tôi đã giành được thắng lợi trong một cuộc thi chạy 100m của các sinh viên Nhà Đông Dương với sự tham dự của một vận động viên điền kinh người Pháp.

Hoạt động xã hội

Trong quãng thời gian bắt đầu du học cho đến khi tốt nghiệp kỹ sư, tôi phải học hành rất căng thẳng nên không có thì giờ quan tâm đến các vấn đề chính trị - xã hội. Chỉ sau khi bắt đầu đi làm việc, tôi mới chú ý đến những vấn đề này.

Một nội dung được tôi quan tâm sau khi tốt nghiệp kỹ sư, là tìm lời giải đáp cho một câu hỏi mà tôi đặt ra một cách tự nhiên: ngoài công việc chuyên môn, mình có thể làm gì để giúp đỡ những sinh

viên trẻ mới sang du học, những người đã theo vết chân của mình trước đây và cũng đang phải vật lộn trong cuộc sống xa gia đình hiện nay? Tôi nhớ lại những khó khăn của mình lúc “chân ướt chân ráo” bước lên đất Pháp, sự bỡ ngỡ trong những ngày tháng đầu tiên làm du học sinh, với những câu hỏi mọi mặt về cuộc sống, rất khó một mình tìm được lời giải thỏa đáng, nhất là về mặt chuyên môn. Nhớ lại những gì mình đã trải qua, tôi rất thông cảm với những khó khăn của các bạn sinh viên trẻ, và muốn làm những gì có thể làm được để giúp đỡ các em ấy.

Tôi bắt tay vào việc tập hợp một nhóm bạn bè có khả năng cùng tôi làm những việc đó. Nhóm chúng tôi gồm những bạn tốt nghiệp kỹ sư, một số bắt đầu đi làm việc và một số tiếp tục học thêm chuyên sâu. Tổ chức “Lớp học” được xây dựng từ nòng cốt là nhóm này. Các bạn bè cùng trang lứa với tôi rất nhiệt tình tham gia “Lớp học”, tổ chức tại phòng khách Nhà Đông Dương mỗi sáng chủ nhật. Những ngày trong tuần, tôi và các bạn đều bận, mọi người đều đến cơ quan, trường đại học hoặc viện nghiên cứu để làm công việc của mình; còn các em sinh viên thì đến trường theo dõi các bài giảng, cho nên nếu các em có khó khăn gì cần nhờ tư vấn, giúp đỡ thì đến gặp chúng tôi vào các buổi tối hoặc trong các ngày cuối tuần.

“Lớp học” ngoài mục đích xã hội nói trên, còn có một mục đích khác là tạo nên sự gắn bó của các bạn đã tốt nghiệp trong những ngành chuyên môn khác nhau và có cùng chí hướng muốn đóng góp cho quê hương, đồng thời cũng tạo nên sự liên kết giữa các thế hệ sinh viên nối tiếp nhau. Phần đông các bạn từng tham gia làm giảng viên hoặc học viên trong “Lớp học” vẫn giữ được mối liên hệ với nhau nhiều năm sau khi “Lớp học” không còn tiếp tục nữa.

Phản ứng của Chính quyền Miền Nam đối với hoạt động của chúng tôi là không thuận lợi. Tôi được biết các sinh viên Miền Nam trước khi sang Pháp đã được căn dặn là không tiếp xúc với nhóm “Lớp học”, cho rằng đây là một nhóm do Cộng sản dựng lên. Sự

thật, khi tổ chức “Lớp học” để giúp sinh viên, tôi và các bạn tôi chưa tham gia vào Hội Liên hiệp Việt kiều. Hành vi của Chính quyền Miền Nam đã thúc đẩy chúng tôi nhanh chóng đến với Hội và các Tổ chức cách mạng của Việt Nam.

Ngày nay, tôi không còn nhớ hết tên của các bạn đã cùng tôi hoạt động trong “Lớp học” cũng như của các em sinh viên đã đến nhờ “Lớp học” giúp đỡ. Gần đây, tôi mới được gặp hai người quen cũ đã nhắc tôi nhớ lại là bản thân họ lúc mới đến Paris đã nhờ đến sự giúp đỡ của “Lớp học”. Đó là Nguyễn Quốc Sơn, sau này tốt nghiệp Kỹ sư Trường Polytechnique (Khóa X64), Kỹ sư Trường Quốc gia Cầu Đường Paris, Tiến sĩ Khoa học, Giáo sư tại Phòng Thí nghiệm Cơ học Chất rắn (LMS) của Trường Polytechnique. Đó là chị Tô Lệ Hằng, tốt nghiệp Trường Dầu Khí, cán bộ phân tích an toàn hạt nhân của CEA, Pháp.

Xây dựng quan hệ bạn bè

Trong năm học Math Spé lần đầu, các bạn người Việt cùng học với tôi gồm các anh Nguyễn Quang Tiến, Nguyễn Văn Đoàn, Trần Văn Khải. Cuối năm học đó, các bạn tôi đều thi đậu: Đoàn vào X, Tiến vào Mines (Paris) và Khải vào Télécom. Chỉ còn tôi học lại Math Spé để chờ thi năm sau. Tôi vẫn giữ liên lạc với Tiến và thỉnh thoảng đến thăm anh ở Ký túc xá Trường Mines (Maison des Mines de Paris, nay là Maison des Mines et des Ponts). Ký túc xá này ở lầu 1 bên trên Quán ăn Trường Mines, là quán ăn mà tôi sử dụng mỗi ngày trong năm đầu học ở Henri IV theo chế độ ngoại trú. Nhờ Tiến mà tôi quen với Nguyễn Huy Hiệt bạn học cùng khóa với Tiến ở Trường Mines (Paris) và cùng ở ký túc xá với Tiến. Sau này Tiến, Hiệt trở thành những người bạn thân thiết của tôi trong suốt những năm tháng là sinh viên và cả về sau này khi chúng tôi đã đi làm việc. Chúng tôi thường chia sẻ với nhau những tình cảm đối với quê hương, cùng nhau tìm lời giải đáp đối với câu hỏi “làm gì” mà



Tòa nhà của Trường Mines, nơi đặt một quán ăn sinh viên nổi tiếng (tầng trệt) là nơi tôi thường đến ăn, và ký túc xá sinh viên Trường Mines

chúng tôi không ngừng nung nấu, rồi cùng chọn chung một con đường để phục vụ cho đất nước.

Năm sau tôi học lại Math Spé, chung lớp với anh Nghiêm Xuân Hải. Năm học Math Spé lần thứ hai của tôi là một năm khá đặc biệt của Trường Henri IV, vì trước đó chưa bao giờ số sinh viên của lớp này đậu vào các Trường Normale Sup (ENS-Ulm) và Polytechnique đông như vậy. Một điều đặc biệt nữa, là Hải đã đậu vào X với thứ hạng 0^{bis} , có nghĩa là điểm bình quân của anh cao hơn điểm của

người đứng đầu trong danh sách sinh viên Pháp đỗ vào Trường. Điều này đã gây bất ngờ cho tôi, vì tuy Hải học rất tốt, nhưng tôi không nghĩ là anh ấy có thể đạt được thành tích cao như vậy. Thi vào Trường Polytechnique và được sắp hạng 0^{bis} là một vinh dự lớn, không những đối với Hải, mà còn đối với Trường Henri IV và nhất là đối với cộng đồng sinh viên Việt Nam ở Pháp. Tuy nhiên Hải không chọn vào Polytechnique mà quyết định vào ENS-Ulm, nơi anh cũng đậu rất cao. Anh chọn con đường nghiên cứu và giảng dạy, có thể là do sở thích cá nhân mà cũng phần nào là vì ở thời điểm ấy, các sinh viên đậu cả 2 trường thường chọn Trường Normale Sup nhiều hơn Trường X, tuy vẫn có người chọn theo



Hình tôi, Trường Sơn và Mai Trinh chụp với vợ chồng Nghiêm Xuân Hải – Lê Trần Hoàng An cùng Bác Hân gái (Nguyễn Thị Bình) sau khi Bác Hoàng Xuân Hân qua đời được ít lâu. Tôi đang cầm tấm di ảnh của Bác Hoàng Xuân Hân (1996)

hướng ngược lại. Vài năm sau khi vào ENS-Ulm, Hải lập gia đình với Lê Trần Hoàng An, là cháu gái nuôi của hai Bác Hoàng Xuân Hãn (X31).

Sau một năm ở Đại học xá Nhà Đông Dương, tôi cùng vài người bạn thân thuê một căn hộ ở ngoại ô Paris để có thể chủ động hơn trong việc tiếp xúc với những sinh viên mới quen cần chúng tôi giúp đỡ. Chúng tôi đã thuê một căn hộ ở Ivry-sur-Seine, đủ tiện nghi cho chúng tôi lúc bấy giờ. Trong số bạn cùng về ở với tôi tại căn hộ đó, có Tiến và Hiệt. Thường đến chơi với chúng tôi, có nhiều bạn bè đồng trang lứa, như các anh Phạm Khả Mẫn (“cụ” Mẫn), Phạm Gia Thái (“cụ” Thái), hoặc những anh em, họ hàng của tôi như Trần Xuân Lộc, Trần Ngọc Sơn và cả em Miên của tôi nữa (lúc ấy em Nam chưa sang Pháp).

Sau năm 1975, chúng tôi thuê thêm một căn hộ khá rộng rãi, khang trang ở đường François Guibert, Paris 15 và một số anh em đã từ Ivry dọn về ở nơi ấy, trong đó có Tiến và người anh ruột là anh Huân từ miền Nam mới sang, cùng ở với Tiến. Trong lúc đó Hiệt đã ở lại Ivry vì có một người chị và hai người em đều ở bên nhà mới sang, cùng đến ở với Hiệt.

Tôi đã được giới thiệu và quen biết với anh Alain Phạm (Phạm Ngọc Định) và chị Colette Phạm. Colette và Alain là con của Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, Bộ trưởng Bộ Y tế của nước Việt Nam Dân chủ Cộng Hòa. Định là sinh viên ngành toán ở Paris. Sau một thời gian quen biết, Định cùng một số bạn khác nghĩ muốn học tiếng Việt, nên tôi đã mở một lớp cho các bạn ấy do tôi trực tiếp phụ trách, trong đó ngoài Alain còn có sự tham gia của anh Jean Vidal và chị Hoàng Ngọc Hạnh (vợ Tiến). Nhiều năm sau, chị Hạnh tốt nghiệp Tiến sĩ và hành nghề Giáo sư Tiếng Việt cho những lớp Tiếng Việt dành cho người Pháp theo chủ trương của Hội Philotechnique, một tổ chức dân lập của Pháp chuyên đào tạo cho

người lớn trên tinh thần học tập suốt đời. Điều này làm tôi cảm thấy thú vị vì mình đã từng chỉ dẫn Tiếng Việt cho chị Hạnh.

Tôi cũng đã quen biết với anh Lê Huy Cận, Kỹ sư Điện và làm việc ở EDF (Tổng Công ty Điện lực Pháp). Anh Cận là người gốc Huế, sau này anh cùng một số anh chị em thành lập “Hội người yêu Huế” và thường về Huế để tìm kiếm những công việc mà Hội có thể làm để giúp cho thành phố quê hương của mình. Anh Cận lớn hơn tôi khoảng 8 tuổi nên được tôi xem như một người anh. Anh cũng rất quý mến tôi: sau khi gia đình tôi hồi hương, anh vẫn giữ liên lạc với tôi và động viên tôi rất nhiều về mặt tinh thần. Rất tiếc, anh đã qua đời trên mười năm trước.

Tiếp xúc với xã hội trong thời gian du học

Trong năm đầu tiên sau khi đến Pháp, tôi chỉ mới quen biết với một số người hạn chế trong giới giáo sư và sinh viên tại Trường Henri IV, rồi dần mở rộng quan hệ đến những sinh viên sống tại Đại học xá Paris, chủ yếu là những sinh viên người Việt Nam trú ngụ tại đây. Nhóm bạn ở Trường Henri IV thích đánh bóng bàn, nên vào những ngày nghỉ học chúng tôi thường đến Đại học xá để chơi bóng bàn tại Nhà Quốc tế (Maison Internationale).

Ở đây chúng tôi thường gặp một số anh chị người Việt Nam, sau này mới biết phần đông thuộc giới sinh viên hoặc trí thức trong Hội Liên hiệp Việt kiều. Tôi được tiếp cận với Liên hiệp Việt kiều trước tiên qua những buổi chơi bóng bàn như thế. Thỉnh thoảng lúc nghỉ giải lao, các anh chị hỏi thăm chúng tôi về việc học hành, về những sở thích sinh hoạt, và giới thiệu với chúng tôi về một số sinh hoạt của sinh viên Việt Nam tại Paris. Trong số anh chị em đến chơi bóng bàn ở Đại học xá Paris ngày ấy, có các anh Trần Vinh Hiền và Nguyễn Công Hàn. Sau 1975, cả hai anh đều đã về nước. Đặc biệt anh Hiền, Bác sĩ chuyên khoa ký sinh trùng đã trở về làm Phó Giám đốc Viện Pasteur TP.HCM.

Ở Trường Henri IV, trong thời gian năm đầu học Math Sup, thỉnh thoảng tôi có gặp anh Nguyễn Mác, sinh viên lớp Math Spé. Tuy nhiên, vì cả hai chúng tôi đều ở ngoại trú nên ít khi anh em có dịp gặp và nói chuyện với nhau. Khi xảy ra biến cố đảo chính Ngô Đình Diệm do các tướng tá ở miền Nam, tôi được biết Mác là em trai của Tướng Nguyễn Khánh. Tôi cũng được biết Mác có tham gia hoạt động của Phong trào Việt kiều, thế mà anh kín đáo không hề nói gì với tôi cả. Có lẽ vì bận học, nên anh không có thì giờ nói chuyện sâu với tôi, nhưng cũng có thể vì điều kiện hoạt động của Phong trào ở Pháp không thuận lợi để anh tiếp cận một đối tượng như tôi, mà anh hoàn toàn chưa được biết chính kiến.

Vào khoảng năm 1962, tôi được mời đến dự một cuộc gặp mặt với anh Nguyễn Khắc Viện. Lúc bấy giờ tôi đang trú ngụ tại Nhà Đông Dương. Đường như đây là buổi gặp mặt để chia tay anh Viện vì không lâu sau đó anh bị chính quyền Pháp trục xuất về nước. Trong buổi gặp mặt, anh Viện cho biết Phong trào yêu nước của kiều bào còn gặp nhiều khó khăn vì bị chính quyền nước sở tại không ngừng theo dõi, bắt bớ, o ép, đe dọa. Đúng như anh Viện nói, không lâu sau đó, anh bị buộc phải rời nước Pháp, nơi anh đã sinh sống và hoạt động rất lâu, để học ngành y và xây dựng Phong trào Việt kiều theo con đường mà Bác Hồ đã vạch ra trước đây lúc Bác còn ở Pháp. Qua những lời dặn dò của anh Viện, tôi nhận thức được là tuy Phong trào Việt kiều ở Pháp rất mạnh, nhưng công tác vận động kiều bào để tạo nên sức mạnh ấy, làm chỗ dựa cho công tác ngoại giao của Nhà nước cách mạng là không đơn giản tí nào.

Trong thời gian còn học ở cấp trung học, cũng như sau khi sang Pháp du học, vì phải tập trung vào việc học hành nên tôi không có đủ thì giờ để đi sâu tìm hiểu về những vấn đề chính trị của đất nước. Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954, tôi tin tưởng rằng đất nước ta chỉ tạm thời chia cắt thành hai miền và sẽ thống nhất lại sau hai năm bằng một cuộc tổng tuyển cử. Cuộc tổng tuyển cử bất thành, tôi rất bức xúc và bắt đầu tìm hiểu xem trong việc này ai đúng ai sai. Khi

diễn biến lịch sử khác đi so với những gì mình đã tin tưởng, tôi phải vận dụng những điều hay lẽ phải đã được Cha Mẹ dạy dỗ từ lúc tôi còn nhỏ và được Cô Thầy hun đúc cho tôi từ khi bắt đầu cắp sách đến trường. Thời gian du học ở Pháp, tôi không có điều kiện theo dõi sát các thông tin về tình hình ở quê nhà, nhưng những tin tức đến với tôi vẫn đủ để tôi có thể đánh giá thế nào là đúng, thế nào là sai, và ai đúng, ai sai.

Những suy nghĩ của tôi thời bấy giờ còn rất đơn giản, nhưng đôi khi đó lại là những chân lý cơ bản mà mọi người không nên quên. Đó là chân lý về độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, về đoàn kết, về quý trọng người tài, v.v. Những ai chọn con đường phù hợp với chân lý đó thì được đông đảo người dân ủng hộ, và những ai đi ngược lại thì bị phản đối và tất yếu sẽ phải thất bại. Tôi dần dần thấy được con đường mà mình nên chọn lựa.

Tôi cũng đã trải qua một thời gian chần chừ, chưa muốn ra mặt công khai làm những công việc có màu sắc chính trị lộ liễu. Vào thời gian ở Đại học xá Paris sau khi tốt nghiệp kỹ sư, tôi đã thấy rõ con đường phải đi, nhưng vẫn còn phân vân chưa biết phải làm gì và làm như thế nào. Phải làm gì khi mình chưa tham gia vào tổ chức? Phải làm thế nào để được việc nhưng không bị “lộ”, gây ảnh hưởng tai hại đến cha mẹ ở quê nhà, đến công việc của mình ở cơ quan, và đến Phong trào Việt kiều ở Pháp, như anh Viện đã chỉ dẫn?

Trong lúc chờ đợi tháo gỡ những “nút thắt” đó, tôi và các bạn cùng trang lứa, như nói ở phần trước, đã lập nên tổ chức “Lớp học” dành cho sinh viên Việt Nam mới sang Pháp. “Lớp học” đã có tiếng vang trong giới sinh viên Việt Nam thời bấy giờ.

Tham gia hoạt động Hội Liên hiệp Việt kiều

Tôi đã làm quen và liên lạc với nhiều anh chị em sinh hoạt trong Hội Liên hiệp Việt kiều. Theo chủ trương của Hội, nhiều hình thức sinh hoạt đã được sử dụng để tạo điều kiện gặp gỡ giữa Hội viên và

anh chị em ngoài Hội. Có những sinh hoạt nhẹ nhàng và thường xuyên như thể dục thể thao, các buổi đi chơi chung với nhiều anh chị em trí thức và sinh viên đến những khu rừng chung quanh Paris, cùng hưởng môi trường trong lành, cùng chuyện trò, trao đổi ý kiến về tình hình quê nhà.

Tôi nhớ một chuyến đi chơi rừng qua đó tôi đã gặp và kết thân với anh Nguyễn Đắc Chí và chị Quế Anh. Chí tốt nghiệp Trường Quốc gia Cầu Đường, và làm việc tại Phòng thí nghiệm về Cầu Đường của trường này. Tuy không có nhiều dịp làm việc chung với nhau trong thời gian tôi còn ở Pháp, nhưng sau này mỗi lần về thăm nhà ở TP.HCM, anh chị đều mời chúng tôi, cùng những người bạn khác, đến chơi tại nhà anh chị ở đường Nguyễn Đình Chiểu, gần siêu thị Coop-Mart. Sau này, Chí tham gia vào Nhóm của anh Nguyễn Văn Công, chuyên vận động tài trợ, thiết kế kỹ thuật và xây dựng các cây cầu bắc qua những con rạch nhỏ để thay thế các cầu “khi” kém an toàn, phục vụ cho người, xe đạp, xe máy và xe thô qua lại. Tôi đã nhờ Chí thay mặt dự buổi lễ khánh thành chiếc cầu mang tên Mẹ tôi (Cầu O Vy) tại làng La Chũr, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên – Huế mà gia đình chúng tôi đã tham gia tài trợ.

Qua những hình thức sinh hoạt chung đó, Hội có điều kiện hiểu rõ hơn những suy nghĩ, vướng mắc của trí thức và sinh viên đối với tình hình đất nước để có những hình thức vận động phù hợp, chuyển dần các đối tượng này từ chưa hiểu biết nhiều đến thông cảm và đồng tình với các hoạt động của Hội, từ đó tiến tới tiệm cận với Hội, tham gia vào các hoạt động của Hội và trở thành Hội viên. Ngoài ra, Hội cũng ủng hộ và cử người tham gia sinh hoạt trong các tổ chức do anh em ngoài Hội chủ trương, như nhóm “Lớp Học” của chúng tôi.

Một trong những sinh hoạt mà tôi và một số bạn là Hội viên hoặc có cảm tình với Hội đã tham gia đều đặn, là dự giải bóng bàn của các Câu lạc bộ lao động ở Paris dưới danh nghĩa là đội bóng bàn

của Câu lạc bộ Thể thao của Lao động ngành Đường sắt Đông – Nam Paris (CSPSE – Chemins Sportifs de Paris Sud-Est), thực chất là đội bóng bàn của Hội Liên hiệp Việt kiều. Hội chủ trương có một hình thức sinh hoạt thể thao vừa để tạo điều kiện cho anh em gặp gỡ nhau thường xuyên hơn, vừa để anh em có điều kiện cọ xát với những đấu thủ Pháp có trình độ tốt hơn. Trong số anh em tham gia trong giải bóng bàn đó diễn ra hàng tuần vào một buổi tối, có các anh Tiến, Hiệt, Nguyễn Văn Minh, Nguyễn Ngọc Trân và tôi. Thỉnh thoảng cũng có vài bạn bè riêng của người này hay người khác trong chúng tôi cùng đến dự để cổ vũ cho đội bóng.

Công tác thông tin truyền thông

Tôi được phân công thực hiện phần nội dung triển lãm để giới thiệu cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam vì độc lập, tự do, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước. Đặc biệt, các pa-nô triển lãm được đưa đến gian hàng Việt Nam ở Lễ hội Báo L'Humanité (Nhân Đạo) và tại Hội Liên hoan UNEF của các sinh viên Pháp. Vào năm 1964, sau khi Lễ hội báo Nhân Đạo kết thúc, tôi được phân công cùng với anh Trương Phong Tổng chở bộ pa-nô đã triển lãm ở Lễ hội này trên chiếc Estafette – Citroen. Tôi lái xe suốt đêm trên đường xa lộ từ Paris đến Lyon, nơi đang diễn ra Hội Liên hoan UNEF. Các pa-nô được đưa ra trưng bày tại đây để phục vụ cho đại biểu tham dự Hội Liên hoan. Chính nơi đây tôi đã gặp lại Ngọc Mai, sau này trở thành người bạn đời của tôi.

Tôi cũng được phân công làm công tác báo chí cho Hội, lần lượt tham gia vào các báo Liên hiệp Sinh viên, Liên hiệp Trí thức, Đoàn kết... trong đó tôi tham gia viết các bài xã luận, các bài phóng sự, và đăng một số bài thơ tôi sáng tác thời bấy giờ. Về phóng sự, tôi có đăng mấy bài phỏng vấn Họa sĩ Lê Bá Đảng và Nữ Tiến sĩ Sinh học Nguyễn Ngọc Yến. Tôi cũng có viết một bài về chuyến công diễn của Đoàn nghệ thuật dân tộc, do Nhà thơ Cù Huy Cận làm

Trưởng đoàn, đề phục vụ kiều bào tại Pháp nhân Hội nghị Paris về Việt Nam. Những bài thơ tôi viết trong thời gian ở Pháp phần lớn có nội dung liên quan đến tâm tư, tình cảm của một người con đất Việt xa quê hương và luôn hướng lòng mình về đất nước. Một số bài thơ đó được tập hợp trong cuốn “Tuyển tập thơ Nhị Hà”.

Tôi không tham gia vào công tác văn nghệ của Hội vì không có năng khiếu biểu diễn nghệ thuật và cũng không có đủ thì giờ. Chỉ duy nhất một lần tôi được đứng trong giàn hợp xướng của Hội, đó là buổi biểu diễn văn nghệ năm 1965 ở trại hè Sète, một thành phố ven biển Địa Trung Hải. Tuy nhiên, đối với công tác văn nghệ của Phong trào Việt kiều, tôi cũng đã đóng góp một cách gián tiếp, trong những lần đoàn văn nghệ của Hội đi công diễn xa Paris, tôi ở nhà trông con để vợ tôi đi làm nhiệm vụ.

Công tác trong giới trí thức Việt Nam ở Pháp

Khi bắt đầu tham gia các sinh hoạt Hội, tôi được phân công hoạt động trong giới sinh viên – trí thức. Tôi tham gia các sinh hoạt của trí thức và sinh viên, nhưng nhanh chóng chuyển sang hoạt động trong giới trí thức. Ngoài công việc chuyên môn riêng, tôi bận rộn với công tác vận động trí thức người Việt Nam ở Pháp hướng về đất nước, ủng hộ sự nghiệp đấu tranh chống Mỹ cứu nước của dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Đây là những công việc thầm lặng, không ồn ào sôi nổi. Tôi có sáng tác một bài thơ về công tác trong giới trí thức của tôi thời ấy.

Công việc này rất phù hợp với sở thích và năng lực của tôi. Nội dung là làm quen, kết thân, tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của anh em, giúp tháo gỡ những vướng mắc của mỗi người để anh chị em tiến gần đến Hội và tham gia vào các công việc do Hội chủ trương. Nhưng giao tiếp với bạn bè cũng là một sở thích, cho nên tôi đã làm công việc này một cách tích cực ngay trước khi tham gia sinh hoạt

Hội, như thời kỳ hoạt động trong Nhóm “Lớp học” dù không ai bảo tôi phải làm như vậy.

Do công tác tại Trung tâm Nghiên cứu Hạt nhân Saclay, nơi có nhiều cán bộ chuyên môn người Việt Nam làm việc, tôi đã quen biết với một số chuyên gia trong lĩnh vực khoa học và công nghệ hạt nhân. Trong số các anh chị mà tôi còn giữ liên lạc đến ngày nay có các anh Nguyễn Văn Đồng và Nguyễn Trọng Thức.

Anh Đồng hơn tôi khoảng 10 tuổi, tốt nghiệp trường Telecom, bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ Khoa học chuyên ngành Vật lý bán dẫn, và phụ trách một Nhóm nghiên cứu chất bán dẫn vô định hình ở Saclay. Anh Đồng có đông họ hàng sống tại miền Bắc. Anh rất quan tâm đến cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa và cuộc chiến tranh tự vệ đất đai không của nhân dân ta ở Miền Bắc. Sau khi nghỉ hưu, anh thường về Việt Nam thăm gia đình, bạn bè và tổ chức nhiều buổi thuyết trình phổ biến khoa học. Đặc biệt, anh theo dõi rất sát các tiến bộ kỹ thuật trong ngành khoa học dinh dưỡng để phục vụ sức khỏe con người và áp dụng các tiến bộ đó cho cá nhân mình, nhờ vậy anh giữ được sức khỏe rất tốt tuy tuổi đã trên 90. Sau này, vợ anh qua đời, anh càng dành nhiều thời gian sống ở Hà Nội. Anh có mối quan hệ mật thiết với tôi từ thời làm việc ở Saclay đến nay. Mỗi lần có cơ hội, chúng tôi đều hẹn gặp và dành nhiều thì giờ nói chuyện với nhau, trao đổi kinh nghiệm về cuộc sống và ý kiến về thời cuộc.

Anh Thức trẻ hơn tôi cũng khoảng 10 tuổi. Anh tốt nghiệp Trường SupElec và vào làm việc ở Trung tâm Tính toán của Trung tâm Nghiên cứu Hạt nhân Saclay. Sau khi tôi về nước không lâu, Thức được Algérie mời sang làm cố vấn cho Bộ trưởng Bộ Năng lượng. Thức có hiểu biết rộng rãi, có quan điểm rõ ràng trong các vấn đề kinh tế - xã hội. Mỗi lần vợ chồng tôi sang Pháp, chúng tôi đều gặp nhau hàn huyên về các vấn đề của đất nước và thế giới.

Ngoài hai anh Đồng và Thức, tôi còn quen với nhiều bạn làm việc ở Saclay, như các anh Nguyễn Siêu Việt, Moussa Gueye, Trần Túc Vị, Nguyễn Hoàng Nghi, Nguyễn Văn Đoàn, Nguyễn Trọng Hiền, Nguyễn Lương Thận.

Anh Nguyễn Siêu Việt đã làm việc trong cùng đơn vị chuyên môn với tôi ở Trung tâm Nghiên cứu Hạt nhân Saclay, nhưng thuộc một nhóm khác. Sau khi tôi chuyển công tác, anh cũng rời Saclay và cùng gia đình chuyển đến thành phố Caen (thuộc Tỉnh Calvados, vùng Normandie), nơi anh tham gia xây dựng máy Synchrotron gia tốc ion nặng của Pháp mang tên GANYL. Đến tuổi hưu trí, anh trở về sinh sống tại Grenoble. Anh và chị Annie vợ anh về thăm Việt Nam được vài lần, trong đó có một lần ghé thăm chúng tôi tại Đà Lạt. Chúng tôi cũng đã được gặp lại anh chị ở Pháp. Rất tiếc, anh đã qua đời cách nay trên 5 năm.

Anh Moussa Gueye cũng làm việc trong cùng đơn vị chuyên môn DSS với tôi, phụ trách quản lý kỹ thuật các nam châm điện của máy gia tốc Saturne. Bố anh là người Sénégal, Mẹ là người Việt Nam, có họ hàng với gia đình Đại tướng Văn Tiến Dũng. Sau khi nghỉ hưu, anh về thăm quê mẹ vài lần, trong đó một lần anh tôi ở Hà Nội. Từ lúc tôi nghỉ hưu năm 2003, mỗi lần có dịp sang Pháp, chúng tôi đều đến thăm anh chị và một lần ở lại nhà anh chị tại Villiers-le-Bâcle (Tỉnh Essonne), gần Trung tâm Nghiên cứu Hạt nhân Saclay.

Anh Trần Túc Vị từng là bạn học của tôi ở các lớp Math Sup và Math Spé tại Trường Henri IV. Anh thi đậu vào Trường Polytechnique trước tôi một năm, và sau đó vào làm việc ở Trung tâm Saclay, chuyên thiết kế lò phản ứng hạt nhân trong chương trình Champlain, với mục đích nội địa hóa công nghệ hạt nhân kiểu REP (lò phản ứng nước nén) tại Pháp. Khi làm việc trong ngành an toàn hạt nhân, tôi có tiếp xúc với Vị vài lần để nghe anh trình bày về công việc chuyên môn của anh. Sau khi rời Saclay, tôi không còn



Anh Nguyễn Siêu Việt với tôi tại Đà Lạt (2004)



Tôi cùng với anh Moussa Gueye trong vườn nhà anh (2008)

giữ được liên lạc với Vị. Gần đây tôi rất buồn khi biết tin Vị đã qua đời, một thời gian sau khi nghỉ hưu.

Anh Nguyễn Hoàng Nghị, trước năm 1975 thường trao đổi ý kiến với tôi về tình hình Việt Nam và bất đồng về đường lối của cách mạng Việt Nam. Nghị không tin rằng các lực lượng cách mạng có thể thắng được Hoa Kỳ và Chính quyền “Quốc Gia”. Chúng tôi tranh luận với nhau nhưng không đi đến nhất trí. Sau này, nghe nói anh đã về thăm quê hương, và tôi mong rằng thực tế của đất nước có thể tác động đến suy nghĩ của anh theo chiều hướng tích cực.

Anh Nguyễn Văn Đoàn học chung với tôi tại Trường Henri IV và đậu vào X trước tôi một năm. Anh vào làm việc ở Trung tâm Nghiên cứu Hạt nhân Saclay trong lĩnh vực vật lý chất rắn. Tôi không có dịp gặp lại anh sau này. Sau khi tôi về nước, con trai tôi cho biết Đoàn có viết thư cho cháu một lần để hỏi thăm về tôi.

Với các anh Nguyễn Trọng Hiền và Nguyễn Lương Thận, tôi rất tiếc đã không giữ liên lạc được cho nên chưa gặp lại các anh từ lúc tôi rời khỏi Trung tâm Saclay (1975). Ngoài những người quen biết trực tiếp tại môi trường làm việc, tôi còn liên lạc được với một số người cùng ngành nghiên cứu hạt nhân ở các cơ sở nghiên cứu và đào tạo khác, như các anh Nguyễn Khắc Ứng, Nguyễn Hữu Khánh, Trần Thanh Vân.

Anh Nguyễn Khắc Ứng là người tôi quen biết từ rất lâu, khi tôi còn là sinh viên ở Trường Polytechnique. Anh Ứng lúc đó làm việc trong nhóm vật lý thực nghiệm của André Lagarrigue, một trong những Giảng sư vật lý của Trường. Sau khi về nước, tôi chỉ được gặp lại anh một lần, trong chuyến đến thăm Trường tại Palaiseau. Ứng và anh Nguyễn Khắc Nhẫn là anh em ruột. Chuyên gia về năng lượng, anh Nhẫn đã có nhiều ý kiến phản biện cho những dự án phát triển điện năng của Việt Nam. Mới đây tôi rất buồn được tin Nguyễn Khắc Ứng đã qua đời.

Anh Nguyễn Hữu Khánh là một nhà vật lý thực nghiệm làm việc tại Collège de France. Anh thuộc nhóm nghiên cứu của Giáo sư Laberrigue, thành viên Hội đồng chấm Luận án Tiến sĩ của tôi. Trong thời gian tôi còn ở Pháp, thỉnh thoảng tôi có gặp Khánh; sau khi về nước, tôi không còn tiếp tục giữ được liên lạc với anh.

Anh Trần Thanh Vân là một nhà khoa học trong chuyên ngành vật lý lý thuyết, nổi tiếng đặc biệt nhờ là người sáng lập các cuộc “Gặp gỡ Moriond” với mục đích kết nối các nhà khoa học lý thuyết với các nhà khoa học thực nghiệm, kết nối những nhà khoa học trẻ với những nhà khoa học trưởng thành. “Gặp gỡ Moriond” tổ chức hằng năm từ năm 1965 cho đến nay. Sau khi hòa bình lập lại, anh cũng đã cùng Gs. Nguyễn Văn Hiệu tổ chức những cuộc “Gặp gỡ Việt Nam” (Rencontres du Vietnam), qua đó mời những chuyên gia đầu ngành về vật lý đến trao đổi ý kiến với những nhà vật lý Việt Nam để giúp chúng ta mở rộng tầm nhìn. Anh Vân cũng là người chủ trương xây dựng và bắt tay quyên góp cho một Trung tâm Khoa học ở Quy Nhơn (Bình Định) mang tên ICISI, ngày nay đã hoàn thành và đang phát huy hiệu quả. Một lần đến thăm Bình Định, tôi đã được nguyên Bí thư Tỉnh ủy Nguyễn Trung Tín tham khảo ý kiến về đề nghị xây dựng Trung tâm này ở Quy Nhơn của anh Vân. Tôi đã ủng hộ việc xây dựng dự án đó, góp một ý kiến để Tỉnh quyết định thành lập Trung tâm ICISI ở Bình Định.

Ngoài những người đồng nghiệp, tôi còn quen biết với một số chuyên gia thuộc những ngành chuyên môn khác, như các anh Nguyễn Quang Riệu và Nguyễn Quý Đạo. Anh Riệu và anh Đạo là hai anh em ruột mà tôi được nghe tên tuổi từ trước, nhưng lần đầu gặp các anh là nhân chuyến về thăm Việt Nam năm 1976. Đối với tôi, đó là chuyến về thăm quê hương lần đầu và duy nhất sau 21 năm rời quê hương đi du học. Chuyến về Việt Nam năm 1976 là một cơ hội để tôi tiếp cận với hai nhà khoa học hàng đầu của Việt Nam định cư ở Pháp nhưng tâm lòng luôn hướng về quê hương.

Anh Nguyễn Quang Riệu lúc bấy giờ đã là một nhà vật lý thiên văn nổi tiếng nhờ phát hiện và xác định chính xác vụ nổ trong chòm sao Thiên Nga (Cygnus X3), dẫn tới giải thưởng của Viện Hàn Lâm Khoa học Pháp năm 1973. Anh là Giáo sư tại Đại học Sorbonne và là Giám đốc Nghiên cứu tại Đài Thiên văn Paris. Sau khi về hưu, tôi vẫn giữ liên lạc với anh Riệu, nhiều lần đến thăm anh chị ở nhà riêng tại Paris. Khi về Việt Nam, anh chị cũng liên lạc với chúng tôi để gặp nhau. Gần đây, tôi hết sức buồn phiền và đau xót khi nhận được tin anh qua đời vì dịch Covid-19 trong năm 2021.

Anh Nguyễn Quý Đạo là Kỹ sư Trường Centrale (Paris), Tiến sĩ Khoa học ngành Hóa, Giáo sư Tiến sĩ danh dự tại Trường Centrale (Paris). Sau này, anh Đạo được CNRS cử làm đại diện để hợp tác khoa học với Việt Nam và trên cương vị này anh thường về nước làm việc với các Cơ quan khoa học. Anh Đạo đã liên lạc với tôi trong một chuyến công tác để đề nghị tôi góp ý kiến về những nội dung hợp tác giữa CNRS Pháp và Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam. Lúc bấy giờ tôi đã thôi làm việc trong lĩnh vực Nghiên cứu Hạt nhân, nhưng cũng đã giới thiệu anh gặp Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam để trực tiếp làm việc.

Ngoài các bạn trong giới khoa học kỹ thuật, với tư cách là bạn đồng môn ở Trường Polytechnique, tôi đã chủ động kết nối với nhiều bạn Việt Nam, là sinh viên hoặc cựu sinh viên của Trường. Tôi đã quen biết với một số đáng kể những Kỹ sư Trường Polytechnique, từ thế hệ các Bác, như Hoàng Xuân Hãn, Nguyễn Ngọc Bích,... đến các thế hệ đàn anh, như Nguyễn Chánh, Nguyễn Quang Động, Bùi Hữu Lân, Đinh Mạnh Toàn, Nghiêm Phong Tuấn, Lưu Tường Đức, Bùi Huy Đường, Nguyễn Trọng Anh,... rồi đến lứa chúng tôi, như Nguyễn Văn Đoàn, Trần Túc Vĩ, Nguyễn Xuân Phúc, Võ Khắc Khoan, Nguyễn Văn Giai,... Các bạn thuộc những khóa sau tôi cũng có những người tôi đã từng quen biết hoặc giữ được liên lạc, như Dương Vĩnh Hùng, Trần Quốc Anh, Hà Dương Tường, Võ Đình Tâm, Lâm Minh Chiếu và nhiều bạn khác mà tôi

không thể kể hết. Lứa con em của những trí thức kiều bào ở Pháp, tôi cũng đã từng biết một số khi các cháu còn ở tuổi thiếu nhi. Trường hợp nổi tiếng nhất trong các cháu nữ là Tạ Thu Thủy con anh Tạ Trung Quốc và chị Cúc, cháu đã đỗ với thứ hạng cao vào Khóa đầu tiên có đào tạo nữ sinh viên của Trường; một cháu khác là Nguyễn Hoàng Liên con anh Nguyễn Đạt Nhiếp và chị Dàng. Tôi cũng được biết mấy cháu nam, như Nguyễn Hoàng Thao con anh Nguyễn Văn Hưởng và chị Bích Liên, Trần Tiến Nhân con anh Trần Tiến Lang và chị Quới, v.v.

Bắt đầu từ năm 1995, áp dụng chính sách quốc tế hóa, Trường Polytechnique lập ra một kênh tuyển chọn cho sinh viên Việt Nam, mang tên EV2. Số sinh viên Việt Nam được đào tạo ở Trường theo kênh này có thể đã lên đến trên một trăm người. Trong nhóm này, một số khá lớn đã tốt nghiệp, tiếp tục học thêm chuyên ngành hoặc đi làm việc, không chỉ ở Pháp mà còn ở các nước khác, nhất là ở Mỹ. Một số nhỏ đã về làm việc ở Việt Nam. Về mặt tổ chức, một số các bạn EV2 tham gia vào Nhóm X-Việt Nam do một ban điều hành quản lý. Trưởng ban là anh Trần Bằng, ngoài ra ban điều hành còn có các anh Quốc Anh, Ngọc Anh, Phi, Quỳnh, chị Mai Phương và một ít người khác đã về Việt Nam, như anh Nguyễn Trần Thuật và tôi. Sinh hoạt của Nhóm ở Pháp có sự hỗ trợ nhiệt tình của anh Trương Nguyễn Trân và chị Thủy vợ anh. Ngoài ra một số bạn EV2 cũng tham gia vào Nhóm Đồng Hành, chủ yếu cho mục đích nhân đạo và tương thân tương trợ.

Chương IV

Lập gia đình (1965)

Trong xã hội, những thanh niên nam - nữ đến tuổi trưởng thành, khi có cơ hội gặp gỡ và nảy sinh tình cảm với nhau, có thể bắt đầu quá trình tìm hiểu và đi đến quyết định hôn nhân. Hôn nhân là một thiết chế trong xã hội để hai người về sống với nhau, theo những thể thức do pháp luật quy định. Lập gia đình là hành vi để thực hiện hôn nhân, được pháp luật chính thức công nhận, và cũng được cha mẹ, anh chị em, bạn bè chứng kiến và nhìn nhận. Khi một đôi nam – nữ cùng nhau lập gia đình, nghĩa vụ của họ là góp sức xây dựng gia đình ngày càng hạnh phúc và bền vững. Vợ chồng nâng đỡ nhau vượt qua những khó khăn mà một hay cả hai người gặp phải. Vợ chồng cùng nhau chia sẻ những niềm hạnh phúc mà cuộc đời ban cho một người hay cho cả hai.

Trong Chương này, tôi kể lại những gì liên quan đến việc Ngọc Mai và tôi xây dựng gia đình riêng, từ quen biết đến hôn nhân, sinh đẻ và nuôi dạy con cái, giúp đỡ nhau trong nhiệm vụ học hành, chuẩn bị về nước và cùng nhau thích nghi với những khó khăn ban đầu, hỗ trợ nhau phát huy năng lực để đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước, nâng đỡ các con trong nhiệm vụ học hành và lập nghiệp, v.v. Với nội dung như vậy, các sự việc kể lại sau đây sẽ xuyên suốt cuộc sống gia đình của chúng tôi. Chương này có thời điểm bắt đầu nhưng chưa thể xác định được thời điểm kết thúc.

Từ tình yêu đến hôn nhân

Tôi và Ngọc Mai lập gia đình vào cuối năm 1965, lúc tôi ở tuổi 27 và em ở tuổi 25. Cả hai chúng tôi đều đang sống xa cha mẹ: khi bắt đầu quen biết nhau, tôi đang làm việc tại Paris, còn Ngọc Mai đang học đại học tại Bordeaux. Khi sang Pháp du học, Ngọc Mai

mới 13 tuổi và học trung học ở Toulouse. Em may mắn được ở nội trú và nhờ có chị là Ngọc Phượng cũng đang học cuối cấp trung học ở Toulouse, nên đỡ bị bơ ngớ ở xứ lạ quê người. Vài năm sau, hai chị em chuyển sang ở Bordeaux. Một điều may khác là khi em ở Toulouse, Ba Má em đã tìm được cho hai chị em một người đỡ đầu là anh Nguyễn Tấn Lập, đang làm nghiên cứu sinh trong ngành kinh tế. Anh Lập thực hiện vai trò người đỡ đầu một cách hết sức có trách nhiệm: mỗi khi học sinh nội trú được nghỉ học ra ngoài, anh đều đến đón về nhà, diu dắt, dạy dỗ em. Anh Lập là người phụ trách phong trào Việt kiều ở Toulouse, cho nên đã hướng dẫn Ngọc Mai tham gia các hoạt động hướng về quê hương và cũng nhờ thế, sau này em trở thành một cán bộ nòng cốt của phong trào ở Bordeaux.

Chúng tôi quen nhau lần đầu ở trại hè Sète, thuộc Tỉnh Hérault, ở miền Tây-Nam nước Pháp. Sète là một thị trấn và một bến du thuyền nằm bên bờ biển Méditerranée (Địa Trung Hải) không xa dãy núi Pyrénées và cũng không xa thành phố Montpellier, thủ phủ của Tỉnh Hérault. Trại hè do Hội Liên hiệp Việt kiều tổ chức hằng năm là một dịp gặp gỡ để tạo cơ hội cho kiều bào gần bó với nhau và gần bó hơn nữa với quê hương. Nói đến trại hè là nói cắm trại, dựng lều bạt, sinh hoạt đơn giản. Ban tổ chức chia trại sinh ra từng “toán” luân phiên nấu ăn cho tất cả trại sinh. Trại tổ chức sinh hoạt văn hóa – văn nghệ với một tờ báo tường có nội dung khá phong phú và một ban nhạc giúp mọi trại sinh tập dượt ca hát. Những thành viên của ban văn nghệ vào các bữa ăn thường trình diễn các bài nhạc hay cho cả trại thưởng thức, tạo nên không khí vui vẻ để mọi người ăn uống ngon miệng. Đài phát thanh của trại thường có những bài bình luận về tình hình đất nước, để các trại sinh hiểu rõ hơn các vấn đề của quê hương và thông cảm hơn với những khó khăn mà đồng bào trong nước đang phải trải qua.

Trong không khí vui tươi và phấn khởi của trại, tôi để ý đến Ngọc Mai và nhận thấy em cũng đang tham gia các hoạt động văn nghệ của trại hè. Tôi cũng có một số đóng góp trong hoạt động văn hóa

của trại, như sáng tác một bài thơ đăng lên báo tường nói lên tình cảm của người trại sinh đối với trại hè của Việt kiều. Những hoạt động đó làm cho chúng tôi cảm thấy gần gũi nhau hơn, tuy chưa đến mức gọi là thân mật.

Trại hè kết thúc, tôi về Paris và sau đó không lâu, được giao trách nhiệm tham gia chuẩn bị Gian hàng Việt Nam tại Lễ hội báo Nhân đạo (Fête de L'Humanité). Một nội dung quan trọng của Gian hàng là giới thiệu tình hình ở Việt Nam, vạch trần chính sách thực dân mới của chính quyền Mỹ, ca ngợi cuộc đấu tranh dũng cảm của nhân dân ta ở cả hai miền để giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới hòa bình thống nhất đất nước. Tất cả nội dung đó được thực hiện trên khoảng hai chục pa-nô. Tôi có trách nhiệm thiết kế các pa-nô ấy, gồm sắp xếp các hình ảnh, viết các chú thích bằng tiếng Việt và tiếng Pháp, và cùng anh chị em trong “nhóm thực hiện” xếp đặt hình ảnh và chú thích lên các pa-nô. Trong thời gian đó, nhóm văn nghệ cũng tập dượt khăn trương để chuẩn bị cho Đại hội Liên hoan Sinh viên UNEF (Union Nationale des Étudiants de France – Liên hiệp Quốc gia các Sinh viên Pháp) sẽ tổ chức ở Lyon.

Lễ hội báo Nhân đạo tổ chức trong hai ngày thứ bảy và chủ nhật đầu tháng 9 mỗi năm. Hơn nửa triệu người đến tham dự Lễ hội, thể hiện sự ủng hộ chính trị đối với cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Pháp. Gian hàng Việt Nam cũng được rất nhiều người đến thăm. Ngoài phần nội dung chính trị, Ban tổ chức cũng chuẩn bị các món ăn Việt Nam để giới thiệu nghệ thuật ẩm thực của nước ta cho các bạn bè Pháp và ngoại quốc; trưng bày những tác phẩm nghệ thuật và những di sản văn hóa Việt Nam để khách đến viếng Gian hàng hiểu được đất nước ta và nguồn sức mạnh của dân tộc chúng ta.

Kết thúc hai ngày Lễ hội báo Nhân đạo năm 1965, tôi cùng anh Trương Phong Tổng được giao một nhiệm vụ quan trọng, là thu gom các pa-nô trưng bày trong Lễ hội, gói ghém chúng cẩn thận,

đưa tất cả lên một chiếc xe tải nhỏ hiệu Estafette - Citroen và lên đường thẳng tắp đến Lyon để phục vụ Hội Liên hoan UNEF. Hội Liên hoan đã bắt đầu được hai ngày, nhưng vẫn còn thời gian vài ngày để triển lãm các pa-nô trước khi kết thúc.

Sáng hôm sau thứ hai, các pa-nô đã được xếp đặt gọn gàng và theo đúng thứ tự trong một không gian triển lãm tại Hội Liên hoan UNEF. Ít ai ngờ rằng cả đêm hôm ấy chúng tôi đã giong ruổi trên xa lộ Paris – Lyon để cho kịp yêu cầu triển lãm. Sau những ngày làm việc cật lực để thiết kế, xây dựng, trưng bày ở Lễ hội báo, rồi lại một đêm không ngủ vì phải lái xe, chuyến đi Lyon đối với tôi thật là vất vả. Có những lúc quá buồn ngủ, tôi phải dừng xe nghỉ một lúc, rồi lại cho xe chạy tiếp. Nhân chuyến đi này, tôi đã phát hiện và trải nghiệm một phương pháp chống buồn ngủ hiệu quả, là đọc nhẩm những bài thơ đã thuộc để giúp đầu óc hoạt động, nhờ vậy đỡ buồn ngủ.

Tôi đã gặp lại Ngọc Mai trong chuyến đi Lyon đó. Ngọc Mai là một thành viên của Đoàn văn nghệ Hội Liên hiệp Việt kiều đang có mặt tại đây. Sau khi Hội Liên hoan bế mạc, tôi trở về Paris và Ngọc Mai cũng lên Paris vài ngày theo Đoàn văn nghệ để kết thúc đợt công tác, rồi trở về Bordeaux. Chúng tôi liên lạc với nhau bằng thư gửi qua bưu điện. Thời ấy không được như ngày nay, mà lúc nào cũng có thể liên lạc bằng điện thoại di động với nhiều phương tiện hiện đại như Viber, Zalo, WhatsApp, E-Mail... Thời trẻ của chúng tôi khi nhớ nhau chỉ có thể viết thư hoặc dùng điện thoại bàn, thậm chí khi quá bận thì có nhớ cũng đành bó tay.

Tôi đã đi Bordeaux thăm em hai lần với chiếc xe Panhard “Tigre” mà tôi vẫn dùng để đi làm và thực hiện vài chuyến đi xa trong nước Pháp. Thời bấy giờ Pháp chưa có nhiều đường xa lộ, so với Đức và Ý thì kém xa. Lái xe từ Paris đi Bordeaux chỉ có đường quốc lộ, chất lượng tuyến đường nói chung là tốt, chỉ có vấn đề là thời đó chưa có đường tránh nên xe phải chạy xuyên qua những thành phố.

Tôi thường tự hào mình lái xe an toàn, ít khi va quệt nhờ cẩn thận và tập trung khi tham gia giao thông, một ít bản lĩnh và khá nhiều may mắn. Trong một lần đi Bordeaux, tôi đã thoát được một tai nạn khủng khiếp nếu không có một linh cảm “trời cho” ở thời điểm quyết định. Lúc đó, tôi đang lái xe với tốc độ cao trên đường quốc lộ rộng rãi thì phía trước các xe bị dồn lại đột ngột, mọi xe đều phanh gấp. Người ta có thể nghe tiếng rít của các bánh xe trên đường. Tôi kịp phanh để dừng xe an toàn, cách xe trước dăm mét, nhưng lo không biết các xe sau có dừng kịp không. Linh tính mách bảo tôi lập tức sang số xuống số 1, sẵn sàng vọt tới trước để né chiếc xe sau nếu cần, thì nghe một tiếng rít rùng rợn từ chiếc xe phía sau. Tôi lập tức cho xe lách ra khỏi hàng để vượt lên phía trước. Nhìn lui, tôi thấy chiếc xe sau đã chiếm trọn vị trí của xe tôi trước đó. Nếu không có động tác “thần kỳ” vừa thực hiện, thì có lẽ tôi đã bị bẹp dí trong xe của mình.

Tôi đi Bordeaux để thăm Ngọc Mai, tại căn hộ em đang ở nằm trên một con đường nhỏ tên Fusterie. Trong căn hộ này, ngoài em còn có hai, ba người thân cùng trú ngụ. Em đang là sinh viên ngành sinh lý thực vật, học tại Talence, thuộc ngoại ô thành phố. Chúng tôi cho nhau biết về gia cảnh của mỗi bên, cha mẹ, anh chị em đang làm gì và ở đâu. Em cho tôi biết mình được sinh ra tại Sài Gòn, nhưng khi lớn lên theo Ba Má đến sinh sống tại một đồn điền cao su của người Pháp, nơi Ba em làm việc, thuộc tỉnh Thủ Dầu Một.

Hai gia đình song thân của chúng tôi đều đang sống tại Sài Gòn. Nói chung, cả hai gia đình đều đông con, phần lớn các em đều đang sống ở trong nước. Việc hiểu biết về gia đình hai bên phải là một quá trình lâu dài, không thể một sớm một chiều mà nhớ hết được. Hai chuyến đi Bordeaux của tôi chỉ giới hạn trong các ngày cuối tuần, nên không cho phép tôi có nhiều thì giờ để tìm hiểu về vấn đề này. Tôi được em dẫn đi thăm chị Ngọc Phượng và gia đình chị, gồm chồng là anh Trương Hữu Danh, và con trai đầu lòng 3 tuổi là

cháu Trương Minh Đức. Ngoài ra, em còn dẫn tôi đi thăm một vài công trình kiến trúc quan trọng của Bordeaux.

Tôi yêu quý Ngọc Mai vì em đã chọn đi cùng tôi trên con đường hướng về quê hương đất nước và cũng vì em luôn nhiệt tình trong mọi công việc em làm. Vào đầu khóa học 1965 – 1966, Ngọc Mai rời Bordeaux lên Paris để học tiếp chương trình cử nhân tại Đại học Sorbonne. Sau một thời gian tìm hiểu nhau, chúng tôi quyết định tiến tới hôn nhân. Được hai gia đình ủng hộ, chúng tôi tổ chức lễ thành hôn vào cuối năm 1965. Chúng tôi kết hôn chính thức vào ngày 26/12/1965 tại tòa thị chính Bagneux, và tổ chức buổi lễ ra mắt bạn bè vào tối 29/12/1965 tại một tòa nhà khá rộng rãi ở Paris 14 dành cho việc tổ chức các sự kiện như hôn nhân, hội nghị.

Ở tòa thị chính, chúng tôi chỉ mời những người thân trong gia đình hai họ và vài bạn bè thân thiết để làm nhân chứng, số người có mặt chỉ vào khoảng vài chục khách mời. Buổi lễ kết hôn chính thức do ông Thị trưởng chủ trì. Ông giới thiệu những nội dung quan trọng nhất về luật hôn nhân liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của hai vợ chồng. Sau khi hỏi ý kiến của chúng tôi về sự đồng ý kết hôn, ông tuyên bố chúng tôi chính thức trở thành vợ chồng, được hưởng mọi quyền và nghĩa vụ theo luật pháp của nước Cộng hòa Pháp. Chúng tôi được nhận một quyển sổ gia đình, trong đó có phần trích lục giấy chứng nhận kết hôn của chúng tôi cũng như những trang dành cho các con, sẽ phải điền thêm khi chúng ra đời.

Ở buổi lễ ra mắt, chúng tôi mời khách chủ yếu là người thân và bạn bè, đồng nghiệp của hai bên, số lượng lên đến vài trăm người. Tôi đã nhờ anh Nguyễn Quang Tiến làm chủ hôn và phụ trách chung về tổ chức, cho phép chúng tôi có thêm thì giờ để thoải mái đón tiếp khách đến dự buổi lễ. Bạn bè đến chia vui, mang tặng những gói quà có kích cỡ khác nhau và được gói ghém lịch sự. Việc ăn uống được tổ chức theo hình thức tiệc đứng, với một số món ăn, trong đó món chính là heo sữa quay. Buổi lễ còn có ban nhạc để mọi người

thích ca hát có thể lên sân khấu biểu diễn góp vui. Kết thúc buổi lễ, mọi người ra về còn chúng tôi nán lại để chuyển các gói quà nhận được lên xe và đưa về căn hộ của chúng tôi ở đường Cardinal Lemoine.

Chúng tôi thuê căn hộ này ở Paris 5 để tiện cho việc đi lại, vì nó nằm ngay Khu La-tinh. Ngọc Mai có thể đi bộ đến Trường Đại học Sorbonne cũng như đến Thư viện Sainte-Geneviève rất thuận lợi. Tuy nhiên, vì căn hộ quá chật hẹp nên sau khoảng nửa năm chúng tôi thuê được một căn hộ ở Đường Bruller, Paris 14 rộng rãi và tiện nghi hơn. Căn hộ này ở lầu 4, có bếp, phòng khách và ba phòng ngủ, chúng tôi giữ một phòng, còn lại chia sẻ với ba người bạn còn độc thân là anh Trần Quốc Thương và hai anh em Nguyễn Viêt Tân và Nguyễn Viêt Đoàn. Căn hộ chúng tôi ở gần tuyến đường sắt RER



Thư viện Sainte Geneviève, một thư viện lớn của Paris nơi chúng tôi thường đến làm việc

B, đặc biệt gần đoạn nối liền hai trạm Denfert Rochereau và Cité Universitaire. Từ nhà Bruller đi bộ đến các trạm Denfert hoặc Cité chỉ mất khoảng 10 – 15 phút.

Khi về sống với nhau, một vấn đề nảy sinh tự nhiên là việc quản lý kinh tế gia đình của hai vợ chồng mới cưới. Từ lúc bắt đầu đi làm việc năm 1961, tôi đã sống bằng tiền lương. Lần lượt hai em trai tôi sang Pháp du học và sinh sống tại Paris. Tôi cam kết với Cha Mẹ tôi là sẽ góp sức với đại gia đình để các em có đủ điều kiện học hành và sinh hoạt ở Pháp. Ngọc Mai về ở với tôi, đương nhiên tôi phải lo cho cuộc sống của em vì em vẫn còn là sinh viên, chưa đi làm để có thu nhập riêng. Rồi con cái ra đời, sẽ phát sinh nhiều khoản chi tiêu khác. Với tiền lương cố định của tôi, tuy không nhỏ nhưng so với nhu cầu, nguồn thu nhập đó vẫn còn khá eo hẹp. Tuy vậy, Ngọc Mai không hề thắc mắc về nghĩa vụ tài chính của tôi đối với đại gia đình. Đây là một thuận lợi để tôi có thể tiếp tục giúp các em tôi mà không gây bất kỳ vấn đề phức tạp nào trong gia đình riêng của mình.

Sinh con và nuôi dạy con

Sau khi chúng tôi dọn đến ở căn hộ đường Bruller được khoảng 4 - 5 tháng, cháu Trường Sơn ra đời. Cháu trải qua hai năm đầu đời tại đây. Khi được trên một tuổi, cháu rất mê xem các đoàn tàu qua lại từ ban công lầu 4 của căn hộ. Cháu học nói, tất nhiên bắt đầu bằng hai tiếng “Ba”, “Má”, nhưng một trong những tiếng đầu tiên cháu đã học được và sử dụng rất nhiều là “xe lửa”, mà cháu phát âm trại ra thành “xử, xử”! Không rõ có phải vì mê xe lửa từ bé, nên khi lớn lên cháu đã dành hầu hết thời gian của sự nghiệp chuyên môn để làm việc cho Công ty Đường sắt Quốc gia Pháp (SNCF)?

Trường Sơn khi mới sinh ra đã cân khá nặng (3,8 kg), và vì cháu to quá nên Bác sĩ quyết định phẫu thuật Mẹ cháu để giúp cháu ra đời. Cũng may, mọi việc sớm trở lại bình thường và cháu phát triển tốt, nhanh chóng trở thành một em bé bụ bẫm ai thấy cũng đòi hôn.

Có thể vì chúng tôi quá dễ dãi để cho mọi người tiếp xúc với cháu, nên khi được 6 – 7 tháng tuổi, không còn thừa hưởng miễn dịch tự nhiên nữa, thì cháu bị một cơn đau nặng, làm cho chúng tôi hết sức lo lắng và đã phải rút kinh nghiệm từ sự cố đáng ghi nhớ này.

Chúng tôi phải nhanh chóng tìm một bà vú nuôi để gửi cháu vào những ngày làm việc trong tuần. Bà vú tìm được tên là Bà Piriou, sau này nói được bập bẹ cháu gọi Bà là “Bà dú Pi-du”. Trong khoảng hai năm, chúng tôi gửi cháu liên tục cho Bà Piriou suốt những ngày làm việc, thế nên cháu được học nói tiếng Pháp vào những ngày trong tuần, và học nói tiếng Việt vào hai ngày cuối tuần. Chúng tôi chủ trương dạy tiếng Việt cho cháu nên mỗi khi đón cháu về nhà, chúng tôi đều nói chuyện với cháu bằng tiếng mẹ đẻ.

Về cách làm này, ý kiến của anh chị em trong Phong trào Việt kiều ở Pháp là chưa thống nhất. Có một quan điểm cho rằng để tránh lẫn lộn giữa hai ngôn ngữ, gây rối rắm cho các cháu, gia đình người Việt định cư nên để các cháu học một thứ tiếng cho thuần thục rồi mới dạy sang tiếng thứ hai. Và tất nhiên, nếu theo quan điểm này, phải cho các cháu học tiếng Pháp trước. Còn theo chúng tôi, nếu cho học cả hai thứ tiếng cùng một lúc, nhờ khả năng thích nghi rất lớn của các cháu, không chắc chúng sẽ bị rối rắm. Càng trẻ thì khả năng này càng tốt hơn; vả lại học nói hiệu quả nhất là ở giai đoạn đầu đời. Nếu chờ các cháu nói sành sỏi tiếng Pháp mới bắt đầu dạy tiếng Việt, thì chúng sẽ không học tiếng Việt hiệu quả bằng để chúng học cả hai thứ tiếng cùng một lúc.

Chúng tôi bảo vệ quan điểm của mình và quyết tâm thực hiện trong gia đình của chính mình. Sau này, nhờ mục kích một sự việc, quan điểm của chúng tôi càng được thêm củng cố. Một hôm, chúng tôi dẫn cháu đi chơi, đến một quán cà phê cháu thấy có mấy người Châu Á ngồi nói chuyện với nhau ở bàn bên cạnh. Cháu sà tới nói chuyện với họ bằng tiếng Việt, sau đó quay lại bàn chúng tôi và bẽn lẽn bảo: “mấy chú đó lộn rồi”. Thực tế, tuy không ai chỉ dạy, nhưng

mỗi khi gặp người Việt Nam, cháu nói tiếng Việt, và khi gặp người Pháp, cháu sẽ tự động nói tiếng Pháp. Vì vậy, cháu thật ra muốn nói mình đã nhầm lẫn khi tưởng mấy người châu Á đó là người Việt.

Hai năm sau khi sinh cháu Trường Sơn, Ngọc Mai sinh cháu Hồng Minh vào năm 1968. Lúc bấy giờ, chúng tôi đã chuyển nhà về Khu tập thể của Ủy ban Năng lượng Nguyên tử Pháp (CEA) ở Gif-sur-Yvette, cách Trung tâm Nghiên cứu Hạt nhân Saclay khoảng 5 km và cách Paris khoảng 25 – 30 km. Chúng tôi chuyển nhà vì được thuê theo chế độ của cán bộ nhân viên trong ngành năng lượng nguyên tử. Nhà rộng rãi, sạch sẽ, và tiện nghi hơn ở đường Bruller. Và quan trọng là tiền thuê nhà rẻ hơn khá nhiều. Ngọc Mai sẽ chuyển về Đại học Paris XI (Orsay) cách nhà mới không xa và đi lại cũng bằng tuyến đường sắt RER B khá thuận tiện. Tôi đi làm việc bằng xe ô-tô riêng đến Saclay cũng gần hơn rất nhiều so với trước. Khu tập thể nằm trong một khuôn viên có cây xanh, thảm cỏ tươi mát, không khí trong lành, dễ chịu hơn khi sống ở Paris, nơi môi trường thường bị ô nhiễm.

Chúng tôi phải tìm một bà vú khác ở khu vực Gif-sur-Yvette để nhờ giữ hai cháu trước khi cháu Trường Sơn đủ tuổi đi học mẫu giáo. Sau một thời gian, chúng tôi tìm được một bà vú mới tên là Bà Sautereau, nhận chăm sóc cả hai anh em nhờ có điều kiện tốt về nhà cửa và sự giúp đỡ tích cực của gia đình bà. Bà Sautereau cùng chồng và hai con trai sống ở La Hacquinière không xa Gif-sur-Yvette, nên chúng tôi không gửi các cháu suốt tuần mà chỉ khi cả hai đều bận buổi tối, thì mới phải gửi các cháu qua đêm mà thôi.

Khi Trường Sơn đi học mẫu giáo, thì Hồng Minh vẫn tiếp tục phải nhờ bà vú trông nom, nuôi dưỡng. Hai năm sau, đến phiên Hồng Minh cũng đi học mẫu giáo, lúc ấy chúng tôi mới thôi nhờ bà vú. Nhưng chúng tôi vẫn phải đưa các cháu đến trường, cho đến khi hai anh em đủ lớn để tự đi học một cách an toàn. Vì công việc của

hai chúng tôi độc lập với nhau, cho nên mỗi người phải có xe riêng, lúc tôi bận thì Ngọc Mai lái xe đưa đón các con và ngược lại.

Về việc dạy Hồng Minh nói tiếng Việt, chúng tôi đã có sẵn con đường vạch ra cho anh cháu, và có kinh nghiệm xử lý nhiều vấn đề liên quan. Cho nên chúng tôi không gặp khó khăn nào đáng kể. Nhờ nghe và nói được tiếng Việt, nên sau này các cháu không gặp khó khăn gì mấy khi chúng tôi về nước năm 1978. Hồng Minh còn có năng khiếu về sinh ngữ, thường nói nhanh, líu lo như chim hót, tiếng Việt cũng như tiếng Pháp. Sau này cháu cũng đã học tiếng Anh. Khi đi du học ở Pháp, ở cuối thời gian học Đại học, cháu làm luận văn tốt nghiệp để lấy bằng kỹ sư và đã sang Úc chuẩn bị nội dung chuyên môn, viết luận văn bằng tiếng Anh và quay lại Pháp để bảo vệ luận văn tốt nghiệp cũng bằng tiếng Anh.

Việc nuôi dạy các con chúng tôi, tất nhiên không chỉ có thế! Đặc biệt, trong giai đoạn sau khi chúng tôi hồi hương, cả gia đình được nhúng vào một môi trường xã hội rất khác, và riêng đối với các cháu là rất mới. Người lớn phải thích nghi để vượt qua những khó khăn của cuộc sống, và phải thường xuyên giải quyết những mâu thuẫn ở phạm vi cá nhân và gia đình giữa quyền lợi kinh tế và nghĩa vụ tuân thủ pháp luật và tôn trọng đạo đức xã hội. Đối với các cháu thì vấn đề này càng khó hơn, vì các cháu không thể hiểu tại sao người lớn thường nói một đằng mà làm một nẻo. Chúng tôi với kinh nghiệm sống nhiều hơn, nhưng thỉnh thoảng vẫn còn không đủ sức giải thích những thắc mắc của con cái huống gì là các cháu!

Giúp nhau bảo vệ luận án

Dù bận rộn với hoạt động của Phong trào Việt kiều và sau này với việc nuôi dạy con cái, Ngọc Mai cũng đã hoàn thành chương trình cử nhân về sinh lý thực vật, và tiếp tục chuẩn bị luận án tiến sĩ cấp 3 (Docteur 3^e cycle) về sinh học tại Đại học Paris XI (Orsay).

Luận án sử dụng kỹ thuật về nuôi cấy mô tế bào thực vật để thực hiện nhân giống vô tính.

Thầy hướng dẫn là Gs. Nozeran, Giám đốc Phòng thí nghiệm về Sinh học Thực vật của Đại học Paris XI (Orsay). Gs. Nozeran cũng là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Pháp.

Ngọc Mai được thầy tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện công trình nghiên cứu, hoàn thành Luận án và đạt được khả năng thuần thục về kỹ thuật nhân giống tế bào thực vật, một kỹ thuật hiện đại thời bấy giờ, cần thiết cho sự phát triển của ngành nông nghiệp Việt Nam sau này khi hồi hương. Ông Nozeran cũng đã hỗ trợ cho một số cán bộ trong nước sang tu nghiệp về Sinh học thực vật và về Kỹ thuật nhân giống tế bào thực vật.

Năm 1969 tôi bảo vệ thành công Luận án Tiến sĩ Nhà nước về Vật lý Hạt nhân. Năm 1973, Ngọc Mai cũng bảo vệ xong Luận án



Đoàn văn công của Phong trào Việt kiều tại Pháp đi biểu diễn tại Ý (1973)

Tiến sĩ cấp 3 về Sinh lý Thực vật. Việc vợ chồng giúp đỡ nhau hoàn thành luận án, chủ yếu là sẵn sàng chịu đựng những khoảng thời gian bận rộn của nhau, và riêng tôi, có giúp đỡ em ít nhiều trong việc áp dụng tin học để thực hiện các tính toán thay cho tính toán bằng tay trong Luận án của em.

Việc chúng tôi chuẩn bị và bảo vệ Luận án Tiến sĩ không phải là dễ dàng, khi cả hai vợ chồng đều phải tham gia công tác của Phong trào Việt kiều trong nhiệm vụ hậu thuẫn cho cuộc chiến đấu của đồng bào trong nước, cũng như hỗ trợ cho hoạt động ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài. Mặt khác, chúng tôi cũng còn phải bận rộn với việc chăm sóc và nuôi dạy con cái.

Sau khi bảo vệ xong Luận án, Ngọc Mai được tiếp tục làm việc có hưởng lương tại Phòng thí nghiệm của Gs. Nozeran và có điều kiện thuận lợi hơn để giúp đỡ các cán bộ từ trong nước sang tu nghiệp tại Orsay. Em chỉ làm việc tại đây trong thời gian 5 năm thì phải chia tay với Thầy và bạn đồng nghiệp để cùng tôi và các con hồi hương về Việt Nam.

Năm 1973, Hiệp định Paris nhằm “chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam” được ký kết. Tôi chuyển công tác sang lĩnh vực an toàn hạt nhân, với mong muốn có cơ hội tích lũy kiến thức và kinh nghiệm trong một ngành chuyên môn mà đất nước có nhiều khả năng sẽ cần đến khi hòa bình được lập lại. Tôi hy vọng nhờ đó sẽ được huy động trở về nước phục vụ.

Về nước và thích nghi với những khó khăn ban đầu

Sự phán đoán của tôi là chính xác. Chúng tôi đã được Nhà nước chấp thuận cho hồi hương vào năm 1978 để phục vụ cho sự phát triển của các ngành chuyên môn mà chúng tôi đã chọn lựa. Nơi làm việc của chúng tôi sau khi về nước là Viện Nghiên cứu hạt nhân (Đà

Lạt). Chúng tôi được Viện giúp đỡ để tìm mua một ngôi biệt thự ở đường Phù Đồng Thiên Vương, Phường 8, Đà Lạt. Biết chúng tôi là cán bộ chuyên môn được Nhà nước điều động về phục vụ, các vị lãnh đạo Tỉnh Lâm Đồng và Thành phố Đà Lạt rất quý mến và tận tình giúp đỡ để chúng tôi có điều kiện thuận lợi vượt qua những khó khăn ban đầu sau khi hồi hương.

Sự giúp đỡ ấy chủ yếu là về tinh thần, qua sự thông cảm của các anh đối với những khó khăn mà chúng tôi đang gặp phải. Các anh cũng đánh giá cao quyết định trở về của chúng tôi, trong lúc có nhiều người đã chọn con đường rời quê hương, vì những lý do khác nhau. Về mặt vật chất, các anh cũng đã chiếu cố đến chúng tôi bằng cách cho chúng tôi hưởng một chế độ ưu đãi đặc biệt. Tuy vậy, chúng tôi cũng phải tự xoay xở để cải thiện đời sống, ví dụ như “tăng gia” nuôi gà, vịt để có thêm chất đạm cho các bữa ăn. Dù sao, cuộc sống của chúng tôi vẫn còn những khó khăn không thể tránh được, như lương thực, trước hết là gạo, có chất lượng rất kém. Thời ấy, gạo cấp phát có nhiều sạn, trước khi nấu cơm phải nhặt sạn ra khỏi gạo. Chúng tôi làm việc đó rất chậm nên cảm thấy mất quá nhiều thì giờ. Nhặt sạn tưởng xong mang gạo đi nấu, mà cơm vẫn còn sạn. Ngọc Mai có sáng kiến lấy gạo xấu đó cho gà vịt ăn, coi như biến gạo xấu thành thịt và mua gạo tốt hơn để nấu cơm. Đây là một ví dụ về cách xoay xở của chúng tôi để thích nghi với những khó khăn ban đầu.

Nhưng khó khăn của chúng tôi không chỉ liên quan đến vấn đề sinh hoạt. Ở Viện Nghiên cứu hạt nhân lúc bấy giờ, không phải chỉ thiếu các thanh nhiên liệu để Lò phản ứng có thể hoạt động, mà thiếu đủ thứ, từ đinh ốc, bù loong, đến những cái phích cắm. Điện, nước với chất lượng cần thiết cho một cơ sở khoa học cũng không được cung cấp liên tục. Tất cả đều ở chân trời phía trước, kể cả tương lai với những kế hoạch đầy triển vọng mà Nhà nước đã vạch ra và sẽ thực hiện với một quyết tâm cao. Nhưng trước mắt, chúng

tôi phải xoay xở để làm việc, và ai cũng biết, người Việt Nam là một dân tộc có tài xoay xở rất giỏi. Chúng tôi phải thường xuyên đối mặt với những tư tưởng bi quan của dư luận, nhưng vẫn kiên trì đặt niềm tin vào chính sách phát triển của Nhà nước. Đặc biệt cán bộ nhân viên của Viện trong khó khăn, vẫn phải vững vàng trước sự châm biếm “Hạt cơm hạt gạo không có, mà đòi làm hạt nhân!” của một số người dân quanh vùng.

Phải nói rằng trong những năm tháng của thời hậu chiến, sự quan tâm giúp đỡ của Tỉnh, Thành phố và Viện đối với cán bộ nhân viên của Viện nói chung, với gia đình chúng tôi nói riêng đã thể hiện những cố gắng rất lớn trong giai đoạn khó khăn nhất mà đất nước ta phải trải qua sau khi hòa bình được lập lại. Dự trữ lương thực của thời kỳ chiến tranh đã vơi dần, trong khi các mô hình sản xuất và quản lý xã hội của chúng ta chưa có sẵn, phải dò dẫm từng bước đi, phải phát huy sáng kiến và trong điều kiện ấy, sai lầm là không thể tránh được. Tất cả những điều đó làm cho cuộc sống của mọi người, ở mọi nơi, đều gặp phải rất nhiều khó khăn. Chúng tôi, như tất cả mọi người, phải trải qua và chịu đựng những khó khăn như thế, trong cuộc sống mỗi ngày cũng như trong công việc chuyên môn. Và sự cảm nhận khó khăn được nhân lên bội phần vì trước đó chúng tôi đã sống và làm việc nhiều năm trong một xã hội phát triển.

Thời gian qua đi, trình độ quản lý đất nước ngày càng tiến bộ, và khả năng thích nghi của chúng tôi cũng tốt dần lên. Chúng tôi hiểu rõ hơn về tình hình, thấy rõ hơn về triển vọng phát triển của đất nước và nhận thức được những việc mà mỗi người cần phải làm để góp công sức và trí tuệ cho việc xây dựng và bảo vệ đất nước. Chúng tôi tuy sống trong một quốc gia đã giành được độc lập, hòa bình và thống nhất nhưng vẫn phải cố gắng làm việc không kể đêm ngày, sẵn sàng cống hiến hết sức mình, dù phải hy sinh quyền lợi bản thân cũng như hạnh phúc gia đình ở một mức độ nhất định.

Hỗ trợ các con học hành và phấn đấu để trưởng thành

Năm chúng tôi về nước, Trường Sơn đã lên 12 tuổi và Hồng Minh 10 tuổi. Sau khi nhập học, các cháu phải mất vài tháng để thích nghi với thầy mới, bạn mới và nhất là với chương trình học mới. Về mặt kỹ thuật, các cháu phải học bằng tiếng Việt trong khi khởi đầu chưa biết đọc, biết viết, chỉ biết nói nhưng cũng chưa sành sỏi. Trường tiểu học Nguyễn Trãi ở gần nhà đã bố trí cho mỗi cháu một bạn cùng học để giúp các cháu vượt qua khó khăn trong những ngày tháng đầu tiên. Hồng Minh nhanh chóng được xếp vào loại học sinh giỏi ở Đà Lạt và được theo học tại trường “điểm” của Tỉnh (Trường Đoàn Kết), là nơi học sinh tập trung ôn luyện để thi “học sinh giỏi” các cấp. Môn ngoại ngữ mà cháu được ôn luyện không phải tiếng Pháp mà là tiếng Anh, song theo yêu cầu của Tỉnh, ngành giáo dục quyết định đăng ký cho cháu dự thi môn tiếng Pháp. Mặc dù không ôn luyện môn học này, nhưng nhờ vốn kiến thức sẵn có, cháu vẫn giành được giải nhất toàn quốc môn tiếng Pháp!

Trong năm 1983, tôi vẫn bận rộn ở Đà Lạt với công việc của Phòng Điện nguyên tử và Khoa Vật lý, và với Hội đồng Nhân dân Tỉnh. Năm ấy, để có điều kiện thuận lợi hơn cho việc học hành của các con, vợ tôi cùng hai con chuyển về ở TP.HCM. Ngọc Mai chuyển công việc về làm tại Viện Nghiên cứu Cao su Việt Nam còn các cháu được vào học tại Trường trung học Nguyễn Thị Minh Khai. Tuy đây chưa phải là Trường tốt nhất ở TP.HCM, nhưng cũng đủ để cho thấy sự chênh lệch về trình độ giữa các trường ở Đà Lạt và TP.HCM lúc đó. Năm 1986, khi Hồng Minh thi đỗ vào khoa Điện tử, Đại học Bách Khoa TP.HCM, Thầy dạy của cháu bình luận: Thầy không ngờ em có thể đậu vào Đại học Bách Khoa trong kỳ thi này!

Năm 1984, Trường Sơn thi đậu vào Khoa Xây dựng – Đại học Bách khoa TP.HCM. Năm 1989, cháu tốt nghiệp Kỹ sư trước khi

sang Pháp du học. Sơn được nhận vào lớp Cao học để lấy Bằng Đào tạo chuyên sâu (DEA - Diplôme d'Études Approfondies) về Cơ học tại Trường Polytechnique, nhưng đã gặp rất nhiều khó khăn vì không thích nghi được do tính chất của hai Trường Bách Khoa TP.HCM và Polytechnique quá khác nhau. Sơn phải chuyển sang Trung tâm Đào tạo Cao cấp về Xây dựng (CHEC - Centre des Hautes Etudes de la Construction), là một cơ sở đào tạo chuyên ngành Xây dựng, mang tính kỹ thuật đậm nét hơn. Sau khi tốt nghiệp CHEC, Sơn được nhận vào làm việc tại Công ty Freyssinet để tham gia công trình xây dựng Sân Vận động Pháp (Stade de France). Sau đó Sơn chuyển đến làm việc tại Công ty Đường sắt Quốc gia Pháp (Société Nationale de Chemin de Fer - SNCF), phục vụ cho việc thẩm định các dự án đường sắt siêu cao tốc TGV. Hiện nay Sơn làm Giám đốc tại SNCF, chuyên trách việc cung ứng tài chính và vật tư cho các dự án TGV mới.

Hồng Minh chỉ học Đại học Bách Khoa TP.HCM được một năm thì gia đình chúng tôi thu xếp cho cháu sang Pháp học. Năm 1987 cháu vào học Trường Louis Le Grand, nhưng chỉ được học lớp Toán Sơ cấp (Math Elem - Mathématiques Élémentaires) là một lớp cuối cấp trung học. Cuối năm học đó, cháu thi tuyển và đậu vào Viện Quốc gia về Khoa học Ứng dụng (INSA – Institut National des Sciences Appliquées) ở Toulouse và chuyển đến học tại thành phố này. Sau khi tốt nghiệp Kỹ sư INSA Toulouse, Hồng Minh sang định cư tại Sydney, Úc.

Năm 1993, Trường Sơn lập gia đình cùng Dương Thị Mai Trinh, quê ở TP.HCM, là bạn cùng lớp ở Đại học Bách Khoa TP.HCM. Sau khi sang Pháp năm 1990, Mai Trinh theo học Trường Quốc gia Cầu Đường (ENPC – École Nationale des Ponts et Chaussées) ở Paris, và tốt nghiệp với dự án “Cầu Dây Văng Sông Gianh”, dự án này đã được sử dụng để xây dựng cầu Sông Gianh hiện nay. Sau một thời gian làm việc, Mai Trinh trở thành một chuyên gia có uy tín về cầu dây văng và đã thiết kế rất nhiều cầu theo kỹ thuật này

trên thế giới. Hai vợ chồng có một con trai tên Trần Hà Long Vân, sinh năm 2000, rất giỏi toán và các môn khoa học chính xác, đồng thời cũng giỏi về âm nhạc, đánh golf... nhưng lại gặp rất nhiều khó khăn với các môn học về xã hội.

Gia đình Sơn – Trinh và Long Vân sống ở Paris 5, trong xóm Latinh (Quartier Latin) thuộc trung tâm thành phố, một khu vực lúc nào cũng nhộn nhịp do nhiều trường đại học tập trung tại đây. Lúc mới cưới nhau, Sơn và Trinh sống trong một căn hộ thuê, sau đó chuyển đến một ngôi nhà vườn mua trả góp ở Bourg-la-Reine. Long Vân được sinh ra, lớn lên và bắt đầu đi học tại Thị trấn này. Ngôi nhà ở Bourg-la-Reine rộng rãi, có khoảnh đất sau nhà, tuy không phải là lớn, nhưng được 2 vợ chồng chăm sóc chu đáo để biến thành một khu vườn xinh xắn. Khi Long Vân vào năm thứ hai cấp trung học, thấy cháu có năng khiếu đặc biệt về các môn khoa học, Sơn và



Gia đình Sơn – Trinh và Long Vân chụp ở Montignac, Pháp (2017)

Trình chuyển nhà về Paris 5 để xin cho cháu vào học Trường Henri IV. Nhà ở đầu tiên tại Paris là một căn hộ áp mái ở tầng 6, có diện tích chưa đến 35m², với một phòng khách, một buồng ngủ, bếp và phòng tắm rất nhỏ. Từ ngôi nhà ở Bourg-la-Reine chuyển về căn hộ chật hẹp ở Paris 5 là một sự hy sinh lớn của các con chúng tôi. Sau này, 2 vợ chồng may mắn mua được trong cùng khối nhà một căn hộ ở lầu 3, rộng rãi và khang trang hơn căn hộ áp mái.

Năm 1994, Hồng Minh lập gia đình cùng Đỗ Trọng Việt, bác sĩ y khoa, sau này trở thành Tiến sĩ Y khoa, Giám đốc Chuyên khoa xạ trị tại một bệnh viện lớn (Liverpool Hospital), ở ngoại ô Sydney (Úc). Hồng Minh xúc tiến việc chuẩn bị luận án tiến sĩ trong lĩnh vực khoa học dinh dưỡng, nhưng gặp phải trở ngại do bận sinh và nuôi con nên không hoàn thành được luận án. Hai vợ chồng sinh được hai con trai cách nhau 3 tuổi, cháu lớn là Brian Do, tên Việt Nam là Đỗ Lâm Viên, sinh năm 1998; cháu nhỏ là Kieran Do, tên Việt là Đỗ Thế Vinh, sinh năm 2001. Các cháu học hành tốt, có khuynh hướng thiên về các lĩnh vực văn học nghệ thuật. Các cháu đều đã kết thúc chương trình trung học và tiếp tục học đại học trong các ngành mà chúng ưa thích. Hiện nay Brian đã tốt nghiệp Cử nhân Anh văn và Cử nhân Tâm lý học, và vẫn còn học tiếp chứng chỉ sau đại học về tâm lý. Kieran học đại học, đang theo học các chứng chỉ về sản xuất điện ảnh.

Long Vân theo học tại Trường trung học phổ thông (Collège) Henri IV được 3 năm, với kết quả rất tốt, nên được “khuyến khích” chuyển qua học Trường Louis-le-Grand, để có điều kiện tốt hơn cho việc chuẩn bị thi vào Trường Lớn. Năm 2019, sau năm học Math Spé, cháu thi vào X và ENS-Ulm không thành công như kỳ vọng nhưng đậu vào Trường Centrale. Cháu đã quyết định học lại Math Spé để tiếp tục thi vào hai trường ENS-Ulm và X mà cháu muốn được vào học. Năm 2020, cháu thi đậu vào tất cả các trường đã đăng ký, và chọn vào học tại Trường X. Cháu thành công nhờ đam mê

học tập, kiên trì phấn đấu để đạt được mục đích mà mình đã đề ra, và cũng nhờ sự ủng hộ không mệt mỏi của cha mẹ cháu.

Hai cháu ngoại học Đại học ở Úc không đến nổi căng thẳng như cháu nội ở Pháp. Brian vừa học vừa làm, vì theo truyền thống của xã hội Úc, khi các con đến tuổi trưởng thành, cha mẹ chúng chỉ lo cho khoản ăn học còn những chi phí khác thì chúng phải tự lo. Nếu muốn sống riêng, các con cũng phải tự thuê hoặc mua nhà trả góp. Qua thời gian bị kẹt lại ở Úc do đại dịch Covid-19, vợ chồng tôi có dịp thấy sự khác biệt văn hóa ảnh hưởng đến cuộc sống của người Việt định cư ở đây như thế nào. Sống ở Úc, các con tôi không thể không bị ảnh hưởng bởi nền văn hóa của nước sở tại, mặc dù vẫn chưa áp dụng triệt để nếp sống của các gia đình người Úc.



Con trai (Trường Sơn), con rể (Đỗ Trọng Việt), cháu nội (Long Vân, giữa), và các cháu ngoại (Đỗ Lâm Viên và Đỗ Thế Vinh) (2001)

Nếu cháu nội còn nói được tiếng Việt, thì cả hai cháu ngoại chúng tôi tuy vẫn nghe hiểu ở một mức độ nhất định, nhưng không còn nói được trôi chảy tiếng mẹ đẻ. Đến một lúc nào đó, Hồng Minh và Việt cũng phải nói chuyện với chúng bằng tiếng Anh, vì nếu không làm như vậy thì chúng không hiểu được mình. Vốn từ ngữ tiếng Việt của chúng chỉ tạm đủ cho cuộc sống thường ngày, nhưng không đủ để chuyển tải những nội dung mà chúng muốn nói. Khi trưởng thành, được học nhiều khái niệm trừu tượng bằng tiếng Anh, chúng cảm thấy thoải mái hơn nếu phát biểu bằng tiếng Anh. Đây là một vấn đề rất khó giải quyết. Sau này, nếu muốn tiếp tục sử dụng tiếng Việt, các cháu phải học thêm những từ tiếng Việt cần thiết trong chuyên ngành của chúng và phải theo những lớp luyện nói tiếng Việt để đạt đến khả năng nói trôi chảy trong sinh hoạt và trao đổi được những vấn đề chuyên môn, bằng tiếng Việt.



Con dâu (Mai Trinh) và cháu nội (Long Vân) thăm quê Bà nội ở Mỹ Tho (2002)



Cháu nội Trần Hà Long Vân (2019)

Giúp nhau phát huy chuyên môn và rèn luyện kỹ năng sống

Trong nhiều năm, khi tôi làm Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt hay Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội, tôi và Ngọc Mai phải sống mỗi người một nơi. Khi tôi làm việc và sống ở Đà Lạt, thì Ngọc Mai sống ở TP.HCM để lo cho các con đi học; khi tôi làm Phó Chủ nhiệm Thường trực của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường ở TP.HCM và thường xuyên đi họp ở Hà Nội, thì hai con đã đi du học và rất nhiều lúc Ngọc Mai phải sống một mình ở Đà Lạt. Đối với vợ chồng chúng tôi, cuộc sống gia đình thực tế là không trọn vẹn. Chúng tôi phải động viên nhau để vượt qua những khó khăn của mỗi người phát sinh từ hoàn cảnh sống xa nhau. Tuy nhiên, cảnh ngộ như chúng tôi không phải là hiếm trong đất nước ta ngày ấy, và nhận thức được thực tế đó đã đem lại niềm an ủi cho chúng tôi. Sau này, khi về hưu tôi đã nguyện với lòng mình là phải đền bù cho Ngọc Mai và các con cháu về những hy sinh mà em và các con phải chịu đựng trong suốt một thời gian dài vì những yêu cầu do nhiệm vụ đặt ra.

Nhờ sự cố gắng liên tục sau khi về nước, tôi đã được các cấp lãnh đạo tin tưởng và giao cho những trách nhiệm ngày càng nặng nề hơn. Trong quá trình công tác trong ngành Năng lượng Nguyên tử, tôi lần lượt làm Trưởng phòng, Phó Giám đốc, Phó Viện trưởng rồi Viện trưởng. Trong công tác Đào tạo, tôi được Trường Đại học Đà Lạt cử làm Chủ nhiệm Khoa Vật lý. Trong lĩnh vực Chính trị - Xã hội, tôi được bầu làm Đại biểu Hội đồng Nhân dân Tỉnh Lâm Đồng, Đại biểu Quốc hội (2 Khóa) và Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội (Khóa X). Sau khi nghỉ hưu, tôi còn được Ủy ban về Người Việt Nam ở Nước ngoài

(NVNONN) mời về phụ trách ban Điều hành lâm thời Câu lạc bộ Khoa học và Kỹ thuật NVNONN của TP.HCM.

Ngọc Mai về nước phục vụ trong ngành Sinh lý thực vật, thực hiện được những đóng góp có ý nghĩa như đào tạo cán bộ, xây dựng cơ sở vật chất phòng thí nghiệm. Ngọc Mai đã được bạn bè và đồng nghiệp ở Pháp hỗ trợ một phòng nuôi cấy mô đặt tại Viện Nghiên cứu hạt nhân (Đà Lạt), làm nền tảng cho việc đào tạo cán bộ và nhân viên của Viện về kỹ thuật này.

Đặc biệt, Ngọc Mai hướng dẫn một số sinh viên làm luận văn tốt nghiệp cử nhân, sau này các sinh viên đó đã trở thành giáo sư, tiến sĩ, đạt những thành tựu chuyên môn xuất sắc hoặc nhận những chức vụ quan trọng trong ngành đào tạo. Ngoài ra, Ngọc Mai cũng có những đóng góp có ý nghĩa đối với Tp. Đà Lạt thông qua việc nhân giống và đưa ra trồng rộng rãi cây phượng tím và lần đầu mang giống cây phượng trắng về trồng thành công ở Đà Lạt, nhờ vậy đã góp phần làm cho thành phố này thêm hấp dẫn đối với du khách.

Em cũng đã mang về một số giống hoa lan đặc sắc, trong đó có một loại màu đỏ đã được bà con trồng hoa ở Đà Lạt ưa thích và đặt tên là “cây Lan Đỏ Ngọc Mai”.

Trong Chương này, tôi đã kể lại quá trình lập và xây dựng gia đình của tôi với Ngọc Mai: chúng tôi đã quen biết, yêu thương nhau và đi tới hôn nhân như thế nào; đã sinh và nuôi dạy các con chúng tôi như thế nào; đã giúp đỡ nhau hoàn thành nhiệm vụ học hành như thế nào; đã chuẩn bị về nước, và giúp nhau thích nghi với cuộc sống mới sau khi hồi hương như thế nào. Chúng tôi cũng giúp nhau và giúp các con cháu phát huy khả năng của mình để làm việc có hiệu quả, học hành có thành tích.

Tôi lập gia đình với Ngọc Mai, là người phụ nữ đã chọn đi chung con đường với tôi ngay từ những ngày đầu quen biết. Nhờ đó, việc

phát huy những khả năng của tôi có những mặt thuận lợi nhất định. Phải nói rằng trong sự nghiệp của cuộc đời tôi đã có một đóng góp rất lớn của Ngọc Mai, một chỗ dựa vững chắc cho tôi trong cuộc sống, một nguồn động viên cho tôi mỗi lần phải cố gắng để vượt lên chính mình, một niềm an ủi của tôi khi gặp phải khó khăn. Bản thân em cũng đã phát huy được các sở trường của mình và có những đóng góp thiết thực trong công tác đào tạo cán bộ và kỹ thuật viên trong ngành sinh học và nông nghiệp.

Các con trai, gái, dâu, rể của chúng tôi đều được học hành nghiêm chỉnh, có nghề nghiệp chuyên môn, có vị trí xã hội vững chắc. Các cháu nội, ngoại với số lượng phù hợp với chính sách nhân khẩu thời nay, cũng được học hành đến nơi đến chốn, hứa hẹn sẽ trở thành những con người hữu ích cho xã hội trong tương lai.



Ngọc Mai và cây phượng trắng đầu tiên ở Đà Lạt (1998)



Hoa phượng tím nở rộ, tím trời Đà Lạt (2022)



Cả gia đình 9 người chúng tôi (2005). Ngồi: vợ chồng tôi và 3 cháu nhỏ.

Chương V

Làm việc ở Pháp (1961 – 1978)

Sau khi tốt nghiệp Kỹ sư Trường Polytechnique vào giữa năm 1961, tôi đi tìm việc làm thay vì học tiếp một trường kỹ thuật như phần đông các bạn cùng khóa. Tôi đã dễ dàng được thu nhận vào làm việc tại Trung tâm Nghiên cứu Hạt nhân Saclay thuộc Ủy ban Năng lượng Nguyên tử Pháp (Commissariat à l'Énergie Atomique - CEA). Tôi làm việc ở CEA từ tháng 9/1961 đến giữa năm 1978 thì thôi làm việc ở cơ quan này để trở về quê hương. Trong quãng thời gian ấy đã diễn ra cuộc chiến tranh ở Việt Nam để giành lại độc lập, hòa bình và thống nhất đất nước.

Thời gian làm việc của tôi ở CEA có thể chia làm hai giai đoạn: Giai đoạn đầu, trong một nhóm nghiên cứu vật lý hạt cơ bản thuộc đơn vị chuyên ngành DSS (Département du Synchrotron Saturne). Giai đoạn thứ hai, làm phân tích an toàn hạt nhân trong một đơn vị chuyên ngành mang tên DSN (Département de Sûreté Nucléaire).

Tôi được chấp nhận vào làm việc ở Trung tâm Nghiên cứu Hạt nhân Saclay là nhờ tốt nghiệp Kỹ sư Trường Polytechnique. Tôi đã tiếp xúc với hai nhà khoa học có uy tín của Pháp, cả hai đều là Giáo sư, Tiến sĩ Khoa học và Kỹ sư Trường Polytechnique, và đều sẵn sàng nhận tôi vào nhóm của mình. Sau khi cân nhắc, tôi quyết định tham gia vào nhóm nghiên cứu vật lý hạt cơ bản của ông Jean Crussard, vì lúc ấy ngành nghiên cứu vật lý hạt cơ bản đang trong thời kỳ thịnh vượng, không những ở Pháp mà còn ở nhiều nước khác. Các nước này, gồm Hoa Kỳ, Liên Xô và một số nước ở Châu Âu, đều đang đầu tư rất mạnh cho lĩnh vực nghiên cứu vật lý đó.

Giai đoạn đầu: Nghiên cứu vật lý hạt cơ bản (1961-1973)

Lúc mới sang Pháp, khi nói chuyện với các anh của Huỳnh Văn Trí bạn tôi về vấn đề chọn ngành, tôi được các anh khuyên là nên gắng học để thi vào một Trường Lớn, sau này có thể làm kỹ sư trong một ngành công nghiệp hoặc nông nghiệp. Các anh cũng khuyên tôi là không nên thi vào Trường Polytechnique và sau này cũng không nên xin vào làm việc ở Trung tâm Nghiên cứu Hạt nhân Saclay, vì đó là những mục tiêu rất khó. Tôi ghi nhận lời khuyên của các anh, nhưng thầm nghĩ là mình sẽ gắng thi vào Trường Polytechnique và cũng sẽ cố xin vào làm việc ở Saclay. Nhớ lại ý nghĩ đó, nơi xin việc đầu tiên của tôi là Trung tâm Nghiên cứu Hạt nhân Saclay.

Tôi vào Nhóm GAP của Jean Crussard khi nhóm này đang ở giai đoạn tuyển chọn nhân lực; thiết kế, chế tạo thiết bị; và tập hợp các chương trình xử lý kết quả phân tích ảnh buồng bọt. Vài năm sau, lực lượng cán bộ và nhân viên được tuyển dụng đã tương đối đầy đủ. Nhân lực của Nhóm gồm phần lớn các kỹ sư hoặc cử nhân, vài chuyên viên kỹ thuật, và một số nhân viên khảo sát ảnh. Trong 12 năm (1961–1973), tôi làm việc dưới sự chỉ đạo của ông Crussard, người phụ trách nhóm. Ông có uy tín cao ở phạm vi quốc gia và quốc tế, nhờ vậy đã tạo được những mối quan hệ rộng rãi để nhóm chúng tôi có chỗ đứng trong hợp tác quốc tế và có sự ủng hộ cần thiết trong đơn vị chuyên ngành DSS để có đủ điều kiện làm việc.

Trong thời gian đầu, là một trong những thành viên được tuyển dụng sớm nhất, tôi tham gia vào mọi công việc cần thiết để hình thành nhóm. Ngoài ra, tôi được ông Crussard giao cho làm một số công việc đặc trưng trong nghiên cứu vật lý như tính toán mức ô nhiễm bởi các hạt *mu-on* vũ trụ trong chùm hạt tới để hiệu chỉnh các tiết diện tương tác. Nhờ tham gia với Nhóm GAP vào các chương trình hợp tác quốc tế, trong 12 năm làm việc tôi đã cùng với

các đồng nghiệp của Nhóm và của các tập thể hợp tác công bố khoảng 25 công trình trong các tạp chí chuyên ngành hàng đầu của thế giới như Physical Review Letters, Physical Review, Physics Letters, v.v. và tại các Hội nghị quốc tế về Vật lý Hạt cơ bản, như Heidelberg, Wiesbaden (CHLB Đức), Dijon (Pháp). Tôi cũng đã công bố công trình cá nhân về tính toán ô nhiễm các chùm hạt tới bởi các hạt *mu-on* vũ trụ (CONTAMU - do CEA xuất bản) và bản Luận án Tiến sĩ Khoa học của tôi (cũng do CEA xuất bản).

Thời tôi đang du học ở Pháp, có những bằng cấp Tiến sĩ khác nhau, cao nhất là Tiến sĩ Khoa học, ngoài ra còn có các bằng Tiến sĩ Cấp 3 và Tiến sĩ Kỹ sư. Thông thường, Tiến sĩ Khoa học được bảo vệ sau khi nghiên cứu sinh đã bảo vệ Tiến sĩ Cấp 3 hoặc Tiến sĩ Kỹ sư, trừ các trường hợp tốt nghiệp cử nhân loại xuất sắc hoặc tốt nghiệp kỹ sư một Trường Lớn. Nhờ vậy, tôi đã bảo vệ Tiến sĩ Khoa học mà không phải qua các bằng Tiến sĩ khác.

Nhóm chúng tôi nhanh chóng thành công trong việc thiết kế và chế tạo các thiết bị khảo sát ảnh buồng bọt, và làm chủ việc sử dụng các chương trình khai thác kết quả đầu ra của các thiết bị này. Thiết bị khảo sát ảnh buồng bọt gồm một máy chiếu song hành hai cuộn phim chụp bởi hai máy ảnh của buồng bọt. Nó được thiết kế sao cho hai tấm ảnh chụp từ hai máy ảnh của cùng một biến cố được chiếu đồng thời và cạnh nhau lên bàn khảo sát. Người khảo sát có thể kiểm tra kết quả quan sát của mình qua việc so sánh hai tấm ảnh. Thiết bị cũng cho phép ghi lại vị trí hình học của các quỹ đạo trong mỗi biến cố tương tác. Dữ liệu ghi từ thiết bị khảo sát ảnh sẽ được xử lý trong những chương trình tính toán tiếp theo.

Tôi rất hứng thú khi nảy ra sáng kiến xây dựng một chương trình phần mềm mang lại cho nhóm chúng tôi sự cải thiện đáng kể trong hiệu suất công việc. Lý do là vì công việc khảo sát ảnh của chúng tôi, gồm phát hiện và ghi nhận đặc điểm các tương tác trên ảnh buồng bọt, trong thời gian đầu bắt buộc phải có mặt một nhà vật lý

tại bàn khảo sát để hướng dẫn nhân viên làm đúng theo quy trình. Công việc này ảnh hưởng đến hoạt động khác của các nhà vật lý, nhưng nếu họ không làm việc cùng với các nhân viên, thì những người này không thể tự xoay sở được.

Tôi phân tích công việc khảo sát ảnh và lọc ra những kiến thức vật lý đã được sử dụng khi làm việc và thấy rằng sẽ rất đơn giản nếu xây dựng một chương trình máy tính thân thiện với nhân viên khảo sát, với tất cả kiến thức vật lý cần thiết được chương trình máy tính tích hợp lại để thay thế cho nhà vật lý. Chương trình này được đặt tên là PHYPAR, viết tắt của cụm từ PHYsicien PAResseux (nhà vật lý lười). Chương trình này tạo điều kiện cho các nhà vật lý thoát khỏi sự ràng buộc của một công việc đơn điệu để có thời gian thực hiện những công việc đặc trưng của nghiên cứu vật lý. Nó bổ sung một cách hiệu quả cho chuỗi chương trình THRESH và GRIND, là hai chương trình thông dụng được sử dụng bởi hầu hết các nhóm nghiên cứu khai thác ảnh buồng bọt. Vì vậy, tôi rất tự hào đã có sáng kiến tạo nên nó. Một điều rất vui, sau này khi về nước tôi mới biết, là Gs. Nguyễn Đình Tứ khi làm việc ở Dup-na, cũng đã viết một chương trình tương tự như PHYPAR mặc dù chúng tôi chưa bao giờ trao đổi ý kiến với nhau về nội dung này.

Công việc của các nhà vật lý trong Nhóm nhờ vậy có thể tập trung nhiều hơn trên những vấn đề đặc trưng của vật lý. Các đồng nghiệp của tôi, trẻ hơn và vào Nhóm GAP sau tôi, đều đăng ký chuẩn bị Luận án, đa số làm Tiến sĩ Cấp 3, chỉ có một người - ngoài tôi - là Jean Ginestet làm Tiến sĩ Khoa học. Chúng tôi làm công việc của Nhóm, nhưng đồng thời cũng chuẩn bị Luận án của mình. Qua công việc của Nhóm, mỗi người tự tìm ra nguồn cảm hứng để xây dựng nội dung Luận án, và thảo luận với các thành viên khác của Nhóm, đặc biệt với ông Crussard để xác định mục tiêu của Luận án. Nguồn thông tin được sử dụng để mỗi người tiến hành nghiên cứu là các ảnh buồng bọt, mỗi nghiên cứu sinh quan tâm đến một khía cạnh nhất định từ những thông tin khai thác được. Trong thời gian

hơn mười năm sau khi Nhóm GAP được thành lập, lần lượt các cán bộ khoa học của Nhóm đều bảo vệ thành công luận án của mình.

Công việc của chúng tôi là nghiên cứu những phản ứng tương tác hạt nhân xảy ra trong buồng bọt với hạt tới trong những chùm hạt có xung lượng khác nhau. Tùy theo mục đích nghiên cứu, công việc khảo sát ảnh sẽ bao gồm một hoặc nhiều loại tương tác: va chạm đàn hồi ($p + p \rightarrow p + p$) hoặc không đàn hồi (chẳng hạn như $p + p \rightarrow p + p + \pi^+ + \pi^-$). Thể hiện lên ảnh, một va chạm đàn hồi sẽ cho thấy quỹ đạo của hạt tới, quỹ đạo ấy được thay thế bởi hai quỹ đạo khác ở điểm xảy ra va chạm; còn một va chạm không đàn hồi như thí dụ trên đây sẽ thể hiện với quỹ đạo của hạt tới, và sau điểm va chạm, quỹ đạo này được thay thế bởi bốn quỹ đạo khác. Quỹ đạo hạt mang điện tích do các bọt khí tạo ra nhiều hay ít phụ thuộc vào việc hạt mất năng lượng nhiều hay ít khi đi qua chất lỏng, với hậu quả là quỹ đạo sẽ dày mỏng, đậm nhạt khác nhau. Việc mất năng lượng khi đi qua chất lỏng phụ thuộc vào khối lượng và động năng của hạt: khối lượng càng cao và động năng càng nhỏ thì năng lượng càng giảm nhiều hơn khi đi qua chất lỏng.

Các biến cố tương tác có ý nghĩa được phân loại, đo đạc trên bàn khảo sát ảnh. Kết quả đo đạc này được ghi nhận và xử lý bởi chương trình PHYPAR để làm dữ liệu đầu vào cho chương trình THRESH, và kết quả tính toán của THRESH được xử lý bởi chương trình GRIND, sẽ cung cấp các kết quả cuối cùng. Đó là những kết quả thống kê mô tả tính chất vật lý của các loại tương tác, đối tượng nghiên cứu của chúng tôi. Căn cứ vào kết quả thống kê đó, các nghiên cứu sinh rút ra kết luận về những hiện tượng vật lý quan sát được trong nghiên cứu của mình và có thể làm sáng tỏ hơn về các lực chi phối tương tác.

Bảo vệ Luận án

Đề tài Luận án Tiến sĩ của tôi mang tên là “Nghiên cứu phản ứng

$p + p \rightarrow p + p + \pi^+ + \pi^-$ với proton tới có xung lượng 8 GeV/c”. Tôi bắt đầu đi sâu vào nghiên cứu đề tài năm 1965 và kết thúc bằng buổi bảo vệ Luận án vào ngày 9/6/1969.

Trong thời gian tập trung làm Luận án, tôi vẫn đến cơ quan làm việc, và khi cần, đến Trung tâm Tính toán Saclay để sử dụng máy tính. Trung tâm này tập hợp những chuyên gia tin học giỏi có khả năng hỗ trợ cho người sử dụng máy tính. Trong số đó có những chuyên gia người Việt Nam, như anh Nguyễn Lương Thiện, một thời đã giúp tôi về các vấn đề toán – tin; và anh Nguyễn Trọng Thức mà tôi vẫn duy trì mối quan hệ thân thiết sau này. Trong Nhóm tôi, một cán bộ trẻ tên Claude Bouthet vào Nhóm muộn nhất trong số các kỹ sư, là một người có năng khiếu về tin học, nên cũng đã đóng góp cho Nhóm trong việc xây dựng Chương trình phần mềm PHYPAR.

Thời ấy, ở Trung tâm Tính toán Saclay, việc sử dụng máy tính điện tử chủ yếu là dùng máy tính lớn. Các nhà khoa học tự viết chương trình bằng ngôn ngữ FORTRAN, tự thực hiện việc nạp chương trình và dữ liệu vào máy tính dưới dạng bìa đục lỗ, cho chương trình chạy thử và cuối cùng là khai thác chương trình. Nếu để sót dù chỉ một lỗi, chương trình sẽ không chạy, hoặc chạy nhưng cho kết quả sai. Lúc đó, chúng tôi phải tìm cho được các lỗi để hiệu chỉnh chương trình cho đến khi nó hoàn chỉnh. Một trong những biện pháp hữu hiệu là nhờ các chuyên gia toán - tin học giúp đỡ.

Đối với các chuyên gia của Trung tâm Tính toán, việc giúp phát hiện các lỗi bằng ngôn ngữ máy thường là chuyện vặt, họ giúp đỡ mà không cần hợp đồng, thậm chí không bắt chúng tôi xác nhận, kể cả với một chữ ký. Nhưng nếu một Nhóm nghiên cứu không đủ khả năng viết chương trình, thì phải ký hợp đồng với Trung tâm Tính toán để họ thực hiện dịch vụ xây dựng chương trình. Lúc đó, Nhóm nghiên cứu phải chuyển tiền để Trung tâm Tính toán có thể hạch toán kết quả làm việc của họ.

Khi mọi việc đã xong về cơ bản, nghiên cứu sinh bắt tay vào dự

thảo bản Luận án của mình. Tùy theo chương trình làm việc của mỗi người và mức độ hoàn thành của bản dự thảo, nghiên cứu sinh có thể tổ chức xemina cho các đồng nghiệp trong Nhóm góp ý, nhận xét, thảo luận. Nghiên cứu sinh tiếp thu, hiệu chỉnh những phần đã viết và chuẩn hóa các phần còn lại để Luận án được hoàn chỉnh hơn. Sau khi kết thúc bản dự thảo, nghiên cứu sinh gửi nó đến thầy hướng dẫn và các thành viên Hội đồng Giám khảo. Họ có thể đồng ý cho bảo vệ hoặc góp một số ý kiến đối với bản dự thảo. Sau khi tiếp thu các ý kiến, nghiên cứu sinh nộp bản in của Luận án cho Trường Đại học. Trong lúc chờ Trường thông báo ngày bảo vệ, nghiên cứu sinh tổ chức những buổi thuyết trình trong nội bộ Nhóm để tập dượt cho ngày bảo vệ Luận án.

Tôi đã chuẩn bị Luận án của mình theo trình tự trên đây. Sau khi gửi bản dự thảo Luận án cho thầy hướng dẫn và các thành viên Hội đồng Giám khảo, tôi nhận được một số câu hỏi và nhận xét, nhưng ý kiến của các thầy không buộc tôi phải thay đổi nhiều, nhờ vậy tôi đã nhanh chóng xử lý các vấn đề và nộp bản Luận án cho Văn phòng Trường Đại học Paris XI. Mọi việc sau đó được xúc tiến một cách trôi chảy. Nhờ tập dượt trước với các đồng nghiệp, tôi đã có một buổi bảo vệ gọn gàng, sáng sủa. Hội đồng Giám khảo đặt vài câu hỏi, và tôi đã giải đáp một cách rành mạch. Sau đó Hội đồng họp kín để bản luận, và cuối cùng bước ra công bố kết quả. Tôi đã bảo vệ thành công Luận án Tiến sĩ Khoa học của mình, và được Hội đồng đánh giá “Rất Vinh dự” (Mention Très Honorable).

Tiếp tục làm việc thêm 4 năm ở Nhóm GAP

Các đồng nghiệp kỹ sư hoặc cử nhân của tôi ở Nhóm GAP gồm có Jean Ginestet, Daniel Manesse, Daniel Vignaud và Claude Bouthet. Ginestet tốt nghiệp cử nhân vật lý, vào Nhóm sau tôi không lâu, và được bảo vệ bằng Luận án Tiến sĩ Khoa học. Manesse và Vignaud tốt nghiệp cử nhân vật lý, và cả hai đều bảo

vệ Luận án Tiến sĩ Cấp 3. Tôi được Trưởng nhóm phân công giúp đỡ hai đồng nghiệp này. Trong thời gian tôi chuẩn bị Luận án của mình thì Vignaud cũng tích cực chuẩn bị Luận án của anh ấy, chúng tôi thường ở lại cơ quan làm việc đến sau 22 giờ mới về Paris. Thỉnh thoảng, để tiết kiệm tiền xăng và tranh thủ thêm thì giờ làm việc với nhau, chúng tôi cùng đi một xe, thường là đi xe tôi, thỉnh thoảng đi xe anh ấy. Trong thời gian khẩn trương của giai đoạn chuẩn bị, chúng tôi quả là ít thì giờ để lo cho những công việc khác. Tôi vẫn phải lo nào là công việc phong trào, nào là công việc gia đình. Còn anh chàng độc thân Vignaud thì quá tài giỏi, suốt ngày làm việc ở cơ quan đến khuya mới về nhà, không rõ làm cách nào mà sau khi bảo vệ xong Luận án Tiến sĩ Cấp 3, anh đã “gửi thư hỏa tốc” cho chúng tôi một thiệp mời dự đám cưới!

Sau này, khi tôi rời Nhóm GAP vài năm, Manesse và Vignaud bảo vệ thành công Luận án Tiến sĩ Khoa học, và cả hai đều có sự nghiệp chuyên môn tốt đẹp. Manesse chuyển sang DSN (Département de Sûreté Nucléaire) như tôi và trở thành một chuyên gia nghiên cứu các tình huống tai nạn giả định có mức độ trầm trọng vượt ngoài phạm vi thiết kế tại nhà máy điện hạt nhân.

Vignaud chuyển sang một đơn vị chuyên ngành khác ở Trung tâm Nghiên cứu Hạt nhân Saclay, mang tên DPhPE (Département de Physique des Particules Elémentaires) tại đây anh bảo vệ Luận án Tiến sĩ Khoa học. Sau này anh trở thành một trong những nhà vật lý nổi tiếng của Pháp về vật lý nơ-tri-nô, và làm việc tại Phòng thí nghiệm Vật lý của Collège de France, mà anh là Giám đốc.

Tôi rất vui khi đã trải qua một đoạn đường khoa học trên mười năm với Vignaud, hơn nữa là người đã giúp đỡ ở những bước đi đầu tiên của anh trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học. Gần đây, trong một chuyến đi Pháp năm 2018, tôi đã gặp lại Daniel Vignaud. Tuy đã nghỉ hưu, nhưng anh vẫn còn giữ phòng làm việc và tiếp tục hoạt động khoa học ở Collège de France. Vợ chồng tôi mời vợ chồng

Vignaud đi ăn mì vịt ở một “tiệm Tàu” đường Saint Jacques, Paris 5. Chúng tôi ôn lại quãng thời gian cùng nhau làm việc ở Nhóm GAP, và Vignaud đã ca ngợi Chương trình PHYPAR, kể rằng chương trình này đã giúp anh rất nhiều khi làm luận án Tiến sĩ Cấp 3, và còn tiếp tục giúp khi anh chuẩn bị luận án Tiến sĩ Khoa học.

Thình thoảng, tôi được Nhóm GAP cử đi dự những Hội nghị Quốc tế về Vật lý hạt cơ bản. Tại các Hội nghị ấy, tôi có dịp gặp một số nhà vật lý Việt Nam đang công tác ở nước ngoài, như các anh Nguyễn Đình Tứ và Nguyễn Văn Hiệu ở Dupna - Liên Xô; anh Trần Thanh Vân và một số đồng nghiệp khác ở Pháp. Anh Tứ và anh Hiệu là cán bộ trong nước được cử sang Liên Xô làm việc. Ở Dijon (Pháp), nhân cơ hội gặp gỡ rộng rãi giới khoa học, hai anh đã tổ chức giới thiệu về tình hình Việt Nam cho các đồng nghiệp quốc tế để mọi người hiểu rõ hơn về cuộc chiến đấu của nhân dân ta, và kêu gọi họ lên tiếng bảo vệ cuộc đấu tranh chính nghĩa của chúng ta. Tôi đã được các anh giao việc thông dịch các bài phát biểu sang tiếng Pháp. Chúng tôi cũng tranh thủ thời gian gặp riêng các nhà vật lý người Việt Nam đang công tác ở Pháp. Anh Trần Thanh Vân lúc bấy giờ thắc mắc tại sao phía cách mạng lại cho rằng Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam là người đại diện chân chính duy nhất của nhân dân miền Nam. Chúng tôi đã tranh luận khá lâu về vấn đề đó, nhưng tôi không chắc là đã thuyết phục được anh ấy. Sau này khi đất nước thống nhất, anh Vân đã có thái độ tích cực đối với công cuộc xây dựng quê hương, và có những đóng góp rất hiệu quả trong các lĩnh vực khoa học và giáo dục.

Anh Trần Thanh Vân tiêu biểu cho những nhà khoa học biết phát huy năng lực chuyên môn và quan hệ rộng rãi của mình trong giới khoa học nhằm động viên họ giúp Việt Nam xây dựng một nền khoa học cởi mở, dựa trên quan hệ rộng rãi giữa các nhà khoa học Việt Nam và những nhà khoa học sáng giá của thế giới. Một trong những người có vai trò quan trọng trong việc tổ chức hợp tác và phát huy

sự đóng góp của anh Trần Thanh Vân, chính là Giáo sư Viện sĩ Nguyễn Văn Hiệu.

Chia tay với Nhóm GAP – Những gì tôi đã học được sau 12 năm

Tôi làm việc ở Nhóm GAP từ tháng 9/1961 đến tháng 9/1973, thời điểm tôi chuyển ngành sang một lĩnh vực chuyên môn khác. Như tôi đã viết, từ những hiểu biết thu nhận được trên ghế nhà trường đến khi bước vào thực tế của công việc, tôi đã phải học thêm rất nhiều, về những lĩnh vực chuyên môn và những “kỹ năng mềm” cần thiết nhưng chưa được học trước đó, cũng như về phương pháp ứng xử trong cuộc sống và trong nghề nghiệp. Đây là một giai đoạn vô cùng quan trọng, có khi hơn cả giai đoạn học hành ở nhà trường.



Chụp với vợ chồng Daniel Vignaud tại nhà Trường Sơn ở Paris (2018)

Thật vậy, trong thời gian học Đại học, tôi đã được trang bị những kiến thức cơ bản khá vững chắc, nhưng tốt nghiệp Kỹ sư Trường Polytechnique chưa giúp tôi có đủ những kiến thức chuyên sâu cần thiết, đặc biệt những kiến thức chuyên sâu về vật lý. Hơn nữa, khi còn ngồi trên ghế nhà trường, tôi cũng chưa được học một số kiến thức cơ bản khác như tin học, thống kê học. Tôi phải tự tìm hiểu và tự bổ sung một số phương pháp làm việc trong nghiên cứu khoa học. Và tôi cũng phải học ứng xử như thế nào để tranh thủ được sự đồng cảm của mọi người, nhất là của các đồng nghiệp.

Tôi phải làm bao nhiêu việc ấy để hy vọng trở thành một nhà vật lý chuyên nghiệp, có được sự tin tưởng của Thầy, sự quý mến của đồng nghiệp, sự tín nhiệm của bạn bè! Thật là vất vả, có nhiều thành công nhưng cũng không ít bài học kinh nghiệm từ thất bại. Và tất cả những công việc ấy phải làm nhưng không được quên nhiệm vụ đối với phong trào Việt kiều và với gia đình riêng: cha mẹ, vợ con, anh em. Tôi không biết đã xoay sở như thế nào để vượt qua giai đoạn khó khăn đó, và kết quả đạt được như thế nào trong con mắt của mọi người. Tuy nhiên có vài dấu hiệu để tôi có thể tin rằng mình đã vượt qua giai đoạn ấy một cách khá tốt đẹp.

Thứ nhất, tôi được các đồng nghiệp trong Nhóm GAP quý mến. Khi Hội nghị Paris về Việt Nam kết thúc vào tháng 2 năm 1973, hứa hẹn mang lại hòa bình cho Việt Nam, các đồng nghiệp của tôi đều rất phấn khởi và đã tổ chức một buổi tiệc mừng để chia vui với tôi. Quà lưu niệm tặng tôi là một quyển tranh biếm họa rất có ý nghĩa, với lời chúc mừng và chữ ký của mọi đồng nghiệp trong Nhóm. Vì tình cảm quý mến đó, nên khi tôi xin thôi việc ở Nhóm GAP để chuyển sang một đơn vị chuyên môn khác mang tên DSN (Département de Sûreté Nucléaire), tôi đã phải tính toán mình nên làm thế nào để có được sự thông cảm của mọi người. Tôi ý thức được rằng việc tôi chia tay với Nhóm GAP không thể không gây ít nhiều khó khăn cho Nhóm. Ở thời điểm ấy, tất cả cán bộ của Nhóm đều đã bảo vệ xong Luận án Tiến sĩ, nên việc tôi ra đi sẽ không làm

cho Nhóm GAP sụp đổ. Trưởng Nhóm, ông Crussard đã gặp phải một tai nạn ô-tô trong đó vợ ông qua đời, nhưng ông may mắn sống sót và đang dần hồi phục, hơn nữa ông được giao trọng trách làm Giám đốc Vật lý ở Trung tâm Nghiên cứu L'Orme des Meurisiers không xa Trung tâm Nghiên cứu Saclay. Việc quản lý công việc của Nhóm GAP đã được giao cho Jean Ginestet. Mọi việc liên quan đến tương lai của Nhóm sẽ tiếp tục được ổn định.

Thứ hai, tôi đã không gặp khó khăn gì trong việc thực hiện ý định chuyển ngành và được nhận ngay vào DSN là một điểm đến hợp lý. Tôi nghĩ đó là nhờ thành tích làm việc của tôi ở Nhóm GAP, đồng thời cũng nhờ quá trình học tập của tôi ở các bậc Đại học và trên Đại học. Để xứng đáng với kỳ vọng của DSN, tôi đã đề nghị lãnh đạo Phong trào Việt kiều cho tôi tạm giảm bớt công việc để có điều kiện thuận lợi khi bước vào một lĩnh vực chuyên môn mới. Đề nghị của tôi đã được chấp thuận.

Thứ ba, tôi nhận được ý kiến của một số vị lãnh đạo trong nước tán thành tôi chuyển ngành sang một lĩnh vực kỹ thuật mà đất nước ta có thể cần trong thời hậu chiến sau này. Chính nhờ ý kiến ủng hộ đó, mà khi hòa bình được lập lại, nhu cầu có một chuyên gia về an toàn hạt nhân được đặt ra để phục vụ cho Viện Nghiên cứu hạt nhân (Đà Lạt), và tôi là người được nghĩ đến cho công việc này.

Tôi chia tay với Nhóm GAP vào đầu tháng 9 năm 1973 sau khi xem xét các vấn đề và có niềm tin rằng Nhóm cũ sẽ đứng vững và Cơ quan mới đã sẵn sàng đón nhận tôi vào làm việc.

Chuyển sang ngành An toàn Nhà máy Điện hạt nhân

Tôi chuyển sang làm việc trong lĩnh vực An toàn Nhà máy Điện hạt nhân tại một đơn vị chuyên ngành của CEA mang tên DSN (Département de Sûreté Nucléaire). DSN không phải là một cơ quan

quyền lực mà là một đơn vị hỗ trợ kỹ thuật cho Nhóm GPR (Groupe Permanent Réacteur – Nhóm Thường trực Lò Phản ứng), là nhóm tư vấn cho Cơ quan SCSIN (Service Central de Sûreté des Installations Nucléaires – Cơ quan Trung ương về An toàn các Cơ sở Hạt nhân). Chính Cơ quan SCSIN mới là cơ quan quyền lực, được Chính phủ Pháp ủy thác trách nhiệm về an toàn các cơ sở hạt nhân, trong đó có các Nhà máy Điện hạt nhân.

Muốn có giấy phép hoạt động, các Nhà máy Điện hạt nhân phải trải qua ba giai đoạn: thiết kế, xây dựng, và vận hành thử. Trước mỗi giai đoạn, Chủ công trình phải chuẩn bị một bản Báo cáo An toàn. Ở giai đoạn thiết kế, đó là “Báo cáo An toàn Sơ bộ” (Rapport Préliminaire de Sûreté); ở giai đoạn xây dựng, đó là “Báo cáo An toàn Tạm thời” (Rapport Provisoire de Sûreté) và ở giai đoạn vận hành thử, đó là “Báo cáo An toàn Cuối cùng” (Rapport Définitif de Sûreté). Các báo cáo an toàn phải được Nhóm GPR xem xét và có ý kiến kết luận để trình lên SCSIN, căn cứ vào đó SCSIN ra quyết định. Khi GPR thống nhất với nội dung Báo cáo An toàn của một giai đoạn, thì SCSIN cấp giấy phép để Chủ công trình chuyển sang giai đoạn sau. Nếu là giai đoạn vận hành thử thì SCSIN cấp giấy phép để Nhà máy được vận hành thương mại.

Quy trình nói trên mô tả về nguyên tắc các bước công tác, từ bước đầu, tiến hành thực hiện chủ trương xây dựng công trình Nhà máy Điện hạt nhân, đến bước cuối cùng, công trình được cơ quan quyền lực công nhận đạt mức độ an toàn cần thiết và cấp giấy phép vận hành thương mại cho Nhà máy. Nhưng thực tế không phải đơn giản như vậy. Không phải mỗi bản Báo cáo An toàn ứng với một giai đoạn đều được Chủ đầu tư nộp với chất lượng hoàn chỉnh ngay từ đầu. Qua quá trình làm việc của DSN, các bản Báo cáo ấy thường để lộ ra nhiều sai sót về mặt kỹ thuật. Nguyên nhân của các sai sót có thể do chưa nghiên cứu đầy đủ tác động của môi trường đối với Nhà máy, hoặc do có những vấn đề kỹ thuật hoặc an toàn được phát hiện trong quá trình xem xét bản Báo cáo An toàn, hoặc do chưa có

kết quả vận hành thử mà đã phải nộp bản báo cáo an toàn cho giai đoạn đó. Cho nên quá trình xem xét các bản Báo cáo An toàn là kết quả của những đợt làm việc, trước hết của DSN, sau đó của GPR với Chủ đầu tư là EDF (Công ty Điện lực Pháp) qua đó EDF giải trình các nhận xét, làm rõ các vấn đề được nêu, và nếu cần thì chỉnh sửa các bản Báo cáo An toàn để đáp ứng yêu cầu của các cơ quan chuyên trách. Các nội dung chỉnh sửa không chỉ là những sửa đổi về câu chữ để bản Báo cáo được rõ ràng hơn, mà nhiều khi còn là những thay đổi quan trọng về nội dung, đòi hỏi EDF phải nghiên cứu nghiêm túc các vấn đề được nêu trước đó.

Lúc bấy giờ nước Pháp vừa mới quyết định thực hiện một chương trình Nhà máy Điện hạt nhân đồ sộ dựa trên công nghệ lò phản ứng hạt nhân nước nhẹ (còn gọi là lò nước thường) nhập từ Mỹ, có tên tắt là PWR (Pressurised Water Reactor – Lò nước nén, ở Việt Nam còn gọi là Lò nước áp lực, nhưng theo tôi cách gọi này không chuẩn xác). Ngày nay, ở Pháp người ta đã Pháp hóa tên gọi của loại lò này là REP (Réacteur à Eau Pressurisée). Khi quyết định chọn công nghệ PWR, nước Pháp gián tiếp nhìn nhận một thực tế là Lò Graphit – Khí mà Pháp đã nghiên cứu và phát triển không đủ sức cạnh tranh với lò nước thường. Hơn nữa, công nghệ PWR đã được chọn sau khi cân nhắc kỹ giữa hai loại lò nước thường là Lò nước nén PWR và Lò nước sôi BWR (Boiling Water Reactor).

Rất nhiều chuyên gia kỹ thuật chuyên về lò Graphit – Khí ở Pháp phải chuyển sang làm những công việc mới, một số làm công tác kỹ thuật trong những đơn vị chuyên ngành của CEA ngoài DSN, với mục đích tiếp thu và Pháp hoá công nghệ lò PWR của công ty Westinghouse (Mỹ) để tự thiết kế lò REP (Réacteur à Eau Pressurisée). Một số chuyên gia kỹ thuật khác chuyển về DSN, làm công tác phân tích an toàn lò phản ứng, hoặc làm việc trong một đơn vị nghiên cứu kỹ thuật để hỗ trợ cho công tác phân tích an toàn lò phản ứng. Mọi người phải thích nghi với hoàn cảnh mới đó.

Khi chuyển sang làm việc ở DSN, tôi được bố trí vào đơn vị SESP (Service d'Evaluation de Sûreté des Piles - Sở Đánh giá An toàn các Lò Phản ứng) do ông Jean Petit làm Giám đốc. SESP lúc đó chưa tập hợp được đông cán bộ, nhưng những người đã tập hợp được đều là kỹ sư có kinh nghiệm trong lĩnh vực phân tích an toàn. Tôi bước vào giai đoạn “học việc” với một quyết tâm và một sự tập trung cao để nhanh chóng tiếp cận khả năng làm công việc mới. Tôi đọc kỹ quyển sách về Kỹ thuật Lò Phản ứng Hạt nhân, đã trở thành kinh điển, của các tác giả Glasstone và Sesonske do ông Jean Petit giới thiệu và bộ phận hành chính của DSN mua cho tôi. Bên cạnh đó, tôi còn đi gặp các cán bộ có kinh nghiệm của DSN để học các “ngón nghề” cần thiết cho công việc mới. Khác với cách làm thông thường của một cán bộ mới, là che giấu điểm yếu và phô trương điểm mạnh của mình, cách làm của tôi là học hỏi cho đến khi hiểu cặn kẽ các vấn đề mà mình chưa biết, và đề nghị được giải thích cho đến khi thông suốt hoàn toàn những gì mình thắc mắc.

Tôi may mắn được giao nhiệm vụ phụ trách phân tích an toàn đối với dự án Nhà máy Điện Hạt nhân Fessenheim với hai đơn vị 1 và 2, là các đơn vị PWR đầu tiên trong chương trình Điện Hạt nhân của Pháp. Tôi bắt tay vào việc khi đơn vị 1 đang ở thời kỳ đầu của giai đoạn xây dựng. Phần lớn các vấn đề an toàn được nêu ra không còn mang tính chất nguyên tắc, mà là những vấn đề cụ thể phát sinh trong thực tế. Tôi đã chủ động tổ chức nhiều cuộc họp với đại diện Chủ công trình EDF, cùng với đại diện Chủ công nghệ Framatome khi cần, để mọi vấn đề nêu ra được làm sáng tỏ. Số vấn đề được nêu ra là rất lớn, tôi không thể liệt kê trong phạm vi quyển hồi ký này. Phải nói rằng tôi đã học được nhiều qua việc xem xét cách giải quyết của Chủ công trình, với sự giúp đỡ của Chủ công nghệ.

Sau khi công việc đánh giá an toàn đơn vị 1 Nhà máy Điện hạt nhân Fessenheim ở giai đoạn xây dựng kết thúc, việc chuẩn bị cải tổ SESP cũng đã được cấp lãnh đạo DSN thông qua. SESP được chia thành những đơn vị chuyên trách các mảng công việc gắn với

các loại lò khác nhau: lò nước thường, lò nơ-tron nhanh, lò graphit – khí, lò phản ứng hạt nhân tàu ngầm. Đơn vị phụ trách các lò nước thường là một phân khúc của SESP mang tên SASCEL (Section d’Analyste de Sûreté des Centrales à Eau Légère – Phân khúc Phân tích An toàn các Nhà máy điện Nước nhẹ) được giao cho tôi phụ trách, 2 năm sau khi tôi chuyển đến làm việc tại DSN.

Một số cán bộ có nhiều kinh nghiệm trong ngành được sắp xếp vào SASCEL, cùng với những cán bộ kỹ thuật mới được tuyển dụng, bổ sung nhân lực để đáp ứng yêu cầu của công việc. SASCEL nhanh chóng đạt đủ số cán bộ để thực hiện phân tích an toàn cho chương trình Nhà máy Điện hạt nhân của nước Pháp. Tôi không còn là một cán bộ chuyên trách phân tích an toàn cho một dự án như trước, mà là một cán bộ lãnh đạo, có trách nhiệm tổ chức cho cán bộ SASCEL làm việc để chuẩn bị cho các cuộc họp của Nhóm GPR, mà tôi trở thành Báo cáo viên chính thức.

Như vậy, việc chuyển ngành của tôi đã đạt được kết quả tốt hơn những gì tôi mong đợi. Sau một năm làm việc ở DSN, tôi đã được cử đến INSTN Grenoble để thực hiện một lớp giảng về công tác đánh giá an toàn Nhà máy Điện hạt nhân và kết quả công việc ấy đối với đơn vị 1 của Nhà máy Fessenheim. Sau đó ít lâu, tôi lại được mời giảng về nội dung tương tự trong một lớp đào tạo tại INSTN Saclay do IAEA tổ chức. Nhưng biểu hiện rõ nhất của sự thành công của tôi là được giao phụ trách phân khúc SASCEL của SESP, chỉ sau hai năm chuyển ngành.

Một thời gian trước khi tôi được đề bạt vào trách nhiệm này, trong một lần gặp tôi, ông Petit hỏi vì sao tôi không vào quốc tịch Pháp? Tôi trả lời ông là hiện nay tôi chưa nghĩ đến việc đó, vì Cha Mẹ tôi sống ở Việt Nam và tôi không muốn làm cho ông bà phiền muộn vì nghĩ rằng tôi sẽ không trở về sống tại quê hương. Ông Petit hỏi nếu công việc được giao sau này yêu cầu phải đổi quốc tịch, tôi

có sẵn sàng không? Tôi suy nghĩ và đề nghị ông nên điều tra kỹ xem tôi có thực sự cần đổi quốc tịch không?

Một thời gian sau, ông Petit giải thích cho tôi biết lý do ông đã đặt vấn đề đổi quốc tịch với tôi. Đó là vì sơ đồ tổ chức SESP lúc bấy giờ dự kiến gộp nhiệm vụ phân tích an toàn lò nước thường và tàu ngầm hạt nhân, và người được giao phụ trách phải có quốc tịch Pháp vì nội dung phân tích an toàn tàu ngầm hạt nhân thuộc lĩnh vực bí mật quân sự. Nhưng nay DSN đã quyết định tách rời SASCEL với bộ phận phân tích an toàn tàu ngầm hạt nhân, nên việc giao cho tôi phụ trách SASCEL sẽ không đòi hỏi tôi phải có quốc tịch Pháp. Nếu không như vậy, thì dù đổi quốc tịch, tôi cũng không được nhận vai trò phụ trách, vì thời gian sẽ không đủ lâu và tính động cơ quá rõ để an ninh Pháp cảm thấy yên tâm.

Vậy là tôi biết trước sẽ được giao phụ trách SASCEL, một vị trí trách nhiệm quan trọng cho phép tôi có một tầm nhìn về vấn đề an toàn hạt nhân, và nâng cao hiểu biết của mình về kỹ thuật Nhà máy Điện hạt nhân. Tôi hiểu mình có lợi thế khi được giao phụ trách SASCEL so với các đồng nghiệp khác có kinh nghiệm hơn vì một số lý do. *Một là* nhờ mới chuyển ngành nên tôi mang nhiều sinh khí hơn những người làm việc lâu năm trong nghề nhưng đã không duy trì được nhiệt khí trong công việc. *Hai là* nhờ tốt nghiệp một trường kỹ sư đa năng nên tôi có kiến thức rộng rãi về khoa học và kỹ thuật, giúp dễ dàng tiếp thu những kiến thức về kỹ thuật và an toàn lò phản ứng hạt nhân; tôi cũng bảo vệ xong Luận án Tiến sĩ Khoa học và tiếp tục làm việc một thời gian trong lĩnh vực nghiên cứu vật lý nên có kinh nghiệm nghiên cứu, rất cần thiết để hiểu sâu các vấn đề khoa học kỹ thuật của ngành an toàn hạt nhân. Với một quá trình đào tạo như vậy nên tôi được lãnh đạo DSN đánh giá cao hơn khi so sánh với các đồng nghiệp khác. *Ba là* nhờ có phong cách làm việc biết hợp tác và biết phát huy khả năng của những người cộng sự nên tôi đã thu được cảm tình của họ, kể cả những người khó tính.

Việc tôi nhận trách nhiệm phụ trách SASCEL tiến hành trôi chảy. Tôi nhanh chóng vào cuộc trong công việc mới. Phải nói rằng từ lúc vào làm việc tại DSN, tôi được nâng bậc đều đều mỗi năm, điều mà tôi không thể làm khi còn là cán bộ nghiên cứu ở DSS. Chỉ trong vòng 5 năm, tôi đã ở bậc C-IV theo thang bậc của CEA, tương đương với Giám đốc Nghiên cứu bên CNRS (Trung tâm Nghiên cứu Khoa học Quốc gia Pháp). Điều đó cho thấy tôi đã được các vị lãnh đạo DSN, những người đứng đầu ngành an toàn hạt nhân ở Pháp đánh giá cao. Các kết quả mà tôi đạt được sau hai năm công tác ở DSN đã giúp tôi nhanh chóng có một vị trí quan trọng trong ngành này và tôi vẫn có tiềm năng vươn tới những đỉnh cao hơn nữa nếu tiếp tục làm việc trong lĩnh vực này.

Tuy nhiên, ngày 30/4/1975, cuộc chiến ở Việt Nam đã kết thúc. Chính quyền từ Bắc vào Nam nằm trong tay các lực lượng cách mạng. Lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt được tiếp quản an toàn, nhưng không hoạt động được vì không có nhiên liệu. Năm 1978, Nhà nước Việt Nam quyết định cải tạo và mở rộng Lò phản ứng Đà Lạt với sự giúp đỡ của Liên Xô và Cơ quan Năng lượng Nguyên tử Quốc tế (IAEA). Tuy nhiên, Liên Xô và IAEA yêu cầu Việt Nam bảo đảm khả năng sử dụng một chuyên gia có kinh nghiệm về an toàn hạt nhân để tham gia quản lý Lò phản ứng nghiên cứu Đà Lạt. Thế là nguyện vọng hồi hương của tôi được thỏa mãn.

Giữa năm 1978, sau 5 năm làm việc trong ngành an toàn hạt nhân, tôi từ chức để chuẩn bị về nước. Trừ ông Jean Bourgeois, Giám đốc và là người lãnh đạo cao nhất của DSN, ông Jean Petit, Giám đốc SESP và là người phụ trách trực tiếp của tôi, các vị lãnh đạo khác của DSN đã bị bất ngờ vì không hiểu tại sao tôi lại từ bỏ một sự nghiệp chuyên môn đầy hứa hẹn để về nước, trong khi Việt Nam đang gặp rất nhiều khó khăn sau chiến tranh, và triển vọng còn lâu mới giải quyết trọn vẹn được.

Ông Petit và các vị lãnh đạo DSN hỏi ý kiến tôi về việc nên cử

ai phụ trách SASCEL thay cho tôi. Tôi có sẵn ý kiến về vấn đề này nên đã đề cử chị Marie-Claire Dupuis, tốt nghiệp Trường Bách khoa nữ (École Polytechnique Féminine), là người đã trợ thủ đắc lực cho tôi trong thời gian tôi phụ trách SASCEL. Chị Dupuis là một cán bộ thông minh, linh hoạt và làm việc rất hiệu quả. Đề nghị chị lên thay tôi phụ trách SASCEL đã nhận được sự đồng tình của lãnh đạo các cấp ở DSN. Quyết định mới về nhân sự của DSN đã được ban hành kịp thời trước khi tôi chia tay với công việc chuyên môn cuối cùng của tôi ở Pháp.

Chị Marie-Claire biết sở dĩ chị được cử phụ trách SASCEL là do đề nghị của tôi nên rất biết ơn tôi. Năm 1994, tôi đi Pháp trong Đoàn Đại biểu của Việt Nam sang làm việc với Ủy ban Năng lượng Nguyên tử Pháp (CEA) để ký Thỏa thuận hợp tác giữa VINATOM (Việt Nam) và CEA (Pháp). Phía Pháp, hai người đại diện để tiếp Đoàn chúng tôi là ông François Cogné, nguyên Phó Giám đốc DSN và bà Marie-Claire Dupuis. Ông Cogné, bà Dupuis đều đã nhận những trách nhiệm cao hơn trước đây trong thời tôi còn làm việc ở DSN. Trong bài phát biểu của mình, ông Cogné đã dành những lời tốt đẹp về sự đóng góp của tôi cho ngành an toàn hạt nhân của nước Pháp. Đoàn chúng tôi được đón tiếp thân mật và đã ký bản Thỏa thuận Hợp tác với CEA gồm những nội dung chuyên môn cụ thể, đặc biệt cho phép một số cán bộ Viện Nghiên cứu hạt nhân được đi đào tạo trong lĩnh vực kỹ thuật Lò phản ứng Hạt nhân ở Pháp.

Chương này nhắc lại các hoạt động nghề nghiệp của tôi ở Pháp từ năm 1961, sau khi tốt nghiệp Kỹ sư Trường Polytechnique, bởi vì từ đó tôi đã có việc làm để sinh sống và tiếp tục chuẩn bị Luận án Tiến sĩ Khoa học mà tôi bảo vệ năm 1969. Trong Chương II, tôi giải thích lý do của việc phân định giai đoạn du học của tôi kết thúc năm 1969. Tuy vậy, tôi cũng không thể bỏ qua thời gian 9 năm vừa học vừa làm trong đời sống nghề nghiệp của tôi. Đó là thời gian tôi

làm việc trong lĩnh vực nghiên cứu vật lý hạt cơ bản, một ngành khoa học được đầu tư rất mạnh mẽ trên thế giới. Tôi có dịp học được rất nhiều từ các hoạt động trong lĩnh vực này, và cũng đã thể hiện mình qua những sáng kiến nảy sinh trong quá trình làm việc.

Năm 1973, tôi quyết định chuyển ngành sang lĩnh vực an toàn hạt nhân, sau khi nước Pháp quyết định thực hiện một chính sách mới về năng lượng để phù hợp với điều kiện tài nguyên của nước này. Nước Pháp sẽ triển khai một chương trình Nhà máy Điện hạt nhân theo công nghệ nguồn của Mỹ, là chương trình tích cực nhất thế giới vào thời kỳ đó. Do vậy, Pháp tuyển chọn những kỹ sư giỏi để tăng cường lực lượng đánh giá an toàn Nhà máy Điện hạt nhân. Tôi quyết định chuyển ngành để có cơ hội đóng góp thiết thực hơn cho đất nước khi hòa bình trở lại. Tôi đã trải qua 5 năm làm việc trong ngành này, với những thành công vượt quá mong đợi.

Sở dĩ có được những thành tích chuyên môn tốt như vậy là nhờ động lực thúc đẩy tôi lúc bấy giờ là cơ hội sẽ hoàn thành nhiệm vụ mà tôi đã tự đề ra lúc rời gia đình và quê hương để đi du học và “nhiệm vụ chỉ xem là hoàn thành khi được thực hiện đầy đủ”. Cơ hội đó đã đến với tôi, vì vậy tôi phải nắm bắt và cố gắng hết sức mình để hoàn thành nhiệm vụ một cách tốt nhất có thể.

Chương VI

Trở về quê hương (1978)

Khi tôi rời quê hương đi du học, trong số các bạn bè ở lứa tuổi của tôi không ít người có hoài bão học thành tài để sau này trở về đóng góp cho quê hương. Tôi cũng là một trong số những người mong làm được như thế khi lên máy bay đi du học.

Phải nói rằng tình cảm đối với quê hương là động lực thôi thúc tôi trở về một cách mạnh mẽ nhất. Quê hương là một khái niệm trừu tượng, nhưng tình yêu quê hương lại là một tình cảm vô cùng cụ thể. Nó như bám chặt vào lòng mình, không giờ phút nào, không hành vi nào mà tim mình không đập vì nó. Những gì thuộc về quê hương, có những cái đã trở thành hình tượng tiêu biểu như lũy tre làng, dòng sông bến nước, tình nghĩa đồng bào, công ơn tổ tiên, nhưng cũng có những cái rất bình thường gắn với kỷ niệm riêng của mỗi người: thời thơ ấu, sự chăm sóc và hy sinh của cha mẹ, tình cảm thân thương của anh em ruột thịt, thậm chí ánh mắt, nụ cười của một người mà mình chưa quen biết ...

Kiên trì với mục đích trở về

Đối với tôi, những kỷ niệm riêng không bao giờ có thể quên được là sự cảm nhận về tình thương yêu và công lao của các đảng sinh thành, đã chấp nhận những hy sinh to lớn để cho tôi đi du học.

Mấy ngày trước khi rời gia đình để thực hiện một chuyến đi chưa biết bao giờ mới gặp lại những người thân, thì giữa đêm trong giấc ngủ tôi đã cảm nhận nụ hôn của Mẹ đặt lên trán mình. Chỉ bấy nhiêu thôi, nhưng tôi không bao giờ quên được. Làm sao tôi có thể phụ bạc sự hy sinh của gia đình và tình yêu của Cha Mẹ đối với mình! Vì tình yêu đối với quê hương và gia đình, ý nguyện “học thành tài

để trở về” không bao giờ rời khỏi tâm trí tôi, dù trong quá trình học tập rồi làm việc có những lúc tôi đã gặp những khó khăn tưởng chừng không vượt qua nổi.

Khi theo học chương trình chuẩn bị thi vào các Trường Lớn, tôi đã hai lần vấp ngã. Một lần ngay trong năm đầu tiên, do thiếu kinh nghiệm trong việc tự chăm sóc, bảo vệ sức khỏe bản thân, tôi lâm bệnh và phải học lại lớp Math Sup. Một lần ở cuối năm Math Spé, do cố gắng quá sức trong giai đoạn chuẩn bị, nên đến kỳ thi tôi không thể giữ được phong độ như trong năm học, vì vậy đã không đỗ được vào trường nào trong số những trường đã đăng ký, và phải học thêm một năm Math Spé nữa.

Trong thời gian hành nghề từ năm 1961 trở về sau, để đỡ dần khó khăn của Cha Mẹ, tôi tình nguyện gánh chi phí sinh hoạt cho hai em trai tôi sang Pháp học. Tôi lập gia đình, vợ chồng chúng tôi sinh được hai con. Với một nguồn thu nhập duy nhất là tiền lương của tôi, và gánh nặng tài chính của gia đình riêng và hai em, khả năng chi tiêu của chúng tôi không thiếu thốn nhưng vẫn còn khá eo hẹp.

Cuộc chiến tranh Việt Nam ngày càng khốc liệt, nhiệm vụ hỗ trợ cuộc đấu tranh ngoại giao đòi hỏi phong trào Việt kiều phải có những đóng góp ngày càng nhiều hơn với đất nước. Sức ép của nhiệm vụ vận động kiều bào hướng về quê hương để góp công sức và trí tuệ cho cuộc đấu tranh vì độc lập và thống nhất đất nước ngày càng nặng nề, trong lúc nhiệm vụ chuyên môn và nghĩa vụ đối với gia đình cũng không cho phép tôi một phút giây nào lơ lửng. Đó là khó khăn mà bằng mọi giá tôi phải vượt qua, nhưng dù cố gắng đến mấy thì tôi cũng không thể tránh được ảnh hưởng đối với kết quả công việc chuyên môn của mình.

Đến năm 1968, sau chiến dịch Mậu Thân, Chính quyền Mỹ cay đắng nhận thấy không dễ gì khuất phục được ý chí độc lập và thống nhất của nhân dân Việt Nam, cho nên họ không có con đường nào tốt hơn ngoài rút lui khỏi cuộc chiến tranh. Điều này cũng có nghĩa

là phía cách mạng có thể bắt đầu nghĩ đến những công việc cần làm để chuẩn bị cho thời kỳ hậu chiến.

Ngành nghiên cứu vật lý hạt cơ bản mà tôi đã chọn hơn 10 năm trước và vẫn đang theo đuổi tại Nhóm GAP là trọng tâm đầu tư của thế giới lúc bấy giờ. Sau khi tốt nghiệp kỹ sư, tôi đã học thêm một số chứng chỉ của bằng Cử nhân Toán, sau đó theo học lớp chuyên sâu về vật lý hạt nhân và lớp chuyên đề về xác suất thống kê để áp dụng vào vật lý thực nghiệm. Tôi đã chuẩn bị luận án Tiến sĩ Khoa học và bảo vệ thành công sau 4 năm, được Hội đồng chấm Luận án đánh giá cao. Tôi cũng đã có công cải thiện một cách đáng kể hiệu suất làm việc của Nhóm GAP chúng tôi.

Tuy nhiên, muốn góp mặt xứng đáng vào những công trình mũi nhọn trong lĩnh vực nghiên cứu vật lý hạt cơ bản, yêu cầu tối thiểu đối với người làm nghiên cứu là phải tập trung cao độ, mà tôi thực sự đã không có điều kiện thực hiện được do bị chi phối bởi một số nhiệm vụ khác. Nếu nhìn nhận một cách khách quan, tuy đã có thành tích đáng ghi nhớ trong hoạt động ở Nhóm GAP, nhưng tôi vẫn thấy mình chưa phải là một nhà vật lý xuất sắc. Nếu tiếp tục công tác trong lĩnh vực nghiên cứu vật lý hạt cơ bản, tôi thấy mình khó có thể đóng góp một cách có ý nghĩa cho đất nước trong thời kỳ hậu chiến.

Tôi suy nghĩ, nếu có cơ hội mình nên tìm cách chuyển sang một ngành khác theo hướng đón đầu các nhu cầu xây dựng đất nước sau này, để sẵn sàng hơn và có khả năng đáp ứng tốt hơn các nhu cầu ấy. Tôi nên chọn một ngành như thế nào để vừa phù hợp với kiến thức và kinh nghiệm đã tích lũy được trong 12 năm qua, lại vừa là một lĩnh vực kỹ thuật mà đất nước có thể cần đến ngay trong thời hậu chiến sau khi giành được độc lập, hòa bình và thống nhất.

Và thế là tôi đã chuyển sang ngành An toàn Hạt nhân khi cơ hội đầu tiên đến với tôi. Cơ hội ấy xuất hiện vào năm 1973, ở thời điểm nước Pháp có một quyết định mang tính bước ngoặt về sử dụng

mạnh mẽ diện hạt nhân để giảm bớt sự lệ thuộc vào nhập khẩu dầu khí. Tôi đã tham khảo ý kiến của một số vị lãnh đạo trong nước như anh Nguyễn Đình Tứ, lúc bấy giờ đã về nước nhận một trách nhiệm quan trọng tại Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội; anh Trần Trí, nguyên Tham tán Khoa học và Kỹ thuật tại Đại sứ quán Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tại Pháp, cũng đã trở về công tác tại Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước, tiền thân của Bộ Khoa học và Công nghệ ngày nay. Tôi nhận được sự đồng tình và ủng hộ của các anh. Tôi cũng đã đặt vấn đề với lãnh đạo Phong trào và được các anh chấp thuận cho tôi tạm thời giảm bớt công tác Phong trào và tập trung vào công việc chuyên môn để việc chuyên ngành được thực hiện suôn sẻ, và để sớm đạt được một vị thế vững chắc trong lĩnh vực chuyên môn mới.

Chuyến về thăm quê hương năm 1976

Năm 1973 cũng là năm mà Hội nghị Paris về “chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình” ở Việt Nam được ký kết, tuy nhiên chỉ đến ngày 30/4/1975 cuộc chiến tranh mới hoàn toàn kết thúc. Năm 1976, tôi về thăm quê hương sau 21 năm xa cách. Tôi được về TP.HCM thăm gia đình và bà con họ hàng – đặc biệt thăm Cha Mẹ và các em tôi, và ở miền Nam được tất cả là 21 ngày. Cha Mẹ tôi vẫn ở căn nhà cũ khi tôi rời Việt Nam đi du học, tại đường Đinh Tiên Hoàng, Đa-Kao.

Cha tôi dẫn tôi đến Nghĩa trang Thuận Bài ở Hóc Môn bằng xe đạp để thăm mộ Ông Bà ngoại tôi. Đây là nghĩa trang mà Cha tôi là một trong những người sáng lập. Ở thời điểm tôi đến thăm, ngoài các ngôi mộ của Ông Bà ngoại, trong gia đình chúng tôi còn có 2 ngôi mộ khác, một của Cậu Hà Xuân Thâm, em ruột Mẹ tôi, và một của người con trai Cậu Thâm, qua đời ở tuổi thanh xuân do một tai nạn giao thông. Tôi rất tiếc không được gặp lại Ông Bà ngoại và

Cậu Thâm, những người ruột thịt mà tôi đã gần gũi thương yêu trước khi lên đường đi du học.

Cha tôi cũng dẫn tôi đến viếng Đền thờ họ Trần gốc Thuận Bài ở Bình Thạnh, nơi thờ cúng tổ tiên từ Ông tổ Trần Đạt, người sáng lập nên họ Trần ở làng Thuận Bài, tỉnh Quảng Bình, đến các vị công thần của đất nước trong các đời vua sau nhà Trần (thực tế từ thời Hậu Lê trở về sau). Đứng trước bàn thờ tổ tiên, tôi vô cùng xúc động. Xưa nay tôi chưa bao giờ cảm nhận tổ tiên có thể là một nguồn sức mạnh to lớn cho con cháu như khi tôi khấn vái trước bàn thờ tổ tiên lúc đó. Tôi có cảm tưởng như Tổ tiên đang hiện về và nhắc nhở tôi, người con của dòng họ, xa quê hương lâu năm mới được trở về và đang đến viếng thăm các cụ. Tôi dường như cảm thấy các cụ nhắc nhở tôi hãy làm gì để không hổ thẹn là con cháu của các vị, những người đã có công bảo vệ nền độc lập của đất nước và đóng góp sức lực và trí tuệ, làm cho non sông không ngừng tươi đẹp lên để được như ngày nay. “Cháu còn chờ gì mà chưa trở về để góp phần xứng đáng của một người con trong dòng họ, một người dân của đất nước chúng ta?”

Ở miền Nam, tôi được gặp lại gia đình bên nội cũng như bên ngoại. Bên nội có O Lai (Trần Thị Bích Đào) chị ruột của Cha tôi (Dượng Lai đã qua đời) và gia đình các con của O Dượng: anh Lưu Trọng Lâm (Đại tá trong binh chủng Phòng không Quân đội Nhân dân, từ miền Bắc về), anh Lưu Trọng Nhiệm, và các chị Lưu Thị Diệu Liên, Lưu Thị Diệu Minh. Bên ngoại có Mợ Thâm và các em con Cậu Mợ là Hà Xuân Giang (Bảy), Hà Thị Nhạn (Tám), Hà Xuân Đạm, Hà Xuân Nồng (Út) và Hà Xuân Lan (Xíu).

Tôi cũng tranh thủ thời gian ở miền Nam để đi Đà Lạt, thăm Lò phản ứng TRIGA và tiếp xúc với các cán bộ quản lý lò lúc ấy. Đó là một số anh chị em từ miền Bắc vào tiếp quản Trung tâm Nguyên tử Đà Lạt, cùng một số anh chị em là kỹ sư, kỹ thuật viên trước đây làm việc tại Lò phản ứng TRIGA. Đây là một lò phản ứng hạt nhân

nhỏ, với 3 mục đích chính, là Đào tạo (Training), Nghiên cứu (Research) và Sản xuất Đồng vị (Isotope production), được thiết kế và xây dựng bởi Công ty General Atomic của Mỹ, do đó Lò mang tên TRIGA. Tôi được anh chị em cho biết về tình hình của Lò phản ứng lúc bấy giờ. Lò không còn hoạt động do các thanh nhiên liệu đã bị Mỹ chuyển dời về cất giữ tại Trung tâm Los Alamos (Hoa Kỳ), trước khi quân Mỹ rút khỏi Việt Nam. Bên cạnh Lò phản ứng, Trung tâm Nguyên tử Đà Lạt còn có những phòng thí nghiệm và những máy móc thiết bị do Mỹ để lại và chúng cần được duy tu bảo dưỡng, nhưng điều kiện thực hiện công việc này còn khó khăn. Tuy nhiên, tôi được biết Chính phủ Việt Nam đã quyết định khôi phục lại Lò phản ứng và mua nhiên liệu để Lò có thể hoạt động trở lại.

Sau thời gian thăm viếng gia đình, bà con, bạn bè ở Thành phố Hồ Chí Minh, tôi ra miền Bắc để tiếp xúc với giới lãnh đạo khoa học và kỹ thuật, những người có khả năng quyết định cho tôi hồi hương và bố trí cho tôi một công việc thích hợp sau này. Tôi gặp anh Nguyễn Đình Tứ lúc đó là Bộ trưởng Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp, đồng thời là Viện trưởng Viện Nghiên cứu hạt nhân (Đà Lạt), và bày tỏ nguyện vọng của tôi cùng gia đình, đồng thời giới thiệu những gì tôi đã làm về mặt chuyên môn trong thời gian qua. Anh Tứ bảo tôi hãy trở lại Pháp tiếp tục làm việc, bao giờ trong nước có quyết định thì anh sẽ thông báo cho tôi biết. Tôi cũng đã gặp được nhiều anh chị em là nhà khoa học từng tham gia cuộc chiến tranh bảo vệ miền Bắc, đang được bố trí giảng dạy, nghiên cứu tại các Viện, Trường ở Hà Nội. Các anh chị em ấy rất quan tâm đến sự phát triển của khoa học kỹ thuật ở nước ngoài. Những cuộc tiếp xúc với giới khoa học kỹ thuật trong nước đã cho phép tôi hiểu rõ hơn về những khó khăn của các đồng nghiệp, và cũng phần nào giúp cho các kỹ sư, nhà khoa học trong nước tiếp cận với tình hình khoa học và kỹ thuật của nước Pháp.

Tôi được Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước bố trí cho đi thăm Vịnh Hạ Long. Chuyến đi đã cho tôi một cơ hội tuyệt vời để

thường ngoạn một trong những kỳ quan đẹp nhất thế giới. Tôi đã may mắn đến Hạ Long trong một ngày đẹp trời, nắng chiếu xuống mặt biển, tạo nên một màu xanh vô cùng độc đáo. Tôi rất yêu thích cái màu xanh của nước biển Vịnh Hạ Long ngày ấy. Sau này, có dịp trở lại đây nhiều lần, trong đó vài lần gặp thời tiết thuận lợi, tôi lại được thưởng thức cái màu xanh mà tôi yêu thích, gây cho tôi một ấn tượng không bao giờ quên được.

Trong lần về thăm quê hương ấy, tôi đã gặp hai anh em Nguyễn Quang Riệu và Nguyễn Quý Đạo, cũng là hai nhà khoa học Việt Nam nổi tiếng ở Pháp. Tôi đã được Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước bố trí đi cùng với hai anh thăm Chùa Tây phương ở huyện Thạch Thất, Hà Nội. Chúng tôi rất ấn tượng khi được chiêm ngưỡng các bức tượng Phật La hán ở chùa này. Tượng được chạm trổ rất tinh vi từ gỗ mít, mỗi bức tượng thể hiện một sắc thái riêng, nhưng đều mang một tính cách chung của nền điêu khắc Việt Nam vào đầu thế kỷ XVII. Bản thân ngôi chùa cũng được xây dựng bằng gỗ, chạm trổ tinh vi thể hiện phong cách văn hóa Phật giáo của nước ta thời bấy giờ. Trước khi ra về, tôi đã được hai anh ủy thác việc ghi lại những cảm nghĩ về chuyến thăm. Tôi đã ghi: “Chuyến thăm Chùa Tây phương đã mang lại cho chúng tôi những ấn tượng sâu sắc về nền văn hóa Việt Nam. Chúng tôi vô cùng tự hào về nền văn hóa lâu đời và đặc sắc của Ông Cha chúng ta ngày ấy.”

Tôi cũng dành một vài ngày trong quãng thời gian ở miền Bắc để đến thăm gia đình bà con họ hàng ở Hà Nội. Tôi đã gặp được bà con phía bên nội, gia đình Bác Tiễn (Trần Mạnh Tiễn, là anh cả Cha tôi) và gia đình O Hồng (Trần Thị Bích Hồng, là em gái Cha tôi); phía bên ngoại, gia đình cậu Tư (Hà Xuân Tư, là anh thứ hai của Mẹ tôi). Trong gia đình Bác Tiễn, tôi được gặp con gái hai Bác là chị Trần Thị Thu Nhận cùng chồng là anh Phan Thanh Cao, cả hai công tác trong ngành Điện; và con trai hai Bác là anh Trần Mạnh Bình công tác và giảng dạy trong ngành dược, cùng vợ là chị Vân. Tôi cũng được gặp chị Lưu Thị Bích Vân, con gái lớn của O Dượng

Lai, cùng chồng là anh Hồng Xích Tâm, Thứ trưởng tại Văn phòng Thủ tướng, phụ trách theo dõi ngành xây dựng.

Tôi kết thúc chuyến về thăm quê hương sau 42 ngày, được thăm gia đình, đất nước và làm việc chuyên môn, trong đó đúng một nửa thời gian ở miền Nam. Đây là chuyến về thăm nhà duy nhất của tôi từ lúc rời quê hương đi du học! Tôi trở lại Paris, tiếp tục làm việc tại SASCEL. Với vị trí làm việc tại đây, tôi theo dõi kết quả đánh giá an toàn các dự án nhà máy điện hạt nhân, đồng thời tích lũy được một tầm nhìn chung về những ưu nhược điểm của loại lò PWR (Lò nước nén) đang được triển khai mạnh mẽ trong chương trình điện hạt nhân của nước Pháp.

Năm 1977, Thủ tướng Phạm Văn Đồng có chuyến thăm chính thức đến nước Cộng hòa Pháp. Tôi may mắn được gặp riêng Thủ tướng để bày tỏ nguyện vọng về nước của vợ chồng tôi. Thủ tướng cho tôi biết là đang sắp xếp để việc hồi hương của chúng tôi được thuận lợi nhất có thể, về chuyên môn cũng như về đời sống, trong điều kiện đất nước thời hậu chiến còn vô cùng khó khăn.

Vào khoảng tháng 3-4 năm 1978, tôi được Đại Sứ quán Việt Nam tại Pháp thông báo là lãnh đạo trong nước đã đồng ý cho gia đình tôi được hồi hương và chúng tôi được bố trí về làm việc tại Đà Lạt. Tôi cũng nhận được một bức thư viết tay của anh Nguyễn Đình Tứ, cho tôi biết với chuyên môn và kinh nghiệm của tôi thì về tham gia Viện Nghiên cứu hạt nhân cũng được, mà giảng dạy tại Trường Đại học cũng được, cho nên để có thời gian cân nhắc, tôi sẽ được bố trí về Đà Lạt để công tác tại Viện Nghiên cứu hạt nhân đồng thời nhận một công việc kiêm nhiệm tại Trường Đại học Đà Lạt. Và trên thực tế, tôi đã đi đúng con đường mà anh Nguyễn Đình Tứ vạch ra. Vợ tôi cũng được nhận vào công tác trong Phòng Sinh học Phóng xạ của Viện Nghiên cứu hạt nhân, với chức vụ Phó Trưởng phòng.

Chúng tôi bắt đầu chuẩn bị hồi hương sau khi nhận được quyết định chính thức từ trong nước. Sau này tôi được biết rõ hơn về

những tình tiết liên quan đến chuyện về nước của chúng tôi từ Đại sứ Võ Văn Sung. Trong kế hoạch khôi phục và mở rộng Lò phản ứng TRIGA và Trung tâm Nguyên tử lực Đà Lạt, Việt Nam dựa vào sự giúp đỡ, hợp tác của Liên Xô trong các vấn đề kỹ thuật và của IAEA trong việc tài trợ để mua nhiên liệu mới do Liên Xô chế tạo. Một trong các nghĩa vụ mà phía Việt Nam phải thực hiện là đảm bảo khả năng sử dụng một chuyên gia về an toàn hạt nhân để quán xuyến các công việc có liên quan đến an toàn Lò phản ứng và Trung tâm Nguyên tử lực Đà Lạt. Chính phủ Việt Nam quyết định mời tôi về nước thực hiện nhiệm vụ của người chuyên gia đó.

Đại sứ Võ Văn Sung nói với tôi là ông không đồng ý với việc điều động, và đã đề đạt ý kiến đó về nước. Ông cho rằng tôi đang đảm đương công việc phân tích an toàn cho cả một chương trình nhà máy điện hạt nhân của Pháp gồm trên 50 đơn vị nhà máy thuộc loại lò nước nén (PWR/REP), với công suất đơn vị từ 900 đến 1200 MW(điện), nhưng trong nước điều tôi về để phụ trách an toàn cho một lò phản ứng nghiên cứu với công suất chỉ đến 0,5 MW(nhiệt), như vậy là quá phí. Tuy nhiên, Đại sứ đã nhận được câu trả lời qua Phó Thủ tướng Tố Hữu: “Chính phủ đã quyết định, yêu cầu đồng chí Đại sứ chấp hành”.

Không phải không hiểu ý kiến phản biện của Đại sứ Võ Văn Sung là thẳng thắn và có cơ sở nhất định, tuy nhiên tôi vẫn cảm thấy thích thú vì được Nhà nước Việt Nam đồng ý cho gia đình chúng tôi được hồi hương, được bố trí làm việc đúng ngành nghề chuyên môn mà tôi đã dự đoán và dành 5 năm (1973-1978) để chuẩn bị. Trong 5 năm ấy, tôi từ vị trí “học việc”, bắt đầu làm công việc mới là phân tích an toàn cho Dự án Nhà máy Điện hạt nhân Fessenheim, đã trở thành người đứng đầu Phân khúc SASCEL chuyên phân tích an toàn cho tất cả các dự án với loại lò mà nước Pháp đã quyết định chọn cho chương trình nhà máy điện hạt nhân của mình. Tôi cũng rất vui vì vợ tôi được bố trí công việc đúng ngành sinh lý thực vật mà em đã được đào tạo ở Pháp đến trình độ Tiến sĩ cấp 3.

Các anh ở Đại sứ quán, đặc biệt anh Lê Thọ, Bí thư thứ nhất đã rất nhiệt tình giúp chúng tôi chuẩn bị các giấy tờ cần thiết để thuận tiện cho việc giải quyết các thủ tục hành chính sau này, như giấy kết hôn, giấy khai sinh của vợ chồng và con cái, mỗi loại vài chục bản, mà đến ngày nay sau khi về nước hơn bốn chục năm chúng tôi vẫn chưa dùng hết!

Chia tay công việc cũ

Tôi chuẩn bị các sách vở, tài liệu về kỹ thuật, công nghệ và an toàn lò phản ứng để mang về nước sử dụng. Những tài liệu liên quan đến công việc tại SASCEL, tôi bàn giao cho người được quyết định thay thế tôi là bà Marie-Claire Dupuis. Ông Jean Petit, người phụ trách SESP, lãnh đạo cấp trên trực tiếp của tôi, người đã nâng đỡ cất nhắc tôi trong suốt 5 năm làm việc, đã tỏ ra rất tiếc vì quyết định ra đi của tôi, nhưng ông cũng tin tưởng rằng người được tôi giới thiệu để nối tiếp trách nhiệm của tôi tại SASCEL sẽ làm tốt công việc mà tôi để lại. Cấp lãnh đạo của DSN gồm các ông Jean Bourgeois (Giám đốc), Pierre Tanguy và François Cogné (Phó Giám đốc), mỗi người tiếp riêng, đều tỏ ra nuối tiếc về sự ra đi của tôi, và cảm ơn tôi đã có những đóng góp quan trọng cho ngành an toàn hạt nhân ở Pháp. Riêng ông Bourgeois đã hoan nghênh tôi về quyết định trở về đóng góp cho quê hương, và cho rằng sau một cuộc chiến tranh đã gây nên những tác hại to lớn, những chuyên gia trở về phục vụ là rất cần cho sự tái thiết của đất nước. Tôi biết ơn sự thông cảm của các cấp lãnh đạo DSN đối với sự ra đi của mình.

Tôi cũng dành thì giờ chia tay với bạn bè, anh em trong Phong trào Việt kiều tại Pháp. Ở thời điểm năm 1978, đó là cuộc chia tay chưa biết ngày nào gặp lại. Từng nhóm bạn bè tổ chức những buổi gặp mặt để chia tay với chúng tôi. Nhiều người chia vui với chúng tôi, nhưng cũng không ít người tỏ vẻ lo lắng, không biết những gì

sẽ đến với chúng tôi sau này. Như người Pháp thường nói, “đây là một bước nhảy về nơi vô định!” (“c’est un saut vers l’inconnu!”).

Cảm động nhất là cuộc chia tay ở Nhà ga Hướng Đông (Gare de l’Est). Hầu hết bạn bè và người thân thuộc của chúng tôi đều có mặt tại sân ga, và do có quá đông người đưa tiễn, nên chúng tôi rất bận rộn, gặp người này bắt tay, nói lời cảm ơn và tạm biệt, rồi chuyển sang gặp người khác, và cứ như thế tiếp diễn. Cuối cùng, cả gia đình chúng tôi lên tàu, giơ tay vẫy chào mọi người lần cuối khi tàu lăn bánh. Anh em bạn bè ở dưới sân ga cũng giơ tay vẫy chào chúng tôi, như một lời đồng thanh tạm biệt! Đoàn tàu từ từ rời sân ga và tăng tốc chạy về hướng Đông, với điểm đến là Đông Berlin.

Chúng tôi cố gắng tỏ ra cứng rắn và vui vẻ trước bạn bè thân thuộc, nhưng sau khi tàu rời sân ga, vợ chồng tôi và hai cháu nhỏ đều không ngăn được dòng lệ trào qua mí mắt. Một chương của cuộc đời chúng tôi vừa kết thúc để chuyển sang một chương mới. Tôi đã sống, học tập và làm việc ở Pháp trong thời gian từ 1955 đến 1978, tất cả là 23 năm và ở Pháp nhiều hơn ở Việt Nam 6 năm!

Hành trình từ Paris về Hà Nội

Trước khi rời nước Pháp không lâu, tôi cứ ngỡ gia đình tôi sẽ được về quê hương bằng đường sắt. Đông Berlin sẽ là trạm đầu tiên, rồi tiếp tục bằng qua Liên Xô với chuyến tàu Xuyên Xi-Bê-Ri, rồi xuyên qua Trung Quốc vẫn bằng đường sắt. Không ngờ chúng tôi được thông báo là sẽ bay từ Đông Berlin về Hà Nội sau khoảng một tuần trú ngụ tại Đại sứ quán Việt Nam ở Đông Berlin. Sau khi được thông báo hành trình về nước, chúng tôi phải cấp rập chuẩn bị hành trang mang theo người, còn lại các kiện hành lý nặng sẽ được gửi về bằng đường thủy.

Tàu khởi hành vào cuối buổi chiều và chạy suốt đêm, nên chúng tôi đến Đông Berlin ngay trong ngày hôm sau. Chúng tôi được cán bộ Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa Dân chủ Đức đón tại sân ga

và đưa về nghỉ tại Nhà khách Đại sứ quán. Trong những ngày chờ bay về Hà Nội, chúng tôi được tổ chức cho đi tham quan Đông Berlin và một vài địa điểm lịch sử của Cộng hòa Dân chủ Đức.

Lý do quyết định thay đổi hành trình là vì quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc lúc bấy giờ đang xấu đi, nếu chúng tôi về theo đường sắt, sẽ phải qua Trung Quốc, sợ không bảo đảm an toàn cho người và hành lý. Một cán bộ Đại sứ quán tại Paris cho chúng tôi biết đã có vài sự cố xảy ra với hành lý của những người về trước chúng tôi không lâu. Thế là chúng tôi đành hoãn vô thời hạn việc thực hiện chuyến viễn du xuyên lục địa Xi-Bê-Ri và Trung Quốc mà tôi từng mơ ước. Từ đó đến nay, trải qua hơn 40 năm, tôi đã vài lần đến Liên Xô và Trung Quốc trong những chuyến công tác ngoại giao hoặc chuyên môn, nhưng chưa bao giờ được thực hiện chuyến viễn du mơ ước đó.

Chuyến bay Interflug từ Đông Berlin đến Hà Nội đã diễn ra yên ả. Máy bay đáp xuống Viên Chăn (Lào) là điểm dừng duy nhất trước khi bay tiếp đến Hà Nội. Máy bay lại cất cánh, chúng tôi được mục kích cảnh núi non hùng vĩ dưới hành lang bay từ Viên Chăn đến Hà Nội. Chúng tôi thấp thỏm nhìn xuống mặt đất, xem máy bay đã đến gần Hà Nội chưa. Qua khỏi vùng núi non hiểm trở, chúng tôi thấy vùng đất đồi, rồi tiếp đến vùng đồng bằng với những cánh đồng lúa mơn mớn màu xanh lá mạ. Có thể máy bay đã gần đến Hà Nội rồi. Một lát sau, tổ công tác bay thông báo máy bay chuẩn bị đáp, yêu cầu mọi người kiểm tra lại thắt lưng an toàn. Máy bay hạ cánh, chúng tôi đã về đến Hà Nội.

Tôi đã trở về Tổ quốc thương yêu sau 23 năm xa cách. Hai năm trước tôi đã về thăm nhà, nhưng lần đó vẫn còn tâm lý chuyển về chỉ là một chuyến thăm viếng chứ chưa phải là một chuyến trở về sống hẳn ở quê hương. Lần này là một chuyến về thực sự, tôi sẽ phải thích nghi hoàn toàn với cuộc sống ở đây. Cuộc sống đó có thể đem lại các niềm vui mà tôi sẽ tìm thấy, nhưng cũng có thể đem đến



Chia tay với anh em bè bạn để về quê hương tại Nhà ga Hướng Đông (1968)

cho tôi những cảm giác mới lạ mà tôi phải thích nghi, thậm chí phải chịu đựng vì đơn giản đây là quê hương của tôi.

Cuộc sống mới trong những tháng ngày đầu tiên

Chúng tôi được cán bộ của Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước đón tại Sân bay Gia Lâm và đưa về Khách sạn Hoàn Kiếm đường Trần Hưng Đạo, không xa trụ sở của Ủy ban. Gia đình tôi được diện kiến Thủ tướng Phạm Văn Đồng và một số vị lãnh đạo khác trong đó có ông Trần Đại Nghĩa, Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước; ông Nguyễn Đình Tứ, Bộ Trưởng Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp, đồng thời Viện trưởng Viện Nghiên cứu hạt nhân (Đà Lạt).

Đặc biệt, chúng tôi được Thủ tướng mời cơm trong một bữa ăn tối thân mật, qua đó Thủ tướng dặn dò chúng tôi về cuộc sống sau này, mà Thủ tướng cho biết sẽ còn rất nhiều khó khăn. Thủ tướng dặn dò chúng tôi: phải biết thông cảm, nhẫn nại; biết phân tích nguồn gốc của những khó khăn, trở ngại không thể tránh khỏi trên con đường tiến lên của dân tộc. Có những khó khăn mang tính khách quan, nhưng cũng còn nhiều khó khăn mang tính chủ quan. Thủ tướng nói với chúng tôi, trong những khó khăn do chủ quan ấy, có một lý do quan trọng là “chúng ta còn quá dốt, dốt đến nỗi không biết là mình dốt nữa”. Cho nên mọi người phải không ngừng học tập, không ngừng nghiên cứu tình hình và tìm ra giải pháp để tự cứu mình, tập trung công sức và trí tuệ để giải quyết các vấn đề của mình, đồng thời tham gia giải quyết các vấn đề của đất nước.

Chúng tôi được một cán bộ của Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước dẫn đi thăm vùng biên giới phía Bắc: Lạng Sơn, Cao Bằng, Pác Bó. Cán bộ lãnh đạo ở các nơi chúng tôi đến thăm cho biết trong mấy ngày trước đó, máy bay Trung Quốc đã nhiều lần

xâm phạm trái phép vùng trời của nước ta. Tuy hơn ba năm qua, Việt Nam đã kết thúc cuộc chiến tranh chống Mỹ, giành chủ quyền và hoàn thành thống nhất đất nước, nhưng đâu đó vẫn còn những yếu tố căng thẳng, đe dọa sự bình yên của đồng bào chúng ta.

Sau một vài ngày, chúng tôi bay vào Nam. Tôi và vợ tôi được đoàn tụ lại với gia đình, được gặp lại Cha Mẹ, anh em sau những năm tháng xa cách. Đó là một niềm vui lớn đối với chúng tôi, nhưng vẫn là niềm vui chưa trọn vẹn.

Trong gia đình, Cha Mẹ tôi hưởng ứng kế hoạch giãn dân của Chính quyền TP.HCM, đang chuẩn bị đi vùng kinh tế mới. Cha tôi đang ở tuổi 64 và Mẹ tôi 58, sức lực đã giảm sút, làm sao có thể gánh vác những công việc nặng nhọc ở vùng kinh tế mới? Thế mà Cha Mẹ tôi vẫn tình nguyện ra đi để nêu gương cho những người khác (Cha tôi lúc ấy là Ủy viên Mặt trận Phường, Tổ trưởng Tổ dân phố). Hành trang đã được chuẩn bị để sẵn sàng đến vùng kinh tế mới Gia Lành, thuộc tỉnh Lâm Đồng. Sau khi chúng tôi hồi hương, tổ chức Mặt trận các cấp ở Thành phố quan tâm tạo điều kiện thuận lợi để chúng tôi đóng góp chuyên môn được hiệu quả, nên đã xem xét lại việc đi kinh tế mới của Cha Mẹ tôi. Chỉ sau khi tổ chức góp ý với ông bà nên ở lại Thành phố để giúp chúng tôi sớm ổn định cuộc sống, thì ông bà mới chấp nhận không đi kinh tế mới nữa.

Một vấn đề khác liên quan đến việc Mẹ tôi mua vé số và trúng độc đắc không lâu trước ngày 30/4/1975. Mẹ tôi liền gửi tiền vào Ngân hàng Thương tín, sau đó bà có việc cần sử dụng một số tiền xấp xỉ với tiền đã gửi nên vay lại từ Ngân hàng đó, sử dụng tiền gửi để thế chấp. Sau 30/4, Ngân hàng Thương tín xem tiền gửi của Mẹ tôi như đã mất qua biến cố, và tiền vay thì vẫn yêu cầu Mẹ tôi phải hoàn trả cả vốn lẫn lãi cho Ngân hàng. Thế là mẹ tôi trở thành con nợ của Ngân hàng. Quá bức xúc với cách xử lý đó, Cha Mẹ tôi phải khiếu nại lên cấp cao, và Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã cho ý kiến chỉ đạo Ngân hàng là nếu không hoàn trả cho Mẹ tôi số tiền đã gửi

thì cũng không thể đòi số tiền Mẹ tôi đã vay. Gia đình chúng tôi đã hài lòng với phương hướng chỉ đạo của Thủ tướng. Một sự việc làm gia đình chúng tôi hủ vía!

Đoàn tụ với đại gia đình hai bên

Sự đoàn tụ đại gia đình chung quanh Cha Mẹ tôi được bổ sung với việc hồi hương của gia đình chúng tôi, nhưng vẫn còn thiếu hai em trai tôi đang định cư ở nước ngoài. Đó là các em Miên và Việt. Miên đi du học ở Pháp, tốt nghiệp cử nhân toán, làm việc trong lĩnh vực thống kê rừng ở Fontainebleau, cách Paris khoảng trên 50 km. Miên lập gia đình với Đào Thị Sáng, có hai con gái còn nhỏ, là Hoa Dung và Mai Dung. Việt đi du học ở Canada, tốt nghiệp xong về nước, lập gia đình với Chung Thị Phương Diệp, có hai con trai còn nhỏ, là Bảo Trân và Bảo Hoàng. Việt – Diệp đã quay lại Canada và định cư ở Montreal trước cuối tháng 4/1975. Các em đang ở Việt Nam gồm hai em gái là Giáng Châu và Trung Thuận, và ba em trai là Hà Nam, Quý Hòa và Quý Bách. Giáng Châu có chồng là Lê Lộc, đang học tập cải tạo, và 3 con gái là Lê Nhất Đóa Vân (Bê Hia), Lê Nhất Minh Tú (Ru Hia) và Lê Nhất Phương Hồng (Ta Hia). Trung Thuận tốt nghiệp Cử nhân Tài chính Kế toán, đang làm việc ở Nông trường Thái Mỹ, một nông trường “điểm” của TP.HCM. Hà Nam sau khi tốt nghiệp Tiến sĩ cấp 3 Toán Tin ở Pháp đã lập gia đình với Thái Thị Ngọc Dư, Tiến sĩ Địa lý ở Pháp, cả hai trở về miền Nam trước năm 1975. làm công việc giảng dạy trong Trường Đại học, đồng thời hoạt động trong giới trí thức. Hai vợ chồng có một con trai là Thái Nguyên. Quý Hòa lập gia đình với Thảo, cả hai công tác tại Nông trường Phạm Văn Cội của TP.HCM. Quý Bách còn đang học ở cấp Trung học Phổ thông.

Cha Mẹ tôi chuyển nhà từ Đa-Kao sang một ngôi nhà cấp 4 được xây dựng trên lô đất vườn mà ông bà đã mua được vài năm ở Bình Thạnh. Cha tôi hằng ngày chăm sóc khu vườn và đặt tên nó là “Bách

Hoa Trang”, làm thơ, tiếp bạn yêu thơ đến chơi tại nhà. Mẹ tôi bận rộn với công việc chăn nuôi để cải thiện kinh tế gia đình. Chúng tôi làm việc tại Đà Lạt, thỉnh thoảng mới về thăm Cha Mẹ nhưng không ở được lâu, chắc chắn không đủ để thỏa mãn nỗi thương nhớ của ông bà sau gần một phần tư thế kỷ xa cách.

Năm 1980, Cha tôi thực hiện một chuyến về thăm Thủ đô Hà Nội và quê hương Quảng Bình. Trong chuyến thăm ấy, Cha tôi đã gặp lại anh ruột, Bác Trần Mạnh Tiến và chị dâu, Bác gái Võ Thị Mỹ; gặp lại em gái, O Trần Thị Bích Hồng, và em rể, Dương Đình Loan Quyên; và bà con họ hàng đang sinh sống ở Hà Nội. Chuyến về quê hương tạo cho Cha tôi rất nhiều cảm xúc, nhờ vậy Tập thơ “Hương trình Đoàn ký” đã ra đời. Không lâu sau chuyến về đó, cha tôi mắc bệnh ung thư, phải qua phẫu thuật và tạ thế sau một năm (1983). Mẹ tôi tiếp tục sống ở Bình Thạnh tại ngôi nhà cũ, trong khu vườn “Bách Hoa Trang” cùng với gia đình em Chín. Cuối cùng, Mẹ tôi cũng mắc bệnh ung thư và tạ thế năm 1997, sau Cha tôi 14 năm.

Khi qua đời, Cha Mẹ tôi đều để lại di chúc. Cha tôi dặn dò con cái “phải hết lòng hiếu kính đối với Mẹ, nhất thiết không được làm gì buồn lòng Mẹ”, “phải hết sức thương yêu nhau, giúp đỡ nhau, đoàn kết với nhau, nhường nhịn nhau, để cùng nhau xây dựng một đại gia đình gắn bó trong tình máu mủ”. Mẹ tôi cũng dặn dò con cháu “đoàn kết, thương yêu nhau”, “liên lạc với nhau, quan tâm đến nhau thường xuyên”, “quan tâm đến con cháu của nhau”, “không để quyền lợi vật chất ảnh hưởng đến tình cảm ruột thịt”. Những lời dặn dò trong di chúc của Cha, Mẹ tôi là những lời vàng ngọc quý giá mà Cha Mẹ chúng tôi đã để lại cho anh em tôi.

Trong gia đình vợ tôi, Cha Mẹ em đều sinh sống ở TP.HCM, nhưng hầu hết con cái của ông bà đang ở nước ngoài (Pháp và Bỉ), chỉ còn một người con trai là anh Ba Long đang học tập cải tạo ở miền Bắc. Cha vợ tôi làm thầu khoán và nhận thầu một số công trình nhưng gặp khó khăn vì không quen hoạt động trong một cơ

chế mà theo ông thì vừa “không thông thoáng” vừa “khó tháo gỡ”. Trong thời kỳ chiến tranh, ông đã bỏ tiền lo cho anh Ba Long trốn quân dịch bằng cách vào làm việc trong một cơ quan của Mỹ chuyên dịch tài liệu từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Vì lý do đó, sau 1975 anh đã bị đưa đi học tập cải tạo. Ông cảm thấy con trai đi cải tạo là do lỗi của mình, nên quay quắt tìm cách giúp con sớm được trở về cuộc sống đời thường. Cuối cùng anh được ra trại, trở về TP.HCM và sau đó xuất cảnh sang Pháp để đoàn tụ với gia đình. Cha Mẹ vợ tôi trước đó cũng đã xin xuất cảnh sang Pháp để chữa bệnh, và làm giấy tặng cho chúng tôi ngôi nhà của ông bà ở đường Đặng Tất, Phường Tân Định, Quận 1. Như vậy, đến năm 1980, sau khi Ông Bà xuất cảnh, vợ tôi là con duy nhất của Ông Bà còn ở Việt Nam.

Thực ra, Cha vợ tôi còn hai người vợ khác, một (Bà Hai) ở quê có ba người con, hai trai và một gái, và một (Cô Năm Gân) ở Sài Gòn nhưng đã di cư sang Mỹ năm 1975. Cô Năm Gân có nhiều con với ông trong đó một số còn ở TP.HCM khi chúng tôi mới về nước, nhưng sau này tất cả đều sang định cư tại Hoa Kỳ. Tổng số các con của Cha vợ tôi được hơn 20 người, có gái, trai đủ cả. Sau 1980, chỉ còn vợ tôi cùng hai người em con Bà Hai là đang sống ở Việt Nam. Nhiều năm sau, khi kinh tế Việt Nam phát triển, việc làm ăn thuận lợi hơn, chế độ hành chính được cải thiện và cởi mở hơn, các anh chị em vợ tôi phần đông đã ở tuổi hưu nên có điều kiện đi - về Việt Nam thường hơn, thậm chí có người về định cư hẳn ở trong nước.

Cha Mẹ vợ tôi sống ở Pháp khoảng mười năm. Trong thời gian ở nước ngoài ông bà đã về thăm quê hương vài lần, sau đó quyết định xây một ngôi nhà tại Bến Tranh để chuẩn bị hồi hương. Ngôi nhà này xây theo mẫu của ngôi nhà cũ ở Sài Gòn, để ông bà cảm thấy thoải mái như đang sống ở nhà mình ngày trước. Nhưng tiếc thay, năm 1992 Mẹ vợ tôi đột ngột qua đời ở Pháp mà chưa kịp hưởng thụ cuộc sống an nhàn ở quê hương như ông bà mong ước. Gia đình tổ chức đưa linh cữu bà về an táng tại quê nhà. Ông về cư ngụ tại ngôi nhà mới xây ở quê, nhưng tiếp tục đi - về giữa Pháp và

Việt Nam, rồi dần dần thời gian trú ngụ ở Việt Nam nhiều hơn. Đến khi tuổi cao sức yếu, ông quyết định sống hẳn tại quê nhà. Ông qua đời năm 2013 thọ đúng 100 tuổi. Bà Hai đã qua đời trước khi chúng tôi hồi hương. Cô Năm Gân cũng đã qua đời năm 2018.

Thật ra, không chỉ có những vấn đề liên quan đến đại gia đình trong cuộc sống của chúng tôi, một đôi vợ chồng Việt kiều hồi hương sau hơn hai chục năm sống ở nước ngoài. Lúc đi du học, tôi mới 17 tuổi, còn Ngọc Mai sang Pháp học khi mới ở tuổi 13. Ở lứa tuổi đó, chúng tôi chỉ biết ăn học, chứ đâu đã hiểu biết gì về các mối quan hệ trong đại gia đình và cuộc sống thực tế trong xã hội Việt Nam. Bà con làng nước có những ai, ngoài chú bác cô dì trực hệ, còn bà con họ hàng xa hơn thì chúng tôi thậm chí còn chưa biết mặt, hoặc nếu đã từng gặp thì cũng không còn nhớ hết được. Bây giờ trở về, gặp lại bà con họ hàng, chúng tôi không nhận ra ai là ai, quan hệ với mình như thế nào, xưng hô như thế nào, thật là khó xử!

Ở Sài Gòn, đa số đồng hương làng Thuận Bài sống gần nhau trong một khu dân cư mang tên Xóm Chùa ở vùng Tân Định. Cha tôi dẫn tôi đi thăm bà con, đến đây chúng tôi có thể gặp một số lớn bà con dòng họ đang sống ở TP.HCM. Cha tôi giới thiệu người này, người kia và giải thích cho tôi mối quan hệ bà con của mỗi người đối với tôi. Cha tôi nói thì tôi cố nhớ, nhưng dù cố gắng, tôi cũng không thể nhớ hết! Tôi lại sinh sống và làm việc ở Đà Lạt, ít có dịp gặp lại bà con ở TP.HCM. Cho nên sự hiểu biết của tôi về bà con, làng nước là không được cập nhật, nhiều năm sau tôi vẫn còn rất lúng túng mỗi lần gặp gỡ bà con họ hàng, người cùng quê đang sinh sống tại TP.HCM. Đã như vậy, thì còn nói gì đến bà con sinh sống ở quê hương Thuận Bài. Trong suốt hơn bốn chục năm về nước, tôi chỉ về thăm quê hương được vồn vẹn hai lần, mà lần đầu chỉ trở lại sau 55 năm! Lúc còn bé, tôi nhớ đã được Cha Mẹ cho về quê một hai lần, như thế tổng số lần về quê của tôi vẫn còn có thể đếm được với các ngón trên một bàn tay.

Đối mặt với những vấn đề của cuộc sống hằng ngày

Cuộc sống của nhân dân và kinh tế của đất nước thời hậu chiến thực sự khó khăn hơn nhiều so với trí tưởng tượng của tôi. Tuy biết trước là sẽ khó khăn, và đã tự nhủ dù khó khăn đến thế nào mình cũng sẽ cố gắng vượt qua, nhưng chúng tôi vẫn bị bất ngờ khi thấy khó khăn đến mức như thế.

Người ta thường nói “Cái ăn là cái tội tàn”, nhưng có lẽ cái ăn là biểu hiện rõ nhất của sự khó khăn mà chúng tôi gặp phải trong cuộc sống. Tôi biết trong thời chiến tranh, nhiều lúc đồng bào, chiến sĩ ta đã ăn lương khô để tồn tại. Sau chiến tranh, được ăn cơm hoặc thậm chí ăn bo bo đều đã là tốt hơn rất nhiều rồi. Nhưng gạo được cấp phát, chưa nói đến chất lượng kém, còn mang thêm một nhược điểm quan trọng là có nhiều sạn, phải sàng lọc kỹ mới ăn được. Các đồng nghiệp của tôi rất giỏi về việc sàng lọc sạn trong gạo, còn tôi thì chỉ biết nhặt sạn với mắt thường. Trước khi học được cách sàng lọc, mỗi ngày tôi phải mất một thời gian nhất định để nhặt sạn trước khi nấu cơm, và cảm thấy rất khổ tâm khi phải làm việc này! Thời ấy nấu cơm bằng gạo bao cấp thì vẫn chưa đủ nhu cầu, chúng tôi còn phải trộn thêm với hạt bo bo. Hạt này tuy không dở, nhưng phải quen ăn thì mới thấy ngon.

Lương thực, thực phẩm và các vật dụng cần thiết cho cuộc sống được phân phối theo chế độ bao cấp, có nghĩa là Nhà nước cấp phát cho cán bộ, nhân viên của các cơ quan. Nhà nước lo, có nghĩa là có thì mang ra chia theo một chế độ đã được quy định. Tuy nhiên, vì “cái bánh” còn rất nhỏ, nên chia ra thì may lắm cũng chỉ đủ để tồn tại chứ không thể để “ăn sung mặc sướng” được. Trong một thời gian nhất định sau chiến tranh, Nhà nước ta vẫn phải nhờ đến viện trợ của các nước đã từng giúp chúng ta trước đây, nhưng sự viện trợ này không thể kéo dài quá lâu sau khi hòa bình được lập lại. Ta phải

tổ chức lại sản xuất xã hội để sớm tự túc lương thực thực phẩm, nhưng điều này không dễ dàng chút nào. Và Nhà nước ta đã mất một thời gian nhất định để dò dẫm, cho đến khi xây dựng được đường lối đổi mới thì đất nước ta mới thoát khỏi sự bế tắc tương chừng như không thể phá vỡ được. Trong thời gian khó khăn đó, mọi người phải xoay xở để tìm cách tồn tại và phải kiên nhẫn chịu đựng.

Dân cư trong khu vực gần Viện Nghiên cứu hạt nhân thường nói mỉa mai với chúng tôi: “Hạt com hạt gạo còn chưa lo được, lo gì đến hạt nhân!” Mà quả thật, ở thời điểm mới về Viện, tôi cảm thấy ý kiến của dân là có cơ sở, vì chúng tôi thiếu đủ thứ, đến cái phích cắm điện cũng không có. Lò phản ứng thì chưa sử dụng được, vì không có nhiên liệu. Nhưng Nhà nước đã lo, đã thiết lập mối quan hệ với Liên Xô và với IAEA (International Atomic Energy Agency - Cơ quan Năng lượng Nguyên tử Quốc tế) nhờ giúp đỡ để chúng ta khôi phục và mở rộng Lò phản ứng, và trang bị các phòng thí nghiệm quanh Lò.

Năm chúng tôi về nước, Viện chỉ có khoảng 50 cán bộ nhân viên, nhưng đến năm 1983 Viện đã tuyển dụng mạnh mẽ một số lượng cán bộ nhân viên trên 300 người. Chế độ sinh hoạt chung đã tốt dần lên, trong đó có chế độ dành cho cán bộ nhân viên ngành hạt nhân, góp phần làm cho cuộc sống của anh chị em ngày càng được cải thiện. Riêng với chúng tôi, những khó khăn chủ quan ban đầu khi từ một nước công nghiệp phát triển trở về một nước chậm phát triển lại vừa thoát khỏi chiến tranh, đang khởi đầu công cuộc tái thiết, phải dò dẫm để tìm một mô hình phát triển chưa có sẵn, chúng tôi đã phải cố gắng nhiều để thích nghi và dần dần cảm thấy cuộc sống dễ chịu hơn. Nhưng dù được như thế, thì mọi người vẫn còn phải đối mặt với rất nhiều khó khăn trong cuộc sống và trong công việc khi tham gia vào quá trình phát triển của đất nước.

Bước đầu tiếp cận với những vấn đề xây dựng đất nước

Sau đây, tôi dẫn chứng một số vấn đề liên quan đến nhiệm vụ xây dựng đất nước đã xuất hiện tại Thành phố Hồ Chí Minh, một địa phương mà tôi có thời gian trải nghiệm nhờ đã sinh sống đủ lâu ở nơi này. Đó là nơi tôi đã sống 10 năm trong thời tuổi trẻ từ 7 tuổi đến khi đi du học. Sau khi hồi hương, tuy ở Đà Lạt là chính nhưng 2 lần tôi được điều về TP.HCM công tác cho ngành hạt nhân và cho Quốc hội, thêm một lần thứ ba sau khi hưu trí tôi được Lãnh đạo TP.HCM mời về tham gia xây dựng Câu lạc bộ Khoa học và Kỹ thuật Người Việt Nam ở nước ngoài TP.HCM, cả 3 lần gộp lại là khoảng 15 năm. Như vậy tôi đã sống tại đây trên dưới 25 năm.

Tôi biết về TP.HCM ở ngoài đường khá nhiều, lúc nhỏ cùng em Miên đi bộ từ nhà ở đường Đỗ Hữu Vị đến trường Tiểu học Hồng Bàng ở khu chợ Bến Thành; khi lớn lên học cấp Trung học Phổ thông, tôi đi học bằng xe máy từ Tân Định đến Trường Petrus Ký rồi từ Đa Kao đến Trường Chasseloup Laubat, tất cả trong 2 năm trước khi đi du học năm 1955. Sau khi từ Đà Lạt chuyển về làm việc ở Trung tâm Hạt nhân TP.HCM, tôi đi làm bằng xe đạp. Trong thời gian từ năm 2005, về làm việc ở Câu lạc bộ Khoa học và Kỹ thuật NVNONN TP.HCM, tôi đi làm bằng “xe ôm” (xe thô).

So sánh giữa hai thời kỳ trước năm 1955 và sau năm 2005, tôi có thể thấy mật độ xe cộ trong Thành phố thay đổi lớn dường nào. Từ giữa năm 1953 đến giữa năm 1955, tôi đi xe máy từ nhà đến trường mà không mấy khi bị tắc đường. Tôi chỉ có mỗi một việc là dừng xe khi gặp đèn đỏ, nhưng thời ấy Thành phố chưa có đèn giao thông nhiều lắm. Sau năm 2005, khi đi “xe ôm” từ nhà đến Văn phòng Câu lạc bộ, nhiều lúc tôi đã bị tắc đường đến mức anh “xe ôm” phải cho xe leo lên lề đường để góp phần giải tỏa bớt nạn kẹt xe.

Những năm làm Phó Chủ nhiệm thường trực ở TP.HCM, tôi làm

việc và trú ngụ luôn tại Văn phòng Quốc hội, cho nên chỉ cần xe mỗi lần đi làm việc ở bên ngoài cơ quan. Những lúc khác, khi ra ngoài tôi thường đi bộ, và mỗi lần thấy người sử dụng xe máy chiếm dụng lề đường của người đi bộ là tôi rất bất bình. Nhưng sau này, khi phải “nắm mùi” kẹt xe đến mức không còn ai nhúc nhích được nữa, thì tôi mới thông cảm với người dân Thành phố đã phải chủ động vi phạm luật, vì nếu không thì Thành phố sẽ bị “kẹt cứng” như một người bị đột quỵ!

Trong quá trình phát triển của Thành phố Hồ Chí Minh mấy chục năm qua, từ sau năm 1975 dân số của Thành phố đã tăng lên rất nhiều do áp lực của phát triển, mặc dù trong một thời gian chính quyền có chủ trương giãn dân nhưng việc thực hiện không mấy hiệu quả! Về xây dựng, lúc đầu Thành phố phát triển theo chiều rộng nhưng sau này chủ yếu phát triển theo chiều cao, với các tòa nhà cao tầng để ở và làm việc. Nhưng tổng diện tích của đường đi lại trong Thành phố không tăng lên được bao nhiêu. Vào giờ học sinh, sinh viên đi học, người lớn đi làm, nạn kẹt xe tất yếu xảy ra ngày càng trầm trọng. Xe máy leo lên lề đường nhiều lúc cũng không giải tỏa nổi nạn kẹt xe, và vì thế người đi bộ cũng bị kẹt cứng luôn trong đó, không đi tới được, và cũng không qua đường được nữa. Việc này thậm chí còn có thể xảy ra khi trời mưa, khi triều cường, người dân bị kẹt xe trong biển nước, càng cảm thấy cuộc sống của mình sao mà vất vả đến vậy!

Một vấn nạn khác, là ô nhiễm môi trường. Tuy Thành phố đã có nhiều cố gắng trong công tác quản lý, nhưng môi trường vẫn không thể khá lên được nhiều, vì vấn đề ô nhiễm môi trường của Thành phố có nhiều nguyên nhân:

Thứ nhất, ý thức về bảo vệ vệ sinh môi trường của một số người dân chưa đạt yêu cầu. Bảo vệ vệ sinh môi trường trong nhà ở, trong khu phố, khi tham gia giao thông đều có vấn đề do ý thức kém, mặc dù ai nấy đều cảm thấy thoải mái hơn nếu được sống và sinh hoạt

trong một môi trường xanh, sạch, đẹp. Một số người xả rác một cách vô ý thức và vô trách nhiệm, bất kỳ lúc nào, bất kỳ nơi nào, hễ có rác là vứt ngay xuống đất. Rõ nhất một thời là trong các quán ăn. Khách vào ngồi ăn, có rác là vứt ngay xuống dưới bàn; khách tiếp theo đến ngồi dẫm chân lên sàn nhà ngập ngụa rác do những người ăn trước. Có một trường hợp mà nhiều cư dân khu Cầu Kiệu (Tân Định) hẳn còn nhớ, một người đàn ông ở tuổi trung niên vì muốn làm sạch đường phố, đã gom rác vào những túi ny-lon rồi mang vứt xuống dòng kênh dưới cầu, vì nhiệt tình nhưng thiếu ý thức.

Khói thuốc lá cũng là một vấn đề trầm trọng trong các nơi công cộng như xe buýt, quán ăn, phòng làm việc vì nhiều người không nhận thức được rằng hút thuốc lá trong những nơi công cộng là gây hại cho sức khỏe của mình và người xung quanh. Ngay cả trong nhà, nhiều người cũng thản nhiên hút thuốc lá bất chấp sự có mặt của người già và trẻ em. Sau này nạn hút thuốc nơi công cộng đã được giải quyết ít nhiều, nhưng vẫn chưa dứt hẳn.

Ngoài ra còn một vấn đề môi trường nữa, là ô nhiễm tiếng ồn. Nhiều người có thói quen nói lớn tiếng, phiền nhất là ở nơi công cộng. Trong một quán ăn chẳng hạn, một số người nói chuyện với âm lượng như thể là để cho cả quán cùng nghe, thay vì nói vừa đủ cho những người ngồi cùng bàn. Và những người khác buộc phải nói đủ lớn để át tiếng ồn đó, cuối cùng tiếng ồn trong quán trở thành một sự ô nhiễm môi trường hết sức khó chịu. Chưa kể tiếng nhạc nền được phát ở âm lượng rất cao để tạo nên không khí vui nhộn!

Thứ hai, có một sự mất cân đối nghiêm trọng giữa số lượng rác phát sinh hằng ngày và khả năng xử lý của Thành phố. Công nghệ xử lý rác chưa hiện đại, và công suất các nhà máy còn xa mới đủ để xử lý khối lượng rác thải. Thành phố vẫn chưa tổ chức phân loại rác thải từ nơi phát sinh, cho nên chỉ tổ chức gom và chuyển tải khối lượng rác hỗn tạp về nhà máy xử lý rác. Có một dạo, Thành phố đã thực hiện thí điểm việc phân rác từ nguồn thành mấy loại, nhưng tổ

chức thí điểm lại thiếu đồng bộ, người dân mục kích những loại rác được các hộ gia đình bỏ công phân loại thì sau đó bị gộp chung trở lại, nên không phí công tiếp tục phân loại rác ở nhà nữa. Rốt cuộc thí điểm đã thất bại. Thành phố tổ chức tập trung rác về một số bãi rác, nhưng việc bảo đảm vệ sinh cho các khu vực xung quanh các bãi rác không được thực hiện đến nơi đến chốn, đặc biệt dân chúng đã kêu ca vì quá nhiều ruồi muỗi, và mùi hôi trong các khu vực gần hoặc nằm dưới gió so với bãi rác thì không thể chịu nổi và gây ảnh hưởng tai hại đến sức khỏe của dân cư.

Thứ ba, việc bảo vệ môi trường tại các khu công nghiệp chưa được thực hiện nghiêm túc, gây ảnh hưởng đến môi trường không khí và nước của Thành phố. Về nguyên tắc, nước ta đã có Luật Bảo vệ môi trường, nhưng do nhu cầu thu hút nhà đầu tư vào các khu công nghiệp, việc áp dụng luật này rất lỏng lẻo, dẫn tới chất thải lỏng từ các nhà máy thường được tuồn ra các dòng sông, gây ô nhiễm nặng nề đối với sông ngòi. Vì những lý do kể trên, một số sông ngòi và kênh rạch của Thành phố đã trở nên vô cùng ô nhiễm, hôi thối. Đó là những dòng kênh “nước đen”, mà Thành phố đã ra sức cải tạo và cố gắng duy trì ở mức đạt được sau cải tạo. Nhưng hiện nay, chưa thể nói vệ sinh của các kênh rạch ở Thành phố đã đạt mức độ yêu cầu do pháp luật về môi trường quy định.

Thứ tư, vấn đề ngập lụt trong Thành phố do mưa hoặc do triều cường. Đây là một vấn nạn quan trọng của Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên nhân là vì khi thiết kế xây dựng các khu vực mới, Thành phố đã sử dụng những diện tích trước đây là khu vực dành cho việc tích nước khi trời mưa, để tránh cho Thành phố bị ngập lụt. Bây giờ, có thể nói còn rất ít lối thoát cho nước mưa vì phần lớn diện tích của Thành phố đã bị xi-măng hóa. Các cống rãnh không được sử dụng đúng công suất thiết kế (thậm chí có những người đổ xà-bần vào các miệng cống). Hệ thống bơm thoát nước không đủ công suất. Các công trình cao tầng được xây trên những diện tích đất với giá cho thuê quá rẻ, không đủ để cải thiện cơ sở hạ tầng của Thành

phố. Đây cũng là một vấn đề môi trường nghiêm trọng và khó giải quyết, bởi vì sau một thời gian dài, Thành phố đã phát triển rất xa, nhưng không bền vững. Bây giờ nếu thấy sai, mà phá những gì đã xây dựng, thì sẽ là lãng phí; nhưng nếu không phá thì các biện pháp để khắc phục hậu quả của những sai sót sẽ còn tốn kém gấp bội.

Sự phát triển của Thành phố dựa trên những quy hoạch thiếu tính đồng bộ và tính khoa học. Mặt khác, việc quản lý của Thành phố hết sức lỏng lẻo. Bộ máy quản lý của Thành phố dựa nhiều vào những người có công lao và thành tích, nhưng chưa dựa đủ vào những người có chuyên môn nghiệp vụ. Lực lượng chuyên gia, trí thức chưa được phát huy đúng mức tiềm lực chuyên môn, kinh nghiệm và tầm nhìn của họ.

Vấn đề của TP.HCM mà tôi nêu trên đây, ở những mức độ khác nhau, cũng là vấn đề đang diễn ra ở nhiều thành phố, đô thị khác trong nước, ngoại trừ một vài thành phố được quy hoạch, xây dựng và quản lý bài bản hơn ngay từ đầu. Đứng trước những vấn đề khó giải quyết như trên, một cá nhân như tôi có thể làm được gì sau khi về nước? Thật ra, trong những năm đầu, tôi thấy bài toán là rất khó nhưng chưa biết mình phải làm gì!

Về nguyên tắc, trước hết mỗi người dân phải làm công việc của mình theo đúng nhiệm vụ và luật pháp. Nếu phát hiện thấy những vấn đề không hợp lý phát sinh trong thiết kế, xây dựng và sử dụng các công trình của Nhà nước, tập thể hay cá nhân, người dân cần thông báo ngay cho các cơ quan quản lý và nhân cơ hội đó, có thể góp ý kiến của mình về những vấn đề liên quan. Nếu phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật, người dân có thể can ngăn trực tiếp, hoặc báo cáo ngay đến các cơ quan bảo vệ pháp luật để ngăn chặn các hành vi đó.

Về phần tôi, được huy động về nước trước hết là để phục vụ về chuyên môn. Bằng hành động tích cực hằng ngày của mình, trong chừng mực nào đó tôi cũng đã góp phần ủng hộ sự phát triển tích

cực của đất nước. Tôi chưa thể để hết thì giờ để đấu tranh chống tiêu cực, mà sao nhãng nhiệm vụ chuyên môn của mình. Cho nên, trong những năm đầu sau khi về nước, tôi phải tập trung làm công việc chuyên môn, và đó cũng là những hành động ủng hộ cho khuynh hướng tích cực của xã hội.

Cũng may, 13 năm sau khi hồi hương, tôi được đề nghị ra ứng cử và đã trúng cử Đại biểu Quốc hội Khóa IX, một năm sau khi nhận trách nhiệm Viện trưởng Viện Nghiên cứu hạt nhân (Đà Lạt). Đó là kết quả của sự tập trung vào chuyên môn như tôi đã đeo đuổi trong thời gian ấy. Với tư cách là Đại biểu Quốc hội, tôi có thể đóng góp ý kiến mang tính vĩ mô để công hiến cho quốc gia ở tầm cao hơn. Đó là những đóng góp trong lĩnh vực xây dựng pháp luật, làm cho luật pháp thêm phần chặt chẽ và thể hiện sự hài hòa giữa các thành phần xã hội. Tôi cũng cố gắng đưa các khía cạnh khoa học, công nghệ và môi trường vào trong luật. Đại biểu Quốc hội còn có trách nhiệm đóng góp vào nhiệm vụ giám sát của Quốc hội, tức là đối chiếu các hành vi của chính quyền và các thành phần xã hội với nội dung của luật pháp. Ngoài ra, Đại biểu Quốc hội cũng có nhiệm vụ góp phần quyết định các vấn đề quan trọng của quốc gia, như bầu chọn các cán bộ lãnh đạo chính quyền; quyết định các nhiệm vụ kế hoạch, tài chính hằng năm và cho cả nhiệm kỳ Quốc hội.

Với tất cả những nhiệm vụ nói trên, tôi đã phải cố gắng rất nhiều để nâng tư duy của mình lên một tầm cao hơn. Hết nhiệm kỳ Khóa IX, tôi lại được bầu tiếp làm Đại biểu Quốc hội Khóa X, lần này với tư cách là Đại biểu chuyên trách, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

Tôi nghỉ hưu 9 tháng sau khi kết thúc nhiệm kỳ Quốc hội Khóa X, năm 2003. Nhưng ba năm sau, tôi lại được Ủy ban về NVNONN (Người Việt Nam ở nước ngoài) TP.HCM mời về phụ trách Câu lạc bộ Khoa học Kỹ thuật NVNONN từ cuối năm 2005 với tư cách là Trưởng ban Điều hành lâm thời của Câu lạc bộ. Đây là một sáng

kiến của Ủy ban này để triển khai Nghị quyết 36 của Bộ Chính trị về vận động NVNONN đóng góp công sức và trí tuệ cho sự xây dựng và bảo vệ đất nước.

Có thể nói việc về nước năm 1978 đã mang lại cho tôi những điều kiện thuận lợi để hoàn thành nguyện vọng của mình khi rời đất nước đi du học. Tôi được đào tạo tại một trường kỹ sư đa ngành hàng đầu của Pháp, và đã tích lũy được những kiến thức cơ sở rộng rãi và vững chắc để có thể thích nghi với nhiều loại công việc chuyên môn khác nhau. Tôi cũng đã cân nhắc mình nên đi sâu vào ngành chuyên môn nào để có nhiều triển vọng được trở về phục vụ cho sự phát triển của đất nước trong thời kỳ hậu chiến.

Tôi đã hồi hương cùng gia đình sau 24 năm sống ở Pháp, là quốc gia sở hữu một nền khoa học công nghệ và một nền văn hóa phát triển hàng đầu thế giới, để góp phần xây dựng quê hương vừa trải qua một cuộc chiến tranh vô cùng gian khổ và đang xây dựng lại từ tình trạng đổ nát của thời hậu chiến. Tôi và gia đình phải cố gắng rất nhiều để thích nghi với cuộc sống mới, phải đối mặt với điều kiện khó khăn của đời sống và của công việc.

Trong Chương này, tôi trình bày một số suy nghĩ ban đầu về những vấn đề đất nước đang gặp phải trong thời hậu chiến, và về những việc mình cần làm để góp phần tháo gỡ khó khăn, trước khi đi tiếp ở các chương sau vào công việc chuyên môn đã thực hiện.

Tới đây, tôi có thể giải thích vì sao đã chọn tên “Lối về Quê Mẹ” cho quyển hồi ký. Tôi đã rời quê hương đi du học với hoài bão là học những kiến thức và tiếp thu những kinh nghiệm cần thiết để trở về phục vụ công cuộc xây dựng đất nước. Sau khi tôi ra đi, tình hình ở quê nhà ngày càng phức tạp, cho nên việc trở về không đơn giản như tôi nghĩ ban đầu. Tuy kiên định với mục đích của mình, nhưng

tôi cũng phải tính toán những việc cần làm để sẵn sàng về nước khi có điều kiện và để có khả năng đóng góp chuyên môn có hiệu quả.

Quyết định trở về, chuẩn bị những gì cần thiết, tham gia giải quyết những vấn đề thực tiễn của quê hương là những việc làm trên một lối đi phải thận trọng dò dẫm, nhưng theo tôi cũng là những việc làm có ý nghĩa nhất trong cuộc đời tôi.

Chương VII

Làm việc trong lĩnh vực Nghiên cứu Hạt nhân (1978 – 1998)

Chương này đề cập tới những hoạt động chuyên môn của tôi trong lĩnh vực nghiên cứu hạt nhân từ khi về nước (1978) đến khi chuyển sang làm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội Khóa X (1998). Đó là những năm tháng khó khăn của thời kỳ hậu chiến mà nước Việt Nam ta phải trải qua sau cuộc đấu tranh gian khổ để giành độc lập, hòa bình và thống nhất lại tổ quốc. Nước ta đã ra sức hàn gắn các vết thương chiến tranh, phải dò dẫm một mô hình phát triển kinh tế - xã hội phù hợp để cuối cùng vạch ra được con đường đổi mới, cho phép đất nước phát triển nhanh và bền vững, với mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. Những năm đầu của thập niên 90 mục kích sự tiến bộ nổi bật trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, nhờ chính sách đổi mới bắt đầu phát huy tác dụng.

Về đối ngoại, quan hệ với Trung Quốc trở nên phức tạp, dẫn tới các cuộc chiến tranh ở biên giới phía Bắc và ở phía Tây-Nam, cuộc đóng quân ở Campuchia trong một khoảng thời gian cần thiết để giúp nhân dân nước này thoát khỏi sự thống trị tàn ác của tập đoàn Khơ-me Đỏ được Trung Quốc ủng hộ. Tình hình ở biên giới phía Bắc cũng như ở Biển Đông ngày càng trở nên phức tạp do những hành vi “nước lớn” của Trung Quốc, không ngừng vi phạm Luật pháp quốc tế và tạo áp lực đối với các nước láng giềng.

Thời gian tôi làm việc trong lĩnh vực Nghiên cứu Hạt nhân ở Việt Nam là 20 năm. Tính cả thời gian làm việc ở Pháp, tổng thời gian làm việc của tôi trong ngành Hạt nhân là 38 năm.

Trưởng phòng Điện nguyên tử kiêm Chủ nhiệm khoa Vật lý (1978-1984)

Làm Trưởng phòng Điện nguyên tử

Sau khi gia đình chúng tôi về đến Đà Lạt, tôi được giao phụ trách một đơn vị mới ở Viện Nghiên cứu hạt nhân (Đà Lạt) là Phòng Điện nguyên tử. Nhiệm vụ chuyên môn của Phòng Điện nguyên tử bao gồm thực hiện những công trình nghiên cứu làm cơ sở cho việc quyết định đưa năng lượng hạt nhân vào sản xuất điện năng, và những nghiên cứu khác cần thiết cho việc thực hiện chương trình điện hạt nhân, như chọn địa điểm xây dựng, chuẩn bị nhân lực để phục vụ trong các giai đoạn xây dựng và vận hành nhà máy, thiết lập các công cụ tính toán để sẵn sàng sử dụng trong trường hợp giả định xảy ra tai nạn hoặc sự cố tại cơ sở hạt nhân.

Lúc bấy giờ Viện Nghiên cứu hạt nhân (Đà Lạt) là một đơn vị trực thuộc Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước, tiền thân của Bộ Khoa học và Công nghệ ngày nay. Không chỉ có Phòng Điện nguyên tử là ở tình trạng sơ khởi, mà cả Viện Nghiên cứu hạt nhân lúc bấy giờ cũng đang trải qua những bước đi ban đầu. Lúc ban sơ, Viện mang tên là Viện Nghiên cứu hạt nhân (Đà Lạt), với ý nghĩa là Viện Nghiên cứu hạt nhân – trực thuộc Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước – được đặt tại Đà Lạt. Do nhu cầu phát triển, tháng 2/1979 Viện Nghiên cứu hạt nhân, thành lập trên cơ sở Viện Nghiên cứu hạt nhân (Đà Lạt), được đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Thủ tướng vì lúc bấy giờ Nhà nước Việt Nam áp ủ một tầm nhìn đối với ngành Năng lượng Nguyên tử với triển vọng cao hơn nên đã quyết định ngành này có một chế độ riêng. Tháng 6/1984, Viện Nghiên cứu hạt nhân đổi tên thành Viện Năng lượng Nguyên tử Quốc gia. Dưới Viện Năng lượng Nguyên tử Quốc gia là một số đơn vị khoa học và công nghệ, trong đó có Viện Nghiên cứu hạt nhân ngày nay. Nhờ sở hữu một công cụ nghiên cứu đặc biệt quan trọng là Lò phản



Cố vấn Phạm Văn Đồng thăm Viện Nghiên cứu hạt nhân (1993)

ứng hạt nhân nghiên cứu và được đầu tư nhân lực và trang thiết bị sớm nhất, Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt trở thành đơn vị chuyên môn hàng đầu của Viện Năng lượng Nguyên tử Quốc gia.

Ở thời chúng tôi mới bắt đầu làm việc, vào tháng 9/1978, nhân lực của Viện Nghiên cứu hạt nhân (Đà Lạt) chỉ vào khoảng năm chục người, kể cả người cũ lẫn người mới. Về tổ chức và trang thiết bị, các đơn vị chuyên môn và hành chính của Viện đều tồn tại dưới dạng những mầm mống sơ khai, tuy nhiên nhân sự và ban bộ của chúng chưa thực sự đầy đủ để có thể hoạt động một cách độc lập.

Về làm việc từ đầu cùng tôi trong Phòng Điện nguyên tử có anh Hoàng Văn Hùng, Kỹ sư Vật lý hạt nhân, tốt nghiệp tại Trường Đại học Bách khoa Hà Nội. Trong một thời gian khoảng 5 năm, chúng tôi kết hợp các mặt công tác của Phòng và đào tạo tại Trường Đại

học Đà Lạt để tích cực bổ sung cán bộ cho Phòng Điện nguyên tử. Tôi sớm có một vị trí thuận lợi để thực hiện công việc này: ngoài chức vụ chính là Trưởng phòng Điện nguyên tử, tôi còn kiêm nhiệm chức vụ Trưởng Khoa Vật lý, Trường Đại học Đà Lạt.

Sau khi tôi về nước năm 1978, Nhà nước đã mạnh mẽ đầu tư nhân lực và phương tiện vật chất kỹ thuật để xây dựng Viện. Với một quyết tâm rất cao, Viện nhanh chóng khôi phục và mở rộng Lò TRIGA và các Phòng thí nghiệm quanh Lò để tạo thành một cơ sở hạt nhân khá đồng bộ. Sau 5 năm, Viện đã tập hợp được một lực lượng cán bộ công nhân viên trên 300 người.

Trong thời gian Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt được tích cực xây dựng, theo phân công tôi tham gia vào việc thẩm tra các khía cạnh an toàn trong bản thiết kế Lò phản ứng mới do Liên Xô chuẩn bị từ Lò TRIGA cũ. Công việc đó phù hợp với lý do hồi hương của tôi để đóng góp chuyên môn của mình. Thời gian còn lại, tôi tập trung vào công việc của Phòng Điện nguyên tử và Khoa Vật lý.

Anh Hoàng Văn Hùng cùng tôi hướng dẫn Luận văn Tốt nghiệp cho một số sinh viên các Khóa đầu tiên của Khoa Vật lý, và phần lớn các sinh viên này sau khi tốt nghiệp được nhận về tham gia công việc của Phòng. Trong số cán bộ được bổ sung cho Phòng Điện nguyên tử, có các anh Trần Quốc Dũng và Nguyễn Văn Mai được đào tạo ở Trường Đại học Đà Lạt. Sau này hai anh trở thành Giám đốc và Phó Giám đốc Trung tâm Hạt nhân TP.HCM. Chúng tôi còn đào tạo cô Lê Thị Lệ Minh (con gái nhà Toán học Lê Văn Thiêm) và anh Huỳnh Long, cả hai sau khi tốt nghiệp đều trở thành cán bộ của Phòng Điện nguyên tử. Ngoài ra, Phòng cũng tuyển nhận thêm một số cán bộ được đào tạo tại những nơi khác, như các anh Bùi Quốc Thắng, Hà Ngọc Diệp, ... Phòng cũng kết hợp với các cơ sở nghiên cứu, sản xuất và đào tạo ở TP.HCM để sử dụng một số cán bộ, giảng viên của các cơ sở này nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu

và triển khai của Phòng, trong giai đoạn chuẩn bị ban đầu để đưa điện hạt nhân vào phục vụ nhu cầu phát triển của đất nước.

Một năm sau khi về nước, tôi cùng Giáo sư Hà Học Trạc được Viện Nghiên cứu hạt nhân bố trí theo học một lớp đào tạo về quy hoạch điện hạt nhân do Cơ quan Năng lượng Nguyên tử quốc tế IAEA tổ chức tại Pháp. Đây là một lớp đào tạo dựa trên kinh nghiệm của các nước đã phát triển điện hạt nhân, và những công cụ quy hoạch hiện đại trong đó có chương trình WASP nổi tiếng thời bấy giờ. Nhờ tham dự lớp học này, tôi được trang bị một tầm nhìn khoa học hơn về vấn đề đưa điện hạt nhân vào sử dụng đối với các nước đang phát triển. Chương trình WASP được chúng tôi mang về sử dụng và khai thác một cách bài bản. Tuy nhiên, một thời gian sau Viện Nghiên cứu hạt nhân bố trí tôi làm công việc khác do vậy tôi không tiếp tục phụ trách công việc quy hoạch điện hạt nhân. Công việc này được chuyển cho bộ phận Phòng Điện nguyên tử ở Hà Nội do TsKH Nguyễn Thọ Nhân, chuyên gia về kỹ thuật điện nguyên tử từ Pháp về đảm nhiệm.

Chủ nhiệm Khoa Vật lý Trường Đại học Đà Lạt

Ngoài công việc chính tại Phòng Điện nguyên tử, tôi sang Khoa Vật lý, Trường Đại học Đà Lạt làm công tác Trưởng khoa kiêm nhiệm mỗi tuần 2 - 3 buổi. Trường có nhiều khoa, trong đó Khoa Vật lý có một nhiệm vụ đặc biệt là đào tạo sinh viên để cung cấp cán bộ cho ngành hạt nhân, trong đó có Viện Nghiên cứu hạt nhân.

Bộ máy của Khoa gồm có Trưởng Khoa, Phó Trưởng Khoa (sau này đổi thành Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Khoa), Tổ trưởng các Tổ chuyên môn, và các Trợ lý Khoa. Thời tôi bắt đầu tham gia Khoa Vật lý, anh Trần Thanh Minh là Hiệu trưởng của Trường đồng thời kiêm nhiệm Tổ trưởng của Tổ Hạt nhân. Ngoài Tổ Hạt nhân, Khoa Vật lý còn có Tổ Điện tử Ứng dụng và Xưởng cơ khí. Các Trợ lý được phân công phụ trách từng mảng công việc, như Giáo dục

Chính trị, Đào tạo, Giáo vụ, v.v. Khoa có ba Trợ lý, lúc bấy giờ là các anh Nguyễn An Ninh, Nguyễn Hữu Thắng và Mai Xuân Trung. Phụ trách Xưởng cơ khí là anh Trương Anh Luân.

Tôi nhận trách nhiệm quản lý một đơn vị đào tạo chuyên môn và đây là lần đầu, lại là một công việc kiêm nhiệm nên không khỏi có nhiều bỡ ngỡ. Rất may, anh Trần Thanh Minh là người phụ trách Khoa trước khi tôi tham gia, nên những lúc tôi bận việc đột xuất bên Viện, anh đã cùng các Trợ lý gánh vác công việc của Khoa giúp tôi. Sau này, khi tôi “biết việc” hơn, anh Trần Thanh Minh đã phát biểu ý kiến là tôi làm việc tốt hơn anh nghĩ lúc đầu. Tôi hiểu đó là một lời khen mà cũng là một sự nhận xét về tôi trong thời gian đầu làm việc ở Khoa. Trong thời gian đó, tuy ở cương vị của người trách nhiệm cao nhất, nhưng tôi mới ở trình độ “chỉ đâu đánh đấy”, thường giải quyết các vấn đề của Khoa trên tư thế bị động chứ chưa chủ động có kế hoạch làm cho Khoa phát triển tốt hơn.

Các thầy thuộc diện cán bộ cơ hữu ở Khoa Vật lý phần lớn là những người đã tốt nghiệp kỹ sư, cử nhân. Số đông là những người tốt nghiệp được vài năm, với chuyên ngành vật lý/vật lý hạt nhân hoặc điện tử/điện tử hạt nhân. Các Trợ lý thường là những cán bộ lớn tuổi hơn và tốt nghiệp lâu năm hơn, nhưng cũng chỉ vào khoảng 30 tuổi. Lúc đầu ngoài anh Trần Thanh Minh và tôi, ở Khoa Vật lý không có ai tốt nghiệp sau đại học; vài năm sau Trường mới được anh Lương Duyên Phu, Phó Tiến sĩ chuyên ngành vật lý lý thuyết về tham gia với chức vụ Phó Chủ nhiệm Khoa.

Nhân lực cơ hữu của Khoa Vật lý, Trường Đại học Đà Lạt rõ ràng còn rất thiếu để bao quát việc giảng dạy toàn bộ chương trình đào tạo của Khoa, vì vậy Trường phải dựa vào sự hợp tác với Trường Đại học Bách khoa TP.HCM và Viện Nghiên cứu hạt nhân (Đà Lạt), chủ yếu trên phương diện cung cấp cán bộ thỉnh giảng, tạo điều kiện cho sinh viên đến tham quan, thực tập, làm luận văn tốt nghiệp tại các phòng thí nghiệm, và giúp đỡ thiết kế và xây dựng

các phòng thí nghiệm mà Khoa Vật lý chưa có hoặc đã có nhưng còn quá thô sơ. Một số cán bộ chuyên môn của Trường và Viện được lãnh đạo của Trường Đại học Đà Lạt nhìn nhận đã đóng góp có thực chất để nâng cao năng lực và chất lượng của Khoa Vật lý.

Sinh viên ở Khoa Vật lý, cũng như ở Trường nói chung là những em vừa Tốt nghiệp cấp Trung học Phổ thông, một ít em là những người vừa thực hiện xong nghĩa vụ quân sự, trở về tiếp tục học Đại học. Các sinh viên có bố mẹ ở Đà Lạt không chiếm đa số, mà số đông là những em từ các địa phương khác đến học ở Đà Lạt. Phần lớn các em có cha mẹ làm nông nghiệp, nên về sinh hoạt còn gặp nhiều khó khăn: khi sống ở Ký túc xá, các em chỉ ăn đơn thuần theo chế độ nội trú của Nhà trường, còn nhiều thiếu thốn nhưng ít khi được nhận tiền hoặc quà trợ cấp từ gia đình để cải thiện cuộc sống. Các em ăn uống hết sức đạm bạc, thỉnh thoảng tôi cùng các Trợ lý Khoa đến thăm đều cảm thấy rất thương tâm, nhưng bản thân các thầy cũng không khá hơn là bao nhiêu.

Công việc quản lý ở Khoa có những phần về đào tạo cũng như về giáo vụ. Về chuyên môn, Khoa phải bảo đảm chất lượng của chương trình đào tạo, tránh trùng lặp và cũng tránh để sót những nội dung cơ bản mà không giáo trình nào đề cập đến. Nếu các kiến thức cơ bản nên chỉ dạy một lần để tránh trùng lặp, gây lãng phí thì giờ, thì phải tập trung các giáo trình cơ bản vào đầu năm học, hoặc vào đầu khóa học. Như vậy, nội dung các giáo trình phải được Trợ lý chuyên môn của Khoa kiểm tra cẩn thận và phối hợp chặt chẽ với Trợ lý giáo vụ để thực hiện được việc giảng dạy các giáo trình một cách suôn sẻ và hợp lý.

Công việc giáo vụ phải căn cứ vào các điều kiện vật chất của Khoa, đặc biệt phải nắm rõ tình hình và kế hoạch sử dụng các phòng học và phòng thí nghiệm, các chương trình học của mỗi lớp và những ràng buộc khác để sẵn sàng bố trí việc sử dụng mọi điều kiện vật chất sẵn có, và sắp xếp các tiết học cho mỗi ngày, mỗi tuần và

mỗi tháng. Trong điều kiện của thời bấy giờ, công việc giáo vụ thường phải đối mặt với nhiều vấn đề phức tạp. Chẳng hạn như đối với những giáo trình chuyên ngành cần mời cán bộ thỉnh giảng, trong nhiều trường hợp chỉ có thể mời được nếu Khoa chấp nhận để cho cán bộ thỉnh giảng dạy toàn thể nội dung của chương trình trong một hoặc một ít đợt công tác tập trung. Trong điều kiện đó, Khoa chỉ có thể mời họ sau khi các kiến thức cơ bản cần thiết cho giáo trình này đã được giảng dạy.

Trong trường hợp các giáo trình được bảo đảm bởi những cán bộ cơ hữu của Khoa, công tác giáo vụ vẫn gặp phải những vấn đề cần được lưu ý. Nếu muốn thực hiện đầy đủ các yêu cầu đã nêu trên đây, tốt nhất nên bố trí giảng dạy các kiến thức cơ bản trong các năm học đầu tiên, và dành những năm học cuối khóa cho các kiến thức chuyên ngành. Khi giảng giải nội dung kiến thức chuyên ngành, cán bộ giảng dạy chỉ nhắc lại những kiến thức cơ bản mà không cần phải chứng minh. Trên thực tế, Trường đã hướng dẫn các Khoa bố trí kế hoạch giảng dạy theo tinh thần đó, chỉ có điều khi áp dụng có thể gặp khó khăn vì những trường hợp không ngờ trước, và lúc phát hiện ra, Lãnh đạo Khoa cùng các Trợ lý phải bàn bạc để tìm biện pháp giải quyết và rút kinh nghiệm sau.

Ngoài những công việc thường ngày, một hoạt động sôi nổi ở Khoa là chuẩn bị kết thúc các Khóa. Do điều kiện của Trường còn hạn chế, chỉ có những sinh viên đã thể hiện tốt năng lực của mình trong quá trình học tập mới được làm luận văn tốt nghiệp, các sinh viên còn lại sẽ phải thi tốt nghiệp ở cuối Khóa. Khoa phải lo giúp tìm cán bộ hướng dẫn cho các sinh viên làm luận văn tốt nghiệp và tạo điều kiện để các em đó có thể tiến hành nội dung chuyên môn của luận văn. Các sinh viên phải thực hiện một công việc nghiên cứu nhỏ trong Học kỳ cuối cùng của Khóa. Để hỗ trợ cho công việc này, Trường phải dự trù cho mỗi em một khoản kinh phí nhất định. Trường cũng phải chuẩn bị chi phí bồi dưỡng cho các cán bộ hướng

dẫn và cho các thành viên của Hội đồng chấm thi, v.v. Tất cả không nhiều, nhưng phải đưa vào kế hoạch.

Cuối cùng, sau khi chấm thi tốt nghiệp và chấm luận văn tốt nghiệp xong, Trường công bố kết quả và tổ chức Lễ Tốt nghiệp cho các em ra trường. Với tư cách là Chủ nhiệm Khoa, tôi đã chuẩn bị một bài phát biểu trong buổi Lễ Tốt nghiệp của sinh viên Khóa I - Khoa Vật lý, trong đó tôi đã gửi gắm tình cảm và ước vọng của tôi đối với lứa sinh viên vật lý đầu tiên của Trường. Sau này, nhân dịp Kỷ niệm 20 năm Trường Đại học Đà Lạt giai đoạn mới, tôi cũng có viết một bài nhắc lại những kỷ niệm của tôi trong thời kỳ đầu làm việc tại Khoa Vật lý.

Tôi làm Chủ nhiệm Khoa Vật lý (kiêm nhiệm) đến mùa hè năm 1984, khi tôi nhận quyết định chuyển cùng Phòng Điện nguyên tử về Trung tâm Hạt nhân TP.HCM, nơi được xem là thuận lợi hơn để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của Phòng trong thời gian tiếp theo. Anh Lương Duyên Phu đã thay thế tôi trong việc điều hành và đã trở thành Chủ nhiệm Khoa Vật lý bắt đầu từ niên khoá 1984 – 1985.

PGĐ Trung tâm Hạt nhân TP.HCM kiêm Trưởng Phòng Điện nguyên tử (1984-1988)

Năm 1984, Phòng Điện nguyên tử được chuyển về TP.HCM và sáp nhập vào Trung tâm Hạt nhân TP.HCM được thành lập không lâu trước đó. Trong thời gian này ở TP.HCM, y học hạt nhân đã được đưa vào ứng dụng tại một số bệnh viện. Một số đơn vị sản xuất thuộc các ngành công nghiệp và nông nghiệp, một số cơ sở nghiên cứu ở các tỉnh phía Nam cũng đã bắt đầu ứng dụng kỹ thuật hạt nhân. Do vậy sự thành lập Trung tâm Hạt nhân TP.HCM đã trở thành một yêu cầu tất yếu để hỗ trợ cho các ngành và các cơ sở nghiên cứu đang có nhu cầu ứng dụng kỹ thuật hạt nhân.

Tôi tham gia vào việc dự thảo phương hướng phát triển của

Trung tâm Hạt nhân cho giai đoạn đầu của Trung tâm. Ban Giám đốc Trung tâm lúc bấy giờ gồm có PGs.PTs. Nguyễn Văn Đạt - Giám đốc và PTs. Nguyễn Mộng Hùng - Phó Giám đốc. Không lâu sau, tôi được bổ sung vào Ban Giám đốc với tư cách là Phó Giám đốc. Tôi vẫn tiếp tục làm Trưởng phòng Điện nguyên tử, sau khi Phòng được sáp nhập vào Trung tâm với tư cách là một đơn vị chuyên môn của Trung tâm.

Vài năm sau khi được thành lập, Trung tâm đã có đầy đủ các phòng chuyên môn và nghiệp vụ. Các phòng đều có Trưởng phòng và Phó Trưởng phòng. Số cán bộ chuyên môn của Trung tâm tạm thời xem như ổn định, với tổng số cán bộ và nhân viên khoảng 50 người. Trung tâm có chức năng nghiên cứu - triển khai, và có nhiệm vụ đáp ứng các nhu cầu dịch vụ hạt nhân tại TP.HCM và các tỉnh phía Nam. Cơ quan đặt trụ sở tại đường Nguyễn Trãi, gần chợ Thái Bình trong một ngôi biệt thự ba tầng, có kích thước khiêm tốn và khả năng mở rộng hạn chế.

Tôi tham gia công việc lãnh đạo Trung tâm, nhưng công việc chuyên môn chính của tôi vẫn liên quan đến Phòng Điện nguyên tử. Lúc này, nhiệm vụ của Phòng trước hết là triển khai công việc tìm địa điểm cho nhà máy điện hạt nhân đầu tiên của Việt Nam. Trong thời gian ở Đà Lạt, Phòng Điện nguyên tử đã tiếp nhận một số tài liệu của IAEA hướng dẫn vấn đề tìm địa điểm. Các cán bộ Phòng được phân công nghiên cứu các nội dung liên quan. Chúng tôi đã dịch các tài liệu này sang tiếng Việt và bắt đầu tìm kiếm những vị trí có thể xem xét lựa chọn sau này.

Với kinh nghiệm tích lũy được từ việc chọn địa điểm nhà máy điện hạt nhân ở nhiều nước trên thế giới, IAEA đã đề ra các tiêu chí để địa điểm được xem là phù hợp cho việc xây dựng nhà máy điện hạt nhân. Nói một cách tổng quát, nhà máy điện hạt nhân phải được đặt tại các nơi không nguy hiểm đối với sự hoạt động an toàn của nhà máy, và phải cách xa các khu dân cư để không gây ảnh hưởng

đối với sức khỏe cá nhân và an toàn nòi giống của người dân sống quanh vùng nếu không may xảy ra tai nạn hoặc sự cố tại nhà máy. Ngoài ra, địa điểm phải đáp ứng những yêu cầu kỹ thuật như khả năng cung cấp đủ nước làm mát, khoảng cách của các khu vực tiêu thụ điện quan trọng không quá xa, v.v.

Phòng Điện nguyên tử với nhân lực được đào tạo và thu nhận trong suốt 5 năm vẫn chưa bao quát được các kiến thức chuyên môn cần thiết cho công việc tìm kiếm địa điểm nhà máy điện hạt nhân. Chúng tôi phải kết hợp với các phòng chuyên môn của Trung tâm Hạt nhân TP.HCM và những chuyên gia thuộc các Trường, Viện tại TP.HCM có kiến thức trong những lĩnh vực chuyên môn mà chúng tôi chưa làm chủ được. Nhờ biện pháp đó, chúng tôi đã bổ sung những hiểu biết chuyên môn về địa chất công trình, địa chất thủy văn, khí tượng học, thủy động học,... cần cho nhóm tìm địa điểm.

Trước hết, chúng tôi quan tâm đến những địa điểm có nguồn nước sông với lưu lượng ở mọi thời điểm trong năm đủ để cung cấp khả năng làm mát trực tiếp cho nhà máy điện hạt nhân. Thông thường, nếu có nguồn nước sông đủ để làm mát thì đỡ tốn kém vì không cần xây dựng tháp làm mát. Tuy nhiên, trừ những dòng sông lớn như sông Tiền, sông Hậu, còn lại ở miền Nam và miền Trung không có dòng sông nào đủ nước cho mục đích này vào mùa khô, kể cả Đồng Nai là một con sông lớn. Đối với sông Tiền, sông Hậu, lưu lượng nước có thể đủ để sử dụng quanh năm nhưng địa chất công trình lại không được xem là thuận lợi. Chúng tôi cũng đã quan tâm đến việc sử dụng mặt nước hồ để trao đổi nhiệt, nhưng chưa tìm thấy hồ nước nào có đủ điều kiện cho mục đích ấy. Việc tìm kiếm đành phải hướng về các địa điểm ven biển. Từ định hướng này, tính đến các yếu tố về khoảng cách đối với các trung tâm tiêu thụ điện, về mật độ dân cư, về quy hoạch phát triển các địa phương, chúng tôi tìm thấy một số địa điểm ưa thích ở tỉnh Thuận Hải (ngày nay là Bình Thuận và Ninh Thuận). Tuy nhiên, trong thời gian cuối

của những năm 80, Phòng Điện nguyên tử chưa đạt đến sự lựa chọn cuối cùng để có thể đề nghị một phương án địa điểm ưa thích nhất.

Ngoài công việc tìm kiếm địa điểm, Phòng chúng tôi đã nghiên cứu vấn đề chuẩn bị nhân lực cho việc thiết kế, xây dựng và vận hành nhà máy điện hạt nhân đầu tiên cũng như cho chương trình điện hạt nhân nói chung. Chúng tôi tiếp nhận được một số tài liệu rất có giá trị của IAEA về vấn đề này, và áp dụng chúng vào điều kiện của nước ta là một nước đang phát triển, mà yếu tố đặc thù là phải mua thiết bị chìa khóa trao tay ở bước đầu chứ chưa có khả năng tự thiết kế và xây dựng nhà máy; phải chuẩn bị đội ngũ có đủ trình độ tiếp thu công nghệ để phân tự thiết kế ngày càng nhiều cho những nhà máy điện tiếp theo của chương trình. Yếu tố đặc thù khác là mức độ tham gia của điện hạt nhân trong sự phát triển của nhu cầu điện năng nói chung. Bản thân nhu cầu về điện năng và về năng lượng nói chung cũng phụ thuộc vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, và đây là những số liệu phải dự đoán, không ai có thể biết chắc chắn được từ nhiều năm trước. Kết quả nghiên cứu về nhu cầu nhân lực cho nhà máy điện hạt nhân ở Việt Nam cho phép có một khái niệm về quy mô, phân bố ngành nghề, về thời gian đào tạo và tuyển chọn để việc chuẩn bị nhân lực được hài hòa với chương trình phát triển điện hạt nhân sau này.

Một nhiệm vụ khác của Phòng Điện nguyên tử là chuẩn bị công cụ tính toán sự lan truyền ô nhiễm phóng xạ để sẵn sàng sử dụng trong trường hợp rủi ro xảy ra tai nạn, sự cố tại một nhà máy điện hạt nhân. Công cụ tính toán này căn cứ trên hiện tượng khuếch tán chất phóng xạ trong môi trường không khí kết hợp với hiện tượng chuyển tải theo luồng gió của chất phóng xạ. Chương trình có thể sử dụng các số liệu thống kê về hướng gió theo các mùa trong năm để tính toán nguy cơ nhiễm phóng xạ của dân cư trong khu vực chung quanh nhà máy điện hạt nhân, hoặc sử dụng trực tiếp các hướng gió thực tế khi tai nạn xảy ra. Chương trình do Phòng xây dựng đã được ứng dụng trong một số bài toán ô nhiễm phóng xạ

hoặc hóa chất khác nhau. Đặc biệt, chúng tôi đã sử dụng chương trình này để dự đoán mức ô nhiễm cho một dự án lọc hóa dầu dự định xây dựng ở Thành Tuy Hạ (Đồng Nai) đối với dân cư TP.HCM.

Trong thời gian công tác ở TP.HCM, Phòng chúng tôi đã quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm chuẩn bị cán bộ có hiểu biết về kỹ thuật và an toàn nhà máy điện hạt nhân. Một số cán bộ của Phòng được cử đi thực tập trong thời gian một, vài tháng tại những công trường xây dựng nhà máy điện hạt nhân hoặc tại những nhà máy điện hạt nhân đang vận hành. Có trường hợp cán bộ được cử đi làm nghiên cứu sinh ở nước ngoài, hoàn thành Luận án Tiến sĩ và trở về làm việc lại ở Trung Tâm. Đó là trường hợp của anh Trần Quốc Dũng, mà đề tài luận án ở Hung-ga-ri có nội dung tiếp nối đề tài luận văn tốt nghiệp của Dũng do tôi hướng dẫn ở Trường Đại học Đà Lạt. Một thời gian sau khi bảo vệ thành công Luận án Tiến sĩ và trở về làm việc lại, anh Trần Quốc Dũng đã được cử làm Giám Đốc Trung tâm Hạt nhân TP.HCM đồng thời tham gia giảng dạy ở Trường Đại học Khoa học TP.HCM.

Bản thân tôi được thực hiện một chuyến tham quan cùng anh Lê Văn Hồng (sau này là Phó Viện trưởng Viện Năng lượng Nguyên tử Việt Nam), theo “Chương trình tham quan các lò VVER và RBMK của Liên Xô” do IAEA tổ chức, để tìm hiểu về các nhà máy điện hạt nhân thuộc công nghệ xô-viết ở các nước Đông Âu, Tôi cũng được cử đi Liên Xô cùng với anh Phạm Văn Lâm, lúc bấy giờ là Trưởng phòng Lò Phản ứng, Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt trong một chuyến thực tập ở Novo Voronezh (Liên Xô) để tìm hiểu kỹ hơn về công nghệ Lò Năng lượng hạt nhân VVER ở các công suất 440 và 1000 MW(điện). Cuối cùng, tôi cũng được cử đi Cuba trong một đoàn cán bộ 3 người để tìm hiểu kinh nghiệm xây dựng Nhà máy Điện hạt nhân Juragua 440 MW(điện) với sự hỗ trợ kỹ thuật và tài chính của Liên Xô. Chuyến tham quan các nước Đông Âu, các chuyến thực tập ở Liên Xô và Cuba đã giúp tôi có sự hiểu biết kỹ hơn về công nghệ và an toàn của Lò phản ứng VVER.

Mặc dù Phòng Điện nguyên tử có nhiều cố gắng và thực hiện được nhiều công việc trong thời gian khoảng 10 năm, nhưng tốc độ phát triển của đất nước thời bấy giờ chưa cho phép khởi động một chương trình nhà máy điện hạt nhân như mong muốn ban đầu. Vì lý do đó, Viện Năng lượng Nguyên tử Quốc gia, trực thuộc Thủ tướng, đã được quyết định trở thành Viện Năng lượng Nguyên tử Việt Nam, trực thuộc Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (ngày nay trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ).

Năm 1988, tôi được điều động trở về làm việc tại Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt, được bổ sung vào Ban Giám đốc và được phân công làm Phó Viện trưởng. Không lâu sau đó, tôi nhận lệnh bàn giao trách nhiệm Trưởng phòng Điện nguyên tử cho một đồng nghiệp ở TP.HCM. Dù thôi trách nhiệm đối với Phòng Điện nguyên tử, tôi vẫn tiếp tục quan tâm đến vấn đề phát triển điện hạt nhân ở Việt Nam. Sau này khi về nghỉ hưu, tôi có viết một bài về nghiên cứu chủ trương đưa điện hạt nhân vào sử dụng ở nước ta, và một bài khác về vấn đề chọn công nghệ cho chương trình điện hạt nhân.

Phó Viện trưởng rồi Viện trưởng Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt (1988–1997)

Khi được điều động từ Trung tâm Hạt nhân TP.HCM trở lại Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt, tôi được Ban Giám đốc Viện phân công theo dõi công việc của Phòng Lò phản ứng và phụ trách công tác an toàn hạt nhân và an toàn phóng xạ trong Viện.

Hoàn chỉnh Bộ Quy chế hoạt động của Lò IVV-9

Tôi bắt đầu thực hiện các phần việc được phân công với việc hoàn chỉnh Bộ Quy chế hoạt động của Lò IVV-9 và các Phòng thí nghiệm quanh Lò. Các nội dung liên quan đến “khởi động Lò phản ứng” và “đưa Lò trở về trạng thái dừng” được đặc biệt quan tâm.



Anh Nguyễn Đình Tỉ thăm và làm việc tại Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt (1988)

Với kinh nghiệm thực tế của nhiều năm vận hành Lò phản ứng, các cán bộ của Phòng Lò phản ứng đã nêu lên nhiều trường hợp có khả năng xảy ra trên thực tế và những hành vi điều khiển tương ứng để bảo đảm an toàn trong mọi tình huống. Sau khi dự thảo xong Bộ Quy chế, Phòng Lò phản ứng được phép tạm thời sử dụng các Quy chế đó để các cán bộ điều hành ghi chép lại những nhận xét trong quá trình sử dụng. Các nhận xét này được Hội đồng An toàn nghiên cứu tiếp thu, góp ý để hoàn chỉnh và chấp nhận đưa Bộ Quy chế vào sử dụng.

Cũng phải thẳng thắn nói rằng trong những năm 1988-1990, các quy định pháp luật về an toàn hạt nhân và phóng xạ của đất nước ta chưa được ban hành, các tổ chức quyền lực ở mức độ quốc gia cũng chưa được thành lập, cho nên Viện chúng tôi ban hành và đưa vào

sử dụng Bộ Quy chế hoạt động của Lò IVV-9 và các Phòng thí nghiệm quanh Lò cũng chỉ là những hành vi “tự biên tự diễn” ở phạm vi Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt, vì không có cách nào khác tốt hơn để bảo đảm an toàn cho Viện.

Tranh thủ hợp tác quốc tế để nâng cấp Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt

Đối với công việc đưa Lò phản ứng hạt nhân trở lại hoạt động, về thực chất là khôi phục, mở rộng, biến đổi Lò TRIGA và đổi tên lò thành IVV-9, Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt phải nhờ sự trợ giúp của Liên Xô trong phần khảo sát Lò cũ, thiết kế và cử chuyên gia sang Đà Lạt để giúp đỡ xây dựng Lò mới từ những gì còn dùng được của Lò cũ; và nhờ IAEA hỗ trợ tài chính để chúng ta đặt mua nhiên liệu do Liên Xô sản xuất.

Việc trang bị kỹ thuật cho các Phòng thí nghiệm quanh Lò đã được thực hiện, một phần do ngân sách Nhà nước Việt Nam, và một phần nhờ các Dự án Hợp tác Kỹ thuật do IAEA tài trợ. Nhiều Phòng thí nghiệm của Viện đã được nâng cấp theo phương thức đó, với sự tài trợ của IAEA gồm ba thành phần: cung cấp trang thiết bị, cung cấp chuyên gia và gửi cán bộ đi đào tạo tại các cơ sở nghiên cứu hoặc ứng dụng kỹ thuật hạt nhân ở nước ngoài, theo những mục tiêu của Dự án Hợp tác Kỹ thuật.

Vào đầu năm 1991, Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt được hân hạnh tiếp đón Ông Hans Blix, Tổng Giám đốc IAEA đến thăm. Sau khi tham quan các Phòng thí nghiệm được thụ hưởng sự tài trợ của IAEA, Ông Hans Blix đã phát biểu ý kiến về hiệu quả sử dụng các Dự án do IAEA giúp đỡ: *Viện Nghiên cứu hạt nhân là nơi đã sử dụng các Dự án Hợp tác Kỹ thuật của IAEA có hiệu quả nhất trên thế giới!* Chúng tôi cảm thấy hết sức vinh dự về lời đánh giá tốt đẹp của Ông Tổng Giám đốc Cơ quan Năng lượng Nguyên tử Quốc tế Hans Blix!



Ông Hans Blix (người thứ 3 từ trái) thăm Việt Nam. Trong hình có thể thấy các anh Nguyễn Tiến Nguyên và Nguyễn Đông Hải (1991)

Chỉ đạo thực hiện hai Dự án quan trọng của Viện

Vào đầu năm 1992, sau khi Lò IVV-9 vận hành được gần 10 năm, Viện chủ trương chuẩn bị một Dự án Hợp tác Kỹ thuật với mục đích đổi mới và nâng cấp Hệ điều khiển và bảo vệ an toàn Lò phản ứng. Đây là một hệ thống kỹ thuật có tầm quan trọng then chốt đối với hoạt động tin cậy và an toàn của Lò. Vào thời điểm ấy, các thành phần điện tử dự trữ do Liên Xô cung cấp từ 10 năm trước, một mặt chưa đủ số lượng để Lò có thể tiếp tục hoạt động thêm 15 năm như mong muốn, mặt khác chất lượng của chúng được đánh giá là chưa tốt nếu so sánh với các thành phần điện tử tương ứng trên thị trường các nước phương Tây lúc bấy giờ. Do vậy, Viện mong muốn được IAEA tài trợ để thực hiện Dự án này. Tôi đã thay mặt Viện đứng

tên xin Dự án, và được IAEA chấp thuận cho thực hiện trong giai đoạn 1992-1994.

Trong thời gian ấy, một số cán bộ của Viện đang tiếp thu phương pháp đánh giá độ tin cậy và độ an toàn bằng tính toán xác suất được sử dụng khá phổ biến trong ngành kỹ thuật hạt nhân, nhờ đó có thể xác định được trong Hệ điều khiển và bảo vệ an toàn Lò phản ứng IVV-9 những bộ phận, thành phần nào cần được thay mới, và những bộ phận, thành phần nào có thể lưu giữ lại. Nhóm nghiên cứu đánh giá độ tin cậy và độ an toàn bằng phương pháp xác suất gồm các anh Bùi Quốc Thắng và Phạm Văn Lâm đã khẩn trương thực hiện công trình nghiên cứu đó để làm cơ sở thiết kế cho Dự án Hợp tác Kỹ thuật của IAEA, giúp tiết kiệm một phần không nhỏ kinh phí nhưng vẫn đạt được các mục tiêu đề ra.

Gắn với công trình này, tôi không thể quên được buổi bàn giao kết quả nghiên cứu giữa anh Bùi Quốc Thắng, thay mặt nhóm nghiên cứu, và tôi là người phụ trách Dự án. Chiều hôm đó, vào cuối giờ làm việc, sau khi hoàn thành bản Báo cáo công trình nghiên cứu, Thắng gặp tôi và chuyển cho tôi bản Báo cáo ấy. Tôi xem qua một lượt, và nhận thấy đây là một công trình nghiên cứu có giá trị và chắc chắn sẽ góp phần quan trọng cho sự thành công của Dự án. Tôi khen ngợi Thắng về chất lượng của công trình đã thực hiện. Tôi phấn khởi chia tay Thắng, nhưng không ngờ đó là lần chia tay cuối cùng. Khuya hôm đó, Thắng bị một cơn suyễn nặng làm anh phải ra đi vĩnh viễn! Tôi tuy là người phụ trách Thắng trong công việc, nhưng trong cuộc sống ngoài đời lại là một người bạn thân thiết, gần gũi với Thắng và gia đình anh. Không có buổi bàn giao kết quả nghiên cứu đó, chúng tôi sẽ không thể thực hiện Dự án với kết quả xuất sắc như vậy.

Giai đoạn tiếp theo là thực hiện Dự án, IAEA cử 2 chuyên gia – một từ Phần Lan và một từ Pakistan - lần lượt đến Đà Lạt để hợp tác và giúp đỡ nhóm cán bộ thực hiện Dự án. Nhóm này gồm các



Nhóm thực hiện Đề tài Cải tạo Hệ điều khiển và an toàn Lò Phản ứng IVV9 chụp với Chuyên gia IAEA (1992)

anh Trần Khắc Ân, Trịnh Đình Hải, Nguyễn Nhị Điền và một số cán bộ điện tử khác của Viện. Sau khi lắp đặt hệ thống mới trong những tủ điện tử chuẩn, chỉ cần thêm một thời gian ngắn là có thể thay các tủ cũ bằng các tủ mới. Thời điểm hoàn thành công việc, đưa hệ thống mới vào hoạt động là những giây phút căng thẳng và hồi hộp đối với các cán bộ thực hiện Dự án cũng như vận hành Lò phản ứng. Và hồi hộp nhất lúc ấy có lẽ là tôi, Chủ dự án! May mắn thay, mọi việc tiến hành trôi chảy, không có sự cố nào xảy ra. Phòng điều khiển Lò phản ứng có vẻ hiện đại và đẹp hơn trước nhiều.

Có thể giây phút ấy là một trong những thời khắc cao điểm mang đến một sự phấn khởi lớn cho Viện chúng tôi, vì lần đầu chúng ta thực hiện một công trình liên quan đến Lò phản ứng được đánh giá là không đơn giản và đã tiếp thu, áp dụng những phương pháp tính

toán khoa học hiện đại cho phép tiết kiệm được một phần kinh phí đáng kể. Các anh Nguyễn Mộng Sinh và Trần Lâm, Phó Viện trưởng và anh Nguyễn Văn Minh, Chủ tịch Công đoàn Viện cũng hân hoan chia sẻ niềm vui “thắng lợi” với các cán bộ trực tiếp thực hiện dự án cũng như với cán bộ, nhân viên toàn Viện về thắng lợi này.

Cũng trong thời gian những năm 1992-1994, Viện thực hiện một công việc quan trọng khác là Công trình Tổng kiểm tra và Đại tu Lò phản ứng. Lò đã hoạt động được 10 năm, theo quy định Cơ quan chủ quản phải thực hiện công việc tổng kiểm tra để phát hiện những vấn đề tiềm tàng và đại tu để khắc phục các vấn đề phát hiện được trên Lò phản ứng. Để chuẩn bị cho Công trình này, Viện phải đánh giá sơ bộ tình trạng của Lò và dự thảo nội dung của Công trình để có cơ sở xin Nhà nước duyệt và cấp kinh phí. Tuy nhiên, khi bắt tay vào công việc tổng kiểm tra thì không thể tránh khỏi sự phát sinh của những vấn đề chưa phát hiện qua đánh giá sơ bộ. Vấn đề đặt ra là phải thuyết minh như thế nào để Viện được thanh toán các chi phí mới phát sinh, hoặc phải gói ghém như thế nào để giải quyết các vấn đề đó một cách thỏa đáng mà không tăng quá nhiều tổng chi phí của Dự án. Ở thời điểm những năm 1992-1994, Viện chỉ được cấp 4 tỷ đồng để thực hiện Công trình này, nhưng việc quản lý để đạt được mục tiêu của Công trình là hết sức phức tạp. Việc thực hiện hầu như đồng thời hai dự án quan trọng, một theo quy cách quản lý của IAEA và một theo quy cách quản lý của Việt Nam đã cho chúng tôi cơ hội thấy được một cách rõ ràng sự khác nhau về hiệu quả giữa quy cách quản lý hiện đại và quy cách quản lý của chúng ta thời bấy giờ.

Những khó khăn của tôi khi làm Viện trưởng kiêm nhiệm Đại biểu Quốc hội

Ban Giám đốc Viện đã có những sự thay đổi về nhân sự từ sau

khi tôi trở lại Đà Lạt (1988). Không lâu sau khi tôi tham gia vào Ban Giám đốc, anh Ngô Quang Huy chuyển công tác về Trung tâm Hạt nhân TP.HCM. Đến năm 1991, anh Phạm Duy Hiền cũng chuyển công tác. Tôi trở thành Viện trưởng và được sự hỗ trợ của các anh Nguyễn Mộng Sinh, Trần Lâm và Nguyễn Nhị Điền làm Phó Viện trưởng. Tôi giữ chức Viện trưởng đến năm 1998 thì chuyển sang làm Đại biểu Quốc hội chuyên trách (Khóa X) và anh Nguyễn Nhị Điền được nhận quyết định thay tôi làm Viện trưởng.

Trên thực tế, một năm sau khi nhận trách nhiệm Viện trưởng, tôi còn phải kiêm nhiệm Đại biểu Quốc hội và Thành viên Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội (Khóa IX). Mỗi năm tôi phải dành hơn hai tháng để tham gia các kỳ họp Quốc hội ở Hà Nội. Việc thực hiện nhiệm vụ giám sát của Ủy ban đòi hỏi tôi phải đề ra vài ba tuần mỗi năm. Nhiệm vụ của Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Lâm Đồng, đặc biệt để tiếp dân và tiếp xúc cử tri cũng đòi hỏi tôi phải dành vài tuần mỗi năm. Như vậy, thời gian mà một Đại biểu Quốc hội kiêm nhiệm phải dành cho nhiệm vụ này tối thiểu là ba tháng mỗi năm. Trong thời gian vắng mặt ở Viện, tôi ủy quyền thực hiện trách nhiệm của tôi cho một Phó Viện trưởng. Việc ủy quyền này không thể không gây cho tôi một mối lo thường xuyên, vì trách nhiệm nặng nề đối với sự hoạt động ổn định, tin cậy của Viện và sự an toàn của Lò phản ứng không dễ gì ký một văn bản ủy quyền là xong việc. Hoàn toàn không phải như thế!

Thật vậy, việc làm Viện trưởng Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt đồng thời kiêm nhiệm Đại biểu Quốc hội là vô cùng căng thẳng đối với tôi. Mọi người còn nhớ, sau chiến tranh đất nước ta trải qua một thời kỳ hết sức khó khăn, vì vậy mọi cơ quan, mọi người dân đều phải thường xuyên tự xoay xở để tồn tại. Nhiều quy định của Nhà nước chưa sát với thực tế của đất nước và cuộc sống của người dân, nên khó thực hiện một cách đầy đủ. Các cơ quan Nhà nước được cấp kinh phí để thực hiện kế hoạch, tuy nhiên kinh phí đó rõ ràng là không đủ. Lương cán bộ, công nhân viên chỉ để mua lương

thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng theo chế độ bao cấp, nhưng vẫn chưa thể đáp ứng được các nhu cầu cơ bản của cuộc sống. Cho nên ngoài kế hoạch Nhà nước, các cơ quan đã lập những “kế hoạch 2”, “kế hoạch 3” để tăng thu nhập nhằm “nuôi” cán bộ, công nhân viên. Đứng trên quan điểm quản lý Nhà nước, không thể xem đây là kế hoạch theo cách hiểu chuẩn xác, vì chúng vẫn sử dụng thiết bị, máy móc của cơ quan. Nhà nước buộc lòng phải “làm ngơ” vì nếu không, các cơ quan sẽ không tiếp tục tồn tại được. Ngay như việc cử cán bộ đi công tác, chế độ công tác phí hoàn toàn không hợp lý, đơn giá ngày công tác quá thấp, không đủ để trang trải các khoản thực chi, cho nên số ngày đi công tác thường bị khai tăng lên một ít so với thời gian thực. Và nhiều việc tương tự xảy ra buộc người lãnh đạo một cơ quan Nhà nước phải cân nhắc từng việc một, việc gì phải “nhắm mắt” cho qua, và việc gì phải cương quyết không chấp thuận.

Một người Viện trưởng lẽ ra không phải trực tiếp giải quyết từng vụ việc như thế, mà nên dành thì giờ xây dựng những quy chế làm việc để áp dụng cho mọi trường hợp. Tuy nhiên, những vụ việc phải giải quyết là những trường hợp cần vượt ra ngoài chế độ Nhà nước. Ban Giám đốc Viện không thể ban hành bất kỳ một văn bản, quy định nào trái với các văn bản pháp luật của Nhà nước. Nếu tôi đang có mặt tại Viện, tôi sẽ phải tự quyết định về những trường hợp “xé rào” và chịu trách nhiệm về những quyết định đó. Cho nên mỗi lần đi vắng để làm nhiệm vụ Đại biểu Quốc hội hoặc Thành viên Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội, tôi đều có mối lo về hành vi ứng xử của người Phó Viện trưởng được ủy nhiệm. Không phải vì tôi thiếu tin tưởng đối với người được ủy nhiệm, nhưng cái khó đối với tôi là không có hành vi nào có thể được xem là chuẩn, vì các quy định của Pháp luật thường không phù hợp với thực tế, nhưng nếu làm khác đi thì “trái với quy định của pháp luật”. Tóm lại, dù có bất kỳ cương vị nào, mỗi người vẫn ở trong hoàn cảnh “trên đe, dưới búa”, và mặc dù được lương tâm soi đường, nhưng chưa chắc được pháp luật bảo vệ.

Tình hình này không chỉ xảy ra ở nhiệm kỳ tôi làm Viện trưởng, mà còn trước và sau đó. Người tiền nhiệm của tôi, anh Phạm Duy Hiền đã từng tâm sự về những trường hợp anh phải chấp nhận việc “xé rào”, là mình chỉ có thể làm như vậy vì sự nghiệp chung của Nhà nước, chứ không thể vì lợi ích riêng của bất kỳ một cá nhân nào trong Viện. Và tôi đã tiếp thu quan điểm này của anh. Những sự việc được giải quyết theo tinh thần nói trên đã cho phép giúp Viện tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình một cách tốt nhất có thể trong tình hình các quy định của pháp luật vẫn còn nhiều nội dung chưa phù hợp với thực tế của xã hội Việt Nam. Những việc “xé rào” như thế không xảy ra thường xuyên, nhưng không ít lần tôi đã cảm thấy khó xử vì những vấn đề tế nhị cần cân nhắc.

Sau đây tôi ghi lại một vài sự kiện đã xảy ra trong những năm tôi đảm đương trách nhiệm Viện trưởng, những sự kiện mà tôi phải gánh vác trách nhiệm một cách không mấy dễ dàng. Một trong những sự kiện đó liên quan đến sự cố sức khỏe của anh Nguyễn Đông Hải, Phó Viện trưởng Viện Năng lượng Nguyên tử Quốc gia. Anh Đông Hải vào Đà Lạt để làm việc với Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng về vấn đề xin cấp cho Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt một khu đất để xây nhà ở cho cán bộ công nhân viên của Viện Đà Lạt. Sau khi nhận được quyết định cấp đất của Tỉnh, để thể hiện sự biết ơn của Viện Năng lượng Nguyên tử Quốc gia, anh Đông Hải đã mời Lãnh đạo Tỉnh dùng cơm tối. Sáng hôm sau, anh không may đã gặp một sự cố sức khỏe nghiêm trọng, phải vào cấp cứu tại Bệnh viện Đa Khoa tỉnh Lâm Đồng, và theo chẩn đoán của Bệnh viện, anh phải qua phẫu thuật ngay tại Đà Lạt. Chẩn đoán như thế là dứt khoát, và không có sự lựa chọn nào khác để cứu sống anh Đông Hải. Nhưng theo quy định, Bệnh viện đòi hỏi phải có chữ ký chấp thuận của gia đình hoặc của cơ quan. Vì không liên lạc được với gia đình, tôi phải quyết định nhanh chóng và đã chấp nhận ký để Bệnh viện xúc tiến ngay cuộc phẫu thuật, mặc dù thấy rõ gánh nặng trách nhiệm của chữ ký này. May mà mọi việc trôi chảy, anh Đông Hải



Nhân dịp về thăm Đà Lạt, Hồng Minh chụp với anh Phạm Duy Hiên, chị Nguyễn Khoa Diệu Thu vợ anh Hiên và tôi (1994)

đã tai qua nạn khỏi sau cuộc phẫu thuật. Tôi nhận được lời cảm ơn trực tiếp của gia đình anh. Tưởng tượng nếu cuộc phẫu thuật không thành công, thì tôi có thể phải chịu sự oán hận của gia đình anh ấy như thế nào! Dù sao, tôi phải gánh lấy trách nhiệm để bảo vệ sinh mạng của một con người, một cán bộ cấp trên, trong lúc anh Đông Hải đang phải đối mặt với một tình trạng vô cùng hiểm nghèo.

Tiếp sau đó, tôi cùng anh Trần Lâm, Phó Viện trưởng và anh Nguyễn Văn Minh, Chủ tịch Công đoàn Viện bắt đầu xúc tiến các công việc để biến chủ trương của Viện Năng lượng Nguyên tử Quốc gia và quyết định cấp đất của tỉnh Lâm Đồng thành hiện thực. Việc lo cho cuộc sống cơ bản của cán bộ, công nhân viên là trách nhiệm của Ban Giám đốc Viện. Ta thường được nghe câu nói: “Lãnh đạo phải lo cái ăn cái ở cho anh em; có an cư thì mới có lạc nghiệp”. Để cho mỗi gia đình cán bộ có được một lô đất để xây nhà, Viện phải tiếp tục làm việc với các Sở Ban ngành, Phường Xã và tất nhiên là

phải thực hiện những khoản chi không tránh được. Viện cần phải cân đối thu chi như thế nào để mọi chi phí phải hợp pháp và có nguồn thu để đáp ứng. Bây giờ chỉ nhắc lại bằng một câu đơn giản như thế, nhưng trên thực tế ngày ấy, quả thật là rất phức tạp và trong đó có những việc đã làm cho tôi hết sức khó xử.

Kết quả của những cố gắng đó rốt cuộc như thế nào? Khi đã được cấp đất với chế độ ưu đãi của Nhà nước, anh em có ổn định được cuộc sống ở Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt như lãnh đạo Viện và cấp trên chờ đợi không? Có thể nói, đó chỉ là một điều kiện cần nhưng chưa đủ. Mọi người còn cần có tiền để xây nhà. Những người nào đã tích cóp từ trước thì xây nhà được ngay, nhưng một số khác chưa đủ điều kiện thì phải chờ, thậm chí cũng có một số người xem việc được cấp đất là nhận một “tài sản” mà mình có thể chuyển nhượng có lãi và đi nơi khác làm ăn sinh sống thuận lợi hơn! Vì vậy, không hẳn khi Nhà nước có chế độ ưu đãi với mục đích tạo điều kiện cho cán bộ ổn định đời sống ở Đà Lạt là anh em sẽ yên tâm công tác tại đây. Như vậy, chúng ta có thể thấy rằng Nhà nước nói chung và Viện nói riêng đã cố gắng lo cho anh em rất nhiều, nhưng vẫn chưa đủ để tất cả mọi người yên tâm công tác tại Viện.

Trong giai đoạn Viện được hình thành và phát triển mạnh mẽ, các khía cạnh hoạt động của Viện đều có nhiều tiến bộ, tuy nhiên cơ chế dành cho khoa học công nghệ nói chung và khoa học công nghệ hạt nhân nói riêng còn gây nhiều khó khăn trở ngại. Tôi khó có thể kể hết những phiền hà mà Viện phải gánh chịu trong thời đó do những nguyên nhân liên quan đến cơ chế quản lý của Nhà nước đối với hoạt động khoa học và công nghệ. Và nếu người lãnh đạo của Viện có phản ứng mạnh mẽ đối với các phiền hà ấy, thì Viện phải trả giá bằng những phiền hà còn lớn hơn. Tình hình đó dẫn tới sự nản lòng của một số cán bộ ở mọi cấp của Viện. Có người tranh thủ thời cơ được đi công tác ở nước ngoài để ở lại, vì nhận thấy nơi đang làm việc có thể đem lại cho họ nhiều cơ hội hơn mà ít bị phiền hà hơn. Những người quay về sau khi đã hoàn thành công việc ở

nước ngoài thường phải trải qua những cuộc đấu tranh tư tưởng với bản thân hoặc với gia đình, và họ quyết định trở về vì trách nhiệm đối với ngành nghề của mình, với hy vọng là những khó khăn phiền hà rồi sẽ qua đi và cuộc sống ở trong nước ngày sẽ càng tốt đẹp hơn. Tuy niềm hy vọng đó ngày càng được thỏa mãn nhiều hơn, nhưng đến nay vẫn chưa phải đã được hoàn toàn như mong ước.

Thời tôi làm việc ở Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt, một vấn đề xảy ra hằng năm là sự chậm trễ trong việc thực hiện kế hoạch. Mọi người đều biết rõ, kế hoạch bao gồm khâu chuẩn bị, tiếp theo là khâu thực hiện. Về chuẩn bị kế hoạch, người có trách nhiệm phải đề ra những nội dung cần thực hiện và nhu cầu về tài chính, thiết bị, vật tư tương ứng cần được cung cấp trong từng giai đoạn thời gian. Sau khi kế hoạch được thông qua, trách nhiệm thực hiện không chỉ ở cơ quan cấp dưới, mà còn ở các cơ quan cấp trên. Nếu cấp trên không cung cấp kịp thời những gì cấp dưới yêu cầu và đã ghi vào kế hoạch được duyệt, thì cấp dưới không có cách gì hoàn thành được kế hoạch với đầy đủ chất lượng và trong thời gian quy định. Trong thực tế, kinh phí để thực hiện kế hoạch hằng năm thì đến khoảng tháng 5 mới bắt đầu được rót xuống, thế là các cán bộ có trách nhiệm thực hiện kế hoạch phải mất gần nửa năm để chờ đợi. Thời bao cấp thì còn tệ hơn, vì cơ quan cấp dưới không chỉ được cấp phát kinh phí, mà còn được cấp phát thiết bị, vật tư ... theo kế hoạch. Trên lo hết, dưới cứ việc ngồi chờ. Trên có quá nhiều công việc, còn dưới thì có quá nhiều lúc “rảnh rỗi”.

Tôi làm việc ở Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt cho đến năm 1997. Năm ấy tôi 59 tuổi, theo quy định của luật lao động thời bấy giờ, tôi sẽ kết thúc trách nhiệm Viện trưởng khi đến tuổi 60. Trong lúc ấy, Quốc hội đang chuẩn bị bầu đại biểu cho Khóa X, tổ chức vào giữa năm 1997. Ở Khóa IX, tôi đã cố gắng thực hiện trách nhiệm đại biểu, tuy nhiên do công việc kiêm nhiệm, cho nên tôi chưa thể hiện được đầy đủ khả năng của mình. Tôi không nghĩ mình sẽ được đề nghị ra ứng cử tiếp vào Khóa X. Bất ngờ, vào giờ chót

tôi được Ban tổ chức cuộc bầu cử liên hệ, bảo tôi gấp rút làm các thủ tục cần thiết để ra ứng cử. Tôi cũng được biết dự tính của Ủy ban Thường vụ Quốc hội là sẽ đề nghị tôi làm đại biểu chuyên trách. Có nghĩa là, sau kỳ bầu cử này tôi sẽ thôi làm việc tại Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt. Và trên thực tế tôi đã trúng cử Đại biểu Quốc hội Khóa X, được Chủ tịch Quốc hội Khóa X Nông Đức Mạnh ký quyết định về trách nhiệm mới của tôi ở Quốc hội và chấm dứt trách nhiệm Viện trưởng của tôi ở Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt.

Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt trong thời kỳ đổi mới

Từ khi có Nghị quyết của Đảng CSVN chuyển qua thời kỳ Đổi mới, đất nước ta dần thoát khỏi chế độ bao cấp, cải thiện chế độ tài chính cho các nhiệm vụ khoa học, và tăng tỷ lệ chi tiêu ngân sách dành cho Khoa học và Kỹ thuật, nhờ vậy về nguyên tắc hoạt động Khoa học và Kỹ thuật được thêm thuận lợi. Vai trò của Khoa học và Kỹ thuật đóng góp vào sự phát triển của đất nước, tuy chưa hoàn toàn như mong muốn, nhưng cũng có một số mặt tiến bộ. Ngoài việc ngân sách cho khoa học kỹ thuật được quy định phải nâng lên tối thiểu đến 2% ngân sách quốc gia trong kế hoạch tài chính quốc gia hằng năm, Nhà nước còn quy định các cơ quan khoa học phải đẩy mạnh hoạt động phục vụ các yêu cầu của xã hội và được sử dụng các khoản thu qua hợp đồng sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế có điều khoản ưu đãi.

Sau khi thôi trách nhiệm Viện trưởng và có dịp trở lại thăm nơi làm việc cũ, tôi vui mừng thấy Viện đã có nhiều tiến bộ trong các mặt nghiên cứu khoa học và triển khai kỹ thuật phục vụ cho xã hội. Việc nghiên cứu khoa học được đánh giá bằng các sản phẩm nghiên cứu là những ấn phẩm đăng trong các tạp chí khoa học trong nước và trên thế giới. Việc triển khai kỹ thuật phục vụ cho xã hội được đánh giá bằng giá trị của các hợp đồng mà Viện ký với các tổ chức

và cá nhân trong xã hội. Cách nay không lâu, tôi được tham dự một cuộc họp mặt tất niên do Viện tổ chức cho cán bộ hưu trí, và phần khởi thấy rằng ý thức của cán bộ và việc tổ chức đánh giá các công việc ở Viện theo tinh thần nói trên đã được thấm nhuần và tạo nên những kết quả tích cực trong hoạt động của Viện.

Tôi cũng thấy được rằng sau những năm tháng miệt mài trong công việc đào tạo và sử dụng cán bộ, Viện đã tập hợp được một đội ngũ cán bộ có nhiệt tình công tác, có kiến thức và kinh nghiệm làm việc vững chắc. Những người đã được đi đào tạo ở nước ngoài, sau khi bắn khoăn về vấn đề nên ở hay nên về mà đã quyết định về thì cũng được an ủi là đã đóng góp hiệu quả cho cơ quan và cho đất nước, và chính nhờ đó được Nhà nước thực sự quý trọng. Ở Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt có anh Vương Hữu Tấn từ Liên Xô về, được Nhà nước cử làm Phó Viện trưởng và sau đó một thời gian không lâu, được chuyển ra Hà Nội làm Viện trưởng Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam; và anh Nguyễn Nhị Điền cũng từ Liên Xô về, được cử làm Viện trưởng sau khi tôi rời khỏi chức vụ này. Ở Trung tâm Hạt nhân Tp.HCM, ngoài anh Trần Quốc Dũng từ Hung-ga-ri về được cử làm Giám đốc Trung tâm như tôi đã viết trước đây, còn có anh Hồ Mạnh Dũng từ Ca-na-đa về được cử làm Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt và sau đó không lâu được điều động về Tp.HCM lãnh đạo Trung tâm Hạt nhân từ năm 2019.

Nhìn lại những đóng góp của tôi trong lĩnh vực Nghiên cứu Hạt nhân ở Việt Nam

Để kết thúc Chương này, tôi nhắc lại vắn tắt sự đóng góp của mình cho lĩnh vực nghiên cứu hạt nhân, sau khi về nước từ năm 1978. Tôi tham gia trong lĩnh vực này tại Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt và Trung tâm Hạt nhân TP.HCM trong một quãng thời gian liên tục vừa tròn 20 năm.

Đối với nhiệm vụ bảo đảm an toàn cho Lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt, theo yêu cầu của Cơ quan Năng lượng Nguyên tử Quốc tế và theo sự phân công của Viện Năng lượng Nguyên tử Quốc gia, tôi đã cố gắng đảm đương đầy đủ và có chất lượng các yêu cầu của nhiệm vụ. Trong thời gian tôi được giao phụ trách, Lò phản ứng nghiên cứu IVV-9 về cơ bản hoạt động tốt, không xảy ra sự cố đáng kể nào đe dọa đến sự an toàn và sự tin cậy của Lò. Sở dĩ được như vậy là nhờ đội ngũ cán bộ vận hành lò phản ứng đã làm việc nghiêm túc, với tinh thần trách nhiệm cao và nghiêm chỉnh tôn trọng các quy chế vận hành Lò. Mọi cuộc thí nghiệm sử dụng lò phản ứng có khả năng ảnh hưởng đến an toàn của Lò đều phải được cho phép sau khi Hội đồng An toàn của Viện cho ý kiến trên cơ sở thuyết minh của nhóm nghiên cứu. Căn cứ trên ý kiến của Hội đồng An toàn, với tư cách là người chịu trách nhiệm về an toàn Lò, tôi là người ký quyết định cho phép tiến hành thí nghiệm.

Chất lượng các thiết bị của Lò phản ứng, trong đó có các thiết bị điều khiển và bảo vệ an toàn Lò, nhận được sự quan tâm đặc biệt của Ban lãnh đạo Viện, cho nên đã có hai dự án: “Tổng Kiểm tra và Đại tu Lò phản ứng” và “Cải tạo Hệ Điều khiển và Bảo vệ An toàn Lò phản ứng”.

Chúng tôi cũng đã tiếp cận những phương pháp tính toán hiện đại để đánh giá an toàn Lò phản ứng, đã áp dụng các phương pháp này vào việc đánh giá hệ điều khiển và bảo vệ an toàn Lò phản ứng, từ đó xác định phương hướng cải tạo, chọn lọc những gì cần thay mới và những gì có thể tiếp tục sử dụng sau mười năm hoạt động của Lò phản ứng.

Tiếp tục hướng đi của Ban Giám đốc Viện nhiệm kỳ trước, chúng tôi tranh thủ Cơ quan Năng lượng Nguyên tử Quốc tế IAEA hỗ trợ cho Viện những Dự án Hợp tác Kỹ thuật, để Viện có thêm thiết bị hiện đại, có cơ hội tiếp xúc với những chuyên gia trong lĩnh vực khoa học và công nghệ hạt nhân, cũng như có cơ hội để cán bộ Viện

được đi tu nghiệp tại các nước phát triển. Nhờ sự hợp tác với Cơ quan Năng lượng Nguyên tử Quốc tế IAEA cùng với sự đầu tư của Nhà nước, Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt tiếp tục nâng cao tiềm lực nghiên cứu khoa học và khả năng triển khai kỹ thuật hạt nhân. Cùng lúc đó, sự phát triển kinh tế của đất nước và đời sống của nhân dân cho phép thị trường hạt nhân được mở rộng và nâng cao về mặt yêu cầu cũng như về năng lực thanh toán. Điều này ngày càng rõ nét hơn cho đến ngày nay.

Ngoài những công việc quản lý hoạt động an toàn và tin cậy Lò phản ứng và các phòng thí nghiệm quanh Lò, tôi rất quan tâm khuyến khích các nhóm cán bộ công bố kết quả đạt được sau khi thực hiện đề tài nghiên cứu hoặc dự án hợp tác kỹ thuật từ những nguồn tài trợ khác nhau, trong nước cũng như quốc tế. Chúng tôi cũng cố gắng giới thiệu rộng rãi các ứng dụng của kỹ thuật hạt nhân đã trở thành phổ biến trên thế giới để xã hội biết mà sử dụng. Nhờ vậy, kỹ thuật hạt nhân được sử dụng ngày càng nhiều hơn trên đất nước ta.

Qua mối quan hệ mà tôi đã tạo được với một nhà ngoại giao, lúc bấy giờ là Tùy viên văn hóa, khoa học kỹ thuật của Đại sứ quán Pháp ở Hà Nội và sau này là Tổng lãnh sự Pháp tại TP.HCM, tôi đã tổ chức được sự hợp tác chính thức của Việt Nam với Ủy ban Năng lượng Nguyên tử Pháp, nhờ vậy đã tạo điều kiện cho một số cán bộ của Viện Năng lượng Nguyên tử Việt Nam và của một số cơ quan khác đi đào tạo ở Pháp, đặc biệt ở Viện Khoa học và Kỹ thuật Hạt nhân Quốc gia (INSTN) và tổ chức cho một số nhà khoa học Pháp đến Đà Lạt để hợp tác với các nhóm nghiên cứu của Viện.

Cơ quan Năng lượng Nguyên tử Quốc tế (IAEA) cũng tổ chức những lớp đào tạo chuyên đề liên quan đến những nội dung khác nhau như ứng dụng kỹ thuật hạt nhân trong mục đích hòa bình, công nghệ nhà máy điện hạt nhân, an toàn bức xạ trong các cơ sở hạt nhân, y học phóng xạ, v.v. và tổ chức những chuyên nghiên cứu

khảo sát ở nhiều nước sử dụng một loại lò phản ứng năng lượng nhất định (như lò VVER của Liên Xô), nhờ đó chúng tôi đã cử cán bộ đi đào tạo hoặc tu nghiệp trong nhiều lĩnh vực mà Viện còn thiếu hiểu biết. Qua những chuyến đi đó, nhiều cán bộ của Viện không những đã được học thêm những kiến thức mới, mà còn củng cố và hệ thống hóa được các kiến thức sẵn có của mình và mang về những tài liệu chuyên môn, những ấn phẩm có giá trị của IAEA. Một số cán bộ của Viện, sau khi tham gia những lớp đào tạo, thậm chí còn được mời làm giảng viên trong một số lớp đào tạo chuyên đề khác do IAEA tổ chức.

Khi một nhà khoa học, một cơ quan nghiên cứu khoa học và triển khai kỹ thuật được giao thực hiện một công việc gì thì phải cố gắng



Anh Nguyễn Nhị Điền, Viện trưởng (thứ nhất từ bên trái) và anh Nguyễn Thanh Bình, Phó Viện trưởng (thứ nhất từ bên phải), tiếp Ts. Nguyễn Trọng Bình (Kiều bào ở Hoa Kỳ) cùng tôi (2012)

đạt được những kết quả tốt nhất có thể với những điều kiện được bên giao việc tạo ra cho mình. Nhưng yêu cầu của công việc không chỉ là bàn giao kết quả cho bên giao việc, mà một nhiệm vụ khác cũng rất quan trọng là phải góp phần phổ biến rộng rãi kết quả đã đạt được để mọi người biết, nếu trong hợp đồng hoặc thỏa thuận giữa các bên không có điều khoản ngược lại. Điều khó khăn là những nhà khoa học khi viết báo cáo về kết quả nghiên cứu của mình thường sử dụng ngôn ngữ quen thuộc của giới khoa học, nhưng khi cần giải thích cho đại chúng thì cảm thấy khó khăn hơn.

Tuy nhiên, càng ngày ứng dụng kỹ thuật hạt nhân càng được phổ biến trên thế giới, cho nên thông tin về những thành tựu trong lĩnh vực này ngày càng dễ thuyết phục. Nhờ ý thức của cán bộ và sự thúc đẩy của Ban giám đốc Viện, nên việc phổ biến các kết quả nghiên cứu cũng như những thành tựu của Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt đã được thực hiện ở một mức độ nhất định. Do đó, Viện đã thu hút ngày càng nhiều cơ quan và cá nhân đến tiếp xúc để cùng khai thác các kỹ thuật hạt nhân của Viện.

Một kết quả chưa được như tôi mong muốn

Dù đã có những đóng góp có ý nghĩa cho lĩnh vực Nghiên cứu Hạt nhân, nhưng vẫn còn một lĩnh vực liên quan đến năng lượng hạt nhân mà tôi đã đầu tư rất nhiều công sức, nhưng kết quả chưa được như mong muốn. Đó là vấn đề đưa năng lượng hạt nhân vào sử dụng để góp phần đáp ứng nhu cầu năng lượng của nước ta.

Sau khi hồi hương và bắt đầu tham gia vào lĩnh vực năng lượng nguyên tử ở Việt Nam, tôi đã viết nhiều bài báo, chương sách để giới thiệu điện hạt nhân cho công chúng và cho cả các Đại biểu Quốc hội. Tôi đã tham gia vào những công việc để xây dựng nền tảng pháp lý cho sự phát triển điện hạt nhân. Tôi cũng đã cùng cán bộ Phòng Điện nguyên tử thực hiện một số công trình để làm rõ các điều kiện phát triển chương trình Điện nguyên tử, hướng dẫn việc

tìm địa điểm, nghiên cứu vấn đề lan truyền ô nhiễm và xây dựng các công cụ tính toán mức độ ô nhiễm để sử dụng trong trường hợp nhà máy rủi ro gặp tai nạn, v.v.

Năm 2009, Quốc hội đã thông qua 2 Dự án xây dựng Nhà máy điện hạt nhân 1 và 2 ở Ninh Thuận. Chương trình đào tạo cán bộ đã được triển khai tại vài nước trên thế giới. Nhưng tất cả đã bị hoãn lại, cũng do một quyết định năm 2016 của Quốc hội. Tôi e sợ rằng thực ra không chỉ là hoãn, nhưng cho dù đúng là hoãn, thì công sức đã bỏ ra để xúc tiến 2 Dự án sẽ không dùng lại được bao nhiêu sau một thời gian các Dự án bị “bất hoạt”.

Ngày nay, điện mặt trời và điện gió đã đủ sức cạnh tranh về mặt kinh tế với các nguồn nhiệt điện, tuy nhiên một điều quan trọng không thể quên là các nguồn năng lượng tái tạo sẽ không thể thay thế được hoàn toàn các nguồn nhiệt điện.

Về vấn đề này, những lý do chính thức đã được đưa ra để thay đổi quyết định về việc xây dựng 2 Dự án Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận theo tôi là chưa thật thỏa đáng. Quyết định cho tiến hành 2 Dự án đã được Quốc hội thông qua sau khi đã cân nhắc cẩn thận giữa lợi ích to lớn mà năng lượng hạt nhân có thể mang lại và những vấn đề có thể đặt ra khi đưa năng lượng hạt nhân vào sử dụng. Quyết định hoãn không dựa được vào những lý do xác đáng.

Giờ đây, chúng ta đang triển khai một cách mạnh mẽ các chương trình năng lượng tái tạo (mặt trời, gió), nhờ đó có điều kiện để hiểu rõ hơn về lợi ích mọi mặt của các nguồn năng lượng này ở nước ta và ở các nước khác trên thế giới, nhưng đồng thời cũng là cơ hội để có thêm nhận thức về những khía cạnh hạn chế hoặc bất lợi của chúng, kể cả trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Năng lượng tái tạo sẽ khó vượt quá một tỷ lệ nhất định đối với tổng năng lượng cần thiết của đất nước. Tỷ lệ còn lại chủ yếu vẫn phải là nhiệt điện.

Chúng ta cũng đã có thêm thời gian để thấy rõ hơn nữa là các nhà máy nhiệt điện than dù hiện đại hóa thế nào cũng vẫn đặt ra

những vấn đề ô nhiễm rất quan trọng, không phù hợp với yêu cầu bảo vệ môi trường của nước ta và của thế giới. Mặt khác từ lâu chúng ta cũng đã thấy là không nên xây dựng các nhà máy nhiệt điện dầu và khí vì các nhiên liệu này phải được ưu tiên dành cho những mục đích khác hợp lý hơn. Trong điều kiện đó, năng lượng hạt nhân vẫn là một nguồn năng lượng quan trọng có thể đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội loài người trong một thời gian đáng kể. Điều này đang được chứng minh mạnh mẽ qua tình hình sử dụng, xây dựng và lập kế hoạch xây dựng mới các lò phản ứng hạt nhân năng lượng ở nhiều nước trên thế giới: hiện có trên 440 lò phản ứng đang vận hành, khoảng 50 lò đang xây dựng và khoảng 475 lò đang được đưa vào kế hoạch xây dựng.

Những vấn đề của năng lượng hạt nhân đã được tôi đề cập trong một số bài viết. Trên thực tế, đã xảy ra vài tai nạn lớn tại một số nước, tuy nhiên các biến cố đó đã được hiểu rõ và giải thích cặn kẽ: chúng đều bắt nguồn từ những thiếu sót nghiêm trọng trong các khâu thiết kế và quản lý. Chúng đã được rút kinh nghiệm đến nơi đến chốn. Những nhà máy điện hạt nhân thuộc các thế hệ mới đã tiếp thu các kinh nghiệm đó và được thiết kế để có khả năng tránh được những tai nạn như đã xảy ra trước đây.

Về nhân lực cho chương trình điện hạt nhân, đã có ý kiến cho rằng chúng ta chưa sẵn sàng, nhưng theo tôi nhân lực cho điện hạt nhân không chỉ cần đến một số nhà khoa học hạt nhân dày kinh nghiệm với thời gian đào tạo và công tác bắt buộc phải lâu dài, mà còn cần một số đông kỹ sư, kỹ thuật viên được đào tạo, huấn luyện bổ sung về chuyên ngành hạt nhân mà thời gian chuyên môn hóa đó hoàn toàn phù hợp với tiến độ xây dựng nhà máy. Tất cả những điều nói trên có thể được kiểm chứng trong những tài liệu của IAEA, kết tinh hiểu biết và kinh nghiệm của nhiều nước đã phát triển chương trình nhà máy điện hạt nhân của mình.

Tôi thiết tha mong rằng Nhà nước Việt Nam cân nhắc và sớm trở lại quyết định xây dựng chương trình Nhà máy điện hạt nhân của nước ta, và một khi đã quyết định thì nên triển khai thực hiện sớm, nghiêm chỉnh và đầy đủ những gì cần làm để chương trình đó được hoàn thành theo đúng kế hoạch.

Chương VIII

Làm Đại biểu Nhân dân

Chương này đề cập đến các hoạt động của tôi trong lĩnh vực chính trị - xã hội. Cụ thể, làm Đại biểu Hội đồng nhân dân Tỉnh Lâm Đồng trong một phần của nhiệm kỳ Khóa VII (1982 – 1984); làm Đại biểu Quốc hội Khóa IX (1992 – 1997) và Khóa X (1997-2002); làm Thành viên Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường (KHCMNT) của Quốc hội (Khóa IX), và làm Phó Chủ nhiệm Ủy ban KHCMNT (Khóa X).

Trong quãng thời gian tôi làm Đại biểu Hội đồng nhân dân, đất nước vẫn còn trong thời kỳ bao cấp. Thời gian tôi làm Đại biểu Quốc hội là thời kỳ Đổi mới. Tuy nhiên, chỉ trong Khóa X, hiệu quả kinh tế - xã hội của chính sách Đổi mới này mới thể hiện được rõ ràng hơn.

Đại biểu Hội đồng Nhân dân tỉnh Lâm Đồng Khóa VII (1982 – 1984)

Vài năm sau khi về nước, vào năm 1982 khi tôi đang thực hiện những trách nhiệm chuyên môn ở Viện Nghiên cứu hạt nhân (Đà Lạt) và Trường Đại học Đà Lạt, thì được lãnh đạo Tỉnh Lâm Đồng đề nghị ra ứng cử vào Hội đồng Nhân dân Tỉnh (Khóa VII). Tôi được trúng cử và đã tham dự các Kỳ họp Hội đồng từ năm 1982 đến năm 1984, khi tôi được Viện Năng lượng Nguyên tử Quốc gia điều động về công tác tại Trung tâm Hạt nhân Tp.HCM.

Việc tham gia các Kỳ họp Hội đồng Nhân dân Tỉnh Lâm Đồng đã tạo điều kiện cho tôi có hiểu biết tốt hơn về các vấn đề quản lý kinh tế - xã hội ở phạm vi Tỉnh; và về các đặc điểm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, thiên nhiên và môi trường của Tỉnh. Đối với một

cán bộ công tác trong ngành khoa học kỹ thuật hạt nhân, lại mới hồi hương chưa lâu sau một thời gian trên hai chục năm học tập, làm việc và sinh sống ở nước ngoài, việc tham gia vào Hội đồng Nhân dân Tỉnh là rất bổ ích cho tôi.

Tôi có cơ hội được quen biết với nhiều bác, nhiều anh chị đang giữ những chức vụ then chốt của Tỉnh, và được nghe kể rõ hơn về những điều kiện khó khăn gian khổ của cuộc kháng chiến mà nhân dân ta trải qua trong nhiều năm, và chỉ mới kết thúc 6, 7 năm trước đó. Các vị lãnh đạo Tỉnh và Sở ban ngành trong Tỉnh được biết tôi mới về nước chưa lâu đều bày tỏ sự thông cảm với những khó khăn mà gia đình chúng tôi đang trải qua, tuy chưa thấm gì so với những khó khăn mà mọi người đã chịu đựng trong thời kỳ kháng chiến.

Vì phải về công tác ở TP.HCM, tôi đã không tham gia được đến hết nhiệm kỳ Hội đồng Nhân dân Tỉnh Lâm Đồng Khóa VII.

Đại biểu Quốc hội, Thành viên Ủy ban KHCCNMT – Quốc hội Khóa IX (1992 – 1997)

Năm 1988, tôi được Viện Năng lượng Nguyên tử Quốc gia điều động trở lại Đà Lạt để nhận trách nhiệm Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu hạt nhân. Năm 1991, tôi được đề bạt làm Viện trưởng và một năm sau, được Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giới thiệu ứng cử làm Đại biểu Quốc hội Khóa IX.

Tôi đã tham gia các cuộc tiếp xúc cử tri do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Tỉnh Lâm Đồng tổ chức, cùng với một số ứng cử viên khác. Thực tế, đây là những buổi gặp mặt với cử tri thuộc một đơn vị bầu cử, được mời đến để nghe các ứng cử viên tự giới thiệu quá trình công tác, trình bày những suy nghĩ về tình hình đất nước và địa phương, nêu lên những việc xét thấy cần làm để cải thiện tình hình và cam kết mình sẽ làm gì sau khi trúng cử đại biểu. Qua những nội dung phát biểu của các ứng cử viên, cử tri có cơ sở để đánh giá ứng

cử viên nào xứng đáng được bầu vào Quốc hội. Những ứng cử viên nào được tỷ lệ bầu cao nhất trong đơn vị bầu cử thì được trúng cử trong phạm vi số lượng đại biểu dành cho đơn vị.

Tôi là ứng cử viên do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giới thiệu, nên ít phải chịu áp lực của sự cạnh tranh trong cuộc bầu cử. Tôi được trúng cử với tỷ lệ bầu rất cao, chủ yếu là nhờ ý thức của cử tri tôn trọng sự giới thiệu từ trung ương. Sau này tôi có nghe nói lại là trong một cuộc “mạn đàm” của cử tri, có ý kiến ủng hộ tôi nhờ đã “dũng cảm” can thiệp cho một em học sinh có quá trình học tập xuất sắc, thi tuyển sinh vào Trường Đại học Bách khoa TP.HCM được điểm cao nhưng đang có nguy cơ không được tiếp nhận vì nguyên nhân lý lịch.

Phiên họp đầu tiên của Quốc hội Khóa IX tiến hành long trọng tại Hội trường Ba Đình. Đối với tôi, Ba Đình là một địa danh thiêng liêng vì là nơi diễn ra không biết bao nhiêu sự kiện quan trọng đối với đất nước. Lúc còn ở nước ngoài, tôi chưa bao giờ có ý nghĩ một ngày tôi sẽ ngồi đây với tư cách là Đại biểu Quốc hội. Tôi nhớ lại những điều đã cam kết với cử tri, không chỉ tại đơn vị bầu cử, mà còn tại cơ quan đang làm việc và khu phố đang cư ngụ. Mình phải làm gì và làm thế nào để thực hiện những gì đã cam kết với cử tri?

Như kỳ họp đầu tiên của các Khóa, Kỳ họp thứ nhất Khóa IX chủ yếu được dành để Quốc hội quyết định về tổ chức và nhân sự của Nhà nước: Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng và các nhân vật quan trọng khác của Quốc gia. Riêng đối với Quốc hội, sau khi nghe báo cáo về kết quả cuộc bầu cử Đại biểu Quốc hội và kết quả xử lý các khiếu nại, Quốc hội ra quyết định về danh sách các đại biểu được trúng cử vào Khóa IX, và các quyết định về nhân sự của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội.

Theo các quyết định đó, tôi được công nhận là Đại biểu Quốc hội và là Thành viên Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường (KHCMNT) của Quốc hội Khóa IX. Đó là vào cuối hè năm 1992,

14 năm sau khi chúng tôi hồi hương, và một năm sau khi tôi trở thành Viện trưởng Viện Nghiên cứu hạt nhân. Như phần lớn đại biểu Quốc hội thời bấy giờ, tôi là đại biểu kiêm nhiệm, có nghĩa là ngoài nhiệm vụ đối với Quốc hội, tôi vẫn tiếp tục làm công việc chuyên môn của mình trước khi thành đại biểu. Tuy đã có quá trình và kinh nghiệm làm việc trong hơn 30 năm từ lúc tốt nghiệp kỹ sư, nhưng đối với công việc của Đại biểu Quốc hội, tôi hoàn toàn chưa có kinh nghiệm gì. Tôi nghĩ mình sẽ phải cố gắng rất nhiều trước khi trở thành một người đại biểu xứng đáng với danh nghĩa ấy!

Công việc của người đại biểu kiêm nhiệm, khi làm việc cho Quốc hội, chủ yếu tập trung vào các kỳ họp và một số hoạt động liên quan, như tiếp xúc cử tri trước kỳ họp, báo cáo với cử tri sau kỳ họp, tiếp dân theo sự phân công của Đoàn Đại biểu Quốc hội để tiếp nhận những khiếu nại, tố cáo và khuyến nghị của công dân. Công việc của thành viên Ủy ban là tham dự các cuộc họp và các chuyến giám sát của Ủy ban. Ngoài những công việc ấy, thời gian còn lại dành cho công việc chuyên môn của mình. Như tôi viết ở Chương VII, đây là một công việc hết sức nặng nề đối với tôi, và việc thực hiện đồng thời cả hai nhiệm vụ là một thử thách lớn, đòi hỏi tập trung cao khi chuyển từ nhiệm vụ này sang nhiệm vụ khác.

Do tính cách đặc biệt của nhiệm vụ chuyên môn mà tôi đã được giao, tôi phải xem đó là nhiệm vụ chính của mình. Nhiệm vụ đại biểu Quốc hội là kiêm nhiệm, nhưng vì trách nhiệm đối với nhân dân và với đất nước tôi cũng không thể xem nhẹ. Tôi đặt ra mục tiêu là phải đảm bảo làm tốt nhiệm vụ chuyên môn riêng, và phải đạt yêu cầu đối với nhiệm vụ đại biểu. Làm sao thực hiện được mục tiêu nói trên? Phải biết kết hợp các mặt công tác. Trước hết tôi phải làm tốt công việc chuyên môn của mình để làm cơ sở cho việc đóng góp ý kiến với Quốc hội trong lĩnh vực chuyên môn đó. Thứ hai, tôi phải đóng góp tốt cho Ủy ban KHCNMT của Quốc hội, và qua đó đóng góp những ý kiến xác đáng về những vấn đề khoa học và công nghệ trong các kỳ họp của Quốc hội. Còn những vấn đề khác, tôi

không có quá nhiều tham vọng, nhất là trong thời gian đầu được tôi xem là thời gian “học việc” ở Quốc hội.

Tôi cũng gặp phải một trở ngại quan trọng, là chưa quen phát biểu trước một cử tọa đông người như ở trong Hội trường Quốc hội, vì năng lực “hùng biện” của tôi rất hạn chế. Và để phát biểu có mạch lạc, tôi cần chuẩn bị trước một tài liệu viết hoặc chỉ ít một trang nháp trên đó tôi gạch đầu dòng những ý chính của mình.

Vì những khó khăn ban đầu ấy, tôi trải qua ba kỳ họp mà không phát biểu một lần nào trên Hội trường Quốc hội. Cho tới Kỳ họp thứ tư, tôi mới dám phát biểu một ý kiến liên quan đến nhiệm vụ của Chủ tịch nước. Sau khi tôi phát biểu xong, vào giờ giải lao bác Đỗ Quang Thắng (Năm Thắng), nguyên Bí thư tỉnh ủy Lâm Đồng, lúc ấy đang là Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng, đã tìm gặp và động viên tôi. Anh Năm Thắng đã phát hiện tôi phát biểu trên Hội trường lần đầu tiên, nên khen tôi đã cố gắng vượt qua sự e ngại ban đầu của người đại biểu mới. Tôi rất biết ơn anh về sự động viên đó, rất cần thiết cho tôi lúc bấy giờ.

Ở Kỳ họp thứ sáu, Quốc hội thảo luận về Luật Khoáng sản tại Hội trường. Luật này được giao cho Ủy ban KHHCNMT thẩm tra, nên Ủy ban đã tổ chức họp để thảo luận trước. Kỳ này, tôi quyết định đăng ký phát biểu và đã chuẩn bị đề trình bày trước Quốc hội. Khi được đoàn chủ tịch mời phát biểu, không may hệ thống micro tại chỗ ngồi của các đại biểu bị sự cố, đoàn chủ tịch đề nghị tôi lên phát biểu từ trên bục, thường dành cho những nhân vật quan trọng. Thế là sự cố hệ micro đã làm cho bài phát biểu của tôi trở thành đặc biệt. Đứng về mặt tâm lý, có sự khác nhau rất rõ khi phát biểu từ trên bục và từ ghế ngồi của đại biểu, vì từ trên bục người phát biểu được thấy mặt toàn thể đại biểu Quốc hội, còn từ ghế ngồi của đại biểu thì thấy mặt các vị trong đoàn chủ tịch và đoàn thư ký, nhưng chỉ thấy lưng của những đại biểu ngồi những hàng ghế trước mình. Khi trở về Lâm Đồng, nhiều cử tri cho biết đã xem tôi phát biểu và

khen ngợi bài phát biểu của tôi. Thế là tôi đã đạt được một kết quả khích lệ, cần thiết để động viên mình trong thời gian “học việc”.

Một khuynh hướng thường dễ xảy ra đối với nhiều đại biểu, nhất là các đại biểu mới tham gia hoạt động ở Quốc hội, là “nói theo” những người phát biểu trước mình chứ ít khi dám nói chính kiến của mình một cách thẳng thắn. Bản thân tôi cũng cảm thấy ít nhiều e ngại khi phát biểu, và tôi thấy phải dũng cảm hơn để nói lên ý kiến mà mình cho là đúng và trình bày những lập luận để lý giải chúng.

Tôi nhớ trong một cuộc Hội nghị của Ủy ban KHCNMT với mục đích thảo luận về dự thảo Luật Bảo vệ môi trường. Nội dung đầu tiên được đưa ra thảo luận là về Tên Luật. Ý kiến đầu tiên được nêu lên, tên luật nên là Luật Môi trường với lý do chọn như thế sẽ gọn hơn, và bao quát hơn đối với các vấn đề cần điều chỉnh của môi trường. Các ý kiến tiếp theo đều ủng hộ ý kiến này, và liên tiếp mười người đã phát biểu theo hướng đó. Tôi là người phát biểu thứ 11, và đã phải vận dụng tất cả sự can đảm của mình để nêu lên một ý kiến khác: Theo tôi, nên chọn tên luật là Luật Bảo vệ môi trường, vì lý do tên đó phản ánh đúng nội dung của dự án luật đã được chuẩn bị; hơn nữa chúng ta không nên tham lam đưa vào luật quá nhiều vấn đề trong khi vấn đề cấp bách cần điều chỉnh là bảo vệ môi trường. Sau khi tôi phát biểu, rất nhiều ý kiến ủng hộ quan điểm của tôi. Cuối cùng Chủ nhiệm Ủy ban trưng cầu ý kiến của các thành viên, và kết quả là tên Luật Bảo vệ môi trường đã được đa số chọn. Quốc hội Khóa IX đã thông qua Luật với tên ấy. Tên Luật đã được giữ cho đến ngày nay, sau nhiều lần sửa đổi, bổ sung.

Sau một thời gian làm đại biểu Khóa IX, tôi đã học được một số kinh nghiệm về hoạt động ở Quốc hội. Những vấn đề được đưa ra thảo luận là hết sức rộng rãi, có nhiều vấn đề mang tính tổng quát, nhưng cũng có một số vấn đề cụ thể. Những vấn đề chung thì nên đưa ra thảo luận để tìm những giải pháp phù hợp cho việc giải quyết chúng. Những vấn đề riêng cho từng trường hợp cụ thể thì không

nên đưa ra giải quyết ở Hội trường Quốc hội. Đại biểu Quốc hội nên xem xét và góp ý kiến cho những vấn đề chung, và để làm việc đó có hiệu quả, phải tự mình chọn lọc một số vấn đề, nghiên cứu nguyên nhân và đề xuất giải pháp phù hợp. Chất lượng đóng góp của đại biểu phụ thuộc vào chất lượng phân tích vấn đề và sáng kiến tìm ra những giải pháp thích hợp. Không một đại biểu nào, dù kiêm nhiệm hay chuyên trách, có đủ thì giờ để xem xét và đóng góp ý kiến sâu sắc cho tất cả các vấn đề được nêu lên ở Quốc hội.

Tôi đã tự khám phá một cách làm có hiệu quả để xin được phát biểu. Hội trường rất rộng, có khả năng chứa trên nghìn đại biểu và khách mời, do vậy nhiều trường hợp đại biểu xin lời nhưng không được chủ tịch đoàn hoặc thư ký đoàn trông thấy và ghi tên vào danh sách để mời phát biểu. Vấn đề ở chỗ sau khi giơ thẻ số của mình lên, đại biểu không biết tên mình đã được ghi nhận chưa, nên tiếp tục giơ rất lâu. Nếu số đại biểu đang giơ thẻ quá đông, thì trên bàn chủ tọa hoặc bàn thư ký sẽ không còn nhận biết được những ai là người mới giơ thẻ. Vì vậy tôi chỉ giơ thẻ khi thấy trên bàn chủ tọa hoặc bàn thư ký có người nhìn về phía mình, và tôi giơ thẳng tay để người đó thấy tấm thẻ đang được giơ lên cao. Thế là tôi được nhìn thấy, và còn được ra hiệu để biết mà hạ thẻ xuống. Kỹ thuật giơ thẻ này rất hiệu quả, và tôi không bao giờ phải than phiền, như một đại biểu ở Thanh Hóa, là “mình ở vùng sâu, vùng xa (trong Hội trường), chẳng bao giờ được phát biểu cả”, và “Nếu đoàn chủ tịch không cho tôi phát biểu bây giờ, tôi sẽ trở về địa phương ngay lập tức”!

Với thời gian, tôi dần hiểu được bản chất của công việc xây dựng pháp luật của Quốc hội. Luật là tập hợp của nhiều điều luật, mà những điều luật này có nhiệm vụ điều chỉnh hành vi của các đối tượng thi hành luật. Nếu luật có nhiều loại đối tượng thi hành, thì các điều luật phải được xây dựng như thế nào để hài hòa quyền lợi và nghĩa vụ của các loại đối tượng khác nhau. Nếu sự hài hòa này không thực hiện được, thì tính khả thi của luật sẽ bị hạn chế.

Nói về tính khả thi, tôi thực sự thấm thía rằng không phải cứ ban hành luật, là mọi đối tượng có liên quan sẽ răm rắp thi hành. Về nguyên tắc thì phải như vậy, nhưng trên thực tế không phải lúc nào cũng được như vậy. Ví dụ trong Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, luật nghiêm cấm săn bắt các loài động vật quý hiếm đang có nguy cơ bị hủy diệt. Muốn điều luật này được thi hành, chính quyền phải tạo điều kiện để những người sinh sống dựa vào sự khai thác bất hợp pháp các nguồn lợi từ rừng có những công việc làm ăn chính đáng hơn mà thu hoạch không kém trước. Nếu không có những biện pháp như vậy, thì cũng không thể ngăn cản những người ấy có hành vi phạm pháp.

Tôi cũng đã tham gia cùng Ủy ban KHCNMT trong việc thẩm định một pháp lệnh thuộc lĩnh vực chuyên môn riêng của mình. Đó là Pháp lệnh An toàn và Kiểm soát Bức xạ, ban hành năm 1996. Qua việc tham gia thẩm định công tác xây dựng pháp luật, tôi mới hiểu được là các chuyên gia có vai trò rất quan trọng. Ủy ban có khoảng vài ba chục thành viên, nhưng vẫn không thể bao quát được tất cả các ngành, và vì vậy khi tổ chức những cuộc họp bàn về một văn bản pháp luật, Ủy ban bao giờ cũng mời thêm những chuyên gia trong các ngành chuyên môn có liên quan để giúp Ủy ban nâng cao chất lượng thẩm định của mình. Nhờ sự đóng góp của chuyên gia, các Đại biểu Quốc hội sẽ hiểu tường tận hơn những vấn đề được đưa ra thảo luận và có cơ sở xác đáng hơn để cân nhắc chọn lựa ý kiến phát biểu của mình.

Tôi được tham gia các đoàn giám sát của Ủy ban KHCNMT về những vấn đề thời sự nóng bỏng như xóa đói giảm nghèo, phòng chống lũ lụt, bảo vệ môi trường, tác hại của chất độc da cam, v.v. qua đó tôi hiểu cụ thể hơn về thực trạng của đất nước, và hiệu quả của những giải pháp được đề ra trong các văn bản pháp luật. Mặc dù là Đại biểu kiêm nhiệm, không thể dành hết thời gian cho công tác Quốc hội, nhưng công tác giám sát của Ủy ban chuyên môn đã

có tác dụng sâu sắc đối với sự trưởng thành của tôi trong thời gian “học việc” ở Khóa IX.

Về công tác đối ngoại, vào năm 1993 tôi được tham gia Đoàn đại biểu Quốc hội Việt Nam do Phó Chủ tịch Quốc hội Vũ Đình Cự làm Trưởng đoàn, dự cuộc họp đầu tiên của Diễn đàn Nghị viện Châu Á – Thái Bình Dương (APPF - Asia Pacific Parliamentary Forum) tổ chức tại Tokyo, Nhật bản.

Gần cuối nhiệm kỳ Khóa IX, tôi được cử làm Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội và Cán bộ Văn phòng Quốc hội đi công tác ở Pháp để tìm hiểu về chế độ nghị viện ở đây. Qua chuyến công tác, tôi đã hiểu rõ hơn về cơ sở quyền lực, về tổ chức các nghị viện và cơ chế thông qua các văn bản pháp luật bởi Thượng viện (Sénat) và Hạ viện (Assemblée Nationale - Quốc hội) tại Pháp. Trong chuyến đi, có một buổi trao đổi về tình hình hai phía, đoàn chúng tôi được hỏi về vấn đề bảo vệ rừng ở Việt Nam. Tôi đã nghiên cứu vấn đề này từ trước nên trả lời khá rành mạch, tạo nên sự bất ngờ lý thú của các thành viên trong đoàn. Thực ra, không có gì đáng ngạc nhiên vì tôi là thành viên của Ủy ban KHCCNMT, và cũng là thành viên của Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Lâm Đồng, nơi có tỷ lệ diện tích rừng thuộc hàng cao nhất nước lúc bấy giờ. Phải chăng nhờ tạo được ấn tượng trong chuyến công tác này mà tôi được Quốc hội chú ý vì đoàn đại biểu đi Pháp lần ấy gồm những thành viên thuộc nhiều đơn vị khác nhau trong Quốc hội.

Vào cuối nhiệm kỳ Khóa IX, tôi tự đánh giá mình tuy đã có những đóng góp nhất định với Quốc hội nhưng chưa phải là một đại biểu xuất sắc, vì vậy không chờ đợi được giới thiệu ra ứng cử tiếp vào Khóa X. Nhận định của tôi là đúng, vì Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã không giới thiệu tôi như ở Khóa IX. Thời gian đó, tôi đang thực hiện một chuyến công tác cho ngành Năng lượng nguyên tử ở Hà Nội. Cuộc chuẩn bị bầu cử cho Khóa X đang ở ngày cuối của giai đoạn đăng ký ứng cử viên. Trưa hôm đó, tôi



Cùng Phó Chủ tịch Quốc hội Khóa IX Vũ Đình Cự, tôi dự cuộc họp đầu tiên của APPF ở Nhật (1993)

đến viếng ông Vụ trưởng Vụ Hành chính của Văn phòng Quốc hội vừa qua đời tại nhà tang lễ, thì gặp một cán bộ của Vụ Tổ chức đang tìm gặp tôi. Anh ấy bảo tôi về ngay Văn phòng Quốc hội để gặp Chủ nhiệm Văn phòng có việc gấp. Chủ nhiệm Vũ Mão cho biết Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị tôi ra ứng cử Đại biểu Quốc hội Khóa X và dự kiến tôi sẽ làm đại biểu chuyên trách. Với sự giúp đỡ tích cực của Văn phòng Quốc hội, tôi đã nhanh chóng làm thủ tục để kịp nộp hồ sơ ứng cử trước giờ khóa sổ. Sau này, tôi được biết trong giai đoạn chuẩn bị về nhân sự, do nhiều Ủy ban có nguyện vọng muốn nhận tôi nên đã có cuộc thảo luận về vấn đề tôi sẽ vào Ủy ban nào, cuối cùng tôi được quyết định sẽ vào Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường nếu được bầu vào Quốc hội. Tôi nghĩ đó là sự chọn lựa hợp lý nhất cho tôi.

Đại biểu Quốc hội, Phó Chủ nhiệm Ủy ban KHCNMT – Quốc hội Khóa X (1997–2002)

Đại biểu Quốc hội chuyên trách

Tôi lại trải qua một kỳ tiếp xúc cử tri với tư cách là ứng cử viên như với Khóa IX năm năm trước. Nhưng lần này tôi đã có thêm kinh nghiệm nên không lúng túng như kỳ trước. Mỗi ứng cử viên trình bày chương trình hành động của mình, sau đó cử tri bình luận hoặc hỏi thêm. Đây là một lời bình luận đối với tôi: qua nghe phát biểu, cử tri cảm thấy tôi là người có hiểu biết đúng đắn về quan điểm quần chúng của Bác Hồ. Tôi được một cử tri khác hỏi tôi một câu rất khó: vì sao là Viện trưởng Viện Nghiên cứu hạt nhân mà tôi không phải là đảng viên? Tôi đã trả lời: “Nhà nước có thể có một lý do - mà tôi không biết - khi chọn tôi làm Viện trưởng mặc dù tôi không là đảng viên, hoặc Đảng có một lý do để không kết nạp tôi làm đảng viên mặc dù tôi đã được cử làm Viện trưởng. Quý vị cử tri nên đặt câu hỏi này cho Đảng và Nhà nước hơn là cho tôi.”

Cuộc bầu cử Đại biểu Quốc hội Khóa X kết thúc, tôi được trúng cử với một tỷ lệ rất cao. Trong Kỳ họp đầu tiên của Quốc hội, tôi được đề nghị làm thành viên và làm Phó Chủ nhiệm của Ủy ban KHCCNMT. Quốc hội đã thông qua các đề nghị này. Thường trực của Ủy ban gồm Chủ nhiệm Vũ Đình Cự và 3 Phó Chủ nhiệm, là Ts.Vũ Minh Mão, Gs. Phạm Thị Trân Châu và tôi, cùng các thành viên chuyên trách của Ủy ban. Tôi được phân công làm Phó Chủ nhiệm chuyên trách phía Nam, có phòng làm việc tại Văn phòng Quốc hội phía Nam đặt tại TP.HCM. Nhưng công việc của Ủy ban đòi hỏi tôi phải ra Hà Nội làm việc rất thường xuyên, nên khi có ai hỏi tôi làm việc và sinh sống ở đâu, thì câu trả lời nửa đùa nửa thật của tôi là “Tôi thường trú ở Đà Lạt, thường trực ở TP.HCM và thường xuyên ở Hà Nội”.



Thăm rừng thông Đà Lạt (1998)



Tiếp Đoàn Đại biểu Quốc hội Pháp đến thăm Đà Lạt (2000)

Công việc của tôi trong Đoàn Đại biểu Quốc hội đơn vị Tỉnh Lâm Đồng có phần thu gọn lại vì tôi ít khi có mặt ở Lâm Đồng. Tuy nhiên tôi vẫn cố gắng trở về để tiếp xúc và báo cáo cử tri trước và sau mỗi Kỳ họp Quốc hội. Thỉnh thoảng tôi mới tham gia được một buổi tiếp dân, vì quá bận rộn với các công việc của Ủy ban.

Một vài lần tôi tham gia hội thảo do Ủy ban chúng tôi tổ chức tại Đà Lạt, nhân các dịp đó với tư cách là thành viên Đoàn Đại biểu Quốc hội đơn vị Tỉnh, tôi đã hướng dẫn các đại biểu dự hội thảo đi thăm một số nơi của Thành phố Đà Lạt và của Tỉnh Lâm Đồng.

Công việc của tôi ở Ủy ban KHCNMT

Công việc của tôi căn cứ vào nhiệm vụ của Ủy ban, quy định trong Luật về Quốc hội. Trong Thường trực Ủy ban, ngoài nhiệm

vụ chuyên trách phía Nam tôi được phân công đảm nhiệm các vấn đề về môi trường. Thường trực Ủy ban, đặc biệt Chủ nhiệm và các Phó Chủ nhiệm có trách nhiệm phát huy sự đóng góp của tập thể các thành viên Ủy ban ở mức tốt nhất có thể, để thực hiện nhiệm vụ của Ủy ban theo thẩm quyền và các công việc được phân công cho Ủy ban. Ở Khóa IX, tôi chưa nhận thức được nhiệm vụ và công việc của Ủy ban là nặng nề như thế. Bây giờ ở Khóa X làm Phó Chủ nhiệm, tôi mới thấy rõ điều đó, và không chỉ thấy mà còn phải gánh vác và góp phần hoàn thành các nhiệm vụ của Ủy ban.

Trong vai trò thẩm định của Ủy ban

Trong mỗi kỳ họp, Ủy ban KHCNMT thẩm định các lĩnh vực thuộc thẩm quyền, như các nội dung liên quan đến khoa học, công nghệ và môi trường trong báo cáo của Chính phủ; hoặc thẩm định các Dự án Luật, Pháp lệnh trong các lĩnh vực được Quốc hội phân công. Ở Quốc hội, công việc thẩm định của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội về công việc của Chính phủ, các Bộ ngành cũng như về các Dự án Luật, Pháp lệnh bao giờ cũng căn cứ trên các Báo cáo, Dự thảo liên quan. Do vậy để có thể thực hiện các công việc đó với chất lượng, các Báo cáo, Dự thảo phải được gửi đến các cơ quan thẩm định đủ sớm. Trong trường hợp các Dự án Luật, công việc chuẩn bị của Chính phủ còn được theo dõi trực tiếp bởi những thành viên được phân công của cơ quan thẩm định.

Một trong những vấn đề lớn của Quốc hội Khóa X là quy định các Công trình Quan trọng Quốc gia mà Chính phủ phải trình Quốc hội xem xét và thông qua. Quốc hội đã phân công cho Ủy ban chúng tôi thẩm định Dự thảo Nghị quyết về vấn đề này do Chính phủ chuẩn bị. Ngay sau khi Quốc hội thông qua Nghị quyết này, Chính phủ đã trình Quốc hội xem xét, thông qua 3 Dự án Công trình Quan trọng Quốc gia là Dự án Trồng mới 5 triệu ha rừng, Dự án Nhà máy Lọc dầu Dung Quất và Dự án Khí Điện Đạm Bà Rịa - Vũng Tàu. Đây là những công việc thẩm định đầu tiên của Ủy ban chúng tôi ở

Quốc hội Khóa X. Việc thực hiện và khai thác các Dự án Công trình Quan trọng Quốc gia được Quốc hội giám sát chặt chẽ. Nhờ vậy, những vấn đề phát sinh trong giai đoạn thực hiện cũng như khai thác công trình đều được Quốc hội phát hiện kịp thời và quyết định các biện pháp tháo gỡ những vướng mắc.

Một vấn đề lớn khác mà Quốc hội Khóa X có trách nhiệm giải quyết và cũng liên quan đến một Công trình Quan trọng Quốc gia, là xem xét Dự án Nhà máy Thủy điện Sơn La. Vấn đề là phải chọn giữa hai phương án “Sơn La cao” và “Sơn La thấp”. Mọi người đều biết, một hồ tích nước có nhiều công dụng khác ngoài sản xuất điện năng, như chống lũ lụt trong mùa mưa, cấp nước tưới trong mùa khô, khai thác du lịch, nuôi trồng và khai thác thủy sản,... Nhưng đối với Tổng Công ty Điện lực, mục đích sản xuất điện là chủ yếu. Mục đích này sẽ thực hiện được với một đập nước càng cao càng tốt, đối với Thủy điện Sơn La là phương án “Sơn La cao”. Nhưng khi tiến hành thẩm định chúng tôi thấy cần phải xem xét trường hợp xảy ra sự cố vỡ đập thì hậu quả sẽ như thế nào đối với an toàn của vùng hạ du. Sau khi thực hiện tính toán với nhiều độ cao của đập nước, kết quả cho thấy phương án “Sơn La cao” là không thể chấp nhận được về mặt an toàn cho vùng hạ du nhà máy Thủy điện. Tuy nhiên, cuộc tranh cãi đã chiếm mất quá nhiều thời gian cho nên vấn đề chưa thể kết thúc trong nhiệm kỳ của Quốc hội Khóa X, đành phải để lại cho Khóa sau giải quyết.

Tôi nhắc lại một ít chi tiết bổ sung về cuộc tranh cãi này. Trong dự án Nhà máy Thủy điện Sơn La, Nhà thiết kế đã chủ trương xây đập trọng lực, với ý nghĩa là đập sẽ đứng vững nhờ trọng lực của bản thân đập. Các nhà thiết kế theo lý thuyết, đồng thời căn cứ vào ý kiến của một Công ty tư vấn nước ngoài, cho rằng đã là đập trọng lực thì không thể bị vỡ. Ủy ban chúng tôi đã yêu cầu Vụ KHCNMT giúp tìm trên mạng danh sách các sự cố vỡ đập đã xảy ra đối với các đập trọng lực, và đã tìm thấy một sự cố như thế. Thực tế đã cho phép phủ định quan điểm lý thuyết và ý kiến tư vấn của chuyên gia

nước ngoài. Đây là một bài học quý giá, là phải vận dụng các nguồn thông tin khác nhau chứ không thể nhắm mắt tin vào những ý kiến tư vấn của chuyên gia, kể cả khi họ là chuyên gia nước ngoài.

Trong các Kỳ họp, ngoài những báo cáo chính thức của Chính phủ về tình hình và nhiệm vụ, các báo cáo thẩm định của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban chuyên môn, nếu các đơn vị khác của Quốc hội có nhu cầu tham luận thì vẫn có thể đề nghị đưa tham luận của mình vào chương trình làm việc của Quốc hội. Trong Khóa X, Chủ nhiệm Ủy ban đã vài lần ủy nhiệm tôi chuẩn bị và đọc tham luận của Ủy ban tại Hội trường Quốc hội. Các báo cáo tham luận này thường đề cập đến những vấn đề tổng quát về khoa học, công nghệ và môi trường của đất nước, nhằm giúp Đại biểu Quốc hội có điều kiện bổ sung hiểu biết và nâng cao tầm nhìn về các lĩnh vực này.

Có thể nói, Đại biểu Quốc hội với những khả năng phát biểu sắc bén của mình hoàn toàn có khả năng đóng góp có chất lượng vào hoạt động của Quốc hội. Câu chuyện sau đây liên quan đến một phát biểu trước Quốc hội đã có giá trị “làm nên lịch sử” vì đã tạo điều kiện cho sự phát triển của sự nghiệp khoa học và kỹ thuật.

Trong Nghị quyết số 37 năm 1981 và Nghị quyết số 26 năm 1991 của Bộ Chính trị, đã khẳng định vai trò then chốt của khoa học và kỹ thuật đối với sự phát triển của đất nước, và quy định Nhà nước phải dành cho kinh phí sự nghiệp khoa học ít nhất 2% ngân sách hằng năm. Tuy vậy, trong một thời gian nhiều năm sau đó, tỷ lệ dành cho sự nghiệp khoa học chỉ đạt được khoảng 1% ngân sách! Kinh phí quá ít, không đủ tạo động lực phát triển các ngành khoa học và kỹ thuật, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển của đất nước. Điều này đã gây bức xúc đối với giới khoa học và kỹ thuật trong nước và với nhiều Đại biểu Quốc hội. Trong một phiên họp Quốc hội Khóa X, Đại biểu đoàn Thanh Hoá Nguyễn Văn Tri, thành viên Ủy ban KHCNMT, đã bất ngờ đặt một câu hỏi với Bộ trưởng Bộ Tài chính: “Tôi xin hỏi, khi Bộ trưởng chuẩn bị đề trình Quốc

hội mà dành tỷ lệ cho ngân sách sự nghiệp khoa học ít hơn 2% một cách đáng kể, thì có quan tâm đến việc chấp hành Nghị quyết của Bộ Chính trị hay không?”. Câu hỏi đó đã tạo sức ép để cải thiện tỷ lệ ngân sách cho khoa học kỹ thuật những năm sau đó!

Đối với việc thẩm định các dự án luật, tôi được phân công theo dõi việc xây dựng một số luật, pháp lệnh trong các lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường. Về luật, tôi được giao theo dõi và thẩm định các Dự án Luật Tài nguyên nước và Luật Thủy sản. Về pháp lệnh, tôi được giao phụ trách các Dự án Pháp lệnh Phòng, Chống lụt, bão; Pháp lệnh Đê điều; Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi; Pháp lệnh Đo lường; Pháp lệnh Chất lượng hàng hóa. Ngoài ra tôi cũng tham gia thẩm định một số dự án luật và pháp lệnh khác, như Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Giáo dục; Pháp lệnh Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Pháp lệnh Vệ sinh An toàn thực phẩm, v.v.

Trong vai trò giám sát của Ủy ban

Ủy ban chúng tôi, cũng như Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban khác, thực hiện nhiệm vụ giám sát của Quốc hội theo từng nội dung được quyết định trước hoặc theo thẩm quyền, tại các Bộ, ngành hoặc địa phương khác nhau để có một tầm nhìn chung đối với những nội dung đó. Trước khi tiến hành công việc giám sát, Vụ KHCNMT giúp Ủy ban gửi công văn đến những nơi sẽ tiến hành giám sát để yêu cầu được cung cấp bằng văn bản các thông tin liên quan đến nội dung giám sát. Vụ cũng giúp Ủy ban thành lập đoàn giám sát, gồm Trưởng đoàn (thường là Chủ nhiệm hay một Phó Chủ nhiệm Ủy ban), một số thành viên Ủy ban và một vài chuyên gia trong các lĩnh vực giám sát. Sau khi nhận được tài liệu báo cáo của các đối tượng giám sát, các thành viên Đoàn giám sát được triệu tập và nhận tài liệu để chuẩn bị chuyển đi giám sát.

Cũng phải nói rằng tài liệu báo cáo thường chỉ cung cấp những



Chụp ở Mũi Cà Mau, nhân chuyến đi khảo sát phục vụ công việc thẩm định Dự án Luật Thủy sản (2002)

thông tin cơ bản nhất về vấn đề liên quan đến nội dung giám sát, còn những vấn đề có liên quan mà báo chí nói đến nhiều thì khó tìm thấy. Do vậy, tôi có thói quen mỗi khi đọc báo mà tìm thấy những thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ của mình thì lưu giữ chúng lại (ngày nay với sự phổ biến của internet, thì công việc này dễ dàng hơn nhiều!). Đến khi cần, tôi đưa chúng ra sử dụng và chia sẻ với các thành viên Đoàn giám sát. Nhờ vậy, Đoàn giám sát có được những thông tin mang tính thời sự và sẵn sàng đặt những câu hỏi sát hợp hơn với thực tế. Những vấn đề được đề cập tới trong chuyến đi giám sát được Đoàn xem xét và Trưởng đoàn kết luận, với những ý kiến về thực trạng và những đề xuất về những việc cần làm. Ủy ban kết thúc chuyến đi giám sát bằng một bản Báo cáo giám sát gửi đến Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các đối tượng giám sát.

Sau đây tôi ghi thêm một số kết quả liên quan đến công tác giám sát môi trường của Ủy ban chúng tôi. Như đã nói ở phần trên, tôi đã được lãnh đạo Ủy ban phân công theo dõi vấn đề bảo vệ môi trường. Tôi có thể đưa ra một nhận xét chung, là trong một thời gian tương đối dài, chúng ta đã ưu tiên cho nhiệm vụ phát triển kinh tế và xem nhẹ nhiệm vụ bảo vệ môi trường, nhưng lẽ ra hai nhiệm vụ đều phải được coi trọng và thực hiện song song trong quá trình phát triển.

Ở các Khóa IX và X, Việt Nam theo chủ trương đã tiến hành mở cửa đón các nhà đầu tư vào tham gia phát triển kinh tế một cách mạnh mẽ. Các địa phương đua nhau quy hoạch khu công nghiệp, khu chế xuất và thu hút các nhà đầu tư đến thuê đất để xây dựng nhà máy tại địa phương mình với những điều kiện hấp dẫn. Giá đất cho thuê rẻ là một điều kiện hấp dẫn quan trọng, nhưng cũng còn những điều kiện hấp dẫn khác, tuy không chính thức nói ra nhưng có thể hiểu ngầm, là địa phương chưa áp dụng chặt chẽ những yêu cầu của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Trong các Khu công nghiệp, Khu chế xuất mà những đoàn giám sát của Ủy ban chúng tôi đi qua, chỉ có một Khu công nghiệp (Việt Nam – Singapore ở Bình Dương) là đã áp dụng nghiêm chỉnh những yêu cầu này từ đầu, còn lại đều làm theo kiểu “cuốn chiếu”. Về phía Chủ đầu tư của các Khu công nghiệp, lẽ ra cơ sở hạ tầng đã phải được chuẩn bị sẵn, đặc biệt cơ sở xử lý nước thải tập trung phải sẵn sàng nhận nước thải từ những nhà máy đầu tiên đi vào hoạt động. Nhưng phần lớn các Chủ đầu tư chỉ cam kết xây dựng cơ sở xử lý nước thải tập trung khi 50% diện tích Khu công nghiệp được lấp đầy. Các nhà máy theo quy định cũng phải có cơ sở xử lý sơ bộ nước thải trước khi chuyển về cho cơ sở xử lý tập trung, nhưng nếu không có sự kiểm tra nghiêm ngặt của Khu công nghiệp, thì họ vẫn tuồn nước thải ra môi trường mà không qua cơ sở xử lý sơ bộ.

Thực tế đã diễn ra đúng như vậy với hậu quả là môi trường bị ô nhiễm nặng nề, nhiều con sông trở thành những dòng nước đen hôi

hám mà không sinh vật nào có thể tồn tại. Đến lúc đó, các cơ quan quản lý phải yêu cầu lắp đặt thiết bị đo mức độ ô nhiễm tại vị trí thải của các nhà máy và của khu công nghiệp và kết quả đo phải được kết nối với Cơ quan quản lý môi trường của các địa phương để theo dõi trực tuyến.

Nếu không có những thảm họa môi trường như đã xảy ra, thì việc quản lý về môi trường vẫn sẽ tiếp tục lỏng lẻo. Chúng ta đã trả giá đắt đối với sự phát triển bền vững, vì muốn đi quá nhanh mà phải hy sinh nhiệm vụ bảo vệ môi trường. Nhiều bài học đã được rút ra từ kinh nghiệm của thế giới, nhưng nước ta đã không tiếp thu. Đến khi nhận thức được vấn đề một cách sâu sắc, chúng ta phải tốn kém hơn rất nhiều để sửa sai, nếu so sánh với những gì có thể đạt được nếu thực hiện nghiêm chỉnh nhiệm vụ quản lý môi trường từ đầu.

Hiện nay Việt Nam đang là một trong những nước đứng đầu trong việc gây ô nhiễm môi trường biển bởi các chất thải nhựa. Chúng ta cần triển khai lập tức những biện pháp tích cực và hiệu quả để giải quyết vấn đề này, nếu không thì những cam kết của Việt Nam trước cộng đồng quốc tế sẽ chỉ là những lời nói suông mà thôi.

Nâng tầm hiểu biết về những vấn đề cần thiết cho Đại biểu Quốc hội và Cán bộ quản lý ở địa phương

Dưới sự lãnh đạo của Gs.TsKH Vũ Đình Cự, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy ban KHCNMT có chủ trương tạo điều kiện để tăng cường hiểu biết của Đại biểu Quốc hội về những vấn đề liên quan đến một số Dự án Luật mà Ủy ban được giao trách nhiệm hoặc tham gia thẩm định, bằng cách xây dựng và cho ấn hành những quyển sách về các nội dung tương ứng. Một số sách như thế đã được phát hành bởi NXB Chính trị Quốc Gia, với các nội dung như “Tài nguyên nước và Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa” (a), “Giáo dục Hướng tới Thế Kỷ 21” (b), “Khoa học và Công nghệ Hướng tới Thế Kỷ 21 – Định hướng và Chính sách” (c). Trong mỗi quyển sách nói trên, tôi

đã biên soạn một Chương: (a) Chương II – Đánh giá tài nguyên nước của Việt Nam; (b) Chương III – Một số vấn đề của Giáo dục Việt Nam; (c) Chương III – Công nghệ Năng lượng Hạt nhân trong Thế Kỷ 21 (cùng viết với PGsTs Nguyễn Tiến Nguyên, Giám đốc Viện Năng lượng Nguyên tử Việt Nam).

Ủy ban KHCNMT cũng quan tâm đến nhiệm vụ nâng cao trình độ của cán bộ quản lý các địa phương, nên đã tổ chức một số khóa huấn luyện chuyên đề về những vấn đề liên quan đến những lĩnh vực mà Ủy ban được phân công.

Ngoài những công việc thực hiện trong thời gian hai khóa Quốc hội, tôi có một bài nghiên cứu nhân dịp kỷ niệm 60 năm hình thành Quốc hội. Bài này viết vào năm 2005 về “Tổ chức và Hoạt động của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội”.

Tham gia công tác đối ngoại của Quốc hội

Ngay đầu Khóa X, tôi đã tham gia một Đoàn công tác của Quốc hội, do Phó Chủ tịch Trương Mỹ Hoa làm Trưởng đoàn, đến thăm các thành phố Quảng Châu, Thẩm Quyến ở Trung Quốc và dự Hội nghị Quốc tế về Môi trường tại Quế Lâm. Ở Quảng Châu, Đoàn đến thăm nơi Bác Hồ đã tổ chức lớp đào tạo cán bộ chính trị cao cấp của cách mạng Việt Nam, rồi đến thăm mộ của liệt sĩ Phạm Hồng Thái tại Nghĩa trang Hoàng Hoa Cương. Ở Thẩm Quyến, một trung tâm công nghiệp mới và là niềm tự hào của Trung Quốc, chúng tôi được đến tham quan một trong những thành tựu nổi bật nhất của nền kinh tế Trung Quốc lúc bấy giờ. Ở Quế Lâm, chúng tôi dự Hội nghị Quốc tế về môi trường ở một nơi mà Trung Quốc tự hào vì đã giải quyết được vấn đề ô nhiễm môi trường rất phiền nhiễu đối với một trung tâm du lịch quan trọng. Các đoàn khách quốc tế được



Đoàn Đại biểu Quốc hội Khóa X thăm mộ Liệt sĩ Phạm Hồng Thái tại Nghĩa trang Hoàng Hoa Cương, Trung Quốc (1998)

tham quan khu xử lý nước thải của Thành phố, và nghe một bài báo cáo về công tác bảo vệ môi trường của Trung Quốc.

Những gì nghe được ở Hội nghị Quế Lâm thật là hấp dẫn, thuyết phục, nhất là phương hướng phát triển kinh tế đi cùng với bảo vệ môi trường. Nhưng ngày nay, sau hơn 20 năm, theo dõi sự phát triển của Trung Quốc và quan sát kết quả bảo vệ môi trường tại nước này thì có thể thấy giữa báo cáo trình bày tại Hội nghị và thực tế môi trường ở Trung Quốc hiện nay vẫn còn một khoảng cách khá xa.

Tôi cũng được Ủy ban KHCNMT cử đi dự một số hội nghị quốc tế liên quan đến môi trường, như tại Singapore về vấn đề “Quản lý xuyên biên giới các chất thải nguy hại”, và tại Hàn quốc về vấn đề “Bảo vệ môi trường và Phát triển Bền vững” để chuẩn bị cho Hội nghị Thượng đỉnh về Phát triển Bền vững Johannesburg (2002).



Đoàn Đại biểu Ủy ban KHCNMT (Khóa X) đi thăm hữu nghị nước Lào (2002)

Vào cuối năm 2001, Ủy ban chúng tôi tổ chức một Đoàn Đại biểu đi thăm hai nước Lào và Campuchia do tôi làm Trưởng đoàn. Cuộc thăm viếng tập trung vào nội dung tăng cường mối quan hệ trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và môi trường giữa Quốc hội Việt Nam và Quốc hội của hai nước bạn.

Chúng tôi đến Viêng Chăn và đã được phía bạn Lào tiếp đón thân mật, niềm nở. Đây là lần đầu tiên tôi đến thăm Viêng Chăn. Thủ đô của nước bạn là một thành phố đẹp, hiền hòa, không nhộn nhịp như các thành phố của Việt Nam. Bạn Lào tổ chức liên hoan thân mật với đoàn đại biểu Việt Nam, và tôi có dịp làm quen với tục “buộc chỉ cổ tay” và điệu múa lăm vông rất vui. Đoàn chúng tôi được đưa đến khu kỷ niệm tình hữu nghị giữa hai nước, nơi mà các đoàn khách Việt Nam, đặc biệt các vị lãnh đạo của nước ta đến thăm nước bạn đều đã được mời trồng cây lưu niệm.



Đoàn Đại biểu Ủy ban KHCNMT (Khóa X) thăm Campuchia (2002)

Trong chuyến công tác của đoàn tại Campuchia, tôi có dịp tiếp kiến Hoàng thân Ranariddh, Chủ tịch Quốc hội Campuchia. Hoàng thân tiếp đoàn chúng tôi và nói chuyện thân mật với tôi bằng tiếng Pháp về những kỷ niệm khi ông còn là sinh viên du học tại Pháp và cư ngụ tại Đại học xá Paris, vào khoảng thời gian tôi trú ngụ tại Nhà Đông Dương trong cùng Đại học xá. Đoàn chúng tôi đi Siemreap để thăm Angkor Wat, một kỳ quan vĩ đại của thế giới, và là niềm tự hào của dân tộc Khơ-me. Tôi có dịp chiêm ngưỡng kỳ quan này, đúng là danh bất hư truyền. Đất nước Campuchia đã trải qua một

thời kỳ văn minh rực rỡ, để lại cho nhân dân Campuchia một di sản văn hóa vô cùng quý giá.

Năm 2002, năm kết thúc nhiệm kỳ Quốc hội Khóa X, tôi được tham gia một Đoàn Đại biểu Quốc hội, do Phó Chủ tịch Vũ Đình Cự, Chủ nhiệm Ủy ban KHCNMT dẫn đầu đến thăm 3 nước Cộng hòa Liên bang Nga, Cộng hòa I-ta-lia và Cộng hòa Ả-rập Ai Cập.

Ở Liên bang Nga, chúng tôi làm việc tại Mat-xcơ-va và được Phó Thủ tướng Nga tiếp. Đoàn chúng tôi có nhiệm vụ tranh thủ phía Nga xóa các khoản nợ đã tích dồn trong những năm tháng chiến tranh, để chuyển thành những hạng mục hàng hóa mà Việt Nam sẽ chuyển giao đến Liên Bang Nga với những điều kiện thuận lợi. Đề nghị đó được phía Nga chấp thuận. Chúng tôi rất vui nhờ kết quả ngoại giao đó của Quốc hội. Tiếp theo, Đoàn chúng tôi đi thăm Hồng trường và chụp nhiều hình ảnh tại đây. Xưa nay tôi đã được nghe nói về Hồng trường, nhưng đây là lần đầu tôi được bước chân đến quảng trường nổi tiếng này. Cả đoàn đi bộ trên đá lát của Hồng trường, và chiêm ngưỡng các công trình nổi tiếng mà mọi người quen thấy mỗi khi có dịp ngắm một tấm hình chụp tại đây.

Từ Mat-xcơ-va, chúng tôi đến Leningrad bằng phương tiện đường sắt. Đây là một trong những thành phố đẹp nhất mà tôi từng được thấy. Chúng tôi đến thăm Bảo tàng Hermitage, một trong những viện bảo tàng danh tiếng nhất thế giới. Ghé thăm Cung điện mùa Đông, Nhà thờ chính tòa Thánh Isaac. Đến bên bờ sông Neva để chiêm ngưỡng chiếc tuần dương hạm Rạng Đông, một trong những biểu tượng của Cách mạng tháng 10 Nga lịch sử. Saint Petersburg đã từng được UNESCO sắp hạng là một trong 8 thành phố du lịch đặc sắc nhất thế giới.

Chuyến thăm lần đó diễn ra trong mùa thu vì lá đã vàng trên các ngọn cây. Tôi rất thích nhìn ngắm những khu rừng bạch dương, với thân cây màu trắng lố chỗ những đốm nâu trông rất ngoạn mục. Anh chị em trong đoàn thi nhau chụp phong cảnh rừng và cây bạch

duyên. Lúc ấy trong đoàn nổ ra một cuộc tranh luận, vì mọi người thấy cảnh đẹp thì chụp lia lịa, còn tôi thì cho rằng cảnh có thể đẹp, nhưng nếu người chụp chịu khó để hồn mình vào khi chụp, thì ảnh sẽ càng đẹp hơn. Cuộc tranh luận không ngã ngũ được, vì tôi không có sẵn một lập luận khoa học nào ngoài nhận xét chủ quan để giải thích quan điểm của mình. Đây là một chủ đề có thể đưa ra tranh luận tiếp trong giới nghệ sĩ nhiếp ảnh!

Ở *I-ta-lia*, đoàn chúng tôi đến viếng thủ đô Ro-ma và thành phố Vơ-ni-dơ nổi tiếng. Ngoài ra chúng tôi cũng đến viếng Tòa thánh Vatican. Về mặt hành chính, Vatican là một quốc gia độc lập, nhưng lại nằm gọn bên trong Ro-ma. Vị trí đặc biệt của Vatican làm cho việc chúng tôi đến viếng Tòa thánh khi đang ở Ro-ma thật là thuận tiện. Về mặt chính thức, đoàn chúng tôi là khách của I-ta-lia, đang đến thăm và làm việc ở thủ đô Ro-ma, vì vậy chúng tôi đến Vatican *incognito*, với sự hướng dẫn của một cán bộ ngoại vụ I-ta-lia. Theo dòng người chúng tôi đi bộ một đoạn đường nửa cây số, qua một quảng trường dài và rộng đặt đầy ghế dành cho các sự kiện quan trọng của Vatican, rồi bước vào bên trong Tòa Thánh. Vương cung Thánh đường Thánh Phêrô về nguyên tắc dài rộng hơn tất cả các nhà thờ khác trên thế giới. Vì vậy, khi đi vào lối giữa, du khách có thể thấy những vạch ngang ghi chiều dài của các nhà thờ lớn khác trên thế giới để so sánh và nhìn nhận Vương cung Thánh đường Thánh Phêrô, với chiều dài 186m, quả là dài hơn các nhà thờ khác.

Chúng tôi được đưa đến chiêm ngưỡng các công trình kiến trúc cổ đặc sắc của Ro-ma. Nói theo chuyên môn, kiến trúc cơ bản của các công trình này thuộc kiểu baroque, và đó là một yếu tố quan trọng để Ro-ma, với chiều dài lịch sử 28 thế kỷ, được xem là tâm điểm của nền văn hóa châu Âu. Tôi không còn nhớ hết những nơi đã được xem, chỉ ghi lại một vài công trình ấn tượng nhất: Đấu trường La-Mã; Đài tưởng niệm quốc gia Vittoriano; đài phun nước Trevi; điện Pantheon, v.v. Nếu ai thích xem những công trình kiến trúc cổ, đến Ro-ma thì sẽ được thỏa mãn hoàn toàn! Thực ra, đây

không phải lần đầu tôi đến Ro-ma, vì tôi đã đến đây năm 1960 khi cùng vài bạn học đến xem Thế vận hội. Nhưng lần này khác trước là chúng tôi được đi cùng với một hướng dẫn viên chuyên nghiệp, nên những điều muốn biết thì chúng tôi được giải thích cặn kẽ.

Đoàn chúng tôi cuối cùng đến viếng Vơ-ni-dơ, một thành phố nổi tiếng là thơ mộng thường dành cho những đôi trai gái đang yêu. Thành phố xây trên mấy trăm hòn đảo lớn nhỏ, nối với nhau bằng những chiếc cầu. Phương tiện giao thông chủ yếu ở đây là đường thủy. Du khách ưa chuộng sử dụng những con thuyền đáy phẳng được gọi là gông-đôn, trên đó chỉ có một người chèo mà đồng thời cũng là nhạc công chuyên đàn hát cho du khách nghe những bài hát trữ tình ngọt ngào, phù hợp với phong cảnh nơi đây. Vơ-ni-dơ do vị trí và kiến trúc của thành phố, thường phải đối phó với vấn đề ngập nước và cũng có kinh nghiệm giải quyết vấn đề này, điều mà chúng ta có thể tham khảo. Chúng tôi được các bạn I-ta-lia trao tặng một tập tài liệu về xử lý vấn đề ngập nước tại Vơ-ni-dơ.

Ở Ai Cập: Đoàn chúng tôi kết thúc chuyến công tác với việc đi thăm nước Cộng hòa Ả rập Ai Cập. Ngoài các cuộc tiếp xúc với các vị lãnh đạo nước bạn, chúng tôi được hướng dẫn đi thăm nhiều di tích lịch sử như các kim tự tháp và các nhân sư ở Ghi-za gần Cai-Rô, và những di tích kiến trúc vùng Luxor cách Cai-Rô khoảng sáu bảy trăm km về phía Nam. Ai Cập nổi tiếng là một cái nôi của văn minh loài người. Người dân Ai Cập rất tự hào về mức độ cổ xưa của các di tích. Khi đứng trước những công trình vĩ đại mà chúng tôi được chiêm ngưỡng, người hướng dẫn viên Ai Cập nói với chúng tôi: các bạn hãy nghĩ đến các di tích cổ đại ở một số nơi khác, như La Mã, Hy Lạp, tuổi của chúng so với chúng ta ngày nay cách nhau như thế nào thì tuổi của các di tích cổ Ai Cập so với các di tích La Mã, Hy Lạp cách nhau như thế ấy. Như vậy là khoảng trên 4000 năm! 4000 năm trước, thời đại của vua Hùng thứ nhất, người Ai Cập đã có một nền văn minh rực rỡ, đủ khả năng xây dựng những công trình vĩ đại như thế của loài người. Không hiểu làm thế nào

mà người Ai Cập có thể để lại cho lịch sử những minh chứng về trình độ văn minh của họ như vậy. Chúng tôi đã được hướng dẫn đi vào sâu bên trong kim tự tháp Cheops. Các kim tự tháp ở Ai Cập với tổng số trên 100 công trình lớn nhỏ đều được xây dựng làm nơi an nghỉ của các vị vua Ai Cập cổ (pharaon). Bên trong kim tự tháp này là một hệ thống lối đi bí hiểm và phức tạp xuyên qua những căn phòng tối tăm, tạo nên một mê hồn trận mà nếu không có bản đồ hoặc người hướng dẫn chuyên nghiệp thì không biết làm thế nào du khách có thể tìm được lối ra.

Chúng tôi cũng được đến thăm khu bảo tàng lịch sử của Ai Cập, nơi có thể chiêm ngưỡng di hài của những vị vua Ai Cập cổ. Các di hài thường được bó trong những cuộn vải, và đặt trong những áo quan có hình dạng đặc biệt chỉ tìm thấy được ở Ai Cập. Vào xem khu bảo tàng, tôi cảm nhận rõ hơn chiều thời gian trong sự phát triển của nhân loại. Chúng tôi là những người đang sống ở đầu thế kỷ XXI, nhưng lại đang đứng giữa các di hài của những người đã sống ở những thời kỳ rất xa xưa, 40 đến 45 thế kỷ trước đây.

Ngoài các di tích cổ nói trên, chúng tôi được đưa đến thăm Thư viện Alexandria, được xây dựng mới từ Thư viện cổ nổi tiếng thành lập vào Thế kỷ thứ 3 trước Công nguyên bởi Nhà vua Ptolemy I, thời kỳ mà sách được chép trên các cuộn papyrus, và sau đó trên những cuộn da thuộc. Các vị vua Ptolemy I, II, III, bằng các biện pháp thu thập sách trên thế giới, đã nối tiếp nhau thể hiện sự quyết tâm rất lớn trong việc xây dựng thư viện Alexandria. Tuy nhiên, vì một lý do tôi không nhớ rõ, chúng tôi đã không được vào thăm bên trong mà chỉ đi loanh quanh bên ngoài để chiêm ngưỡng một công trình văn hóa lừng lẫy tiếng tăm của thế giới.

Chuyến thăm viếng hữu nghị đến 3 nước đã kết thúc. Ngoài các mục tiêu riêng đối với mỗi nước mà tôi không đề cập chi tiết, một trong những mục tiêu chung của chuyến đi, tuy được kể sau cùng nhưng không kém phần quan trọng, là thắt chặt quan hệ hữu nghị

của Quốc hội Việt Nam đối với cơ quan dân cử của các nước đó. Tuy hiện nay 3 nước có chế độ chính trị và trình độ phát triển khác nhau, nhưng cả ba đều đã trải qua những giai đoạn lịch sử huy hoàng mà các di sản trung bày trước mắt chúng tôi đã minh chứng rõ ràng. Những thăng trầm lịch sử của mỗi nước sẽ cung cấp cho mỗi dân tộc và cho thế giới những bài học kinh nghiệm vô cùng quý giá. Một chuyến đi tuyệt vời sau một nhiệm kỳ làm việc vất vả!

Những bài học được rút ra qua hai Khóa làm Đại biểu Quốc hội

Tôi có thể rút ra được những bài học gì qua hai Khóa làm Đại biểu Quốc hội? Trước hết, có nhiều điểm khác nhau khi tôi làm việc ở Khóa IX và ở Khóa X.

Ở Khóa IX, tôi là đại biểu kiêm nhiệm và là thành viên của Ủy ban KHCNMT. Tôi đã phải “học việc” để làm đại biểu, phải tự giải quyết các vấn đề đặt ra đối với một người đại biểu kiêm nhiệm, một mình phải gánh vác hai nhiệm vụ nặng nề mà không được xem nhẹ nhiệm vụ nào. Tôi phải tập nghe nguyện vọng của cử tri, phản ánh các nguyện vọng ấy đến Quốc hội, và phải biết bảo vệ nguyện vọng chính đáng của cử tri đã bầu cho mình để Quốc hội có những biện pháp giải quyết hữu hiệu.

Ở Khóa X, tôi là đại biểu chuyên trách, có thể dành tất cả thì giờ của mình cho hoạt động của Quốc hội. Tôi đã trải qua thời gian làm việc ở Khóa IX, cho nên tích lũy được những kinh nghiệm quý giá để thực hiện tốt hơn nhiệm vụ đại biểu của mình. Tôi tiếp tục làm thành viên của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường, nhưng cũng là thành viên của Ban lãnh đạo Ủy ban. Tôi không chỉ phải hoạt động tốt với tư cách là một thành viên, mà còn phải tham gia tổ chức công việc để tạo điều kiện cho các thành viên của Ủy ban hoạt động tốt. Nhiệm vụ nặng nề hơn, nhưng điều kiện cũng thuận lợi hơn, duy chỉ có một điều khó khăn là thỉnh thoảng tôi phải về

Lâm Đồng làm nhiệm vụ của thành viên Đoàn đại biểu Quốc hội ở địa phương nơi các cử tri đã bầu cho tôi.

Mặc dù giữa 2 Khóa có những điều kiện khác nhau, nhưng những bài học chung mà tôi đã tiếp thu được khi làm Đại biểu Quốc hội có thể kể như sau:

Phải không ngừng phát triển ý thức về vai trò quan trọng của người đại biểu Quốc hội. Chế độ dân chủ ở nước ta có thể cần có thêm những sự cải tiến, nhưng với những gì đang có, nếu mỗi Đại biểu cố gắng làm tốt hơn nhiệm vụ của mình thì vai trò của Quốc hội cũng sẽ được cải thiện một cách đáng kể.

Phải góp phần cải thiện chất lượng luật pháp. Luật phải có tính khả thi cao hơn, và muốn như vậy phải đáp ứng được một số điều kiện. *Thứ nhất*, như báo chí thường nhắc, phải đưa cuộc sống vào luật thì luật mới có khả năng giải quyết được các vấn đề của cuộc sống. *Thứ hai*, một trong những “thiên chức” của luật là hài hòa quyền lợi và nghĩa vụ của các loại đối tượng chịu sự điều chỉnh của luật, vì vậy các điều luật bao giờ cũng phải thể hiện được chức năng hài hòa này. *Thứ ba*, một điều luật càng ràng buộc thì càng phải xem xét liệu những điều kiện ràng buộc đó có khả thi hay không. Nếu không thì chỉ là duy ý chí.

Phải không ngừng tăng cường chất lượng và tính hiệu quả công tác giám sát của Quốc hội. Nhiệm vụ giám sát đang có nhiều tiến bộ theo các Khóa nối tiếp, tuy nhiên vẫn có nhiều vấn đề xã hội bức xúc nhưng Quốc hội thực hiện giám sát và đề ra những biện pháp giải quyết nhiều khi còn quá chậm hoặc quá mờ nhạt chưa đúng tầm của các vấn đề đang diễn ra. Muốn nhiệm vụ giám sát được thực hiện có chất lượng và hiệu quả và để tránh cho công việc đó mang tính hình thức, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội nên tăng cường lực lượng đại biểu chuyên trách và dựa mạnh mẽ hơn vào sự giúp đỡ của các chuyên gia; các Vụ của Văn phòng Quốc hội và các Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội nên được tăng cường

về số lượng và chất lượng để đủ sức làm chỗ dựa hiệu quả cho các Đại biểu Quốc hội, các Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội. Và điều kiện quan trọng nhất, là Quốc hội phải gần dân, Đại biểu Quốc hội phải sâu sát với dân, phải có tâm và phải để tâm đến mọi nỗi vui buồn của dân. Đó là cơ sở tốt nhất để Quốc hội thực hiện giám sát đúng tầm với nhiệm vụ giám sát của Quốc hội.

Chương IX

Thời gian sau nghỉ hưu (2003 đến nay)

Chương này nhắc lại những công việc đã làm sau khi tôi bắt đầu nghỉ từ thời điểm kết thúc nhiệm kỳ của tôi ở Quốc hội. Ngoài giai đoạn chuẩn bị nghỉ hưu, bắt đầu khi Quốc hội Khóa X chấm dứt nhiệm kỳ, giai đoạn nghỉ hưu chính thức của tôi được tính từ ngày tôi được tròn 65 tuổi. Tuy nhiên thời kỳ nghỉ hưu đúng nghĩa của tôi đã bị ngắt quãng vì một nhiệm vụ đột xuất do Ủy ban về Người Việt Nam ở Nước ngoài Thành phố Hồ Chí Minh giao cho tôi, liên quan đến Câu lạc bộ Người Việt Nam ở Nước ngoài (NVNONN), một tổ chức được TP.HCM chủ trương thành lập để thực hiện Nghị quyết số 36 của Bộ Chính trị về công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài tham gia đóng góp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Sau quãng thời gian thực hiện nhiệm vụ đó, tôi trở về Đà Lạt tiếp tục nghỉ hưu ở tuổi 70, để làm tiếp những gì tôi còn có thể làm được trong những năm tháng cuối đời.

Tuy nhiên, để cho gọn tôi sẽ chia Chương này thành ba phần: Hợp tác với Văn phòng Quốc hội; Công tác vận động NVNONN; Nghỉ hưu tại Đà Lạt. Trong phần thứ ba, sẽ phân làm hai giai đoạn: Giai đoạn 1 (Nghỉ hưu lần đầu) và Giai đoạn 2 (Nghỉ hưu lần sau) vì lý do đã trình bày trong đoạn trên.

Hợp tác với Văn phòng Quốc hội

Năm 2002, Quốc hội Khóa X kết thúc nhiệm kỳ, lúc ấy tôi được 64 tuổi. Còn 9 tháng nữa mới đến tuổi nghỉ hưu, nhưng vì không phải là đại biểu Khóa XI, cho nên từ Kỳ họp đầu tiên của Khóa này, có thể xem là tôi được chuyển sang giai đoạn nghỉ chế độ để chuẩn bị về hưu. Tôi vẫn tiếp tục sử dụng một phòng ở trong Nhà khách



*Tôi chụp hình với một số anh em lái xe của Văn phòng Quốc hội phía Nam.
Người đứng bên phải là anh Bình, lái xe cho tôi. (2002)*

của Văn phòng Quốc hội chi nhánh phía Nam tại TP.HCM, nơi tôi đã cư ngụ khi làm Phó Chủ nhiệm chuyên trách công tác ở phía Nam của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

Tôi được Văn phòng Quốc hội mời hợp tác trong một số công việc do Văn phòng tổ chức. Trước hết, tôi tham gia một số đợt giảng theo những nội dung “đặt hàng”, để đào tạo hoặc củng cố kiến thức nghiệp vụ cho các đại biểu Quốc hội Khóa mới. Cụ thể, tôi được mời giảng về “Kỹ thuật khai thác thông tin trên mạng”. Nội dung bài giảng này đã được Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp của Văn phòng Quốc hội đăng lại. Trước khi kết thúc nhiệm kỳ Khóa X, tôi đã đề xuất với Văn phòng Quốc hội nên tạo điều kiện để các Đại biểu Quốc hội sử dụng thành thạo máy vi tính và biết khai thác thông tin trên mạng. Tôi rất hài lòng vì thấy ý kiến đó được Văn phòng Quốc



Vợ chồng tôi chụp tại Sơn La (2004)

hội tiếp thu ngay từ đầu Khóa XI, qua việc trang bị cho mỗi đại biểu một chiếc máy vi tính xách tay, tổ chức đợt giảng về kỹ thuật khai thác thông tin trên mạng và giao cho tôi phụ trách giảng để phục vụ cho mục đích này.

Tôi cũng được Văn phòng Quốc hội mời giảng về một số nội dung khác, như “Kinh nghiệm cụ thể qua công tác giám sát trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và môi trường” và “Một số vấn đề liên quan đến công tác thẩm tra dự án văn bản pháp luật”.

Khi còn là Đại biểu Khóa X, tôi đã phối hợp với Văn phòng Quốc hội xây dựng một chương trình phần mềm mang tên RSVB (Rà Soát Văn Bản), nhằm hỗ trợ công việc rà soát các văn bản, so sánh chúng về mặt nội dung, góp phần bảo đảm tính đồng bộ của hệ thống pháp luật. Việc xây dựng RSVB là một sáng kiến do tôi đề xuất, được Văn phòng Quốc hội tán thành và ký hợp đồng với một Công ty Dịch vụ Phần mềm để giao cho Công ty này thực hiện, với sự giám sát của Văn phòng. Ở Khóa X, tôi đã sử dụng Chương trình RSVB làm thí điểm trong việc rà soát một số văn bản thuộc trách nhiệm của Ủy ban chúng tôi, và thấy rằng công việc rà soát, đặc biệt kiểm tra tính phù hợp của Nghị quyết so với Luật được hỗ trợ hiệu quả. Tuy nhiên, trong nhiệm kỳ Khóa X, Chương trình RSVB chưa hoàn chỉnh và cần thêm một ít thời gian để kết thúc công việc. Tôi tiếp tục cộng tác với Văn phòng Quốc hội để giúp hoàn chỉnh RSVB, nhưng sau khi tôi nghỉ hưu chính thức thì Văn phòng Quốc hội không còn liên hệ với tôi về công việc này nữa.

Có lẽ là để “thưởng” cho tôi về những hoạt động hợp tác nói trên, Văn phòng Quốc hội đã có nhã ý tổ chức cho tôi một chuyến thăm hai Tỉnh Sơn La và Điện Biên Phủ, những nơi mà tôi chưa có dịp đến thăm trong thời gian hai Khóa làm Đại biểu Quốc hội. Chuyến thăm rất bổ ích đối với tôi, vì đã cho phép tôi đến viếng những di tích lịch sử lừng danh, như Nhà tù Sơn La và nhất là Chiến trường Điện Biên Phủ.

Vận động sự đóng góp của người Việt Nam ở nước ngoài (NVNONN)

Câu lạc bộ Khoa học và Kỹ thuật NVNONN TP.HCM

Sau khi tôi chính thức nghỉ hưu được ba năm, vào giữa tháng 12/2005, tôi nhận một cuộc điện thoại từ Văn phòng của Ủy ban về NVNONN Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là Ban Việt kiều TP.HCM), cho biết Chủ nhiệm Ủy ban, anh Nguyễn Chơn Trung (Sáu Quang) cần gặp tôi về “một vấn đề quan trọng”, và mời tôi về TP.HCM để bàn công việc. Thế là tôi về Thành phố và theo lời mời, tôi đến Trụ sở của Ủy ban tại đường Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3.

Anh Sáu Quang gặp tôi về việc thành lập Câu lạc bộ Khoa học và Kỹ thuật NVNONN tại TP.HCM. Anh giải thích về ý nghĩa của việc thành lập Ban Vận động cách đây một năm, theo chủ trương của Ủy ban Nhân dân TP.HCM để hưởng ứng Nghị quyết 36 của Bộ Chính trị về vận động người Việt Nam ở nước ngoài, là một bộ phận không tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Nội dung vận động là tăng cường sự gắn bó của kiều bào với đất nước; riêng đối với chuyên gia, trí thức, là phát huy năng lực chất xám, tay nghề, kinh nghiệm và mối quan hệ với người dân nước sở tại để giúp đất nước phát triển mạnh mẽ hơn. Câu lạc bộ mà TP.HCM dự định thành lập sẽ đóng vai trò cầu nối hai chiều giữa các chuyên gia, trí thức kiều bào và cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong nước. Chìa khóa để thực hiện thành công mục đích này là xây dựng được khối đại đoàn kết rộng rãi và vững chắc của toàn dân, ở trong nước cũng như ở nước ngoài.

Anh Sáu Quang cho tôi biết kết quả đạt được sau một năm làm việc của Ban Vận động và một số khó khăn mà Ban này đã gặp phải. Ban Vận động đã liên lạc với nhiều chuyên gia, trí thức kiều bào và nhận được sự hưởng ứng của trên 130 người đồng ý tham gia Câu lạc bộ. Lẽ ra Gs.TsKH Đặng Lương Mô, Trưởng Ban Vận động sẽ

tiếp tục đảm đương trách nhiệm Trưởng Ban Điều hành khi Câu lạc bộ được thành lập và ra mắt chính thức. Nhưng anh Mô vì đang phải tập trung cho công việc chuyên môn và một số lý do khác nên không nhận lời đề nghị anh làm Trưởng Ban Điều hành.

Ủy ban về NVNONN TP.HCM tính toán cân nhắc và quyết định mời tôi về làm công việc ấy, mặc dù từ mấy năm qua, vì nghỉ hưu tại Đà Lạt, tôi đã không tham dự các sinh hoạt liên quan đến kiều bào do TP.HCM tổ chức. Có thể sự chọn lựa đó là do ý kiến tư vấn của Bs. Nguyễn Ngọc Hà, nguyên Trưởng ban Việt kiều TP.HCM, tuy đã nghỉ hưu nhưng vẫn còn giữ vai trò Cố vấn cho Ủy ban. Anh Hà từng là một cán bộ lãnh đạo chủ chốt của phong trào Việt kiều ở Pháp. Anh đã cùng tôi làm việc về vấn đề vận động chuyên gia, trí thức kiều bào trong nhiều năm ở TP.HCM. Anh đã mời tôi tham gia viết một quyển sách về vấn đề này do anh chủ biên. Tôi được anh phân công viết một chương trong quyển sách đó, là chương về công tác vận động chuyên gia, trí thức kiều bào. Sau khi tôi viết xong, anh đã sử dụng trọn vẹn chương đó. Cho nên có thể nói tôi được anh Hà tin tưởng, vì vậy sẽ không ngạc nhiên nếu anh giới thiệu tôi với anh Sáu Quang để mời làm Trưởng Ban Điều hành.

Trong thời gian ấy, ở Ủy ban Nhân dân TP.HCM, người được phân công chỉ đạo vấn đề vận động kiều bào là Phó Chủ tịch thường trực Nguyễn Thiện Nhân. Tôi đã quen biết anh Nhân từ khá lâu vì vào đầu Khóa X, chúng tôi đã cùng tham gia Đoàn đại biểu Quốc hội sang thăm Trung Quốc và cùng dự Hội nghị quốc tế về môi trường tại Quế Lâm. Ở thời điểm đó, anh Nhân là Giám đốc Sở KH-CN-MT TP.HCM. Trong giai đoạn chuẩn bị chuyển đi, chúng tôi đã cùng nhau xem lại và thống nhất ý kiến về các bản tham luận mà chúng tôi sẽ đọc ở Hội nghị. Hơn nữa, chúng tôi cũng đều là thành viên Ủy ban KH-CN-MT của Quốc hội. Cho nên khi Ủy ban về NVNONN TP.HCM đề xuất tôi làm Trưởng Ban Điều hành Câu lạc bộ, anh Nhân đã tán thành với đề nghị đó.

Anh Sáu Quang cũng đã báo cáo với Thủ tướng Phan Văn Khải để tranh thủ sự ủng hộ ở cấp cao đối với chủ trương thành lập Câu lạc bộ. Thực chất, chủ trương này là một sáng kiến của TP.HCM để hưởng ứng Nghị quyết 36, nhằm tạo điều kiện cho chuyên gia – trí thức kiều bào chủ động tham gia xây dựng và bảo vệ đất nước, trong lúc vẫn còn phải tính đến trở ngại do chưa có Luật về Hội. Vì vậy, Câu lạc bộ là một hình thức tổ chức thí điểm qua đó mọi chuyên gia, trí thức kiều bào dù chính kiến như thế nào cũng có thể tham gia đóng góp chuyên môn với tư cách là thành viên Câu lạc bộ. Thủ tướng hỏi, Câu lạc bộ sẽ giao cho ai giữ trách nhiệm? Anh Sáu Quang báo cáo dự kiến của Thành phố, và Thủ tướng nói: “Tuởng ai, chớ anh Trần Hà Anh thì tôi biết rõ lắm”.

Vậy là chủ trương thành lập Câu lạc bộ đã nhận được sự đồng tình của các cấp lãnh đạo từ trên xuống dưới, đặc biệt của lãnh đạo TP.HCM. Chủ trương của Thành phố là bước đầu Câu lạc bộ sẽ ra mắt và hoạt động với tính cách thí điểm. Ngày 28/12/2005, Hội nghị ra mắt Câu lạc bộ đã chứng kiến sự có mặt của đại diện Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Ủy ban Nhân dân TP.HCM, hàng trăm chuyên gia, trí thức kiều bào đang có mặt tại Thành phố, và đông đảo phóng viên báo chí, đài phát thanh, truyền hình. Tại Hội nghị ra mắt Câu lạc bộ, Chủ nhiệm Ủy ban về NVNONN TP.HCM đã công bố quyết định thành lập Ban Điều hành lâm thời (ĐHLT) gồm Trưởng ban và 6 Phó Trưởng ban.

Ban ĐHLT xây dựng quy chế hoạt động để thống nhất về phương thức làm việc trong Ban. Tuy nhiên, chỉ có tôi là người có thể hoạt động chuyên trách, vì các Phó Trưởng ban đều bận rộn với những công việc khác và không thể dành được nhiều thì giờ để tham gia vào công việc điều hành Câu lạc bộ. Văn phòng Câu lạc bộ được sự giúp đỡ của anh Võ Đăng Quốc, kiều bào từ Cộng hòa Liên Bang Đức về, đang tìm công việc làm ăn ở Việt Nam. Anh Quốc tình nguyện đến Văn phòng để giúp đỡ tôi trong một số công việc của Câu lạc bộ. Sự giúp đỡ đó là rất quý giá đối với tôi.

Câu lạc bộ chưa có tư cách pháp nhân vì quyết định thành lập chưa được ban hành, cho nên mọi công việc giao dịch đối ngoại của Câu lạc bộ phải thực hiện dưới danh nghĩa của Ủy ban về NVNONN. Ủy ban giao cho Phòng Kinh tế, Khoa học và Kỹ thuật hỗ trợ cho Câu lạc bộ trong các công việc giao dịch đối ngoại. Phòng này do Cô Vũ Duyên Hạnh phụ trách và cô Nguyễn Vũ Phương Vy, cán bộ của Phòng làm thư ký cho Câu lạc bộ. Ủy ban nhân dân TP.HCM cũng đã giúp cho Câu lạc bộ một khoản kinh phí để trang bị máy vi tính, mua sắm văn phòng phẩm cần thiết cho sự hoạt động của Văn phòng.

Nhờ sự giúp đỡ của nhà báo Hiếu Trung và Công ty Ngân Phương của anh Phạm Nam Hương, Câu lạc bộ đã xây dựng và đưa lên mạng một Nội san điện tử, mang tên “Trang tin Câu lạc bộ (OVS)”. Hướng về các đối tượng là kiều bào phần lớn đang sống và làm việc ở nước ngoài, chúng tôi dành thời gian chọn lọc để đưa lên Trang tin những tin tức trong nước mà bạn đọc có thể quan tâm, đồng thời cũng đưa các ý kiến của bạn đọc gửi về Văn phòng Câu lạc bộ, nếu ý kiến nêu lên có khả năng được bạn đọc quan tâm. Trang tin Câu lạc bộ khá thành công, vì số lượng bạn đọc đã phát triển nhanh chóng.

Công việc của chúng tôi ở Văn phòng Câu lạc bộ bao gồm những nội dung liên quan đến tổ chức và nhiệm vụ của Câu lạc bộ: giải quyết yêu cầu kết nối của chuyên gia – trí thức kiều bào muốn tham gia đóng góp với trong nước; giúp kết nối với chuyên gia phù hợp với yêu cầu của cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp trong nước; kết nối với các hội đoàn chuyên ngành ở trong nước cũng như ở nước ngoài để tăng sức mạnh và hiệu quả công tác của Câu lạc bộ; cuối cùng mở rộng diện liên lạc và vận động chuyên gia – trí thức kiều bào đến với Câu lạc bộ.

Năm 2007, chúng tôi được Ủy ban về NVNONN “đặt hàng” thực hiện một đề tài nghiên cứu về đặc điểm, khả năng, điều kiện cần

thiết để phát huy sự đóng góp của chuyên gia – trí thức kiều bào, và những chính sách cần ban hành để thực hiện được mục đích này. Tôi đã suy nghĩ về những vấn đề do Ủy ban về NVNONN nêu lên, và xây dựng một số bản báo cáo liên quan đến các vấn đề đã nêu. Với tư cách là Trưởng Ban ĐHLT Câu lạc bộ, tôi làm việc theo phương pháp tiếp thu và tổng hợp ý kiến của thành viên và của chuyên gia – trí thức khác. Các bản báo cáo được chuyển về Ủy ban về NVNONN để nghiên cứu và đề nghị lên Thành phố. Những ý kiến mà tôi đóng góp đã được tiếp thu, và một số đã được đưa ra áp dụng trên thực tế, đặc biệt về chính sách vận động, thu hút sự đóng góp của chuyên gia – trí thức kiều bào. Tôi rất vui vì những kết quả tích cực đã đạt được sau một thời gian khá dài, và hy vọng các ý kiến đề xuất khác của tôi sẽ được tiếp thu trong thời gian sắp tới.

Năm 2008 ở tuổi 70, tôi đề nghị Ủy ban về NVNONN cho tôi dừng công việc thường trực ở Văn phòng Câu lạc bộ, và cử người thay thế tôi trong trách nhiệm điều hành Câu lạc bộ. Tôi đã đề nghị một người thay thế tôi trong số các Phó Trưởng Ban, nhưng đề nghị đó đã không thực hiện được. Sau khi trở về Đà Lạt tiếp tục nghỉ hưu, tôi được biết Ban ĐHLT không còn hoạt động trên thực tế và mọi sinh hoạt của chuyên gia – trí thức kiều bào đều được Ủy ban về NVNONN trực tiếp tổ chức. Trang tin cũng không còn được xuất bản như thời tôi còn làm công việc thường trực.

Tóm lại, trong một thời gian 3 năm (2006-2008), Ban ĐHLT đã có những cố gắng và đạt được những kết quả nhất định trong việc vận động chuyên gia – trí thức kiều bào đóng góp tích cực hơn, để hưởng ứng Nghị quyết 36. Nhưng thí điểm của Thành phố Hồ Chí Minh được đưa ra thực hiện khi chủ trương chi tiết về nội dung và hình thức vận động chưa được thảo luận căn cơ. Thành phố chưa ban hành quyết định thành lập Câu lạc bộ, mà lại cho nó hoạt động như một thí điểm thông qua Ban ĐHLT. Câu lạc bộ ngay từ đầu chưa có đủ cơ sở pháp lý để hoạt động độc lập, mà nếu có chăng nữa thì nó cũng chỉ là một tổ chức do Ủy ban về NVNONN sáng

lập chứ không phải là một Hội của Chuyên gia – Trí thức NVNONN mà nó đã phải biến thể thành Câu lạc bộ do chưa có Luật về Hội.

Ban ĐHLT đã vận động chuyên gia – trí thức kiều bào đóng góp ý kiến theo những nội dung mà trong nước cần ý kiến đóng góp của kiều bào, như các văn kiện quan trọng (Đại hội Đảng, Nghị quyết Trung ương về Chính sách đối với Trí thức) đang trong quá trình dự thảo; góp ý kiến về một số vấn đề khác, như vấn đề tham gia của Việt Nam vào WTO; vấn đề bảo vệ môi trường khi phát triển miền Tây Nam Bộ; vấn đề phát triển đào tạo nghề; vấn đề thanh niên tham gia vào nhiệm vụ phát triển công nghệ cao; một số dự án Luật đang được chuẩn bị để đưa ra thảo luận tại Quốc hội, v.v.

Các ý kiến đóng góp của chuyên gia – trí thức kiều bào có tác dụng tích cực trên hai mặt: một là tạo điều kiện để kiều bào quan tâm và nhận thức sâu sắc hơn nữa về trách nhiệm của mình đối với các vấn đề quan trọng của đất nước; hai là tạo điều kiện để các cơ quan trong nước có hiểu biết tốt hơn về chuyên gia – trí thức kiều bào và tiếp thu những ý kiến đóng góp của kiều bào.

Tuy nhiên, Ban ĐHLT đã gặp phải những khó khăn chưa vượt qua nổi sau ba năm hoạt động (2006 – 2008).

Thứ nhất, việc xây dựng và triển khai các chính sách đối với kiều bào nói chung, chuyên gia – trí thức kiều bào nói riêng, theo tinh thần Nghị quyết 36 của Bộ Chính trị đã tiến hành quá chậm chạp. Nguyên nhân của vấn đề này là do một số tổ chức, cá nhân trong nước chưa quán triệt đầy đủ nội dung của Nghị quyết 36.

Thứ hai, việc chuẩn bị hình thành Câu lạc bộ như một thí điểm chưa thực sự căn cơ, từ đầu trong tư duy đã có hạn chế: Câu lạc bộ không nhận được quyết định thành lập trong ngày ra mắt mà chỉ có quyết định thành lập Ban Điều hành Lâm thời do Ủy ban về NVNONN mà không phải do Ủy ban Nhân dân TP.HCM ban hành.

Thứ ba, nhân sự của Ban Điều hành lâm thời gồm những nhân vật có tên tuổi trong giới chuyên gia – trí thức kiều bào, nhưng quá ít người có điều kiện dành thì giờ cho việc điều hành CLB.

Ông Nguyễn Thiện Nhân, Phó Chủ tịch thường trực TP.HCM, người đã trực tiếp chỉ đạo việc hình thành CLB đã chuyển ra Trung ương làm Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, nên không còn điều kiện thuận lợi để tác động vào việc giải quyết những khó khăn của CLB. Trong điều kiện ấy, Ban ĐHLT không thể tiếp tục tồn tại, vì không ai có thể điều hành lâu dài một Câu lạc bộ chưa bao giờ có quyết định thành lập.

Sau khi tôi trở về Đà Lạt, Ủy ban về NVNONN TP.HCM thỉnh thoảng có tổ chức những buổi sinh hoạt chuyên môn trong giới chuyên gia – trí thức kiều bào và tham khảo ý kiến của tôi trước khi tổ chức. Số buổi sinh hoạt như thế không nhiều, và sau này tôi cũng không còn được hỏi ý kiến nên không biết chúng có được tổ chức thường xuyên như trước đây hay không. Tôi chỉ biết mỗi năm, Ủy ban có tổ chức những buổi gặp mặt mừng Xuân cho kiều bào; và mỗi dịp hè có tổ chức trại hè cho con em kiều bào. Những việc làm đó đều cần thiết, nhưng so với những ước vọng từ Nghị quyết 36 thì còn quá khiêm tốn. Đây là những sự kiện gặp gỡ theo chiều rộng là chủ yếu, nhưng theo chiều sâu thì chúng ta chưa thể bằng lòng với những gì đã làm được những năm gần đây.

Tuy nhiên, có thể kể một số đóng góp về chuyên môn tiêu biểu, vẫn còn diễn ra một cách tích cực, như công tác dịch sách đào tạo nghề bởi Nhóm “Nhất nghệ tinh” (NNT) do kiều bào Đức với đầu mối là anh Phạm Nam Hương chủ trương. Nhóm NNT đã xuất bản một số ấn phẩm được người sử dụng rất hoan nghênh. Một hoạt động khác rất có ý nghĩa là việc tập hợp và gửi sách chuyên môn về giúp các thư viện trong nước, một công việc cần cù, kiên nhẫn đáng khâm phục từ mấy chục năm nay của anh Võ Tá Hân.

Một số chuyên gia – trí thức kiều bào đã hồi hương và có những đóng góp chuyên môn có giá trị. Trong số đó, một trường hợp tiêu biểu là Gs. Võ Văn Tới ở Đại học Quốc tế thuộc Đại học Quốc gia TP.HCM. Tuy nhiên, để có những thông tin chính xác về kết quả đóng góp của chuyên gia – trí thức kiều bào đã hồi hương, cần tổ chức nghiên cứu và thống kê lại nhằm rút ra những đánh giá xác đáng và những kinh nghiệm có giá trị khoa học.

Tham luận tại Hội nghị về Người Việt Nam ở nước ngoài lần 2

Sau khi nghỉ hưu được gần mười năm và dừng công việc điều hành Câu lạc bộ khoảng 4 năm, tôi được mời dự Hội nghị về Người Việt Nam ở nước ngoài lần 2 (26-30/9/2012) và được Ban tổ chức Hội nghị yêu cầu chuẩn bị một bài tham luận để đưa vào phần Chuyên đề về “Trí thức Việt Nam ở nước ngoài với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”. Vì đây là một chủ đề rất đáng quan tâm nên tôi đã để ra nhiều công sức để chuẩn bị bài tham luận. Tôi đã dành trọn 15 ngày để chuẩn bị một bản tham luận được trình bày trong 15 phút.

Sau khi xem xét bản thảo bài tham luận của tôi, Ban tổ chức đã quyết định đưa bài này vào chương trình buổi họp toàn thể của Hội nghị. Bài tham luận được tôi trình bày là bài cuối cùng trước giờ nghỉ giải lao, và tôi bất ngờ được nhiều bạn bè như GsTsKH Đặng Lương Mô, GsTsKH Nguyễn Đăng Hưng đến gặp để chúc mừng và khen ngợi bài phát biểu. Giáo sư Đặng Lương Mô đã nói với tôi: Bài của anh rất hay, mà đặc sắc nhất là anh đã nói đến tận cùng những gì có thể nói được hiện nay.

Tôi cũng đã được một số vị lãnh đạo đương chức hoặc từng giữ những chức vụ cao, như bà Trương Mỹ Hoa, Nguyên Phó Chủ tịch nước, Nguyên Phó Chủ tịch Quốc hội; ông Nguyễn Thanh Sơn, Thứ trưởng Bộ Ngoại Giao, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước về NVNONN,

đến gặp và chúc mừng tôi. Khi tôi hỏi Chị Mỹ Hoa vì sao chị chúc mừng, thì Chị đã nói: “Tôi chúc mừng anh vì sự thành công của bài phát biểu!”. Tôi rất vui vì sau khi đề nhiều công sức để chuẩn bị, cuối cùng bài phát biểu được đánh giá là thành công!

Tôi kể thêm sau đây câu chuyện về bài tham luận, để mọi người hiểu rõ hơn về sự tể nhị của môi trường hoạt động sau nghỉ hưu của tôi. Trong quá trình chuẩn bị bài tham luận, tuy dự kiến đề tôi phát biểu tại buổi họp toàn thể, song Ban Tổ chức cũng đã đề nghị tôi sửa đổi một chi tiết trong nội dung bài viết. Đó là câu: “Đối với *giới trí thức*, một trong những điều kiện phát triển là *được bảo đảm các quyền tự do, dân chủ*”, thì đã được đề nghị chuyển thành: “Đối với *người trí thức*, một trong những điều kiện phát triển là *cởi mở, dân chủ trong tư duy và trong việc công bố kết quả* của quá trình tư duy”. Tất nhiên tôi không cảm thấy thú vị lắm với đề nghị này, nhưng sau khi cân nhắc kỹ, tôi đã miễn cưỡng chấp nhận, vì sự sửa đổi đó chỉ là một điểm trong nội dung bài phát biểu còn nhiều điểm quan trọng khác. Tôi đã chấp nhận đề nghị của Ban Tổ chức để có thể đọc bài tham luận trước Hội nghị toàn thể.

Như anh Đặng Lương Mô đã nói, những nội dung tôi đã đề cập có thể xem là nằm trên một đường ranh đỏ, mà khi vượt qua nó, sẽ gây nên sự bất bình của một số người nhưng nếu đứng quá xa nó, thì sẽ không vừa lòng những người khác. Mặc dù đã được Ban Tổ chức ủng hộ, cũng như được nhiều người hoan nghênh tại Hội nghị, nhưng báo chí chính thức hầu như không đề cập đến bài tham luận của tôi trong những ngày sau Hội nghị! Chỉ có Tạp chí “Đoàn Kết” của Hội người Việt Nam tại Pháp đăng lại bài tham luận, và đăng cả bản dịch bằng tiếng Pháp của bài ấy. Một số trang Web của bạn bè, như anh Nguyễn Đăng Hưng, cũng đã đăng lại bài tham luận.

Hai năm sau, trên trang Web của nhiều vị lãnh đạo đương thời, từ Tổng Bí thư, Thủ tướng, Chủ tịch Quốc hội, các Phó Thủ tướng, Bộ trưởng, Bí thư Tỉnh ủy,... đã đồng loạt đăng bài viết của tôi

(thực chất là bài tham luận được biên tập lại) với một tựa đề sửa đổi là “Để hòa hợp dân tộc phải cố gắng bỏ lại nỗi đau quá khứ”.

Với tất cả những thuận lợi và khó khăn mà tôi đã gặp phải khi làm việc trong môi trường hoạt động như thế, tôi nghĩ mình đã phải mềm mỏng, khéo léo để có thể làm việc có hiệu quả. Anh Đặng Lương Mô, chị Trương Mỹ Hoa, khi khen bài phát biểu của tôi, có lẽ cũng chưa ngờ hết “số phận” của bài đó, nhưng nếu có niềm tin “Lẽ phải cuối cùng bao giờ cũng thắng”, thì mỗi khi phải cân nhắc chọn lựa, nên chăng chúng ta hãy kiên trì làm theo lẽ phải?

Nghỉ hưu tại Đà Lạt

Giai đoạn 1

Sau bao năm tháng làm việc cật lực để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của mình, bước vào thời kỳ hưu trí, tôi nhận thức được là mình đã sao nhãng nhiều nhiệm vụ quan trọng khác, như tham gia công việc gia đình, nuôi dạy con cháu, thậm chí chăm lo sức khỏe bản thân. Giờ đây tôi cần phải dành thì giờ để bù lại phần nào những gì mình đã không làm được trong những quãng thời gian trước. Phải dành thì giờ đi thăm con cháu hiện đang sinh sống, làm việc và học tập ở nước ngoài. Phải dành thì giờ đi du lịch ở trong nước và ở nước ngoài để có thêm hiểu biết về đất nước và thế giới. Phải có biện pháp cải thiện sức khỏe vì trong một thời gian dài tôi đã quá sao nhãng vấn đề này. Và phải dành thì giờ để làm những việc lâu nay mình muốn làm mà chưa làm được.

Vậy là tôi đưa vào thực hiện các ý tưởng “tốt đẹp” đó khi bắt đầu giai đoạn hưu trí. Như đã dự đoán, trên thực tế tôi cũng chỉ có thể làm được một phần nào thôi.

Chúng tôi đã đi thăm con cháu ở Pháp và Úc, nhưng không thể đi mãi và mỗi lần cũng không thể ở quá lâu. Các con, các cháu mỗi người đều có công việc của mình, cho nên không phải lúc nào đến

thăm chúng cũng là thuận lợi. Trong khi các con cháu đều bận công việc ở bên ngoài, thì chúng tôi ở nhà với nhau, không khác gì đang sống ở Việt Nam! Và dù có cố gắng tham gia một số công việc nhà, chúng tôi cũng không bù đắp được những gánh nặng mà sự có mặt của chúng tôi đã gây nên cho con cháu.

Chúng tôi đã thực hiện kế hoạch đi du lịch ở trong nước cũng như ở nước ngoài. Nhưng cũng chỉ có thể đi trong một phạm vi hạn chế bởi các lý do sức khỏe, tiền bạc. Vì ai cũng biết đi du lịch là rất tốn kém! Hơn nữa, nếu đi du lịch theo các tổ chức lữ hành, thì phải tuân thủ giờ giấc, kỷ luật sinh hoạt của đoàn là những áp lực quan trọng đối với người lớn tuổi, khó chịu nổi nếu là những chuyến đi lâu dài. Còn với công thức đến một nơi cố định, thuê phòng ở và sống theo nhịp sống của mình thì có thể đáp ứng được nhu cầu nghỉ dưỡng, nhưng lại không cho phép khám phá những chân trời mới như những người đi du lịch bình thường.

Các biện pháp cải thiện sức khỏe là nội dung tôi thực hiện được nhiều nhất, kiên trì nhất, và có nhiều kết quả tích cực nhất. Cải thiện sức khỏe trước hết phải nhờ vào một chế độ sinh hoạt ăn uống lành mạnh. Trong thời gian còn đi làm việc, tôi khó giữ được một nề nếp sinh hoạt hoàn toàn mẫu mực. Khi về hưu, không còn bị áp lực của nhu cầu giao tiếp, mặt khác ý thức giữ gìn sức khỏe được nâng cao, cho nên tôi có điều kiện tốt hơn để thực hiện một chế độ sinh hoạt lành mạnh, phù hợp với người lớn tuổi. Tôi không hút thuốc, không uống bia rượu mỗi ngày, và nếu thỉnh thoảng có uống khi gặp bạn bè thì cũng chỉ một cốc rượu hoặc một lon bia là tối đa, vì nếu đúng là bạn bè thì chẳng mấy ai nỡ ép một người tuổi cao uống bia rượu quá chén cả!

Biện pháp thứ hai để cải thiện sức khỏe là tập thể dục. Nếu không có gì trở ngại, mỗi ngày tôi đi bộ theo một tuyến đường cố định. Trong thời gian đầu sau khi nghỉ hưu, tôi đi mỗi ngày khoảng 4 km. Sau khi kết thân với một nhóm bạn hưu trí cùng đi chung, mỗi ngày



Hai cháu ngoại Đỗ Lâm Viên (Brian) và Đỗ Thế Vinh (Kieran), Sydney (2021)



Cháu nội Trần Hà Long Vân (2021)



Nhóm đi bộ thể dục của chúng tôi nghỉ giải lao sau buổi tập. Từ trái sang phải: các anh Nghiêu, Cường, Xuân, Sơn và tôi (2020)

tôi đi từ 5 đến 6 km. Hiện nay, ở tuổi trên 80 tôi vẫn còn khả năng đi bộ tốt, mỗi ngày tôi đi 4 km chia làm 2 phần xen kẽ với một buổi tập thể dục khoảng nửa giờ. Sau khi đi bộ và tập thể dục về, tôi thấy trong người khỏe mạnh, khoan khoái.

Với tôi, tập thể dục là một biện pháp tuyệt vời để duy trì sức khỏe. Trong thời gian mới nghỉ hưu, tôi đã thấy xuất hiện những dấu hiệu đáng lo ngại về xương khớp: mỗi lần phải leo các bậc thang, tôi thấy nhạy cảm ở khớp xương chậu. Sau một thời gian thực hiện đi bộ thể dục, tôi không còn thấy hiện tượng đó nữa. Về leo dốc, tôi cảm thấy khả năng đi đường dốc của mình được cải thiện hơn trước nhiều. Nhưng hiệu quả rõ nhất là đã đẩy lùi được bệnh tiểu đường mới khởi phát nhờ kết hợp một loạt các biện pháp, trong đó đi bộ đóng góp vai trò quan trọng nhất!

Tôi cũng quan tâm tìm hiểu về những bệnh thường xảy ra đối với những người lớn tuổi và các biện pháp để ngăn ngừa và điều trị chúng. Đặc biệt quan tâm đến mối liên hệ giữa các bệnh, với quan điểm xem cơ thể con người như một tổng thể. Tôi rất chú ý đến quan điểm ngừa bệnh hơn là trị bệnh, và một trong những phương pháp ngừa bệnh hiệu quả là sử dụng những bữa ăn cân bằng về dinh dưỡng. Thậm chí tôi cũng còn chú ý đến quan điểm sử dụng dinh dưỡng để trị bệnh, như một bác sĩ và nhà dinh dưỡng học Vương Đào người Trung Quốc đã nhấn mạnh trong quyển sách của ông mang tựa đề “Dinh dưỡng học đang bị thất truyền”.

Hiện nay, tôi sử dụng “dầu ma-giê” (Clo-rua Ma-giê - $MgCl_2$, bão hòa trong dung dịch nước), hấp thụ qua da để bổ sung Mg cho cơ thể. Thật vậy, Mg là một nguyên tố tham gia vào các en-zym cần thiết cho hoạt động của các tế bào trong cơ thể. Sau khi xoa dầu ma-giê vào những vùng da rộng trong người, tôi đi thể dục và bao giờ cũng cảm thấy mình sung sức hơn bình thường. Đây cũng là một biện pháp sử dụng dinh dưỡng để ngừa bệnh, trị bệnh và cải thiện sức khỏe mà tôi áp dụng và cảm thấy rất hiệu quả.

Giai đoạn hai

Sau khi thôi điều hành Câu lạc bộ, tôi trở về Đà Lạt và tiếp tục hưởng thụ cuộc sống của một người nghỉ hưu thực sự. Tôi dành một phần thời gian trong ngày để đọc báo mạng và theo dõi tin tức thời sự; khi tìm thấy những bài đáng quan tâm, tôi lưu chúng lại theo đề mục để nếu cần thì lấy ra tham khảo. Trong các đề mục lưu trữ, có các tài liệu về khoa học kỹ thuật, sức khỏe và dinh dưỡng, thời sự trong nước và thế giới, cùng nhiều thông tin khác.

Tôi đã tranh thủ thì giờ thực hiện một số ý định mà tôi chưa triển khai được khi còn làm việc. Tôi cũng tiếp tục thực hiện những việc đã làm trong giai đoạn một. Đi thăm con cháu, đi du lịch, kết hợp cả hai mục đích đó là những việc mà chúng tôi đã làm và vẫn tiếp

tục làm chừng nào sức khỏe còn cho phép. Cải thiện sức khỏe, tăng cường sự hiểu biết về bảo vệ sức khỏe, ngăn ngừa và điều trị bệnh là những việc mà tôi đã tích cực làm, và làm được tương đối tốt. Hy vọng với những biện pháp đó, tôi có thể duy trì được sức khỏe và sự minh mẫn của mình trong một khoảng thời gian nữa.

Xây dựng các Tập “Hồ sơ Biển Đông”

Qua mạng điện tử, đặc biệt qua nhóm Sci-Edu (Khoa học và Giáo dục) do Ts. Nguyễn Xuân Xanh chủ trương, tôi tiếp tục liên lạc với bạn bè để thăm hỏi, trao đổi ý kiến, đồng thời cũng để hiểu biết thêm về tâm tư, nguyện vọng, hoàn cảnh sinh sống của các chuyên gia – trí thức Việt Nam. Một ngày trong năm 2014, tôi nhận thư điện tử của Ts. Nguyễn Anh Tuấn, nguyên Tổng Biên tập báo điện tử Vietnamnet, hiện đang làm việc ở Harvard. Tuấn nhờ các bạn trong Nhóm Sci-Edu tìm giúp tài liệu để góp phần bảo vệ Việt Nam về mặt pháp lý trong cuộc tranh chấp ở Biển Đông. Nguyễn Anh Tuấn là người tôi đã biết trước đây, khi anh là sinh viên Khoa Toán ở Trường Đại học Đà Lạt.

Biết được nhu cầu của anh Tuấn, tôi tập hợp các tài liệu về Biển Đông bằng tiếng Việt và tiếng Anh/Pháp theo các đề mục liên quan đã lưu trữ được trong nhiều năm, và đưa chúng vào một kho lưu trữ trên mạng để hình thành các Tập “Hồ sơ Biển Đông”. Hiện nay (2021) “Hồ sơ Biển Đông” đã xây dựng được 5 Tập.

Mỗi tháng tôi thường tập hợp được 150 - 200 bài, trong đó khoảng một nửa viết bằng tiếng Việt, còn lại là các bài bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp. Tổng số các bài trong 5 Tập đã lên đến hơn 15.000 bài.

Mục đích ban đầu của “Hồ sơ Biển Đông” là để cung cấp tài liệu thông tin đa chiều cho các nhà nghiên cứu về một vấn đề nóng của thế giới và của Việt Nam chúng ta. Cá nhân tôi cũng nhờ làm công

việc tập hợp này mà có thêm điều kiện tiếp cận một vấn đề thời sự “nóng” của đất nước cũng như của khu vực.

Hợp tác chuyên môn với Ts. Trần Văn Luyến

Ngoài công việc này, tôi cộng tác với Ts. Trần Văn Luyến, cựu sinh viên Khóa I, Khoa Vật lý Trường Đại học Đà Lạt (thời tôi làm Chủ nhiệm Khoa), trước là cán bộ khoa học tại Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt, trong việc nghiên cứu một phương pháp mới chữa trị ung thư bằng đồng vị phóng xạ Mg^{28} mà tôi tin là sẽ mang tới một triển vọng tốt đẹp để chống lại căn bệnh này một cách hiệu quả. Đặc điểm cơ bản của phương pháp là bất hoạt các enzym đồng nhân tử kim loại Mg (Mg metal cofactor enzyme), vốn có vai trò xúc tác quan trọng trong việc đẩy mạnh phát triển các khối u ung thư, bằng cách chủ động thay thế kim loại Mg trong đó bằng một đồng vị phóng xạ phát β là Mg^{28} . Khi đồng vị này phân rã thì sẽ gây bất hoạt các enzym đó, tức là triệt tiêu chức năng xúc tác của nó, đồng thời hủy diệt bằng bức xạ tế bào ung thư chứa enzym đó và các tế bào ung thư ở xung quanh vị trí phân rã. Ts. Trần Văn Luyến đã gửi hai bài báo viết bằng tiếng Anh về vấn đề này đến Tạp chí chuyên ngành BioMedical, cả hai bài đã lần lượt được đăng trong các năm 2019 và 2020. Ý tưởng của anh Luyến dựa vào các kết quả nghiên cứu của nhiều tác giả trên thế giới, tuy nhiên vẫn cần được kiểm tra qua thực nghiệm trực tiếp. Anh Luyến vẫn đang tích cực vận động để tìm sự hỗ trợ của các Bộ, ngành liên quan hoặc sự hợp tác với những phòng thí nghiệm trong nước và nước ngoài.

Gặp gỡ anh em bạn bè

Khi có cơ hội gặp gỡ, tôi cùng anh em, bạn bè đi thăm các địa điểm du lịch không thiếu ở Việt Nam, và thích nhất là dành thì giờ nói chuyện với nhau về những kỷ niệm chung trong quá khứ mà một người nhắc lại cho mọi người khác nghe. Những lúc ấy chúng tôi bàng hoàng như đang thả hồn về một quãng thời gian xa xưa và



*Tôi gặp anh Sáu Quang (trái) và anh Nguyễn Xuân Xanh (phải)
tạ Bình Dương, hình do tôi chụp (2015)*

vào một khoảng không gian đã sống qua lâu rồi, tưởng chừng đã bị xóa mờ vĩnh viễn, không ngờ lại hiện về trong ký ức của mỗi người!

Trong giai đoạn hưu trí, tôi có điều kiện thì giờ rộng rãi hơn trước để duy trì mối quan hệ với những người đồng nghiệp và bạn bè cũ, thường là liên lạc với nhau bằng các phương tiện điện tử. Nhưng thích nhất vẫn là có dịp được gặp nhau trực tiếp. Tôi cũng tạo được thêm những mối quan hệ thân thiết mới từ thời làm việc ở Câu lạc bộ Khoa học và Kỹ thuật NVNONN TP.HCM, như với các anh Võ Đăng Quốc, Nguyễn Anh Tài,... Nhiều anh chị mà tôi được quen từ thời ấy đã trở thành những người bạn thân thiết của chúng tôi, như các anh chị Nguyễn Trọng Bình, Từ Trung Chấn, Bùi Minh Đức, David Trần ở Hoa Kỳ, chị Nguyễn Thị Quý ở Úc, chị Nguyễn



Vợ chồng Đắc Chí – Quế Anh về thăm quê hương và gặp lại các bạn cũ đã hồi hương tại nhà riêng anh chị ở TP.HCM (2018)

Thị Mỹ từ Úc trở về cư ngụ ở Mỹ Tho và nhiều anh chị em khác đã hồi hương ở TP.HCM.

Trong số các đồng nghiệp ở Viện Nghiên cứu Hạt nhân Đà Lạt, các anh trong Ban lãnh đạo và những cán bộ lãnh đạo cấp Trung tâm và cấp Phòng thuộc nhiều thế hệ, phần lớn đều giữ được mối quan hệ gần gũi, thân thiết với tôi. Nhưng với thời gian, một số đã qua đời sau khi nghỉ hưu, như các anh Trần Lâm, Phạm Văn Lâm, Nguyễn Thanh Bình, Trần Văn Nguyên, Trịnh Hồng Lĩnh,... đã để lại nhiều kỷ niệm và nỗi thương tiếc sâu sắc trong tôi. Tôi rất nhớ những giờ phút sống và làm việc, những niềm vui và những nỗi buồn mà chúng tôi đã chia sẻ với nhau trong nhiều năm ở Đà Lạt.

Thỉnh thoảng tôi vẫn được gặp những người còn làm việc như các anh Nguyễn Nhị Điền, Phan Sơn Hải và một số cán bộ khác mỗi

lần có dịp đến thăm Viện, hoặc những người đã nghỉ hưu như các anh Nguyễn Mộng Sinh, Nguyễn Văn Minh, Nguyễn Bách Hợp, Ngô Phú Kháng và nhiều đồng nghiệp hưu trí khác, trong những sự kiện lớn của Viện. Những người định cư ở các nơi xa Đà Lạt như các anh Phạm Duy Hiền, Ngô Quang Huy, Vũ Hải Long, Lê Văn Sơ, Bùi Văn Quyền,... thì tôi chỉ có thể liên lạc qua mạng, thỉnh thoảng chúng tôi mới được tin tức của nhau.

Ở TP.HCM, thỉnh thoảng tôi còn được gặp các đồng nghiệp cũ, như các anh Nguyễn Văn Đạt, Nguyễn Mộng Hùng, Trần Quốc Dũng, Hồ Mạnh Dũng, Trần Khắc Ân, nhiều bạn khác đã từng giữ những cương vị trách nhiệm ở Trung tâm Hạt nhân TP.HCM và Trung tâm Chiếu xạ Linh Trung, và các cán bộ khoa học và nhân viên của Trung tâm Hạt nhân TP.HCM, trong đó có các cán bộ đã làm việc trước đây tại Phòng Điện nguyên tử do tôi phụ trách.

Ở Quốc hội, trong số những người cùng làm việc với tôi trong 2 Khóa IX và X, tôi không còn giữ được liên lạc với phần lớn các đại biểu, vì trong thời gian làm việc chung, chúng tôi chưa sử dụng mạng điện tử và chỉ liên lạc với nhau qua tiếp xúc trực tiếp. Trong Ủy ban KH-CN-MT, Quốc hội Khóa X, Ban lãnh đạo có 4 người thì các anh Vũ Đình Cự và Vũ Minh Mão đã qua đời, chỉ còn chị Phạm Thị Trân Châu và tôi. Các thành viên Ủy ban thì tôi chỉ còn liên lạc được vài, ba người như các anh Nguyễn Văn Tri, Nguyễn Văn Thanh,... Trong Vụ KH-CN-MT tôi vẫn liên lạc với các anh Nguyễn Vinh Hà (sau này làm Phó Chủ nhiệm Ủy ban KH-CN-MT), Nghiêm Xuân Bạch, Lê Minh Hồng, Nguyễn Hữu Duệ, Lê Hồng, ... và các chị Lê Thị Kim Chi, Trần Ngọc Hoa,... những người đã giúp đỡ tôi rất hiệu quả trong Khóa X. Những anh chị em trong các Đoàn Đại biểu Quốc hội Tỉnh Lâm Đồng hai Khóa IX và X thì tôi có dịp gặp lại dễ dàng hơn. Tôi giữ một tình cảm ấm áp đối với các anh chị em một thời đã cùng làm việc với tôi, và rất vui mỗi lần có dịp gặp lại.

Và ở khắp nơi trên đất nước Việt Nam, tôi vẫn giữ được những

kỷ niệm sâu sắc về rất nhiều người bạn đã cùng tôi hoạt động trong 2 Khoá Đại biểu Quốc hội, những người đã chia sẻ cùng tôi một nguyện vọng và một quyết tâm phấn đấu cho nước Việt Nam ngày càng giàu mạnh hơn, tốt đẹp hơn, để đất nước ta có thể sánh vai cùng các nước tiên tiến ở khắp năm châu!

Tôi cũng đã kết thân với những bạn hữu đã định cư ở Đà Lạt, như các anh Cường, Xuân, Nghiêu, Sơn, Dũng trong nhóm Đi bộ, anh Hà Hữu Nết, nhà báo và nghệ sĩ nhiếp ảnh, anh Lâm Viên, nhà báo... Ở TP.HCM, đã kết thân với anh Nguyễn Á, nghệ sĩ nhiếp ảnh đã xuất bản được nhiều quyển an-bum hình đặc sắc.

Giữ gìn truyền thống gia đình và thực hiện di chúc Cha Mẹ

Sau gần 25 năm kể từ khi Cha Mẹ chúng tôi qua đời, tình hình anh em tôi trong gia đình “Trần Hà” vào năm 2021 có nhiều thay đổi so với cách nay trên 40 năm, lúc chúng tôi mới về nước.

Về các con, Cha Mẹ chúng tôi có 6 con trai và 2 con gái, hiện nay tất cả vẫn còn sống. Các con đều đã lập gia đình, hầu hết đã sinh con đẻ cháu. Một con rể đã qua đời, 3 con dâu đã chia tay với chồng, 2 con dâu mới đã gia nhập đại gia đình, sau khi Cha Mẹ chúng tôi qua đời. Về vị trí định cư, đa số (5/8) ở trong nước, còn lại một con trai ở Pháp và 2 con trai ở Canada.

Về các cháu, Cha Mẹ chúng tôi có tất cả 11 cháu nội (6 trai, 5 gái) phần lớn đều đã lập gia đình, với tất cả là 4 cháu dâu và 5 cháu rể (trong đó 1 đã ly dị); 5 cháu ngoại (1 trai, 4 gái), tất cả đã lập gia đình, với 1 cháu dâu và 4 cháu rể. Về vị trí định cư, ở trong nước có 3 cháu nội (1 trai và 2 gái) và 1 cháu ngoại (trai), số còn lại đang ở nước ngoài (8 cháu nội – 5 trai và 3 gái – và 4 cháu ngoại gái, tại các nước: Pháp (4), Australia (3), Canada (2), Hoa Kỳ (2), Anh (1).

Khi Cha rồi Mẹ chúng tôi qua đời, đều để lại di chúc. Vì là con trưởng, tôi được giao thực hiện những lời giáo huấn, dặn dò của Cha Mẹ. Tôi đã cố gắng làm đúng tinh thần của di chúc, mặc dù gần

đây có ý kiến mong muốn thực hiện một số thay đổi so với nội dung của văn bản này. Ý kiến đó căn cứ vào thực tế do thời gian đã trôi qua gần 25 năm, các con đều trưởng thành, các cháu thì ngày càng thêm nhiều người định cư ở nước ngoài, ở trong nước còn lại rất ít người có điều kiện quản lý được Nhà thờ họ. Vậy có nên duy trì Nhà thờ họ như Mẹ chúng tôi đã tha thiết dặn dò con cháu, để có nơi cúng giỗ chung, cũng là có nơi để anh chị em, con cháu gặp lại, cùng nhau tưởng nhớ đến tổ tiên, ông bà, cha mẹ, hay là cứ để mỗi người tự tổ chức cúng giỗ riêng? Năm 2019, tôi đã thuyết phục các em tiếp tục thực hiện đúng di chúc, nhưng áp lực của thực tế thậm chí còn mạnh hơn từ khi có đại dịch Covid-19!



Các anh em đang sống ở Việt Nam cùng cháu Thủy Tiên (con Tám Hòa) chụp cạnh bàn thờ Ông Bà và Cha Mẹ tại Nhà thờ họ ở Quận Bình Thạnh, TP.HCM (2017)



Em Miên tôi về thăm quê hương, lên Đà Lạt thăm chúng tôi và đến viếng một số địa điểm du lịch của Lâm Đồng (2018)



Hai vợ chồng Việt – Diệp về thăm Đà Lạt (2019)



Em Trần Quý Bách (Zút), cùng vợ Chung Thị Phương Thảo và con trai Trần Hà Lam Sơn ở Montreal, Canada (2012)

Chứng kiến và trải nghiệm đại dịch Covid-19, tai họa lớn của loài người

Năm 2019 và những năm sau, một số phận khắc nghiệt đã làm cho mọi người trên thế giới phải chứng kiến và trải nghiệm một tai họa ở quy mô và hậu quả chưa từng thấy trong lịch sử nhân loại: đại dịch Covid-19.

Vào cuối tháng 12 năm ấy, chúng tôi thực hiện một chuyến xuất ngoại để thăm con cháu ở Sydney (Úc). Trong khoảng thời gian ấy, đợt dịch đầu tiên khởi phát tại Vũ Hán, thuộc tỉnh Hồ Bắc của Trung Quốc. Báo chí nhanh chóng loan tin về đợt dịch và cảnh báo về tính chất nguy hiểm của loại vi-rút corona liên quan, sau này được đặt

tên là SARS-CoV-2. Tuy nhiên, trong thời gian đầu không mấy ai đoán được nó nguy hiểm đến mức nào. Trước sự bùng phát của đợt dịch nhiều người tin rằng nó rất nguy hiểm, nhưng chưa ai biết biện pháp nào là thích hợp để ngăn ngừa sự lây lan của nó trên bình diện cá nhân cũng như cộng đồng.

Chúng tôi đi thăm con cháu, dự định trở về sau 3 tháng. Trong mấy tháng đó, nạn dịch đã lây lan mạnh mẽ tới nhiều nước trên thế giới. Đến gần ngày về, các con chúng tôi, ở Pháp cũng như ở Úc, khẩn thiết khuyên chúng tôi nên hoãn lại vì thấy rõ nguy cơ lây nhiễm trong các chuyến bay đưa công dân về nước từ các tâm dịch ở châu Âu và châu Mỹ. Chúng tôi đành quyết định hoãn một tháng để tìm hiểu những vấn đề có khả năng xảy ra và chuẩn bị những biện pháp đề phòng thích hợp. Trong thời gian một tháng đó, tình hình dịch phát triển phức tạp buộc hai nước Việt Nam và Úc phải quyết định đóng cửa biên giới. Trong nhiều tháng sau đó, chúng tôi bị kẹt lại ở Úc, do không thể về theo các chuyến bay thương mại vì chúng không còn được phép hoạt động.

Cũng phải nói, điều kiện sinh sống tại nhà các con chúng tôi là rất tốt. Nhà có đủ phòng ở và nơi sinh hoạt rộng rãi cho mọi người, tuy vậy để bảo đảm an toàn, chúng tôi và gia đình các con đã áp dụng nếp sống giãn cách khi chưa ai trong nhà bị lây nhiễm. Tuy vậy, đã có hai lần báo động, một lần từ con rể và một lần từ cháu ngoại, nhưng cả hai cha con đều được xét nghiệm với kết quả âm tính. Trong khi chờ đợi kết quả xét nghiệm, chúng tôi thực hiện chế độ cách ly người “nghi bệnh” một cách chặt chẽ tại phòng ngủ riêng, người nhà mang thức ăn, nước uống đặt trước cửa phòng và bấm chuông để người “nghi bệnh” tự ra lấy mang vào phòng. Trong khi thực hiện các biện pháp phòng chống dịch, lúc nào chúng tôi cũng nhận được sự quan tâm chăm sóc đặc biệt của các con cháu.

Vì vậy sự có mặt kéo dài của chúng tôi ở Sydney không thể không gây thêm áp lực cho các con cháu. Đầu tháng 7, tôi thấy phải

quyết định đăng ký về nước theo các chuyến bay “cứu trợ” tổ chức cho công dân bị kẹt ở nước ngoài trở về. Do chúng tôi có nhiều lý do để được xếp vào loại đối tượng ưu tiên (tuổi cao, có bệnh nền, đi thăm thân nhân bị kẹt lại) nên đã được Lãnh sự quán Việt Nam ở Sydney chọn cho về trong chuyến bay sớm nhất sau khi đăng ký, giữa tháng 7/2020. Chúng tôi có một chuyến bay an toàn đến Nội Bài, và được đưa đi cách ly tập trung 14 ngày ở Vĩnh Phúc. Chúng tôi trở về Đà Lạt cuối tháng 7, tức là đã bị kẹt lại ở Úc hơn 4 tháng!

Sau khi chúng tôi về nước, từ đầu tháng 8/2020 đến cuối tháng 4/2021, ở Việt Nam đã xảy ra hai đợt dịch, với sự xuất hiện của biến thể Alpha. Nhờ áp dụng một chiến lược phòng chống dịch sáng suốt và phù hợp, các đợt dịch đều được dập tắt, với tổng số ca nhiễm và tử vong đều tương đối hạn chế. Cuộc đấu tranh phòng chống dịch Covid-19 đã cho thấy, với những phương tiện hạn chế, kết quả phòng chống dịch của Việt Nam đã thực sự thành công, tạo nên niềm tin của nhân dân và sự ngưỡng mộ của nhiều quốc gia trên thế giới. Tuy nhiên sự xuất hiện của biến thể Alpha đã cho thấy sự cần thiết phải hành động “thần tốc” trong việc phát hiện các ca nhiễm để cách ly và điều trị nếu cần, và các ca nghi nhiễm để nhanh chóng cách ly nhằm hạn chế sự phát triển của dịch.

Từ ngày 27/4/2021, đợt dịch thứ 4 xuất hiện, với một biến thể mới mang tên Delta, nguy hiểm hơn nhiều so với các biến thể được biết ở nước ta trước đó. Chỉ trong thời gian chưa đến một năm, biến thể Delta đã trở thành thống trị trên thế giới. Khi áp dụng các biện pháp chống dịch đã thành công trước đây với biến thể Alpha vào việc chống dịch do biến thể Delta, chúng ta không thể không chế được dịch. Thật vậy, cuộc chống dịch lần này giống một cuộc chạy đua, và khi sử dụng những biện pháp cũ, dù đã “thần tốc” hết sức nhưng chúng ta vẫn chưa nhanh hơn được tốc độ lây lan của dịch!

Vào khoảng tháng 7/2021, tỷ lệ tiêm chủng vắc-xin ở nước ta còn rất hạn chế so với mục tiêu miễn nhiễm cộng đồng, và thuốc điều

trị đặc hiệu để sử dụng cho các bệnh nhân Covid-19 cũng chưa xuất hiện. Bức xúc về tình hình như vậy, tôi đã tập trung phân tích các đặc tính lây nhiễm do biến thể Delta, và từ đó đề xuất một số biện pháp bổ sung để việc chống dịch có hiệu quả hơn. Kết quả nghiên cứu là một bài viết đề ngày 15/8/2021, mà tôi đã chuyển đến Quốc hội, Bộ Y tế và Ủy ban Nhân dân TP.HCM.

Sau đây là một vài ý kiến rút ra từ những suy nghĩ nói trên. Đặc tính nguy hiểm nhất của đại dịch do Delta là có tốc độ lây nhiễm rất cao và chu kỳ lây nhiễm ngắn so với dịch do nguyên thể hoặc biến thể Alpha. Như vậy, muốn hạn chế tác hại của Delta thì phải hạn chế sự lây nhiễm giữa người bị nhiễm vi-rút và những người chưa bị nhiễm. Để thực hiện mục đích này, phải thực hiện cách ly những người bị nhiễm và cách ly thêm những người nghi bị nhiễm. Con người vừa là đối tượng bị lây nhiễm, lại vừa là vector truyền vi-rút.

Việc xác định người bị nhiễm và những trường hợp tiếp xúc gần với người này phải thông qua xét nghiệm với những kỹ thuật phù hợp. Trên thực tế, những người được xét nghiệm thường là những người sống trong các khu vực có nhiều nguy cơ lây nhiễm, hoặc là những người đang được cách ly vì đã tiếp xúc gần với người được xét nghiệm dương tính. Tuy nhiên, không phải tất cả những người bị nhiễm đều có thể phát hiện qua xét nghiệm. Thật vậy, quá trình lây nhiễm bắt đầu khi một người đã bị vi-rút xâm nhập vào cơ thể với một tải lượng nhất định. Vi-rút xâm nhập vào một số loại tế bào của cơ thể và nhờ các tế bào đó giúp nó nhân bản, do vậy tải lượng vi-rút của cơ thể tăng dần, sau một thời gian sẽ vượt qua ngưỡng nhạy cảm của thiết bị xét nghiệm, có nghĩa là xét nghiệm sẽ cho kết quả dương tính. Nhưng nếu xét nghiệm được thực hiện trước thời gian này, thì kết quả sẽ là âm tính. Trong trường hợp này, người bị nhiễm sẽ không bị phát hiện trong quá trình sàng lọc.

Sau một thời gian ủ bệnh, người bị nhiễm sẽ chuyển sang giai đoạn lây nhiễm tích cực, và phụ thuộc vào thời gian đến kỳ xét

nghiệm tiếp theo là ngắn hay dài, người ấy có thể lây nhiễm cho một số ít hay nhiều người khác. Tuy nhiên, giai đoạn lây nhiễm tích cực chỉ kéo dài trong một, hai chu kỳ lây nhiễm, sau đó thì lây nhiễm sẽ giảm nhanh đến mức không đáng kể.

Trong các khu dân cư có nguy cơ lây nhiễm cao, việc cách ly người bị lây nhiễm với những người khác thường không đạt hiệu quả cao, cho nên phải xét nghiệm tất cả mọi người trong nhiều đợt xét nghiệm liên tiếp đủ gần nhau, sao cho số lượng các ca dương tính phát hiện được trong các đợt nối tiếp phải giảm dần.

Trong một cơ sở cách ly tập trung, nếu để xảy ra lây nhiễm cho nhiều người, sẽ rất nguy hiểm vì không đạt được mục tiêu cách ly. Đối với biến thể Delta, trong giai đoạn lây nhiễm, hệ số nhân người bị nhiễm có thể lên đến 5 nếu không có biện pháp thích hợp để làm hạn chế hệ số này. Biện pháp giảm số lượng người bị lây nhiễm theo thời gian ở đây cũng là tổ chức nhiều đợt xét nghiệm liên tiếp đủ gần nhau để hạn chế hệ số nhân sau mỗi kỳ xét nghiệm.

Sau khi bài viết được chuyển lên các cấp có thẩm quyền, tuy chưa nhận được hồi âm trực tiếp nhưng qua các biện pháp được Chính phủ, Bộ Y tế và Ủy ban Nhân dân TP.HCM đưa vào áp dụng, tôi thấy các ý kiến mà tôi đề nghị đã được tiếp thu trong thực tế phòng chống dịch Covid-19 ở Việt Nam và được Thủ tướng Phạm Minh Chính liệt kê như là một trong những biện pháp phòng chống dịch hiệu quả trong buổi chất vấn ngày 12/11/2021 tại kỳ họp thứ 2, Quốc hội Khóa XV.

Với khả năng lây lan mạnh mẽ trong một thế giới mà điều kiện đi lại, giao lưu ngày càng dễ dàng, Covid-19 không chỉ là một nạn dịch riêng cho một nước hay một khu vực, mà là một đại dịch ở phạm vi toàn cầu. Trong lúc đó, khả năng phòng chống dịch lại không đồng đều giữa các nước, cho nên hy vọng tiêu diệt vi-rút SARS-CoV-2 cùng một lúc trên toàn thế giới là chưa thể trở thành hiện thực. Vì khả năng phòng chống dịch không thể đồng bộ, ngay

tại những nước có khả năng thành công trong một chiến dịch chống Covid-19, thì khả năng dịch quay lại là một thực tế khó tránh khỏi. Vì vậy khả năng loài người phải sống cùng vi-rút corona, thay vì một thế giới “Không Virus” sẽ có khả năng là một sự tất yếu.

Gần đây, một số biến thể mới của SARS-CoV-2 đã lần lượt xuất hiện, và đáng lo nhất là biến thể Omicron. Dịch do Omicron có thể còn nguy hiểm hơn do Delta, vì tốc độ lây lan của nó nhanh gấp nhiều lần, nhưng mức độc hại của nó (tỷ lệ chuyển nặng và tỷ lệ tử vong) nhẹ hơn ít nhiều. Trong thời gian chỉ vài tháng, Omicron đã trở thành thống trị ở một số nước. Đợt dịch diễn ra vào cuối năm 2021 đã đạt những kỷ lục mới về số ca nhiễm, và bắt đầu vượt khả năng chống chịu của ngành y tế ở một số nơi. Những số liệu mới về đợt dịch này cho thấy lợi ích của việc tiêm đầy đủ vắc-xin đối với sự lây nhiễm, nguy cơ bệnh chuyển nặng và nguy cơ tử vong. Trong tình hình hiện nay, tiêm đầy đủ vắc-xin là cần thiết, nếu không thì không có gì đảm bảo ngành y tế sẽ chịu đựng nổi các đợt “sóng thần” của đại dịch do Omicron!

Covid-19 là một sự kiện quan trọng mà tôi được chứng kiến, trải nghiệm và góp ý kiến phòng chống trong giai đoạn cuối đời.

Chương IX này kể lại những gì xảy ra với tôi từ thời điểm bắt đầu nghỉ hưu đến nay, và kết thúc phần trung tâm của cuốn hồi ký.

Có thể vẫn là chưa đủ, nếu thời gian còn lại của tôi sẽ còn trải nghiệm những sự kiện đáng nói và tôi còn khả năng viết lại những nội dung ấy trên quan điểm của mình. Một trong những câu hỏi khó giải đáp nhất trong cuộc đời, là thời gian còn lại của mình bao giờ kết thúc? Nếu biết được chính xác câu trả lời, thì mỗi người có thể lập kế hoạch về những việc cần làm và có thể làm được trong thời gian còn lại của đời mình. Nếu thực hiện được kế hoạch đó thì mình có thể ra đi mà không còn gì phải ân hận. Nhưng khả năng này sẽ

khó xảy ra, cho dù một ngày nào khoa học có thể cho phép dự đoán thời gian còn lại đối với những người có bệnh nan y một cách chính xác hơn hiện nay. Ngay cả trong trường hợp này, cũng không thể đảm bảo là thời gian còn lại có thể dự đoán được vì nhiều sự kiện ngẫu nhiên có thể phát sinh, ảnh hưởng đến các dự đoán, làm cho thực tế khác với tính toán gọi là “khoa học”. Cho nên Chương IX vẫn có khả năng sẽ được bổ sung, nếu xuất hiện những sự kiện quan trọng đến với tôi sau này.



Ở tuổi 77, tôi bắt đầu dự thảo quyển hồi ký (2015)

Lời Kết

Khi người đọc đã đạt đến phần này, chắc hẳn đã có một ý niệm về tác giả, nhưng theo tôi sẽ có ích nếu tôi chia sẻ thêm cùng các bạn đọc ý kiến về “Tự đánh giá” và “Tự rút kinh nghiệm”, trong đó tôi muốn gửi gắm một thông điệp đến các bạn. Do vậy, Lời Kết này gồm hai phần: “Tự đánh giá” và “Tự rút kinh nghiệm”.

Khi có ý định viết quyển sách này, câu hỏi mà tôi tự đặt ra là liệu tôi có nên bắt đầu một quyển hồi ký hay không. Ở Lời Mở đầu, tôi đã lo là mình sẽ không có đủ thời gian để viết xong quyển sách. Sợ có một sự kiện bất ngờ phát sinh, ví dụ như mất hẳn trí nhớ hoặc mất một năng lực nào khác làm cho tôi không còn khả năng viết trọn quyển sách.

Hôm nay bắt đầu viết Lời Kết, tôi cảm thấy rất vui mừng. Nhận thức rằng quyển sách còn nhiều thiếu sót, tôi sẽ tiếp tục sửa chữa, bổ sung, và làm cho nó hoàn chỉnh hơn nếu điều kiện còn cho phép. Dù thế nào, trong tình trạng hiện nay, quyển sách vẫn có thể được xem là một quyển hồi ký, mà người viết dù năng lực đã giảm sút so với thời tuổi trẻ, nhưng cũng đã cố gắng nhớ và ghi lại những sự kiện quan trọng nhất của cuộc đời mình.

Với khả năng viết lách tầm thường, tôi đã phải dành một thời gian khá dài để chuẩn bị và hình thành bản thảo đầu tiên của quyển Hồi ký, song chất lượng của nó chưa thể làm hài lòng các nhà văn chuyên nghiệp. Vì vậy, tôi đã nhờ một số anh em, bạn hữu đọc bản thảo đó và góp ý giúp. Tôi xin chân thành cảm ơn các bạn đọc đã chịu khó đọc quyển sách đến cùng, và đã góp cho tôi nhiều ý kiến, cho phép bản thảo được cải thiện một bước có ý nghĩa.

Tự đánh giá

Nhìn lại cuộc đời mình từ thuở còn trẻ đến nay, có thể nói tôi là một người may mắn. Thật vậy, tôi được học hành thuận lợi ở các

cấp tiểu học và trung học; được đi du học ở một nước có nền văn hóa và khoa học kỹ thuật phát triển; được đào tạo ở cấp đại học trong một Trường Lớn có uy tín và ở cấp trên đại học trong một ngành chuyên môn mà mình ưa thích; được hành nghề theo chuyên ngành đã chọn; được trở về quê hương tiếp tục làm việc theo đúng sở trường; và được đóng góp với quê hương theo đúng lý tưởng và năng lực của mình.

Tuy không hẳn đã đạt nhiều thành tích xuất sắc, nhưng tôi cũng đã thu hoạch nhiều kết quả có ý nghĩa trong cuộc đời mình. Những kết quả đó chủ yếu nhờ vào sự cố gắng, nỗ lực liên tục hơn là dựa vào năng khiếu bẩm sinh mà tôi chỉ sở hữu ở mức bình thường như phần đông mọi người khác.

Về Học hành

Có thể nói trong phương diện học hành, tôi đã đạt được nhiều kết quả khả quan, nhưng chưa thật xuất sắc. Ở môn toán và các môn khoa học chính xác khác, tôi có thành tích học và thi cử chấp nhận được, nhưng về văn chương thì tôi chỉ bình thường. Thật vậy ở thời học cấp trung học, tôi phải vất vả mỗi khi làm một bài luận văn, và không ít lần phải mất cả hai ngày cuối tuần để chuẩn bị một bài văn cần nộp vào đầu tuần sau.

Tuy nhiên, tôi đã nhảy lớp hai lần nhờ các kỳ thi ở cuối cấp trung học, cả hai lần đều đỗ với mức “bình thứ” (assez-bien). Sau này, qua kinh nghiệm mà cuộc sống đã mang lại, tôi nghĩ rằng việc nhảy lớp là không nên, vì bên cạnh sự thỏa mãn về kết quả đạt được trước mắt, thì cái giá phải trả - về sức khỏe và về kiến thức - có thể ảnh hưởng tiêu cực đến việc phát triển về sau của mình. Tôi đã mất thêm hai năm chuẩn bị để thi đậu vào trường kỹ sư mà tôi muốn được học, xem như hoàn trả lại thời gian của hai năm nhảy lớp.

Vào Trường Polytechnique, tôi học hành chăm chỉ, tuy nhiên giữa tập thể sinh viên xuất sắc được tuyển vào trường, tôi cũng chỉ

tốt nghiệp với thứ hạng trung bình của Khóa mà thôi. Một trong những lý do của kết quả “khiêm tốn” đó là vì sức khỏe của tôi bị suy kém và nền tảng kiến thức bị hao hụt do hai lần nhảy lớp mười năm trước đó.

Về Nghề nghiệp

Trong thời gian ở Pháp, tôi lần lượt làm việc trong hai lĩnh vực: nghiên cứu khoa học trong ngành vật lý hạt cơ bản; và phân tích an toàn nhà máy điện hạt nhân. Trong tổng thời gian 18 năm làm việc, tôi đã dành 12 năm cho lĩnh vực thứ nhất, và 6 năm còn lại cho lĩnh vực thứ hai. Trong cả hai lĩnh vực công tác, tôi chủ yếu dựa vào chuyên môn riêng là vật lý học, nhưng lĩnh vực an toàn hạt nhân có những áp dụng thực tiễn cần cho sự phát triển kinh tế và khoa học kỹ thuật trước mắt của nước ta. Đó là lý do đã đưa tôi đến quyết định chuyển ngành năm 1973 khi thấy đã đến lúc tôi phải chuẩn bị cho việc hồi hương để phục vụ công cuộc tái thiết và xây dựng đất nước thời hậu chiến.

Quyết tâm về nước để trực tiếp đóng góp là một điều kiện để có thể hoàn thành nhiệm vụ mà tôi đã tự đề ra một cách nghiêm túc khi rời gia đình đi du học. Trong thời gian đó, mặc dù phải trải qua những khó khăn tưởng chừng không thể vượt nổi, nhưng tôi vẫn kiên trì bám chặt vào mệnh lệnh của quả tim mình: “Phải học thành công, để trở về phục vụ quê hương!”.

Việc chuyển ngành là một quyết định tích cực và chủ động của tôi, và trên thực tế đã giúp tôi cùng gia đình được hồi hương theo đúng sở nguyện. Tôi rất tự hào đã có một quyết định sáng suốt, giúp tôi đón đầu nhu cầu của đất nước ở thời hậu chiến, và được trở về phục vụ quê hương sau khi hòa bình lập lại. Đây là quyết định chuyển ngành đầu tiên của tôi. Sau này, tôi còn chuyển ngành thêm vài lần nữa, khi thì do tôi chủ động mà cũng có khi do quyết định của cấp trên với sự đồng ý của tôi. Ở mỗi lần định chuyển ngành,

trong thời gian ở Pháp cũng như sau khi về nước, tôi đều gặp phải những ý kiến phản đối của người này hay người khác. Và mặc cho những ý kiến phản đối đôi khi từ những người có nhiều kinh nghiệm hơn tôi trong cuộc sống, tôi vẫn kiên trì thực hiện việc chuyển ngành khi thấy việc đó là cần thiết.

Ở Pháp, khi tôi quyết định chuyển từ ngành vật lý hạt cơ bản sang lĩnh vực an toàn hạt nhân, có ý kiến cho rằng tôi đang làm việc có hiệu quả và tích lũy nhiều kiến thức và kinh nghiệm chuyên môn, lại đổi sang một công việc mới mà tôi chưa có kinh nghiệm, như thế là không hợp lý. Cũng may, trước đó quyết định chuyển ngành của tôi đã nhận được sự đồng tình và ủng hộ của những người có trách nhiệm trong nước cũng như của Phong trào Việt kiều. Nhờ vậy sau một thời gian ngắn, tôi đã trở thành một cán bộ có vị thế xứng đáng trong ngành an toàn hạt nhân của nước Pháp.

Khi tôi quyết định về nước, có ý kiến cho rằng tôi đang phụ trách công việc phân tích, đánh giá an toàn cho chương trình xây dựng nhà máy điện hạt nhân của nước Pháp, là chương trình tích cực nhất thế giới thời bấy giờ, mà lại rời bỏ công việc ấy để về phụ trách an toàn cho một lò phản ứng nghiên cứu nhỏ bé thì thật là quá lãng phí! Cũng may sau khi hồi hương khoảng trên mười năm, tôi được cử làm Viện trưởng Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt là một Viện đầu ngành của Viện Năng lượng Nguyên tử Việt Nam.

Khi sắp đến tuổi 60, tôi được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thu xếp để tôi chuyển sang làm Đại biểu Quốc hội và Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội. Lại có ý kiến cho rằng tôi rời một công việc sử dụng chuyên môn sở trường để nhận một công việc mang tính chất lập pháp, đối với tôi chỉ có thể là sở đoản, như thế là bất hợp lý! Cũng may, tôi đã làm tốt nhiệm vụ Đại biểu chuyên trách của mình ở Quốc hội. Thật ra, theo Pháp luật về Lao động thời bấy giờ, nếu tiếp tục làm việc ở Viện Nghiên

cứu hạt nhân, tôi cũng không thể tiếp tục giữ trách nhiệm Viện trưởng, vì đã quá tuổi.

Các ý kiến phản bác việc tôi chuyển ngành, theo tôi đều thể hiện sự tin tưởng về chất lượng công việc mà tôi đang thực hiện, đồng thời sự lo lắng cho tôi về khả năng thích nghi với công việc mới. Sở dĩ tôi thành công sau mỗi lần chuyển công tác là nhờ được đào tạo chuyên môn trong một trường kỹ sư đa ngành có chất lượng cao; nhờ đã trải qua kinh nghiệm nghiên cứu khoa học với học vị Tiến sĩ Khoa học; và cũng nhờ lúc nào tôi cũng hết sức cố gắng để thực hiện mọi nhiệm vụ được giao.

Về Công trình

Trong giai đoạn bắt đầu làm việc ở Pháp (khoảng 12 năm), do tính chất của công việc nghiên cứu thực nghiệm về vật lý hạt cơ bản, hầu hết những công trình khoa học mà tôi tham gia là công trình tập thể, không chỉ của một nhóm mà của nhiều nhóm thuộc nhiều quốc gia khác nhau, cùng hợp tác trong nghiên cứu để làm ra sản phẩm khoa học.

Để có những đóng góp hiệu quả và chất lượng trong một tập thể khoa học đông người, mỗi nhà khoa học phải quan tâm đến những điều kiện cần thiết để có thể đóng góp hiệu quả, và tích cực phấn đấu để đạt được những điều kiện ấy: bổ sung những kiến thức còn thiếu trong lĩnh vực chuyên môn của mình; áp dụng sáng tạo những tiến bộ khoa học và kỹ thuật vào công việc để nâng cao hiệu quả và chất lượng công tác nghiên cứu.

Tôi đã học được rất nhiều từ những đợt làm việc tập thể nhằm thảo luận và chỉnh sửa các tài liệu để gửi đi công bố, nhất là trong những năm đầu sau khi vào làm việc trong ngành. Phải cân nhắc từng câu chữ để giải thích tường tận, chính xác những gì đã quan sát được trong các đợt thí nghiệm. Làm được những điều nói trên, chất lượng nghiên cứu cũng như chất lượng của các công trình sẽ

được tăng lên, làm cơ sở cho sự phát triển vững chắc của các ngành khoa học và kỹ thuật liên quan.

Giai đoạn làm việc thứ hai của tôi ở Pháp liên quan đến lĩnh vực an toàn nhà máy điện hạt nhân. Để làm công việc phân tích an toàn phải có đầu óc phê phán, luôn cảnh giác, nghi ngờ những luận điểm được chủ đầu tư trình bày trong các báo cáo hoặc các buổi họp, từ đó có thể phát hiện được những điểm yếu có thể gây mất an toàn cho công trình. Đối với một người mới bước chân vào ngành, muốn nhanh chóng nhập cuộc, phải có một tinh thần thực sự cầu thị, phải khiêm tốn học hỏi từ những đồng nghiệp có kinh nghiệm. Cũng nhờ làm việc theo cách đó nên tôi đã nhanh chóng trở thành một chuyên gia phân tích an toàn được cấp trên tin tưởng và được các đối tác kiêng nể. Bản Báo cáo Đánh giá an toàn của Nhà máy điện hạt nhân Fessenheim là công trình đầu tiên do tôi chấp bút sau khi vào ngành. Giá trị của bản Báo cáo này đã góp phần quan trọng giúp tôi được cấp trên tin tưởng, giao trách nhiệm phụ trách Phân khúc SASCEL và được cử làm báo cáo viên chính thức của Nhóm Thường trực Lò phản ứng (GPR), chỉ hai năm sau khi gia nhập vào ngành.

Ngoài công trình này, tôi cũng đã chuẩn bị hai giáo trình về an toàn hạt nhân cho các lớp học chuyên đề, một do Viện Khoa học và Kỹ thuật Hạt nhân Grenoble (INSTN Grenoble) tổ chức; và một do Cơ quan Năng lượng Nguyên tử Quốc tế (IAEA) tổ chức tại Saclay.

Sau khi hồi hương, tôi nhanh chóng nhận trách nhiệm liên quan đến công việc chuẩn bị xây dựng ngành điện hạt nhân. Những công trình thực hiện được phần lớn là công trình tập thể của Phòng Điện nguyên tử do tôi phụ trách. Các vấn đề nghiên cứu đặt ra với Phòng Điện nguyên tử là quy hoạch điện hạt nhân đáp ứng nhu cầu điện năng phục vụ cho sự phát triển của đất nước; một số vấn đề liên quan đến công tác chọn địa điểm nhà máy điện hạt nhân đầu tiên; xây dựng đội ngũ cán bộ và chuyên viên cần thiết cho ngành năng

lượng hạt nhân; xây dựng một số chương trình tính toán để dự báo rủi ro bức xạ do những tai nạn giả định tại các cơ sở hạt nhân.

Các công trình nghiên cứu kể trên đã được Phòng Điện nguyên tử thực hiện và công bố dưới dạng Báo cáo Đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước và cấp Bộ trong thời gian những năm 80 của thế kỷ XX.

Một số kết quả nghiên cứu của chúng tôi sau này đã được sử dụng làm tài liệu tham khảo để chuẩn bị Chương trình phát triển điện hạt nhân ở nước ta và Dự án Nhà máy điện hạt nhân đầu tiên; quyết định 2 địa điểm xây dựng các nhà máy điện hạt nhân đầu tiên tại Ninh Thuận; tính toán dự báo mức độ ô nhiễm hóa chất và phóng xạ trong một số trường hợp tai nạn, sự cố giả định.

Sau khi trở lại Đà Lạt nhận trách nhiệm Phó Viện trưởng rồi Viện trưởng Viện Nghiên cứu hạt nhân, tôi đã nhận trách nhiệm chỉ đạo thực hiện hai công trình quan trọng của Viện, là Công trình Tổng kiểm tra và Đại tu Lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu IVV-9 Đà Lạt, và Công trình cải tạo hệ điều khiển và bảo vệ an toàn Lò phản ứng IVV-9. Tôi đã khá vất vả với công việc chỉ đạo 2 công trình nói trên, và cuối cùng đã hoàn thành các công trình đó nhờ sự tham gia tích cực của cán bộ chuyên môn và kỹ thuật viên của Viện, sự điều hành thông suốt của Ban Giám đốc và sự giúp đỡ nhiệt tình của các Phòng chức năng.

Khi tham gia các hoạt động của Quốc hội và Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội, tôi cũng đã góp nhiều công sức và trí tuệ để các dự án luật, các dự án công trình quan trọng quốc gia mà tôi được phân công theo dõi có được chất lượng cần thiết. Tôi cũng đã tham gia tích cực vào công tác giám sát của Quốc hội, và đã có những đóng góp có ý nghĩa vào chất lượng giám sát. Đặc biệt, tôi rất quan tâm đến việc rà soát các văn bản dưới luật để cho chúng thống nhất với nội dung luật, cho nên đã đề nghị Văn phòng Quốc hội xây dựng Chương trình Rà soát Văn bản (RSVB), để hỗ trợ cho công việc giám sát các văn bản dưới luật.

Về Sự nghiệp

Với sức khỏe tầm thường và năng lực trí tuệ không có gì đặc sắc, tôi đã có sự nghiệp học hành đạt mục đích ban đầu của tôi, mặc dù quá trình thực hiện không phải lúc nào cũng thật sự trôi chảy.

Ở vị trí của một cán bộ nghiên cứu khoa học tôi đã được đánh giá tốt về những thành tích đã đạt được trong quá trình công tác, nhờ vậy tôi liên tiếp được giao những trách nhiệm ngày càng cao hơn trong thời gian làm việc ở Pháp cũng như ở Việt Nam.

Ở Pháp, tôi đã trải qua *12 năm làm việc trong một nhóm nghiên cứu vật lý hạt cơ bản* và đã thể hiện mình với việc xây dựng Chương trình PHYPAR, giúp tăng hiệu quả làm việc của các nhà vật lý trong Nhóm. Tôi đã được giao trách nhiệm hỗ trợ hai đồng nghiệp chuẩn bị Luận án Tiến sĩ cấp 3. Cả hai đồng nghiệp đó đã bảo vệ thành công và sau đó, tiếp tục bảo vệ thành công Luận án Tiến sĩ Khoa học. Trong hai đồng nghiệp đó, một người đã trở thành nhà khoa học hàng đầu của nước Pháp về vật lý nơ-tri-nô, còn người kia đã thành một chuyên gia có uy tín trong lĩnh vực an toàn hạt nhân. Tôi cũng trải qua *5 năm làm việc trong lĩnh vực phân tích an toàn nhà máy điện hạt nhân*, và đã đạt được những thành tích nổi bật chỉ 2 năm sau khi chuyển ngành.

Ở Việt Nam, sau khi hồi hương, tôi tiếp tục *công tác trong ngành Hạt nhân*, lần lượt nhận trách nhiệm Trưởng phòng Điện nguyên tử (1978-1988), Phó Giám đốc Trung tâm Hạt nhân TP.HCM (1985-1988), Phó Viện trưởng (1988-1991) rồi Viện trưởng (1991-1997) Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt. Tôi đã phụ trách và hoàn thành hai dự án quan trọng của Viện; đã góp phần duy trì mối quan hệ tốt đẹp giữa Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt và các cơ quan cấp trên; đã sát cánh cùng các thành viên khác của Ban Giám đốc phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn chăm lo ổn định đời sống cán bộ công nhân viên của Viện. Tôi cũng đã *tham gia vào công việc của Quốc hội*: Đại biểu Quốc hội kiêm nhiệm và Thành viên của Ủy ban

Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội Khóa IX; Đại biểu Quốc hội chuyên trách và Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội Khóa X. Khi kết thúc nhiệm kỳ Quốc hội Khóa X, tôi đã được nhận Huân chương Lao động hạng 2 do Chủ tịch nước ký quyết định.

Sau 3 năm nghỉ hưu, tôi được Ủy ban về Người Việt Nam ở Nước ngoài TP.HCM mời về làm Trưởng ban Điều hành lâm thời Câu lạc bộ Khoa học và Kỹ thuật Người Việt Nam ở Nước ngoài TP.HCM. Tôi đã dành nhiều thời gian để hoàn thành một số công trình nghiên cứu về Người Việt Nam ở Nước ngoài (NVNONN) và chính sách đối với chuyên gia – trí thức NVNONN. Tuy nhiên, do quan niệm về vai trò, vị trí của NVNONN trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam cần thêm thời gian để đạt được sự thống nhất, nên các ý kiến đóng góp của tôi mới được tiếp thu một phần để đưa vào áp dụng.

Nhìn chung, sự nghiệp chuyên môn của tôi từ khi kết thúc giai đoạn du học cho đến khi nghỉ hưu có thể xem đã đạt được những thành công nhất định, nếu đối chiếu với năng lực cá nhân và môi trường hoạt động của tôi. Để thực hiện một sự đánh giá đúng đắn về giá trị của một sự nghiệp, cần có một sự nhìn nhận chính xác về năng lực cá nhân và về môi trường hoạt động.

Về năng lực cá nhân

Nói chung tôi không phải là người có năng lực cá nhân nổi bật. *Khả năng phân tích* của tôi tốt hơn đáng kể so với khả năng tổng hợp, vì vậy tôi cảm thấy thoải mái khi phải thực hiện một công việc phân tích, hơn là khi phải tổng hợp một vấn đề từ việc tiếp nhận ý kiến của nhiều người.

Năng lực tư duy của tôi thường dựa trên những lập luận lô-gic, tuy nhiên vì trí nhớ của tôi khá tầm thường, nên tôi phải ghi chép các thông tin tiếp nhận được vào sổ tay. Nếu có thì giờ để phát triển các lập luận trên cơ sở những thông tin đã ghi chép lại, tôi có thể

thúc đẩy tư duy của mình tiến thêm nhiều bước, như một người chơi cờ giỏi không thể bằng lòng với suy nghĩ theo từng nước cờ một.

Tôi cũng *không có nhiều năng lực hùng biện*, nên khi phải phát biểu trước một cử tọa đông người, tôi phải chuẩn bị trước bài nói, hay ít nhất cũng phải gạch đầu dòng các nội dung cần diễn giải. Tuy nhiên tôi biết dựa lên bài đã chuẩn bị để trình bày mạch lạc và nhờ vậy có khả năng thu hút được sự chú ý của người nghe. Gs.TsKH Vũ Đình Cự, Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội Khóa X, một lần ủy quyền cho tôi chuẩn bị và đọc bài thuyết trình của Ủy ban trước Quốc hội, đã khen ngợi cách thuyết trình của tôi là “lưu loát và hấp dẫn”!

Nói chung, với một năng lực cá nhân bình thường, tôi luôn chú ý làm thế nào để hạn chế nhược điểm và phát huy ưu điểm của mình. Nhờ phương pháp đó, tôi không để những nhược điểm lôi kéo mình đi xuống, mà ngược lại thường thể hiện tốt hơn so với năng lực cá nhân thực sự của mình.

Về môi trường hoạt động

Trong mọi hoàn cảnh và ở mọi nơi, môi trường hoạt động phụ thuộc vào những đặc tính văn hóa xã hội của địa phương, và mọi người muốn hoạt động có hiệu quả phải hiểu rõ các đặc tính này.

Khi mới sang Pháp du học, tôi ít hiểu biết về văn hóa xã hội của nước Pháp, ngoài ngôn ngữ tiếng Pháp và một ít kiến thức lịch sử, địa lý của nước Pháp mà tôi đã học vội qua đêm để chuẩn bị thi vấn đáp với mục đích lấy bằng “Bờ-rờ-vê” (Brevet - BEPC). Cho nên tôi phải tự tìm hiểu về đất nước này và những người sống ở đây. Tôi đã trải qua nhiều bài học kinh nghiệm để dần khám phá nền văn hóa và các vấn đề xã hội của nước Pháp. Sau sáu năm học tập, tôi bắt đầu đi làm việc và nhận thức được rằng vẫn còn nhiều bài học mà tôi cần trải nghiệm để hiểu sâu thêm về văn hóa, xã hội và cuộc sống, con người ở đất nước này.

Khi trở về quê hương sau hơn hai chục năm học tập, làm việc và sinh sống ở nước ngoài, tôi cũng phải thích nghi trở lại với quê hương mình. Quê hương Việt Nam trải qua những năm tháng chiến tranh khốc liệt, giành lại hòa bình nhưng chưa phải đã hoàn toàn yên ổn. Mọi người phải góp công sức để hàn gắn các vết thương chiến tranh và hơn nữa phải xoay xở để tự cứu mình và để tồn tại. Trong cuộc sống hằng ngày, nhiều người hay đùa là “nói vậy nhưng không phải vậy”. Người ít kinh nghiệm như tôi dần rồi cũng hiểu được là cùng một câu nói nhưng tùy vào đối tượng lại có thể mang những ý nghĩa khác nhau. Và để nói về cùng một vấn đề trước những đối tượng khác nhau, người ta sẽ “lựa lời mà nói” và như vậy sẽ nói với những lời lẽ khác nhau, thậm chí ảnh hưởng đến cả nội dung cần nói. Trong một xã hội như thế, đạo đức và sự trung thực thường không phải là những thứ ở thời đó được mọi người đưa lên hàng đầu để hướng dẫn hành vi, mà là sự thực dụng để được việc cho mình, cho tập thể hoặc cơ quan của mình.

Tôi phải cố gắng thích nghi với một môi trường sống như thế nếu muốn tồn tại và làm việc có hiệu quả. Tôi có thói quen là khi tiếp cận với một môi trường mới, thái độ thường có của tôi là tìm hiểu những nguyên nhân dẫn tới tình trạng như vậy thay vì mỗi khi thấy ai đó có hành vi khác với quan niệm sống của mình thì vội vàng phản đối và phê phán. Ở thời hậu chiến của những năm tôi mới về nước và trong hơn mười năm, luật pháp quốc gia và đạo đức xã hội rõ ràng là không phù hợp với thực tế của cuộc sống, cho nên người ta vừa phải cố gắng duy trì nền tảng của luật pháp và đạo đức, nhưng cũng vừa phải làm khác đi trong một phạm vi chấp nhận được. Làm khác đi là khác như thế nào? Phạm vi nào thì có thể chấp nhận được? Đó là những câu hỏi không thể trả lời bằng những văn bản pháp luật chính thức cũng như bằng các nội dung đạo đức truyền thống.

Cuộc sống đã chỉ dạy cho tôi những cách làm phù hợp, làm như thế nào để mình và tập thể mà mình phụ trách tiếp tục tồn tại nhưng mình vẫn phải tiếp tục là mình, không tự đánh mất mình. Một thí

dụ về việc cố gắng duy trì chế độ, như mỗi ngày đi công tác, chế độ cho chi bao nhiêu tiền thì không được làm khác đi, nhưng nếu số tiền đó không đủ để trang trải phí tổn cho đợt đi công tác, thì có thể “du di” một tí trên số ngày đi công tác. Cán bộ đi công tác không thể trông vào sự “du di” ấy mà giàu lên được, và hành vi đó không thể xem là tham nhũng nhưng cho phép cơ quan làm được việc, và cho phép cán bộ nhờ đó có thể tiếp tục tồn tại.

Khi trở thành Đại biểu Quốc hội, tôi dần nâng cao tầm nhìn của mình, chuyển tư duy mình ngày càng hướng về khía cạnh vĩ mô hơn. Có tư duy ở tầm vĩ mô thì mới có thể hiểu và đề ra những chủ trương có hiệu quả vĩ mô được. Nhờ tầm nhìn được nâng cao ít nhiều, tôi có thể hiểu tốt hơn tác dụng của những chủ trương, chính sách của Nhà nước nhằm giải quyết những vấn đề lớn của đất nước. Khi đề cập đến những vấn đề vĩ mô, người xây dựng chính sách cần có sự hiểu biết tốt về tình hình thực tế trong mọi lĩnh vực, và có kiến thức nhất định về các quy luật kinh tế - xã hội có liên quan. Muốn nâng cao tầm hiểu biết, người đại biểu Quốc hội phải đầu tư thời gian để học tập một số kiến thức cần thiết làm nền tảng hiểu biết để lá phiếu của mình có thêm chất lượng, phát biểu của mình ở Tổ, ở Hội trường có thêm trọng lượng.

Nhưng điều cần thiết nhất đối với người đại biểu Quốc hội là phải gần dân, hiểu dân, thấy đúng vấn đề của dân, và tích cực tham gia hóa giải các vấn đề đó. Người đại biểu Quốc hội phải là người có cái tâm. Sau khi nghỉ hưu được ít lâu, vào khoảng năm 2010, tôi tham gia cùng bà Tôn Nữ Thị Ninh, nguyên Phó Chủ nhiệm Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội Khóa XI, và một nhóm bạn hữu đầu tư suy nghĩ về việc xây dựng một Trường Đại học tiên tiến, dự định đặt tên là Đại học Trí Việt. Một vấn đề được đặt ra, là chọn một khẩu hiệu để nói lên ý định muốn đào tạo sinh viên thành những người như thế nào. Lúc ấy, tôi bỗng nghĩ ra một khẩu hiệu khá ưng ý, đó là “Trí cao, Tâm rộng, Tầm xa”, và đề nghị của tôi sau đó đã được mọi người trong nhóm nhất trí tán thành. Người đại biểu Quốc hội

như tôi trước đây cũng cần phần đầu để đáp ứng được các yêu cầu theo khẩu hiệu đó.

Tự rút kinh nghiệm

Nếu giờ lại những gì tôi đã viết trong những chương trước của quyển sách này, có thể chọn được một số nội dung tự rút kinh nghiệm của tôi để tóm tắt và ghi lại ở phần này. Sau đây là một số kinh nghiệm mà tôi cho là có ý nghĩa nhất.

Kinh nghiệm học hành và thi cử

Quá trình học hành của tôi từ cấp Trung học ở trong nước đến khi hoàn thành Luận án Tiến sĩ Khoa học ở nước ngoài có thể chia thành hai giai đoạn:

Trong giai đoạn thứ nhất từ lúc bắt đầu học cấp Trung học (1949) cho đến kỳ thi cuối cấp (1955), tôi học hành tương đối dễ dàng và kết quả có thể xem là đạt yêu cầu. Trong giai đoạn thứ hai, từ kỳ thi đó đến thời điểm kết thúc du học (1969), tôi cảm thấy học hành khó khăn, vất vả hơn và sức khỏe tôi cũng chưa đủ tốt so với yêu cầu.

Nếu trong giai đoạn học cấp Trung học, tôi đã thu ngắn được hai năm nhờ hai lần nhảy lớp, thì trong giai đoạn tiếp theo – chuẩn bị thi vào Trường Lớn – tôi đã phải mất thêm hai năm, một năm do vấn đề sức khỏe, và một năm do kém phong độ, vì trong năm học quá cố gắng nên đã kiệt sức khi đến mùa thi. Như vậy, về lợi trước mắt, mỗi lần nhảy lớp có thể giúp tôi thu ngắn thời gian học được một năm, đồng thời đem lại cho tôi một ít hãnh diện về thành tích học tập của mình, nhưng nếu nhìn suốt quá trình học tập và thi cử, thì cái mất sau đã triệt tiêu cái lợi ban đầu. Trong trường hợp cá nhân tôi, nếu chỉ tính riêng về mặt thời gian, cũng thấy thi nhảy lớp rốt cuộc là không có lợi gì.

Nhưng sau những lần thi nhảy lớp, còn có những điều bất lợi khác quan trọng hơn. Sự thật, có hai điều hại rất nghiêm trọng, đó là bị “hụt hơi” do ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe, và bị “hổng giò” do xuất hiện những “lỗ hổng” trong nền tảng kiến thức. Hai điều hại đó đã theo đuổi tôi trong suốt một thời gian dài cho đến khi kết thúc giai đoạn du học.

Nếu không thi nhảy lớp, cuộc sống của tôi đã không có những thời gian quá căng thẳng để tự học nội dung của chương trình lớp trên mà tôi chưa bao giờ được học. Tôi có thể tuân tự theo học các lớp từ thấp lên cao, và đến các kỳ thi sẽ dự thi một cách bình thường như mọi học sinh khác. Trong trường hợp đó, kết quả thi của tôi có nhiều khả năng sẽ tốt hơn.

Nếu không thi nhảy lớp, tôi đã có sức khỏe tốt hơn và nền tảng kiến thức cũng vững vàng hơn, cho phép tôi học các lớp chuẩn bị thi vào Trường Lớn có hiệu quả hơn, có thể tôi đã không mất thêm vài năm để đỗ được vào trường mà tôi mong muốn. Và sau đó, tôi tiếp tục học trường kỹ sư có hiệu quả hơn, thứ hạng tốt nghiệp sẽ cao hơn. Và tôi đã không phải vất vả trong bao nhiêu năm để có kết quả như tôi đã đạt được.

Từ kinh nghiệm về học tập và thi cử nói trên, tôi đã rút kinh nghiệm là không nên thi nhảy lớp. Kinh nghiệm của Ông Cha ta cũng đã chỉ dạy rằng: “Giục tốc bất đạt”, áp dụng cho trường hợp của tôi là hoàn toàn đúng.

Kinh nghiệm làm việc

Ở Pháp, từ khi tốt nghiệp Kỹ sư (1961) đến khi về nước (1978), tôi làm việc trong hai lĩnh vực chuyên môn có tính cách khác nhau: một là nghiên cứu khoa học, và hai là kiểm tra kỹ thuật và an toàn hạt nhân. Từ khi về Việt Nam (1978) cho đến khi nghỉ hưu (2003), tôi cũng làm việc theo hai lĩnh vực chuyên môn khác nhau: một là nghiên cứu và quản lý nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực hạt nhân,

và hai là làm Đại biểu Quốc hội, nghĩa là tham gia vào các nhiệm vụ lập hiến – lập pháp, giám sát, và quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước.

Nói chung, nếu người cán bộ được giao làm một công việc nhưng không đạt đủ yêu cầu đối với công việc ấy, kết quả việc làm sẽ không được như ý muốn, và đương nhiên người ấy phải rút kinh nghiệm. Với tất cả những loại công việc có tính cách khác nhau như tôi đã trải qua, các yêu cầu đối với bản thân tôi tất nhiên cũng khác nhau tùy theo loại công việc. Do vậy, sẽ không hợp lý nếu nêu hết mọi yêu cầu trong suốt cuộc đời hoạt động và nghĩ rằng chúng có giá trị phổ quát đối với mọi lĩnh vực. Nhưng liệu có những yêu cầu mang giá trị phổ quát đối với mọi lĩnh vực không? Tôi nghĩ là có, và đó cũng là cơ sở chung để tôi được đánh giá. Còn những yêu cầu đặc thù cho mỗi lĩnh vực thì tất nhiên phải nêu riêng cho từng lĩnh vực, nhưng ở đây tôi chỉ muốn nêu lên những yêu cầu chung cho mọi lĩnh vực. Vậy những yêu cầu phổ quát đối với mọi lĩnh vực hoạt động là gì?

Khi tìm hiểu về công việc làm

Trước hết phải biết rõ về mục đích và nội dung của công việc: công việc đó có mục đích gì, và những việc cụ thể phải làm khi thực hiện công việc là gì? Điều cần thiết nhất là phải đồng ý với mục đích công việc mình sẽ phải làm. Mình sẽ cảm thấy vô cùng hạnh phúc khi hoàn thành công việc đã nhận làm. Điều này đúng cho từng công việc cụ thể cũng như cho toàn bộ công việc phải làm khi đã nhận làm việc ở một cơ quan hay một doanh nghiệp.

Một điều khác cũng cần thiết, là phải đánh giá được khả năng mình có thể đảm nhận những công việc sẽ được giao hay không. Nếu chưa làm được ngay thì liệu trong một thời gian nhất định, mình có thể bổ sung kiến thức, kinh nghiệm để làm được những công việc mà người ta chờ đợi ở mình hay không? Mình phải đánh

một cách rất thực tế, tính đến năng lực hiện tại và sự quyết tâm học hỏi nâng cao, và tự trả lời là được hay không được. Nếu không được thì tốt hơn hết là không nên nhận công việc.

Khi bắt đầu thực hiện công việc

Vấn đề cần nhận thức là mình đang trải qua một thời kỳ mà mọi người, từ cấp trên đến các đồng nghiệp ngang cấp sẽ chú ý nhận xét xem mình làm việc như thế nào, mình là một đồng nghiệp như thế nào, hơn nữa mình là một con người như thế nào. Để có được những nhận xét thuận lợi của mọi người, không phải chỉ cần đơn thuần đến trình độ chuyên môn, mà còn những yếu tố khác nữa. Mình phải thể hiện sự thuần thực trong một số kỹ năng “mềm” mà ngày nay nếu không có, thường được xem là khó chấp nhận: ngoại ngữ, vì tính, sự bất thiệp, tính sẵn sàng giúp đỡ đồng nghiệp, v.v. Quan trọng là phải thể hiện bản lĩnh của mình trước mọi tình huống khó khăn phát sinh trong công việc. Phải tranh thủ thời gian học bổ sung, khắc phục những điểm yếu của mình để hoàn thành công việc một cách tốt hơn. Phải chú ý thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của cơ quan về kỷ luật lao động, về bảo vệ an toàn và những quy định khác.

Khi được giao trách nhiệm từ thấp đến cao

Đó là những bậc thang hướng tới sự thành đạt: điều quan trọng cần nhận thức là không được quên công lao của những người đồng nghiệp đã cùng mình đồng cam cộng khổ để đạt đến thành công trong công việc chung đó.

Khi làm việc ở cương vị trách nhiệm, công việc chính là tổ chức cho cấp dưới làm việc với mình chứ không phải là làm thay cho họ. Muốn như vậy phải tin tưởng cấp dưới, và tạo điều kiện cho họ làm được việc. Nếu thực tế chưa cho phép làm được ngay điều này, phải gấp rút làm những gì có thể để sớm chấm dứt tình trạng đó.

Người có cương vị trách nhiệm là người phải đầu tư thời gian để định hướng công việc và tìm biện pháp để hoàn thành xuất sắc các công việc thuộc trách nhiệm của mình. Người đó là người phải tổ chức phát huy sức mạnh của đơn vị do mình phụ trách, phát huy sự đoàn kết, hỗ trợ lẫn nhau, tinh thần cộng đồng trách nhiệm của mọi thành viên trong đơn vị, làm cho mọi người cùng nhau vươn lên và xóc tới. Người đó phải có ý thức và biết đối xử công bằng đối với mọi thành viên cấp dưới, biết động viên và khen thưởng những người có thành tích, biết chỉ bảo, phê phán những người phạm thiếu sót, khuyết điểm. Tuy tin cậy cấp dưới, nhưng người có cương vị trách nhiệm cần kiểm tra công việc của đơn vị, và không dễ bị ảnh hưởng bởi những báo cáo sai lệch do chủ quan hoặc vì những động cơ thiếu lành mạnh của những thành viên cấp dưới.

Trên đây là một số ý kiến liên quan đến những yêu cầu có tính phổ quát đối với mọi lĩnh vực hoạt động. Tuy nhiên, những yêu cầu mang tính đặc thù đối với từng lĩnh vực hoạt động nếu kể ra thì phải kể chi tiết, nhưng như thế không phù hợp với khuôn khổ của quyển sách này, và bản thân tôi cũng không có khả năng đề cập tới mọi lĩnh vực nghề nghiệp ngoài những lĩnh vực mà tôi đã trải nghiệm.

Tôi đã bàn đến những yêu cầu đối với một người cần làm tốt công việc để thành công trong sự nghiệp. Tuy nhiên, đó chỉ là những yêu cầu tối thiểu. Ở cuối phần “Tự đánh giá” của chương này, tôi có nói đến một khẩu hiệu đào tạo mà tôi đã từng mơ ước nơi một Trường Đại học, đó là “Trí cao, Tâm rộng, Tầm xa”. Có thể đó là những yêu cầu cơ bản để trở thành một con người đúng nghĩa, một con người có bản lĩnh, có khả năng thành công trong mọi sự nghiệp mà người ấy đeo đuổi.

Kinh nghiệm giữ gìn sức khỏe

Khi tôi được sinh ra, mẹ tôi đã gặp khó khăn để vượt cạn, mất trên mười tiếng, nên ảnh hưởng đến sức khỏe của cả hai mẹ con. Có

lẽ vì lý do đó mà trí nhớ của tôi không tốt, đặc biệt hay quên những gì cần nhớ như tôi đã nhắc tới ở phần tự nhận xét.

Ngay từ khi học cấp trung học, tôi đã nhận thức được lợi ích của sự rèn luyện sức khỏe. Tôi tập chạy nhưng thấy mình kém sức bền, khi chạy tim sớm đập nhanh, tai sớm bị ù. Các bác sĩ khuyên tôi nên chọn những môn thể thao nhẹ nhàng hơn, như đi bộ và tập thể dục.

Và tôi đã học kinh nghiệm phải làm như thế nào khi tập thể dục hoặc chơi thể thao. Cơ thể con người cần được làm nóng lên trước khi bắt nó hoạt động ở cường độ cao, nếu không thì dễ xảy ra tai nạn về cơ bắp, xương khớp, tim mạch. Để nâng cao sức bật, sức nhanh và sức bền, không thể chỉ dựa vào năng khiếu bẩm sinh, mà cần thông qua một quá trình rèn luyện lâu dài, từ nhẹ nhàng nâng dần cường độ lên ngày một cao hơn.

Tôi đã tập luyện cần mẫn trong thời kỳ du học, nhất là khi học tại Trường Polytechnique với sự hướng dẫn của huấn luyện viên chuyên nghiệp, và tiếp tục tự rèn luyện trong một số năm sau khi bắt đầu làm việc. Tuy nhiên, những năm tiếp theo, áp lực công việc đã không cho phép tôi tiếp tục tập thể dục hoặc chơi thể thao một cách đều đặn. Với thời gian, tôi mất hẳn nề nếp luyện tập thân thể.

Đến khi bắt đầu về hưu, tôi mới thấy sự sao nhãng tập luyện đã làm cho tôi mất phong độ rất nhiều, một số dấu hiệu của tuổi tác bắt đầu hiện ra. Khi đi bộ, tôi sớm bị hụt hơi mỗi lần phải đi đường dốc. Khi leo các bậc thang, tôi cảm thấy đau ở vùng xương chậu. Khi chơi bóng bàn, tôi mau mệt, chỉ có thể chơi một ván ở cường độ cao. So với những năm 40 – 55 tuổi, rõ ràng sức bền của tôi đã sa sút một cách đáng lo ngại. Tôi đã tập luyện để cố tìm lại sức khỏe thời tuổi trẻ của mình, chỉ ít để cải thiện sức khỏe trong tình trạng sa sút ở tuổi 70, trong giai đoạn hưu trí thứ 2 sau khi trở lại Đà Lạt.

Tôi đã thực hiện một chế độ tập thể dục bằng cách đi bộ hằng ngày, lúc đầu đi 4 km, sau nâng lên 5 - 6 km, theo những tuyến đường nhất định. Tôi đo thời gian cho mỗi chuyến đi, phần lớn với

tốc độ bình thường, nhưng thỉnh thoảng đi nhanh để kiểm tra sức bền của mình. Và tôi rất ngạc nhiên là ở tuổi trên 70, khả năng đi bộ của tôi vẫn có những tiến bộ đáng kể. Tôi có thể đi 5 km trong thời gian dưới 1 giờ, với tốc độ tăng dần, và khi về đến nhà không bị hụt hơi.

Hiện nay ở tuổi trên 80, tôi vẫn đi bộ hằng ngày, không nhanh được như mười năm trước, nhưng năng lực đi trên các con đường dốc ở Đà Lạt vẫn còn tốt hơn thời tôi bắt đầu luyện tập. Khi leo các bậc thang, tôi không còn thấy đau ở vùng xương chậu. Có một sự cải tiến trong chế độ đi bộ của tôi, là ở giữa tuyến đường đi bộ, tôi dừng lại và thực hiện một chương trình vận động cơ bắp, chủ yếu hướng về tay, vai, cột sống ở lưng và cổ, và các cơ bắp ở bụng. Nhờ có chương trình này, cột sống và cổ của tôi vẫn thẳng, vai vẫn dẻo không đau khi giơ tay lên cao. Tất cả chương trình đó chỉ cần thời gian tập khoảng 15 phút.

Ngoài biện pháp đi bộ mỗi ngày để duy trì sức khỏe, tôi còn dựa vào một số biện pháp để phòng bệnh và thậm chí đẩy lùi bệnh tật. Xin chia sẻ kinh nghiệm của tôi như sau:

Vào khoảng năm 2010, tôi bị một cơn suy thận cấp tính mà tôi đã thoát được nhờ sử dụng một số biện pháp mà đặc sắc nhất là dùng trà ngò (mùi) tây. Ngò tây có tác dụng rửa sạch thận và mạch máu, cho nên chức năng thận của tôi đã được phục hồi sau vài tháng, thậm chí hiện nay còn tốt hơn trước khi bị bệnh.

Năm 2014, tôi bắt đầu có dấu hiệu bị đường huyết cao, ở mức tiền tiểu đường, và được bác sĩ kê đơn cho dùng thuốc Medformin. Không lâu sau, chức năng thận của tôi lại bị giảm sút, ở mức còn nặng hơn so với 4 năm trước. Tôi tiếp tục sử dụng trà ngò tây, và một lần nữa đã thành công trong việc đẩy lùi bệnh thận.

Tôi cũng đã thành công trong việc ngăn chặn bệnh đái tháo đường và đưa đường huyết trở về mức cho phép, nhờ kết hợp đi bộ,

ăn ít tinh bột và dùng thực phẩm chức năng thay cho Medformin, trong đó vai trò của đi bộ thể dục là quan trọng nhất.

Tôi đặc biệt quan tâm đến việc bổ sung các chất dinh dưỡng trong thức ăn hằng ngày, với các thực phẩm bổ sung được cân bằng các dinh dưỡng cơ bản, để hạn chế sự thiếu hụt dưỡng chất cần thiết cho cơ thể. Một số dưỡng chất đặc biệt cần thiết cho người lớn tuổi đã được tôi chú ý thường xuyên bổ sung, như ma-giê, can-xi, omega 3, glucosamin, v.v. Nhờ những biện pháp nói trên, cho đến nay một số hiện tượng của tuổi già mỗi lần xuất hiện trên cơ thể tôi đều đã được khống chế có hiệu quả.

Tôi đã làm tốt việc bảo vệ sức khỏe ở tuổi già là nhờ những kinh nghiệm mà tôi đã tiếp thu được từ những câu chuyện của các bạn già đi bộ và tập thể dục cùng tôi, từ việc đọc sách và tham khảo các kinh nghiệm về sử dụng các chất dinh dưỡng để bảo vệ sức khỏe và thậm chí để trị bệnh được chia sẻ trên mạng, và tất nhiên từ lời khuyên và hướng dẫn của các bác sĩ đã chăm sóc sức khỏe cho tôi theo chế độ khám sức khỏe định kỳ và mỗi khi bị đau ốm.

Tôi hy vọng tình trạng sức khỏe hiện nay của tôi với kinh nghiệm giữ gìn mà tôi đã trình bày trên đây sẽ còn được duy trì ổn định trong một thời gian nữa, để tôi có điều kiện thụ hưởng đầy đủ niềm vui sống ở tuổi già trước khi đi gặp tổ tiên và những người thân của tôi nơi miền cực lạc.

Trước khi chấm dứt phần Lời Kết này, cũng là để kết thúc quyển hồi ký “Lối về Quê mẹ”, tôi xin chân thành cảm ơn nhiều bạn hữu, anh em đã đọc và góp ý kiến giúp tôi chỉnh sửa một cách đáng kể bản thảo đầu tiên.

Quý nhất đối với tôi là những lời góp ý chung về quyển sách, trong đó có một số nhận xét mà tôi hoàn toàn đồng ý nhưng tiếc là không còn đủ khả năng để tiếp thu. Ví dụ như ý kiến “quyển sách

giàu sự việc, nhưng thiếu những câu chuyện để làm cho nó thêm phần sinh động”. Lại có ý kiến cho rằng tôi “còn quá dè dặt, chưa thẳng thắn đề cập đến những vấn đề nhức nhối của xã hội”. Sự thật, tôi không có tham vọng giải quyết mọi vấn đề hiện nay của xã hội mà chỉ muốn đề cập đến những vấn đề liên quan tới nhiệm vụ trực tiếp của mình, và trong các vấn đề đó tôi vẫn phải cân nhắc đến những gì nên viết và những gì không nên viết, và viết như thế nào để giải quyết vấn đề một cách hiệu quả nhất có thể.

Có những ý kiến khác về đánh giá quyển sách, cho rằng “văn phong dễ hiểu”, “nội dung hấp dẫn”, có thể “mang đến nhiều thông tin, kinh nghiệm bổ ích, nhất là cho giới thanh niên”. Nhiều bạn đã khuyên tôi nên cho xuất bản rộng rãi quyển sách, thay vì chỉ để riêng tặng cho bạn hữu và người thân. Tôi rất biết ơn các bạn đã đánh giá tích cực về quyển sách, và sẽ nghiên cứu tiếp thu ý kiến cuối cùng này. Tuy nhiên, xin có lời bình luận như sau:

Khi những người thân quen với tác giả đọc quyển hồi ký, thường có một phản ứng giống như khi xem lại một tấm hình cũ, chụp trước đây nhiều năm. Phản ứng đó là thấy mọi người trong tấm hình cũ đẹp lên một cách bất ngờ. Cũng như vậy, những hành vi được nhắc lại trong quyển hồi ký, ngày xưa mọi người có thể xem là bình thường, nhưng nay lại được cảm nhận là những hành vi đáng kính nể! Phải chăng cái chuẩn được dùng để đánh giá đã thay đổi với thời gian và tuổi tác?

Dù vô tình hay cố ý, những sự kiện và câu chuyện được nhắc lại trong quyển hồi ký đều đã trải qua một sự chọn lọc nhất định. Tôi không thể bảo đảm rằng những gì viết trong quyển sách đã thể hiện được một cách khách quan thực tế của cuộc đời tôi, cũng như nhân vật “tôi” trong quyển hồi ký đã phản ánh được trung thực con người tôi ở ngoài đời. Nhưng biết làm sao? Nhân vật trong cuốn sách chỉ là một mô hình, và mọi người đều biết, đã là mô hình thì tốt nhất cũng chỉ là gần đúng, chứ không thể hoàn toàn đúng được!

Để kết thúc, xin chân thành cảm ơn bạn đọc đã đồng hành cùng tôi đến dòng chữ cuối cùng này. Nếu cảm tưởng tổng quát của bạn sau khi gập quyển sách lại là hài lòng vì đã cảm nhận được thông điệp từ tác giả là ích lợi, thì tôi xem như mình đã thành công. Còn nếu không phải như vậy, thì cho tôi nói một lời: xin lỗi!



Ảnh: Nghệ sĩ nhiếp ảnh Nguyễn Á

Lời Cảm ơn

Các bạn hữu của tôi

Cố Nhà văn Triệu Xuân

Ông Hà Hữu Nết, Nhà báo, Nghệ sĩ nhiếp ảnh

PGs.PTs. Nguyễn Nhị Điền, nguyên Viện trưởng Viện Nghiên cứu hạt nhân (Đà Lạt), Phó Viện trưởng Viện Năng lượng Nguyên tử Việt Nam

Ths.Nguyễn Vinh Hà, Đại biểu Quốc hội (Khóa XII, XIII, XIV), Nguyên Phó Chủ nhiệm Ủy ban KHCNMT (Khóa XIII, XIV)

Ông Nguyễn Chơn Trung, Viện sĩ, Chủ nhiệm và ông Nguyễn Nhật Thu, Phó Chủ nhiệm Ủy ban về Người Việt Nam ở Nước ngoài, TP.HCM

Gs.TsKH. Dương Tấn Nhựt, Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Khoa học Tây Nguyên

PTs. Trần Quốc Dũng, nguyên Giám Đốc Trung tâm Hạt nhân TP.HCM

Ông Mai Xuân Trung, Nguyên Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt

Ông Nguyễn Quang Tiến, Kỹ sư Trường Mines (Paris)

Ông Hoàng Văn Hùng, Kỹ sư ĐHBK (Hà Nội)

Ts. Nguyễn Xuân Xanh, Nhà nghiên cứu

Ông Nguyễn Văn Nhã, Nhà nghiên cứu, Dịch giả và nhiều bạn hữu khác

Các em tôi

Trần Hà Miên và Trần Hà Việt

đã góp ý kiến giúp tôi chỉnh sửa bản thảo quyền sách này.

Những người đã giúp đỡ về kỹ thuật:

Ông Lê Thanh Trà: Morat

Cô Trần Thị Lan: Kỹ thuật Vi tính

đã để nhiều công sức thực hiện các công việc này.

Xin tất cả nhận nơi đây lời cảm ơn chân thành của tôi!

Lối về quê mẹ

Hồi ký

TRẦN HÀ ANH

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

65 Nguyễn Du - Hà Nội

Tel & Fax: 024. 38222135

E-mail: nxbhoinhavan65@gmail.com

<http://sachvan.vn>

Chi nhánh Miền Nam

371/16 Hai Bà Trưng, Q.3, TP.HCM

Tel & fax: 028.38297915

E-mail: nxbhvn.saigon@gmail.com

Chi nhánh Miền Trung và Tây Nguyên

277 Trần Hưng Đạo - TP. Đà Nẵng

Tel: 02511.384916

E-mail: nxbhvn.mientrungtaynguyen@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng Biên tập

NGUYỄN QUANG THIỀU

Biên tập: **TRẦN HÀ ANH**

Vẽ bìa: **HÀ HỮU NÉT**

Morat: **LÊ THANH TRÀ**

In 500 cuốn, khổ 16x23,5cm, tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt, Chi nhánh Công ty TNHH MTV Trắc địa Bản đồ; ĐT: 02633 826 016, địa chỉ: 102 Yersin, Phường 10, Đà Lạt. Số xác nhận đăng ký xuất bản: 1159-2022/CXBIPH/16-27/HNV. Giấy phép xuất bản số: 331/QĐ-NXBHNV ngày 18 tháng 4 năm 2022, do Nhà xuất bản Hội Nhà văn cấp. ISBN: 978-604-368-127-7. In xong và nộp lưu chiểu quý II/2022.

TRẦN HÀ ANH

LỐI VỀ QUÊ MẸ

Hồi Ký

NHÀ XUẤT BẢN
HỘI NHÀ VĂN

“Cuốn Hồi ký này rất hay, phân về Quốc hội rất chính xác. Đọc sách, càng hiểu thêm và trân trọng Anh” - Nguyễn Vinh Hà

“Anh viết rất tốt, có nhiều câu đơn giản mà hay, chứng tỏ khả năng văn chương của anh rất tốt” - Nguyễn Nhị Điền

“Câu chuyện Anh kể rất phong phú, nên phổ biến rộng, để bạn bè cùng suy ngẫm, rút thêm kinh nghiệm” - Nguyễn Quang Tiến

“Anh có khiếu văn chương, viết giỏi lắm. Quyển sách rất thú vị, nên phổ biến, nhất là cho tuổi trẻ” - Nguyễn Xuân Xanh

“Một nhà kỹ trị điển hình: Đúng chuẩn mực, đúng quy cách, đúng quy trình, rất nghiêm cẩn, lại có những giây phút lãng mạn không ngờ” - Trần Văn Luyện